makita®

2019.04

CATALOGUE TỔNG HỢP

Danh Mục

1000	
1804N	123
1805N	123
1911B	123
2000	
2012NB	123
2107FK	99
2416S	99
2704	119
3000	
3600H	124
3612BR	124
3709	124
4000	
4100KB	99
4100NB	101
4100NH	101
4100NH2	102
4100NH3	102
4107R	102
4112HS	102
4114S	102
4131	99
4304	122
4326	121
4327	121
4328	122
4350CT	122
5000	
5012B	144
5016B	144
5103N	121
5201N	121
5806B	120
6000	
6307	87
6411	87
6412	87
6413	87
6501	87
6723DW	84
6905B	89
6905H	89
6906	89
6922NB	90
6924N	90
6951	88
9000	
9015B	106
9032	115
9035H	117
9045B	117
9067	107
9069	106
906H	112
9207SPB	115
9237C	114
9403	115
9500NB	104
9553B	104
9553NB	104
9556HB	105
9556HN	105
9556HP	105
9558HN	105
9565CVR	106
9565PZ	105
9741	115

9000	
9910	115
9924DB	115
A	
ADP05	48
ADP06	78
ADP08	79
AF201Z	136
AF301Z	136
AF353	136
AF504Z	136
AN560	136
AN760	136
AN902	136
AT1022AZ	137
AT422AZ	136
B	
BBC300LRDE	86 & 141
BHX2500	154
BML803	53
BO3710	117
BO3711	117
BO4510H	116
BO4540	116
BO4555	117
BO4556	116
BO4557	116
BO4558	116
BO4565	117
BO4566	117
BO4901	117
BO5041	115
BO6030	116
BUH550Z	86 & 149
C	
CA5000X	99
CC300DWE/CC300DZ	83
CC301DSYE/CC301DZ	73
CF100DZ	75
CF101DZ	76
CG100DSYA/CG100DZA/CG100DZB	73
CL100DZ	83
CL104DWR/CL104DWY/CL104DWYX	83
CL106FDWYW/WY/SY/SYW/Z/ZW	74
CL107FDWYW/WY/SY/SYW/Z/ZW	74
CL108FDSYW/SY/Z/ZW	74
CL111DWI/CL111DWR	83
CLX201S	69
CLX202S	69
CLX206SX1	70
CLX224S	69
CP100DSY/CP100DZ	72
CV101DZXL/ZL/ZM/ZS	78
D	
DA3010	88
DA331DWE/DA331DZ	82
DA332DSYE/DA332DZ	71
DA333DSYE/DA333DZ	71
DBO180Z	47
DCF102Z	50
DCF201Z	50
DCF300Z	50
DCG180ZB	46
DCJ205YL/XL	52
DCJ206YL/XL	52
DCL140Z	65
DCL180FRFW/SY/SYB/SYW/Z/ZB/ZW	49
DCL182FRFW/SY/SYB/SYW/Z/ZB/ZW	49

D	
DCL500Z	48
DCL501Z	49
DCM501Z	48
DCS232T	145
DCS550RME/DCS550Z	42
DCS551RMJ/DCS551Z	42
DCS6401	146
DCU180Z	57
DCV202YL/XL	78
DDA340RFE/DDA340Z	65
DDA350Z	42
DDA460ZK	14
DDF083Z	34
DDF343SYE/DDF343Z	65
DDF453SYX1/DDF453SYX6/DDF453SYE/DDF453Z	34
DDF482RFE/DDF482RAE/DDF482Z	34
DDF483RTE/DDF483RFE/DDF483Z	34
DDF484RTE/DDF484RFE/DDF484Z	34
DDF485SFE/DDF485Z	34
DF001DW	84
DF012DSE	84
DF030DWE/DF030DZ	82
DF031DSYE/DF031DZ	67
DF032DSAE/DF032DZ	67
DF033DSYE/DF033DZ	67
DF330DWE/DF330DZ	82
DF331DSAE/DF331DSYE/DF331DZ	67
DF332DSAE/DF332DZ	67
DF333DSAE/DF333DSYE/DF333DZ	68
DF347DWE/DF347DZ	85
DF457DWE/DF457DZ	85
DFJ212ZL/DFJ212ZM	51 & 77
DFJ213ZL/DFJ213ZM	51 & 77
DFJ214ZL/DFJ214ZM	52 & 77
DFS251RFE/DFS251Z	41
DFS452RME/DFS452Z	41
DFV210ZL/DFV210ZM	52 & 77
DGA402RME/DGA402Z	39
DGA404RTJ2/DGA404RME/DGA404Z	39
DGA406RTE/DGA406Z	39
DGA408RTJ1/DGA408ZX1	39
DGA413Z	39
DGA417Z	39
DGA700Z	13
DGA900Z	13
DHP343SYE/DHP343Z	65
DHP453SYX1/DHP453SYX7/DHP453SYE/DHP453Z	36
DHP482RFE/DHP482RAE/DHP482Z	35
DHP483RTE/DHP483RFE/DHP483Z	36
DHP484RTE/DHP484RFE/DHP484Z	35
DHP485SFE/DHP485Z	36
DHR165RFE/DHR165Z	38
DHR171RFJ/DHR171Z	38
DHR202SYE/DHR202Z	37
DHR241RFE/DHR241Z	37
DHR242RME/DHR242Z	37
DHR263RM2/DHR263Z	15
DHR280PT2J/DHR280Z	15
DHR282PT2J/DHR282Z	15
DHR400ZKUN	16
DHS660RFJ/DHS660Z	40
DHS661RFJ/DHS661Z	40
DHS680RMJ/DHS680Z	40
DHS710RM2J/DHS710Z	16
DJR186RFE/DJR186Z	44
DJR187RTE/DJR187Z	44
DJR188Z	44

D	
DJR360RT2/DJR360Z	13
DJS161Z	42
DJV180RFE/DJV180Z	41
DKP180Z	46
DLM380PM2	19 & 155
DLM431PT2/DLM431Z	19 & 155
DLM460PT2/DLM460Z	19 & 156
DLS111ZU	17
DLS600Z	45
DLW140Z	18
DLX2022	35
DLX2071PM1	15
DLX2161X	37
DLX2239M	16 & 32
DLX2240	35
DLX2242PM1	15 & 32
DLX2248PT1	21
DML184	54
DML186	54
DML800	54
DML801	54
DML802	53
DML803	53
DML805	54
DML807	54
DML808	53
DMR108	48 & 79
DMR200	47 & 79
DMR202	47 & 79
DP2010	87
DP4010	87
DPB180RFE	41
DPB181Z	41
DPT353Z	44
DRC200Z	49 & 126
DRT50RFX8/DRT50ZJX9/DRT50Z	45
DS4011	88
DS5000	88
DSC102Z	43
DSC191Z	43
DSC250RT/DSC250ZK	43
DSC251RT/DSC251ZK	43
DSD180Z	41
DSP600Z	17
DSP601ZU	17
DTD134RFE/DTD134Z	65
DTD137Z	65
DTD149RME/DTD149RAE/DTD149Z	31
DTD152RME/RAE/152Z	32
DTD153RTE/DTD153RFE/DTD153Z	31
DTD155RFE/DTD155Z	32
DTD170RME/DTD170Z	31
DTD171RTJ/DTD171Z	31
DTM51RFE10	42 & 110
DTP141Z	32
DTR180Z	46
DTS141RME/DTS141Z	32
DTW1001RTJ/DTW1001Z	29
DTW1002RTJ/DTW1002Z	29
DTW180RFE/DTW180Z	29
DTW181RFE/DTW181Z	29
DTW190JX3/DTW190ZJX1/DTW190RFJX	29
DTW250RME/DTW250Z	64
DTW251RME/DTW251Z	29
DTW280RME/DTW280Z	65
DTW284Z	64
DTW285RFJX/DTW285RME/DTW285Z	29

Danh Mục

D	
DTW450RME/DTW450Z	29
DUB182Z	57 & 154
DUB362Z	19 & 154
DUC254Z	55 & 144
DUC353Z	19 & 144
DUH501Z	56 & 148
DUH502Z	56 & 148
DUH601Z	56 & 148
DUH602RT/DUH602Z	56 & 148
DUH751Z	56 & 148
DUH752RT/DUH752Z	56 & 148
DUM604SY/DUM604Z	57 & 148
DUP361RM2/DUP361Z	18 & 156
DUR187URF/DUR187UZ	55 & 141
DUR189Z	55 & 141
DUR365UZ	20 & 140
DUX60Z	20 & 141
DVC260ZX5/DVC260Z	21 & 125
DVC260ZX	21 & 125
DVC261Z	22 & 125
DVC265ZX	21 & 125
DVC750LZ	50 & 126
DVC860LZ	24 & 126
DVC861LZ	24 & 126
DVC862LRT2/DVC862LZ	24 & 126
DVC863LRT2/DVC863LZ	23 & 125
DVC863LZX	23 & 125
DVC864LZX	22 & 125
DVP180RT/DVP180Z	42
DWT310ZK	14
E	
EA3201S40B	145
EA3503S40B	145
EA3601F40B	145
EA4301F45B	145
EA5600F53EX	145
EB5300TH	155
EB7660TH	155
EBH340R	142
EBH340U	142
EE2650H	142
EH6000W	149
EH7500S	150
EJ2651WHG	142
EK6101	147
EK7651H	147
EK8100WS	147
EM2500U	143
EM2550UH	142
EM3400U	143
EVH2000	156
EX2650LH	142
EY2650H25H	145
F	
FJ202DZ3L/LL/L/M	51 & 77
FJ203DZLL/L/M	51 & 77
FJ300DZ3L/LL/L/M	51 & 77
FJ301DZ3L/LL/L/M	51 & 77
FJ400DZ3L/LL/L	51 & 77
FJ401DZ3L/LL/L/M	51 & 77
FS2500	89
FS4000	89
FS6300	89
G	
GA4030/GA4030R	104
GA4031	104
GA4032	104

G	
GA4034	104
GA4040	105
GA4040C	105
GA5010	107
GA5020	107
GA5030R	105
GA6010	107
GA6020	107
GA7020R01	107
GA7030/GA7030R	106
GA7050	107
GA7060	106
GA7061R	108
GA9020R01	108
GA9030/GA9030R	108
GA9050	106
GA9060	108
GA9061R	108
GB602	113
GB801	113
GD0600	112
GD0601	112
GD0602	112
GD0603	112
GD0800C	112
GD0801C	112
GD0810C	112
GS5000	113
GV6010	113
GV7000	113
GV7000C	113
H	
HG5030K	137
HG6003	138
HG6030K	137
HG6500	138
HM0810/HM0810A	96
HM0810T/HM0810TA	96
HM0870C	96
HM0871C	96
HM1201	96
HM1203C	97
HM1213C	97
HM1214C	97
HM1306	97
HM1307C	97
HM1317C	97
HM1810	97
HM1812	97
HP1630	90
HP2050	90
HP2051	90
HP2070	90
HP330DWE/HP330DZ	82
HP331DWAX8/SAE/SYE/Z	68
HP332DSAE/HP332DZ	68
HP333DSAE/HP333DSYE/HP333DZ	68
HP347DWE/HP347DZ	85
HP457DWE/HP457DZ	85
HR140DSAE1/SAE/SYE/Z	69
HR166DSMJ/SAE1/SAJ/Z	69
HR1830	93
HR1840J/HR1841FJ	93
HR2230	93
HR2300	93
HR2460/HR2460F	93
HR2470/HR2470F	93

H	
HR2600	95
HR2601	95
HR2630	93
HR2630T	94
HR2631FX5	94
HR2650	94
HR2651	94
HR2651T	94
HR2810	95
HR3200C	95
HR3210C	95
HR3530	95
HR4002	95
HR4013C	96
HR4030C	95
HR4511C	96
HR5212C	96
HS0600	120
HS300DZ	83
HS301DSAE/HS301DSYE/HS301DZ	73
HS6600	120
HS7010	120
HS7600	120
HTR7610	149
HW101	150
HW102	150
HW111	150
HW1200	150
HW1300	150
J	
JN1601	101
JN3201	101
JR102DZ	83
JR105DSAE/JR105DSYE/JR105DZ	73
JR3050T	121
JR3060T	121
JR3070CT	121
JS1601	99
JS1602	101
JS3201	101
JV0600K	122
JV100DZ	83
JV101DSAE/JV101DSYE/JV101DZ	69
JV103DSYJ/JV103DZ	69
JV143DZ	85
JV183DZ	85
K	
KP0800X	122
L	
LC1230	100
LD030P	138
LD050P	138
LD080P	138
LH1040	119
LS0815FL	118
LS1016	118
LS1018L	118
LS1019L	118
LS1030N	118
LS1040	118
LS1216	118
LS1219L	119
LW1400	101
LW1401	101
M	
ML101	84
ML102	84

M	
ML103	76
ML104	76
ML105	76
ML106	76
MLT100	119
MP100DZ	75
MR051	84
MR052	79
MUH355G	149
N	
N1900B	123
N3701	124
N5900B	120
N9500N	104
NHP1300S	90
P	
PC5000C	113
PC5010C	113
PJ7000	123
PLM4631N2	156
PM7650H	156
PO5000C	114
PT354DSAJ/PT354DSYJ/PT354DZ	74
PV7001C	114
R	
RBC411U	143
RBC413U	143
RP0900	124
RP1800	124
RP1801	124
RP2301FC	124
RT0700C	123
S	
SD100DSYJ/SD100DZ	71
SG1251J	102
SK102Z	139
SK103PZ	139
SK104Z	140
SK105DZ/SK105GDZ	79 & 139
SK106DZ/SK106GDZ	80 & 139
SK209GDZ	80 & 139
SK312GDZ	80 & 139
SP6000	119
T	
TD0100	88
TD0101/TD0101F	88
TD022DSE	84
TD090DWE	82
TD091DZ	82
TD110DSAE/TD110DSYE/TD110DZ	67
TD111DSAJ/TD111DZ	67
TL064DSYE/TL064DZ	70
TL065DSYJ/TL065DZ	70
TM3000C	110
TM3010CX14	110
TM30DSYEX4/SYE/Z	71 & 110
TW0200	89
TW0350	89
TW060DSYE/TW060DZ	72
TW1000	90
TW100DWE/TW100DZ	82
TW140DSAE/TW140DSYE/TW140DSYEX/TW140DZ	72
U	
UB1103	137 & 154
UB360DZ	86 & 154
UC3041A	144
UC4041A	144

Danh Mục

U	
UC4051A	144
UC4551A	145
UH201DSY/UH201DZ	81 & 149
UH353DSY/UH353DZ	81 & 149
UH650DWB	86 & 149
UM600DSYE/UM600DZ	81 & 149
UR100DWYE/UR100DZ	81 & 141
UT1305	88
UT2204	88
V	
VC1310LX1	126
VC2510LX1	126
VC3210LX1	126
VC3211M	127

Biểu tượng

- Cách điện kép
- Hãm bằng điện
- Kiểu đảo chiều quay
- 2 tốc độ cơ
- 2 tốc độ điện tử
- 3 tốc độ điện tử
- 4 tốc độ điện tử
- Đầu cặp không khoá
- Tự động trượt 9 cấp độ
- Tự động trượt 16 cấp độ
- Tự động trượt 18 cấp độ
- Tự động trượt 20 cấp độ
- Tự động trượt 21 cấp độ
- Chuôi gài SDS-PLUS
- Chuôi gài SDS-MAX
- Chuôi lục giác17mm
- Chuôi lục giác 21mm
- Chuôi lục giác 28.6mm
- Chuôi lục giác 30mm
- Cơ cấu giới hạn lực mô-men xoắn
- Nhiều tốc độ
- Ổn định tốc độ điện tử
- Khởi động êm
- Cắt nghiêng
- Cắt nghiêng trái 45°
- Cắt nghiêng 45° trái, phải
- Cắt nghiêng 45° trái, 5° phải
- Cắt quỹ đạo
- Lưỡi cưa lọng, chuôi kiểu Makita
- Lưỡi cưa lọng, chuôi kiểu lưỡi lê
- Dẫn hướng bằng tia laser
- Nhám dính dạng gai và xù
- Điều chỉnh độ sâu
- Liên tục hoặc đều đặn
- Đinh dây
- Tấm cách âm
- Bộ lọc đầu vào
- Cơ chế bảo vệ bề mặt làm việc
- Chống rung
- Tự động tra dầu
- Phanh xích
- Bơm kích nổ
- Đánh lửa điện tử
- Bộ đánh lửa của tụ điện
- Van giảm áp
- Giảm áp tự động
- Khởi động nhanh
- Bình chứa bằng inox
- Ống tuần hoàn
- Dây không tĩnh điện
- Hệ thống hút bụi
- Có đèn
- Hộp gỗ
- Hộp đựng đồ
- 4 chế độ
- Mã QR » Xem video hướng dẫn
- Đáp ứng tiêu chuẩn khí thải Châu Âu

DỤNG CỤ DÙNG PIN T. 12

MÁY KHOAN / MÁY VẶN VÍT, SIẾT BU LÔNG T. 87

MÁY KHOAN / MÁY ĐỤC BÊ TÔNG T. 91

MÁY CẮT T. 99

MÁY MÀI / MÁY CHÀ NHÁM T. 103

MÁY CƯA T. 118

MÁY BÀO / MÁY PHAY T. 122

MÁY HÚT BỤI & CÁC LOẠI MÁY KHÁC T. 125

MÁY SỬ DỤNG NGOÀI TRỜI T. 140

Nhà sản xuất dụng cụ điện hàng đầu thế giới

A world's leading manufacturer of power tools

Thành lập năm 1915 là công ty sửa chữa và kinh doanh các động cơ điện, Công ty Makita đã phát triển thành nhà sản xuất dụng cụ điện cầm tay hàng đầu Nhật Bản cũng như trên toàn thế giới.

Trụ sở toạ lạc tại Anjo, gần Nagoya, Công ty Makita thiết kế, sản xuất và cung cấp cho thị trường nhiều chủng loại dụng cụ điện cầm tay. Các sản phẩm chính của Makita gồm máy cưa đĩa, máy cưa lọng, máy bào, máy khoan, búa khoan, máy mài, và máy chà nhám.

Ngoài ra, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng, Công ty còn cung cấp các loại máy gia công gỗ cố định, các dụng cụ khí nén, các dụng cụ làm vườn và các thiết bị dùng trong nhà.

Độ tin cậy và chất lượng không nổi bật của dụng cụ điện này và các sản phẩm khác - đã đánh thức khả năng tiềm tàng về nghiên cứu và phát triển sức mạnh của Công ty, từ đó giúp cho các sản phẩm của Makita tìm được sự tin cậy từ khách hàng khắp nơi trên thế giới.

Ngoài mạng lưới trong nước bao gồm Tổng Công ty, các nhà máy sản xuất Ichinomiya và hơn 100 văn phòng kinh doanh, Makita còn đẩy mạnh các hoạt động toàn cầu thông qua các công ty trực thuộc khắp nơi trên thế giới. Với mục tiêu trở thành nhà cung ứng tin cậy trên toàn cầu của sản phẩm dụng cụ điện cầm tay hoàn hảo cũng như các sản phẩm liên quan khác, cùng với chính sách sản xuất các sản phẩm gần gũi với khách hàng, Makita hiện đang sản xuất các dụng cụ điện cầm tay và các thiết bị khác nhiều các cơ sở sản xuất đặt tại nước ngoài.

NHẬT BẢN
Công ty Makita Nhật Bản

NHẬT BẢN
Nhà máy Makita Nhật Bản tại Okazaki

HOA KỲ
Nhà máy Makita Hoa Kỳ

VƯƠNG QUỐC ANH
Nhà máy Makita Vương Quốc Anh

RUMANI
Nhà máy Makita Rumani

ĐỨC
Nhà máy Makita Đức

BRAXIN
Nhà máy Makita Braxin

TRUNG QUỐC
Nhà máy Makita Trung quốc

TRUNG QUỐC
Nhà máy Makita Trung Quốc tại Kunshan

THÁI LAN
Nhà máy Makita Thái Lan

HỆ THỐNG NẠP ĐIỆN TỐI ƯU

Sạc nhanh tối ưu

Cần phải làm nguội pin trước khi bắt đầu sạc khi pin còn nóng sau khi sử dụng

Quạt tích hợp lưu thông không khí qua pin trước khi bắt đầu sạc và trong quá trình sạc để làm mát pin giúp thời gian sạc nhanh hơn.

Bộ sạc pin tối ưu của Makita kết nối với bộ vi mạch tích hợp trê pin trong suốt quá trình sạc để tối ưu hóa tuổi thọ pin bằng các chủ động kiểm soát dòng điện, điện áp và nhiệt độ.

Hệ thống nạp điện tối ưu
Luồng khí làm mát

Sạc nhanh

Phương pháp nạp điện truyền thống
Tản nhiệt tự nhiên

Thời gian chờ để sạc

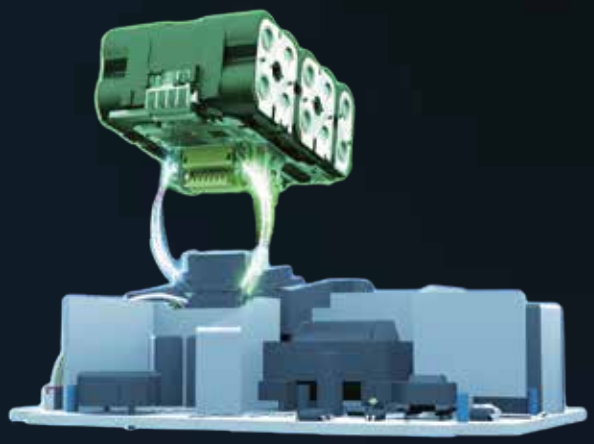

Nạp điện tối ưu

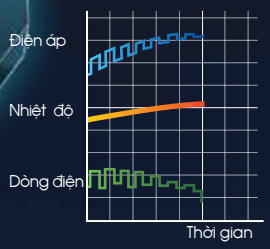

Phương pháp nạp điện truyền thống

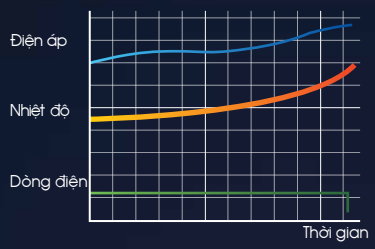

Nhẹ hơn 40 %

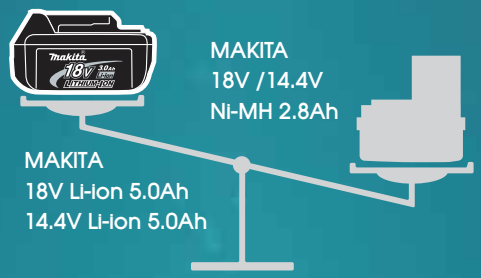

Duy trì sự bền chắc

Đầu nối nhiều điểm tiếp xúc làm giảm điện trở và gia tăng sự kết nối ổn định, chịu đựng được sự rung động. Làm ổn định dòng điện cung cấp cho thiết bị.

Chức năng bảo vệ pin

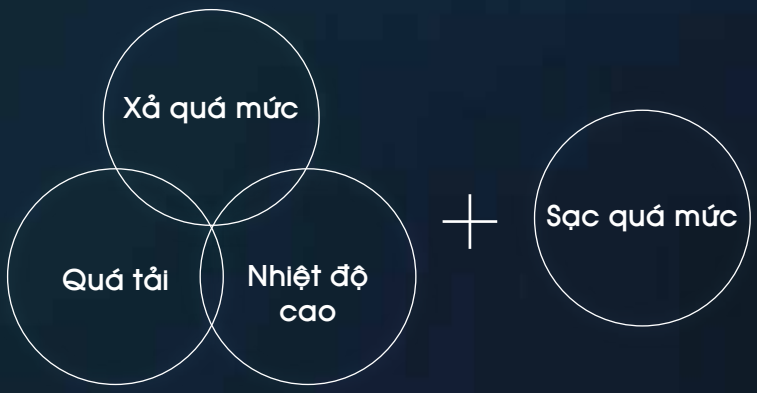

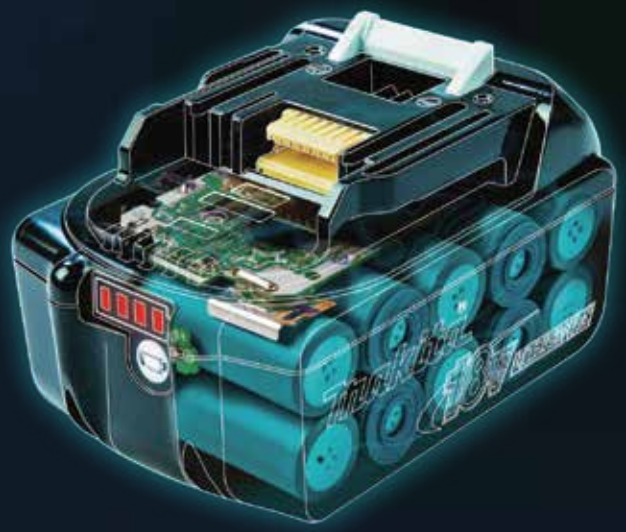

Chức năng này là công nghệ truyền thông cho phép máy và pin theo dõi các điều kiện và trao đổi dữ liệu trong thời gian thực tế để bảo vệ chống quá tải, xả quá mức và quá nóng.

Nạp điện bất kỳ lúc nào
Không ảnh hưởng bộ nhớ
Không yêu cầu xả pin

Giảm sốc
Khối vững chắc

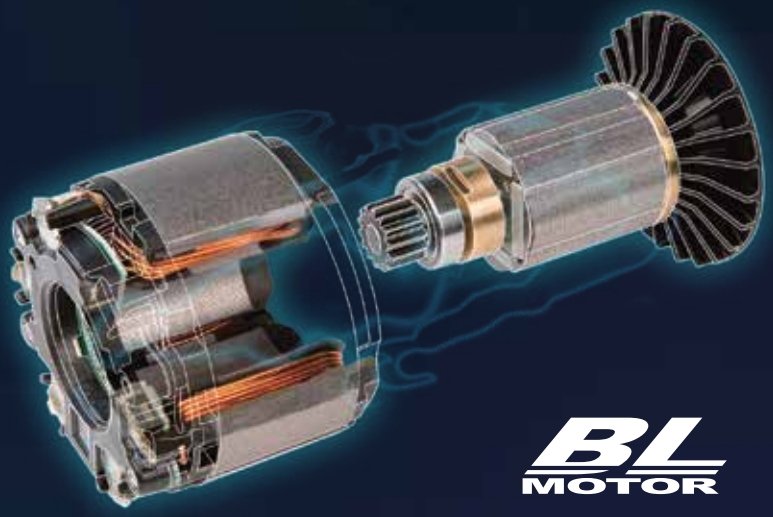

Động cơ không chổi than

Động cơ không chổi than do Makita chế tạo giúp loại bỏ chổi than, cho phép động cơ chạy mát hơn và hiệu quả hơn, tuổi thọ cao hơn. Động cơ không chổi than được điều khiển điện tử sử dụng hiệu quả năng lượng để đáp ứng mô-men xoắn và vòng tua phù hợp với nhu cầu thay đổi của công việc.

BL MOTOR

Dòng pin sạc LXT

DC18RC

DC18RD

Sạc nhanh 2 cổng

DC18RE

Sạc nhanh dùng cho cả 18V & 12V

DC18SF
* Trừ BL1430A

DC18SH

DC18SD

Sạc đa năng 2 cổng

DC18SE
(Chỉ dùng sạc trên xe hơi)

PIN LI-ION & BIỂU ĐỒ THAM CHIẾU THỜI GIAN NẠP ĐIỆN TƯƠNG THÍCH

36V Lithium-ion

Đối với người sử dụng có pin 36V thì có thể sử dụng các máy dùng pin 18Vx2 bằng BCV01, BCV02 hoặc BCV03

Hệ thống nạp điện nhanh

2.6Ah — BL3626 (194873-2) 8,110,000 VND

Thời gian sạc 22 phút

cho BL3626 — DC36RA (194869-3) 3,720,000 VND

BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN BCV01 (195510-1)

Đối với người sử dụng có 2 bộ pin 18V (BL1830) thì có thể sử dụng các máy dùng pin 36V bằng BCV01, BCV02 hoặc BCV03

18V x 2 — cho những công cụ được cấp nguồn bằng 2 pin 18V

Không thể dùng cho máy BBC231U / BBC300L

BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN BCV02 (195848-4)

BCV03 (196809-7)

Ổ CẮM PIN BAP36N (195310-9)

Cho phép tách pin khỏi máy để giảm trọng lượng máy giúp giảm mỏi tay

36V — cho các dụng cụ được cấp nguồn bằng 1 pin 36V

Không thể dùng cho máy BBC231U / BBC300L

36V Lithium-ion

12.0 Ah

Loại đeo vai — BL36120A 32,780,000 VND

DC18RC (195584-2) 2,170,000 VND

DC18RE (Dùng cho cả 18V & 12V max) (198444-7) 2,750,000 VND

DC18RD (Sạc nhanh 2 cổng) (196933-6) 3,250,000 VND

DC18SF (196426-3) 4,710,000 VND

*Ngoại trừ BL1430A

DC18SD (194534-4) 1,690,000 VND

DC18SE (194621-9) (Chỉ dùng sạc trên xe hơi) 2,170,000 VND

	18V Lithium-ion	14.4V Lithium-ion			
6.0 Ah	BL1860B (197422-4) (Hiển thị mức pin) 2,940,000 VND	BL1460B (197709-4) (Hiển thị mức pin) 2,850,000 VND	55 phút Sạc nhanh	130 phút (1 - 2 pin) 260 phút (3 - 4 pin)	130 phút
5.0 Ah	BL1850B (197280-8) (Hiển thị mức pin) 2,350,000 VND		45 phút Sạc nhanh	110 phút (1 - 2 pin) 220 phút (3 - 4 pin)	110 phút
4.0 Ah	BL1840B (197265-4) (Hiển thị mức pin) 1,960,000 VND	BL1440 (196386-9) 2,910,000 VND	36 phút Sạc nhanh	90 phút (1 - 2 pin) 180 phút (3 - 4 pin)	90 phút
3.0 Ah	BL1830B (197599-5) (Hiển thị mức pin) 1,530,000 VND	BL1430B (197615-3) (Hiển thị mức pin) 1,440,000 VND	22 phút Sạc nhanh	60 phút (1 - 2 pin) 120 phút (3 - 4 pin)	60 phút
2.0 Ah	BL1820B (197254-9) (Hiển thị mức pin) 1,430,000 VND		24 phút Sạc nhanh	45 phút (1 - 2 pin) 90 phút (3 - 4 pin)	45 phút
1.5 Ah	BL1815N (196235-0) 1,400,000 VND	BL1415N (196877-0) 1,860,000 VND	15 phút Sạc nhanh	30 phút (1 - 2 pin) 60 phút (3 - 4 pin)	30 phút
1.3 Ah	BL1815 (194513-2) 1,810,000 VND	BL1415 (194558-0) 1,690,000 VND	15 phút Sạc nhanh	30 phút (1 - 2 pin) 60 phút (3 - 4 pin)	30 phút

	Mã	Loại Makpac	Hình ảnh Makpac	Pin	Sạc
5.0 Ah	MKP3PT182 (197629-2) 7,930,000 VND	Loại 3 (821551-8) (KT: 395x295x210)	Hình ảnh: MKP1RF182 (197952-5)	BL1850B	DC18RD
5.0 Ah	MKP1RT182 (197624-2) 6,850,000 VND	Loại 1 (821549-5) (KT: 395x295x105)		BL1850B	DC18RC
4.0 Ah	MKP1RM182 (197494-9) 6,070,000 VND			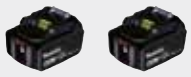 BL1840B	DC18RC
3.0 Ah	MKP1RF182 (197952-5) 5,220,000 VND			BL1830B	DC18RC

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

	12V max Lithium-ion	DC18RE (198444-7) (Dùng cho cả 18V & 12V max) 2,750,000 VND	DC10SB (197363-4) 1,280,000 VND	DC10WD (197343-0) 1,020,000 VND
4.0 Ah	BL1041B (197406-2) (Hiển thị mức pin) 1,290,000 VND	Sạc nhanh	60 phút	130 phút
2.0 Ah	BL1021B (197396-9) (Hiển thị mức pin) 910,000 VND	Sạc nhanh	30 phút	70 phút
1.5 Ah	BL1016 (197393-5) 760,000 VND	Sạc nhanh	22 phút	50 phút

	18V Lithium-ion	14.4V Lithium-ion	DC18WA (195423-6) 1,030,000 VND
1.5 Ah	BL1815G (198186-3) 1,100,000 VND Dùng cho máy: DF457DWE, HP457DWE, JV183DZ	BL1415G (198192-8) 900,000 VND Dùng cho máy: DF347DWE, HP347DWE, JV143DZ	70 phút

	10.8V Lithium-ion	Dùng cho máy hút bụi: CL104D/CL111D (Pin cố định sẵn trong máy)
1.5 Ah	(632C23-4)	DC1001 (196829-1) 180 phút

	10.8V Lithium-ion	
1.3 Ah	BL1013 (194550-6) 830,000 VND	DC10WA (194588-1) 1,020,000 VND 50 phút

	7.2V Lithium-ion	DC10WA (194588-1) 1,020,000 VND	DC07SA (194321-1) 780,000 VND
1.0 Ah	BL7010 (194355-4) 1,000,000 VND	30 phút	
1.5 Ah	BL0715 (198000-3) 880,000 VND	DC10WA (194588-1) 1,020,000 VND 35 phút	

	14.4V	12V	9.6V	7.2V	DC1414 (193865-8)	DC1439 (192936-8)
Ni-Cd 1.9 Ah	1422 (192600-1)	1222 (192597-4)	9122 (192595-8)		45 phút	14 phút
Ni-Cd 1.3 Ah			9000 (191681-2)	7000 (191679-9)	30 phút	9 phút

MAKSTAR

	14.4V	9.6V	DC24SC (194164-1)
Ni-MH 3.1 Ah	BH1433 (193354-3)	BH9033A (193591-9) (Hiển thị mức pin) BH9033 (193636-3)	30 phút
Ni-MH 1.8 Ah		BH9020 (193631-3)	20 phút

	4.8V	Dùng cho máy vặn vít: 6723DW (Pin cố định sẵn trong máy)
Ni-Cd 0.6 Ah	(TP00000164)	(TL00000023) 30 phút

	18V	14.4V	12V	9.6V	DC1414 (193865-8)	DC1439 (192936-8)
Ni-MH 2.8 Ah	1835 (193061-8)	1435 (193060-0)	1235 (193059-5)	9135A (193219-9) (Hiển thị mức pin)	70 phút	27 phút

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Thùng giữ mát

Độ dày lớp vỏ nhựa tới 20mm, miếng đệm trên nắp hộp giúp đóng nắp chặt

11L — 198254-2 — 1,430,000 VND — 500mL ×10 — 2L ×2

18L — 198253-4 — 2,040,000 VND — 500mL ×20 — 2L ×4

với dây đeo vai
(phụ kiện đi kèm)

Thùng Makpac

Sắp xếp thông minh, vận chuyển dễ dàng

Xếp chồng lên nhau, cố định bằng chốt.
Vận chuyển được nhiều dụng cụ

ĐẶC ĐIỂM CHUNG
- Sức chịu đựng của mặt trên : dưới 200kg
- Trọng lượng tối đa : 20kg
- Khả năng chịu nhiệt : -20~50°C

Khay đựng bên trong thùng Makpac

839726-5 (Dùng với thùng Makpac 821549-5)	
839742-7 (Dùng với thùng Makpac 821549-5)	
839725-7 (Dùng với thùng Makpac 821550-0)	

821549-5 — 710,000 VND	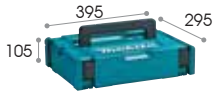
821550-0 — 890,000 VND	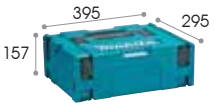
821551-8 — 1,070,000 VND	
821552-6 — 1,250,000 VND	

Phụ kiện liên kết máy hút bụi và Makpac

198730-6 — 1,099,000 VND

Dùng cho máy: VC3211M, VC1310L, VC2510L, VC3210L

Trọng lượng tối đa: 20kg - Chiều cao tối đa: 315mm

Khay nhựa chứa phụ kiện

A-60551 — 1,013,000 VND

Bộ pin & sạc Makpac

SỰ LỰA CHỌN TỐI ƯU DÀNH CHO CÁC MÁY MÃ Z (KHÔNG KÈM PIN, SẠC)

Có thể kết nối các bộ pin sạc Makpac với nhau, giúp:
- Tận dụng và tiết kiệm được không gian
- Vận chuyển đơn giản và dễ dàng

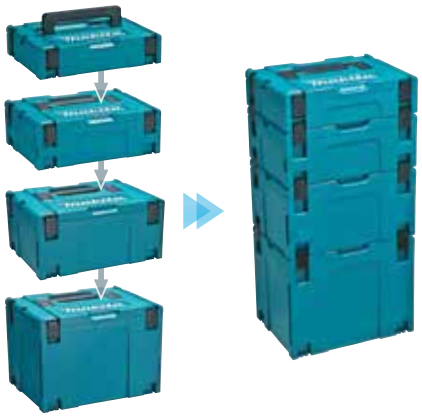

- Có thể sắp xếp thùng giữ mát, thùng Makpac, bộ pin, sạc Makpac trên xe đẩy Makpac để dễ dàng di chuyển (phụ kiện mua thêm)

Bánh xe có kích thước lớn phù hợp di chuyển trên nhiều địa hình

TR00000002
3,370,000 VND

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

3 KHÔNG

Không khí thải - Không nhiên liệu
Không tốn công khởi động & Tiếng ồn thấp

TỪ ĐỘNG CƠ XĂNG SANG MÁY DÙNG PIN

Dòng sản phẩm dùng 2 pin Li-ion 18V

18V X2 36V

18v + 18v → 36V

MỞ RỘNG DÒNG LITHIUM-ION CỦA BẠN

Độ tương thích của pin:

1.5Ah BL1815N*	2.0Ah BL1820B	3.0Ah BL1830B	4.0Ah BL1840B	5.0Ah BL1850B	6.0Ah BL1860B
Không hiển thị mức pin	Hiển thị mức pin	Hiển thị mức pin	Hiển thị mức pin	Hiển thị mức pin	Hiển thị mức pin

Khi 2 pin có dung lượng khác nhau (Ah) được dùng chung với nhau (VD: pin BL1815N - 1.5Ah và BL1830B - 3.0Ah, hoặc pin BL1830B được sạc đầy và pin BL1830B được sạc 70%, động cơ sẽ ngừng khi pin có dung lượng nhỏ hơn được dùng hết).

Dụng cụ dùng pin

Máy Mài Góc Dùng Pin/*Angle Grinder* 18V

DGA700Z 180mm

6,640,000 VND

Hiệu suất vượt trội đáp ứng được những công việc nặng.

Đường kính lưỡi cắt	*180 mm*
Tốc độ không tải	*7,800 v/p*
Kích thước	*499x200x158 mm*
Trọng lượng	*5.0 - 6.0 kg*

BRAKE AFT BL MOTOR ADT

Tr. 38

DGA700Z: Không kèm pin, sạc

Tuýp mở ốc, tay cầm, tấm chắn bảo vệ. (Máy không kèm đá mài).

Máy Mài Góc Dùng Pin/*Angle Grinder* 18V

DGA900Z 230mm

6,900,000 VND

Hiệu suất vượt trội đáp ứng được những công việc nặng.

Đường kính lưỡi cắt	*230 mm*
Tốc độ không tải	*6,000 v/p*
Kích thước	*499x250x158 mm*
Trọng lượng	*5.2 - 8.0 kg*

BRAKE AFT BL MOTOR ADT

Tr. 38

DGA900Z: Không kèm pin, sạc

Tuýp mở ốc, tay cầm, tấm chắn bảo vệ. (Máy không kèm đá mài).

HIỆU SUẤT VÀ HIỆU QUẢ CAO CHO ỨNG DỤNG MÀI VÀ CẮT TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP NẶNG

Khởi động êm
Giảm sốc khi khởi động, và làm máy khởi động êm hơn

Tay cầm thiết kế công thái học với cao su mềm

Đèn báo
- Bảo vệ khỏi quá tải
- Bảo vệ khỏi quá nhiệt

Hình ảnh : DGA700

Cao su chống rung
Độ rung ít hơn, thoải mái khi sử dụng

Thanh chắn bảo vệ pin

BL MOTOR

Cắt nhanh hơn với công suất cao và động cơ không chổi than

Cân bằng trọng lực tốt hơn
Khả năng cơ động cao ở mọi góc độ vì vị trí tay cầm nằm ở trọng tâm của máy

ADT

Công nghệ tự động điều tốc

Tự động thay đổi tốc độ cắt theo điều kiện tải nhằm hoạt động tối ưu
- Tải nhẹ : chế độ quay tốc độ cao
- Tải nặng: chế độ mô-men xoắn cao

AFT

Công nghệ cảm biến kích hoạt điều tốc

Máy ngừng hoạt động để bảo vệ người dùng nếu tốc độ vòng quay giảm đột ngột

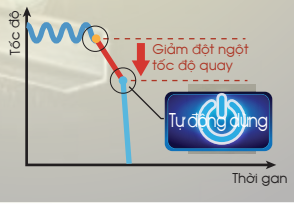

BRAKE

Phanh điện
Tối ưu hóa năng suất và nâng cao an toàn cho người dùng

Công tắc lớn
với chức năng lock-off (không có chức năng lock-on) Ngăn ngừa tai nạn khi công tắc bị bóp không chủ đích

Chức năng chống khởi động lại
Ngăn tai nạn do đá cắt khi cấp nguồn trở lại cho máy mà công tắc vẫn ở chế độ BẬT

Máy Cưa Kiếm Dùng Pin/*Recipro Saw* 18V

DJR360RT2/DJR360Z

13,840,000 VND / 6,840,000 VND

Động cơ không chổi than cho hiệu suất vượt trội trong công việc.

Khả năng	*Ống: 130 mm*
	Gỗ: 255 mm
Độ xọc	*32 mm*
Nhịp cắt	*Cao: 0 - 3,000 l/p*
	Thấp: 0 - 2,300 l/p
Kích thước	*449x116x243 mm*
Trọng lượng	*4.0 - 4.7 kg*

BL MOTOR XPT

Tr. 44

DJR360RT2: Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
DJR360Z: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa kiếm.

Công suất lớn & độ bền cao

Hiệu suất cắt cao với động cơ không chổi than

Điều chỉnh thanh cữ không cần dụng cụ

Hệ thống trục dọc giúp chuyển động nhanh hơn

Độ bền cơ học cao hơn 2 lần

CƠ CẤU TAY QUAY THEO CHIỀU DỌC

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Siết Cắt Bu Lông Dùng Pin/*Shear Wrench* 18V

DWT310ZK M16, M20 , M22

58,060,000 VND

Công suất	*1,250 W*
Khả năng	*Ốc: M16, M20, M22*
Tốc độ không tải	*14 v/p*
Lực siết tối đa	*804 N.m*
Kích thước	*296x130x377 mm*
Trọng lượng	*6.5 - 7.1 kg*

DWT310ZK: Không kèm pin, sạc

Dây đeo vai, tua vít, máng sông M20, M22 (theo máy)

Máy Khoan Góc Dùng Pin/*Angle Drill* 18V

DDA460ZK 13mm

15,050,000 VND

Công suất	*1,350 W*
Khả năng	*Thép: 13 mm*
	Gỗ (mũi khoét gỗ tự thoát phôi)
	Cao / Thấp : 65 / 118 mm
	Gỗ (mũi khoét lỗ)
	Cao / Thấp : 105 / 159 mm
	Gỗ (mũi khoan xoắn ốc) : 50 mm
Tốc độ không tải	*Cao/Thấp: 0 - 1,400 / 0 - 350*
Kích thước	*538x128x223 mm*
Trọng lượng	*5.7 - 6.4 kg*

DDA460ZK: Không kèm pin, sạc

Tay cầm, khóa lục giác

Tốc độ siết cao hơn máy dùng điện

Lực siết tối đa **hơn 800 N.m**

Hiệu suất làm việc

DWT310 **114%**

Máy dùng điện trước đây 100

Điều kiện kiểm tra
- Bu lông : M22
- Máy dùng điện: Dùng cuộn dây điện 50m

Tốc độ cao và công suất vượt trội

Lượng công việc

Lượng công việc với 1 pin sạc đầy

Khoảng **80** lỗ khoan

Hiệu suất làm việc

DDA460 **130%**

Máy dùng điện trước đây 100

Điều kiện kiểm tra
- Chế độ : Tốc độ cao
- Vật liệu : SPF 2 lớp
- Pin : 2 pin BL1850B
- Sử dụng : Mũi khoét gỗ tự thoát phôi ø2-9/16"

Công suất cao và khả năng khoan mạnh mẽ với động cơ không chổi than

Khả năng cơ động tuyệt vời

Khả năng cân bằng tốt

Thân máy và tay cầm thiết kế theo chiều dọc, dễ dàng cầm và làm việc ổn định

Tay cầm xoay được

Tay cầm trước có khả năng điều chỉnh theo tư thế làm việc

Cơ cấu giới hạn mô-men xoắn

Khi mũi khoan bị kẹt, mũi sẽ ngừng quay

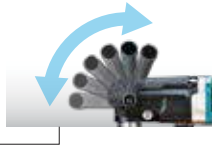

Tay cầm trước

Ấn chặt tay cầm trước giúp quá trình làm việc ổn định hơn

XPT
Extreme Protection Technology

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Khoan Đa Năng Dùng Pin/*Combination Hammer* 18V

DHR263RM2/DHR263Z 26mm

16,820,000 VND / 10,550,000 VND

Chuôi gài SDS-PLUS. Máy khoan 3 chức năng: Khoan, Khoan búa, Đục

Lực đập	*2.5 J*
Khả năng khoan	*Bê tông: 26 mm*
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
Tốc độ đập	*0 - 5,000 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 1,250 v/p*
Kích thước	*350x116x232 mm*
Trọng lượng	*4.1 - 5.1 kg*

XPT 442

Tr. 36 & 91

DHR263RM2:	Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DHR263Z:	Không kèm pin, sạc

Tay cầm phụ, thước canh, lọ mỡ. (Máy không kèm mũi khoan).

Bộ Sản Phẩm Máy Khoan, Máy Vặn Vít/*Combo kit* 18V

DLX2242PM1

19,900,000 VND

Bộ Sản Phẩm Máy Khoan, Máy Vặn Vít/*Combo kit* 18V

DLX2071PM1

19,890,000 VND

Máy Khoan Đa Năng Dùng Pin/ *Combination Hammer* 18V

DHR280PT2J/DHR280Z 28mm

18,500,000 VND / 10,750,000 VND

Chuôi gài SDS-PLUS. Máy khoan 3 chức năng: Khoan, Khoan búa, Đục

Công suất	*680 W*
Lực đập	*3.2 J*
Đầu gài	*1.5 - 13 mm*
Khả năng	*Bê tông / Thép / Gỗ:*
	28 / 13 / 32 mm
	Mũi định tâm: 54 mm
	Mũi định tâm kim cương
	(loại khô): 65 mm
Tốc độ đập	*0 - 5,000 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 980 v/p*
Kích thước	*373x134x232 mm*
Trọng lượng	*3.9 - 4.9 kg*

XPT AVT BL MOTOR SOFT NO LOAD

Tr. 32 & 81

DHR280PT2J:	Sạc nhanh 2 cổng, 2 pin 5.0Ah
	Máy kèm thùng Makpac
DHR280Z:	Không kèm pin, sạc

Ly chứa bụi, khăn lau, nước xịt vệ sinh

Máy Khoan Đa Năng Dùng Pin/ *Combination Hammer* 18V

DHR282PT2J/DHR282Z 28mm

19,340,000 VND / 11,590,000 VND

Chuôi gài SDS-PLUS. Máy khoan 3 chức năng: Khoan, Khoan búa, Đục

Công suất	*680 W*
Lực đập	*3.2 J*
Đầu gài	*1.5 - 13 mm*
Khả năng	*Bê tông / Thép / Gỗ:*
	28 / 13 / 32 mm
	Mũi định tâm: 54 mm
	Mũi định tâm kim cương
	(loại khô): 65 mm
Tốc độ đập	*0 - 5,000 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 980 v/p*
Kích thước	*373x134x232 mm*
Trọng lượng	*3.9 - 5.0 kg*

AWS AFT XPT AVT BL MOTOR SOFT NO LOAD

Tr. 36 & 91

DHR282PT2J:	Sạc nhanh 2 cổng, 2 pin 5.0Ah
	Máy kèm thùng Makpac
DHR282Z:	Không kèm pin, sạc

Ly chứa bụi, khăn lau, nước xịt vệ sinh

chuôi gài SDS-PLUS

Thay mũi chỉ 1 thao tác

giúp thay mũi dễ dàng và nhanh chóng

Cơ cấu giới hạn lực mô-men xoắn

Chức năng không tải êm

tự động giảm tốc độ động cơ trong khi chạy không tải nhằm ngăn rung động

Điều khiển nhiều tốc độ bằng công tắc bóp & điện tử

Cho phép điều chỉnh lực đập dễ dàng nhằm đáp ứng nhiều ứng dụng đa dạng khác nhau

Hệ thống hút bụi

DHR282 DHR280 + DX08 (199579-7)

AWS Auto - start Wireless System

Hệ thống tự khởi động không dây

(chỉ DHR282)

Tính năng kết nối không dây giúp vận hành sạch và thoải mái hơn. Chỉ bằng việc thiết lập kết nối Bluetooth giữa máy hút bụi và dụng cụ cầm tay, máy hút bụi có thể tự động vận hành khi dụng cụ cầm tay hoạt động.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Khoan Động Lực Dùng Pin/*Rotary Hammer* 18V

DHR400ZKUN 40mm

24,040,000 VND

Chuôi gài SDS-MAX. Máy khoan 2 chức năng: Khoan, Khoan búa

Lực đập	*8.0 J*
Khả năng khoan (Bê tông)	*Với mũi TCT : 40 mm* *Với mũi định tâm : 105 mm*
Tốc độ đập	*1,450 - 2,900 l/p*
Tốc độ không tải	*250 - 500 v/p*
Kích thước	*473x120x285 mm*
Trọng lượng	*7.3 - 8.1 kg*

AWS AVT BL MOTOR SOFT NO LOAD

Tr. 36 & 91

DHR400ZKUN: Không kèm pin, sạc
Máy kèm bộ kết nối không dây

Tay cầm phụ, lọ mỡ, khăn lau

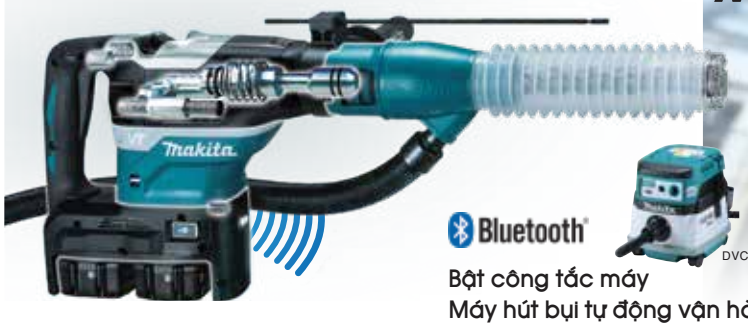

Bluetooth

DVC864L

Bật công tắc máy
Máy hút bụi tự động vận hành

Phụ kiện

Phụ kiện thu bụi

Mã số 199142-6

Chế độ khoan

Chế độ đục

Phụ kiện thu bụi
Chỉ dùng cho chế độ đục

Không có ống hút chân không
Mã số 199143-4

Với ống hút chân không
Mã số 199144-2

Máy Cưa Đĩa Dùng Pin/*Circular Saw* 18V

DHS710RM2J/DHS710Z 190mm

12,630,000 VND / 6,560,000 VND

Máy cưa đĩa dùng 2 pin Li-ion 18V.

Khả năng cắt tối đa	*Góc 90°: 68.5/66 mm* *Góc 45°: 49/47.5 mm* *Góc 50°: 44/42.5 mm*
Đường kính lưỡi cắt	*190/185 mm*
Tốc độ không tải	*4,800 v/p*
Kích thước	*356x217x298 mm*
Trọng lượng	*3.9 - 4.6 kg*

442

Tr. 40

DHS710RM2J: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
Máy kèm thùng Makpac
DHS710Z: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa hợp kim, khóa lục giác, thanh cữ.

Bộ Sản Phẩm Máy Cưa Đĩa, Máy Vặn Vít/*Combo kit* 18V

DLX2239M

14,020,000 VND

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Cưa Đa Góc Trượt Dùng Pin/*Slide Compound Miter Saw* 18V

DLS111ZU 260mm

19,890,000 VND

Tự động kết nối với máy hút bụi nhờ hệ thống tự khởi động không dây AWS.

Đường kính lưỡi cắt	260 mm
Cắt vát	60° trái / 60° phải
Cắt nghiêng	48° trái / 48° phải
Khả năng cắt tối đa	Vát 90° : 91 x 279 mm
	Vát 90° : 68 x 310 mm
Tốc độ không tải	4,400 v/p
Kích thước	805x644x660 mm
Trọng lượng	26.6 - 27.3 kg

DLS111ZU: Không kèm pin, sạc
Máy kèm bộ kết nối không dây

Túi bụi, ống mềm, lưỡi cưa

Thiết kế đường ray chuyển tiếp cho phép tối đa hóa không gian làm việc

Máy có thể đặt gần tường do đầu động cơ trượt trên các đường ống cố định mà không cần mở rộng ra mép sau của máy

Máy thường
không đặt gần sát tường

DLS111
có thể đặt gần sát tường

Đế xoay lớn

Giúp bề mặt làm việc vững chắc và ổn định

Dễ dàng mở khóa góc

Khóa góc có thể được mở bằng cách xoay ngược chiều kim đồng hồ trong khi đẩy chốt khóa

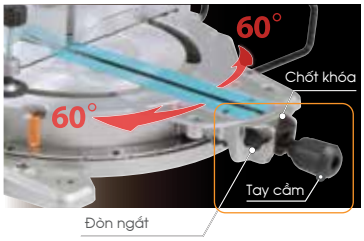

AWS
Auto - start Wireless System
Hệ thống tự kết nối không dây

Bật công tắc trên máy

Máy hút bụi được kích hoạt

Tính năng kết nối không dây giúp vận hành sạch và thoải mái hơn. Chỉ bằng việc thiết lập kết nối Bluetooth giữa máy hút bụi và dụng cụ cầm tay, máy hút bụi có thể tự động vận hành khi dụng cụ cầm tay hoạt động.

Phạm vi hiệu lực khoảng 10m

Máy Cưa Đĩa Cắt Sâu Dùng Pin/*Punge Cut Saw* 18V

DSP600Z 165mm

9,580,000 VND

Khả năng cắt nhanh hơn dòng máy dùng điện SP6000 tới 40%.

Đường kính lưỡi cắt	165 mm
Khả năng cắt nghiêng	-1° - 48°
Khả năng cắt tối đa	90°: 56 mm
	45°: 40 mm
	48°: 38 mm
Tốc độ không tải	2,500 - 6,300 v/p
Kích thước	346x241x272 mm
Trọng lượng	4.4 - 5.1 kg

DSP600Z: Không kèm pin, sạc

Ống nối, đế, lưỡi cưa efficut

Máy Cưa Đĩa Cắt Sâu Dùng Pin/*Punge Cut Saw* 18V

DSP601ZU 165mm

10,990,000 VND

Tự động kết nối với máy hút bụi nhờ hệ thống tự khởi động không dây AWS.

Đường kính lưỡi cắt	165 mm
Khả năng cắt nghiêng	-1° - 48°
Khả năng cắt tối đa	90°: 56 mm
	45°: 40 mm
	48°: 38 mm
Tốc độ không tải	2,500 - 6,300 v/p
Kích thước	346x241x272 mm
Trọng lượng	4.4 - 5.1 kg

Chỉ DSP601ZU

DSP601ZU: Không kèm pin, sạc
Máy kèm bộ kết nối không dây

Ống nối, đế, lưỡi cưa efficut

HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI & TÍNH CƠ ĐỘNG CAO

Thiết kế đầu kháng

Trượt theo rãnh ngăn việc thanh ray bị kéo về phía hộp lưỡi

Cắt xiên

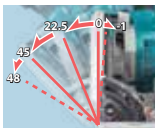

Góc cắt từ -1 ° đến 48°

Cắt chính xác

Vị trí các đường cắt luôn giống nhau ở bất kỳ góc cắt nghiêng nào khi dùng kèm thanh dẫn

Nút chặn chắc chắn

Nút chốt lưỡi sâu cố định cho đường cắt sạch

Cho phép dễ dàng cắt rãnh sơ bộ tại độ sâu 2mm cho đường cắt sạch

Phụ kiện

Thanh dẫn

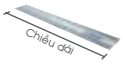

Chiều dài	Mã số
1,000mm	199140-0
1,400mm	194368-5
1,500mm	199141-8
1,900mm	194925-9
3,000mm	194367-7

Bộ thước dẫn nghiêng

Điều chỉnh góc của thanh dẫn
Mã số: 196664-7

(Đế phụ)
Mã số: 165447-6

Bộ kẹp
(dùng với thanh dẫn)
Mã số: 194385-5

Túi chứa bụi
Mã số: 126599-8

Phụ kiện liên kết thanh dẫn hướng
Mã số: 198884-9

Túi đựng thanh dẫn hướng
Mã số: B-57613

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Cắt Sắt Dùng Pin/ *Portable Cut-off* 18V

DLW140Z 355 mm

9,500,000 VND

Máy cắt sắt dùng pin đầu tiên trên thế giới (tính đến 01/10/2018)

Công suất tối đa	*1,300 W*
Đường kính lưỡi cắt	*355 mm*
Tốc độ không tải	*3,800 v/p*
Kích thước	*537x290x640 mm*
Trọng lượng	*17.2 - 17.8kg*

DLW140Z: Không kèm pin, sạc

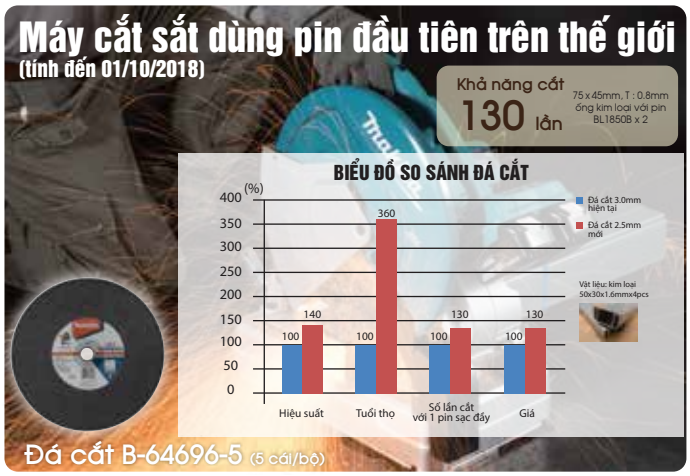

Công suất cắt

Mẫu cắt mỏng hơn 1.6mm được đề xuất cho cắt với máy .

Vật liệu	Điều chỉnh góc nghiêng	
	0°	45°
D	D : ø127mm	D : ø127mm
W, H	H x W : 115 x 130 102 x 194mm 70 x 233mm	H x W : 115 x 103mm
W, H	H x W : 119 x 119mm	H x W : 106 x 106mm
S, S	S x S : 137 x 137mm	S x S : 100 x 100mm

D : Đường kính W : Ngang H : Cao S : Sườn

BL MOTOR

Hiển thị trạng thái

Khi trạng thái tải tăng lên thì đèn cũng sáng dần lên .

Điều chỉnh thanh dẫn hướng

Cho phép dễ dàng điều chỉnh thanh dẫn hướng.
- 3 bước thay đổi vị trí
- Thay đổi góc từ 00 đến 450

Khóa đầu lưỡi bằng chốt

Dễ dàng cho việc gập đầu máy xuống để bảo quản hoặc vận chuyển.

Máy Cắt Cành Dùng Pin/ *Battery Powered Pruning Shears* 18V

DUP361RM2/ DUP361Z

37,330,000 VND / 30,200,000 VND

Máy cắt cành dùng 2 pin Li-ion 18V.

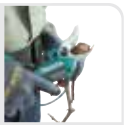

Công suất	*200 W*
Khả năng cắt tối đa	*33 mm*
Độ mở tối đa của lưỡi	*54 mm*
Kích thước	*305x43x106 mm*
Trọng lượng	*0.8 kg*

XPT

Tr. 156

DUP361RM2: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DUP361Z: Không kèm pin, sạc

Bộ phụ kiện, bộ chuyển đổi, bao đựng máy, túi đeo, túi xách.

So sánh khả năng cắt cành nho của DUP361 so với cắt bằng tay thông thường

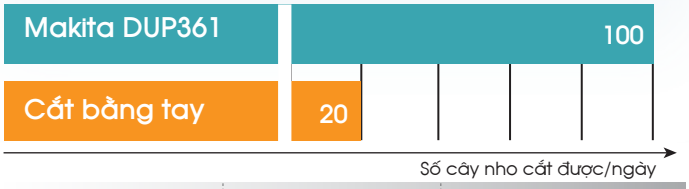

Phụ kiện

Giũa	Lưỡi cắt (L)	Lưỡi cắt (U)
Mã số: 794530-8	Mã số: 197367-6	Mã số: 197366-8

CHỈ TRONG VÒNG 2 THÁNG CÓ THỂ LẤY LẠI ĐƯỢC CHI PHÍ MUA MÁY BAN ĐẦU

Giảm chi phí nhân công lao động do hiệu quả công việc tăng lên gấp 5 lần

(*Lưu ý: Các số liệu trên chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi tùy theo điều kiện, vật liệu cắt)

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy thổi dùng pin/ *Blower* 18V

DUB362Z

10,250,000 VND

Lượng khí và tốc độ khí cao.

Dây đeo vai (phụ kiện bán riêng) Mã số: 166094-6

Lượng khí	*13.4 m³/phút*
Tốc độ khí	*54 m/s*
Tốc độ không tải	*11,400 - 21,500 v/p*
Độ ồn động cơ	*79.1dB*
Độ rung	*2.5 m/s²*
Kích thước	*830/880/930x205x295mm*
Trọng lượng	*3.5 - 4.2 kg*

Tr. 154

DUB362Z: Không kèm pin, sạc

Ống thổi.

Xe Cắt Cỏ Đẩy Dùng Pin/ *Lawn Mower* 18V

DLM380PM2 380mm

14,030,000 VND

Xe cắt cỏ đẩy dùng 2 pin Li-ion 18V.

new

Độ rộng đường cắt	*380mm*
Độ cao cắt	*20-75mm*
Tốc độ không tải	*3,700 v/p*
Diện tích cắt đề nghị	*270 - 540m²*
	Với 2 pin BL1830B
Dung tích hộp cỏ	*40L*
Kích thước	*1,145x465x*
	1,023-1,070mm
Trọng lượng	*14.5kg*

Tr. 155

DLM380PM2: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah

Tuýp mở.

Xe Cắt Cỏ Đẩy Dùng Pin/ *Lawn Mower* 18V

DLM431PT2/DLM431Z 430mm

17,270,000 VND / 8,650,000 VND

Xe cắt cỏ đẩy dùng 2 pin Li-ion 18V.

Độ rộng đường cắt	*430mm*
Độ cao cắt	*20-75mm*
Tốc độ không tải	*3,600 v/p*
Diện tích cắt đề nghị	*475-950m²*
	50L
Dung tích hộp cỏ	*1,450-1,490x460x*
Kích thước	*950-1,020 mm*
	17.8 - 18.4kg
Trọng lượng	

Tr. 155

DLM431PT2: Sạc nhanh 2 cổng, 2 pin 5.0Ah
DLM431Z: Không kèm pin, sạc

Tuýp mở.

Xe Cắt Cỏ Đẩy Dùng Pin/ *Lawn Mower* 18V

DLM460PT2/DLM460Z 460mm

21,900,000 VND / 14,130,000 VND

Xe cắt cỏ đẩy dùng 2 pin Li-ion 18V.

new

Độ rộng đường cắt	*460mm*
Độ cao cắt	*20 - 75mm*
Tốc độ không tải	*2,500 - 3,300 v/p*
Diện tích cắt đề nghị	*800 - 1,600m²*
	Với 2 pin BL1860B
Dung tích hộp cỏ	*60L*
Kích thước	*11,319-1,518x532x*
	879-1,138mm
Trọng lượng	*25.3 - 27.6kg*

Tr. 156

DLM460PT2: Sạc nhanh 2 cổng, 2 pin 5.0Ah
DLM460Z: Không kèm pin, sạc

Tuýp mở.

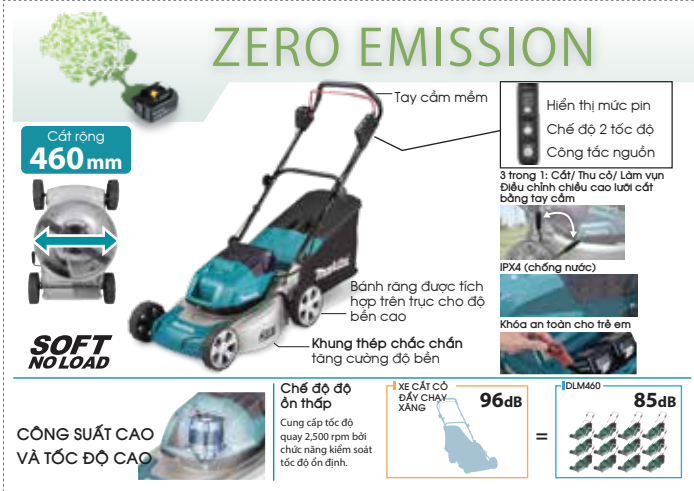

Máy Cưa Xích Dùng Pin/ *Chain Saw* 18V

DUC353Z 350mm

7,940,000 VND

Máy cưa xích 350mm sử dụng 2 pin Lithium 18V.

Chiều dài lam	*350 mm*
Lưỡi cưa xích	*Bước răng: 3/8"*
	Bề dày mắt xích:
	1.1 - 1.3 mm
Tốc độ xích	*0 - 20 m/s*
Bình cấp dầu cưa xích	*200 mL*
Kích thước	*773x215x235 mm*
Trọng lượng	*4.6 - 5.5 kg*

Tr. 144

DUC353Z: Không kèm pin, sạc

Xích, lưỡi lam (350mm), vỏ lam, bình dầu.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Cắt Cỏ Dùng Pin/ *Grass Trimmer* 18V

DUR365UZ

7,860,000 VND

Năng suất cao và lượng công việc nhiều hơn nhờ 2 pin Li-ion 18V.

Tốc độ không tải	*Cao/Vừa/Thấp*
	6,500 / 5,300 / 3,500 v/p
Độ rộng lưỡi cắt	*Lưỡi kim loại: 230 mm*
	Lưỡi cước: 350 mm
	Lưỡi nhựa: 255 mm
Kích cỡ trục	*M10 x 1.25LH*
Kích thước	*1,754x610x460 mm*
Trọng lượng	*4.3 - 5.0 kg*

Tr. 140

DUR365UZ: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cắt nhựa, tấm chắn bảo vệ, dây đeo vai, cờ lê.

Máy Đa Năng Dùng Pin/ *Multi Function Power Head* 18V

DUX60Z

6,950,000 VND

Phụ kiện đa dạng, đáp ứng nhiều công việc khác nhau.

Công suất	*600 W*
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 9,700 v/p*
	Vừa: 0 - 8,200 v/p
	Thấp: 0 - 5,700 v/p
Kích thước	*1,011x320x216 mm*
Trọng lượng	*4.1 - 8.7 kg*

Tr. 140

DUX60Z: Không kèm pin, sạc

Dây đeo vai, bộ tay cầm, khóa lục giác, túi đựng phụ kiện.

Thanh nối kéo dài
LE400MP
(196031-6)
Dùng cho
phụ kiện cưa cành,
tỉa hàng rào
& hái cà phê

THUẬN TIỆN HƠN CHO CÔNG VIỆC TRÊN CAO

Có thể cưa cành trên cao
từ khoảng 4.5m đến 5.0m
khi kết hợp với phụ kiện nối dài

Hái cà phê
EJ400MP
(195726-8)

Tỉa sát đất
EN420MP
(198061-3)

Cưa cành
EY401MP
(199925-4)

Xới đất
KR400MP
(195707-2) *160mm*
KR401MP
(199185-8) *220mm*

Cắt cạnh
EE400MP
(196751-2)

Cắt cỏ
EM403MP
(198760-7)

Chổi quét
BR400MP
(199323-2)

Chổi quét nước
SW400MP
(199344-4)

Tỉa hàng rào
EN400MP (195740-4) *1,500mm(59") Có thể điều chỉnh góc*
EN401MP (196302-1) *1,624mm(64") Có thể điều chỉnh góc*
EN410MP (197742-6) *Dạng thẳng*

Hệ thống dụng cụ đa năng

Sự kết hợp linh hoạt giữa đầu máy và các phụ kiện
lý tưởng cho việc mở rộng nhiều ứng dụng khác nhau

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Hút Bụi Đeo Vai Dùng Pin/ *Backpack Vacuum Cleaner* 18V

DVC260Z/DVC260ZX5

11,080,000 VND / 11,660,000 VND

Máy hút bụi đeo vai dùng 2 pin Li-ion 18V.

Xem thêm sơ đồ hệ thống (Tr. 128)

Công suất hút	*45 / 25 W*
Khả năng chứa	*Túi lọc/túi giấy/túi vải: 2.0 / 2.0 / 1.5 L*
Thời gian sử dụng liên tục	*Cao / Thấp: 60 /90 phút (với 2 pin BL1850B)*
Lưu lượng khí tối đa	*1.5 m³/phút*
Lưu lượng hút tối đa	*7.1 kPa*
Độ ồn động cơ	*70 dB*
Kích thước	*230x152x373 mm*
Trọng lượng	*3.8 - 4.3 kg*

BL MOTOR HEPA filter

DVC260ZX5
Bộ 10 túi bụi giấy

DVC260Z:	Không kèm pin, sạc
DVC260ZX5:	Không kèm pin, sạc Bộ túi bụi giấy (10 cái)

Tr. 62-63&125-127

Ống thẳng, ống mềm, ống hút khe, đầu hút T, khớp nối, bộ túi bụi giấy (10 cái - chỉ DVC260ZX5).

Máy Hút Bụi Đeo Vai Dùng Pin/ *Backpack Vacuum Cleaner* 18V

DVC260ZX

10,920,000 VND

Chuyên kết nối với các dụng cụ cầm tay.

Xem thêm sơ đồ hệ thống (Tr. 128)

Công suất hút	*45 / 25 W*
Khả năng chứa	*Túi lọc/túi giấy/túi vải: 2.0 / 2.0 / 1.5 L*
Thời gian sử dụng liên tục	*Cao / Thấp: 60 /90 phút (với 2 pin BL1850B)*
Lưu lượng khí tối đa	*1.5 m³/phút*
Lưu lượng hút tối đa	*7.1 kPa*
Độ ồn động cơ	*70 dB*
Kích thước	*230x152x373 mm*
Trọng lượng	*3.8 - 4.3 kg*

BL MOTOR HEPA filter

Tr. 62-63&125-127

DVC260ZX: Không kèm pin, sạc

Ống mềm, đầu nối.

Bộ Sản Phẩm Máy Hút Bụi/*Combo kit* 18V

DLX2248PT1

20,980,000 VND

Máy hút bụi đeo vai
DVC260Z

Máy kèm ống mềm, ống thẳng, khớp nối, đầu hút T, đầu hút khe

Máy hút bụi
DCL181FZX

Máy kèm ống thẳng, đầu hút T, đầu hút khe, chổi tròn

Túi xách Makita

Sạc nhanh 2 cổng
DC18RD

Pin 18V-5.0Ah
BL1850B

Phụ kiện khác:
- Đầu hút T lau, dọn thảm
- 10 túi bụi giấy (cho DVC260)
- 10 túi bụi giấy (cho DCL181FZX)

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ *Backpack Vacuum Cleaner* 18V

DVC261Z

11,310,000 VND

Máy hút bụi đeo vai dùng 2 pin Li-ion 18V

Xem thêm sơ đồ hệ thống (Tr. 128)

new

Công suất hút	Cao nhất/ Cao/ Vừa 85/45/ 25W Với ống 28-1.5
Khả năng chứa	Túi giấy/ túi vải: 2.0 / 1.5L
Thời gian sử dụng liên tục	Cao nhất/ Cao/ Vừa : 40 / 75 / 140 phút (với pin BL1860B)
Lưu lượng khí tối đa	Ống 28-1.5 /ống 28-1.0: 1.8 m³/phút/ 2.0 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	9.8 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB hoặc thấp hơn
Kích thước	230x152x373 mm
Trọng lượng	3.8 - 4.5 kg

Tr. 62-63&125-127

DVC261Z: Không kèm pin, sạc

Đầu hút T, đầu hút khe, ống mềm, ống thẳng, khớp nối, túi bụi vải

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ *Backpack Vacuum Cleaner* 18V

DVC265ZX

11,150,000 VND

Tự động kết nối với dụng cụ cầm tay nhờ hệ thống tự khởi động không dây AWS.

Xem thêm sơ đồ hệ thống (Tr. 128)

new

Công suất hút	Cao/ Vừa: 85/45W Với ống 28-1.5
Khả năng chứa	Túi giấy/ túi vải: 2.0 / 1.5L
Thời gian sử dụng liên tục	Cao/ Vừa : 40 / 75 phút (với pin BL1860B)
Lưu lượng khí tối đa	Ống 28-1.5 /ống 28-1.0: 1.8 m³/phút/ 2.0 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	9.8 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB hoặc thấp hơn
Kích thước	230x152x373 mm
Trọng lượng	3.9 - 4.5 kg

Tr. 62-63&125-127

DVC265ZX: Không kèm pin, sạc

Ống mềm, khớp nối, túi bụi vải

HEPA filter

Lọc sạch không khí nhờ màng lọc Hepa

Màng lọc Hepa được dùng làm bộ lọc chính để ngăn bụi một cách hiệu quả

Có thể ngăn 99.97% các hạt bụi nhỏ 0.3-1μm

Hộp điều khiển

DVC261 DVC265

Đèn LED (chỉ DVC261)

Thuận tiện khi làm việc ở những công trường thiếu sáng

AWS Hệ thống tự kết nối không dây Chỉ máy DVC265

Tính năng kết nối không dây giúp vận hành sạch và thoải mái hơn. Chỉ bằng việc thiết lập kết nối Bluetooth giữa máy hút bụi và dụng cụ cầm tay, máy hút bụi có thể tự động vận hành khi dụng cụ cầm tay hoạt động.

Bluetooth AWS kết nối với máy hút bụi bằng Bluetooth

Dùng để thu bụi

Ống 28mm

Dài (m)	Mã phụ kiện
1.0m	143787-2
1.5m	144408-9
1.5m	A-34235*

*với vòng bít trước 22 & 38

Sử dụng với vòng bít trước 22, 24 & 38

Ống nhôm

Phổ biến trong công việc bảo trì tòa nhà

Hệ thống ống khóa

Ngăn chặn khỏi bị tụt ống ra ngoài

Ống thẳng

Chiều dài của ống có thể được điều chỉnh cho phù hợp với người sử dụng bằng cách trượt nút.

Đầu hút sàn

Đầu hút mỏng xoay rộng

Cho phép vệ sinh trong không gian hẹp, ví dụ như ghế

Đầu hút tóc

Vét và hút sạch tóc/ mảnh vụn trên sàn

Mở rộng dòng máy AWS

Phụ kiện

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ *Vacuum Cleaner* 18V

DVC864LZX

16,240,000 VND

Tự động kết nối với dụng cụ cầm tay nhờ hệ thống tự khởi động không dây AWS.

1 Xem thêm sơ đồ hệ thống (Tr. 128)

Công suất hút	90 W
Khả năng chứa	Bụi : 8 L
Thời gian sử dụng liên tục	40 phút (với 2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	2.1 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	9.8 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB
Kích thước	366x334x368 mm
Trọng lượng	7.7 - 8.4 kg

Tr. 62-63&125-127

DVC864LZX: Không kèm pin, sạc

Vui lòng liên hệ phòng dịch vụ để biết thêm chi tiết.

Tính năng kết nối không dây giúp vận hành sạch và thoải mái hơn.
Chỉ bằng việc thiết lập kết nối Bluetooth giữa máy hút bụi và dụng cụ cầm tay, máy hút bụi có thể tự động vận hành khi dụng cụ cầm tay hoạt động.

AWS

Auto - start Wireless System

Hệ thống tự kết nối không dây

Bật công tắc trên máy

Máy hút bụi được kích hoạt

Phạm vi hiệu lực khoảng 10m

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

AWS
Hệ thống tự khởi động không dây

Bật công tắc trên máy

Máy hút bụi được kích hoạt

Bluetooth

Máy hút bụi hiện nay có thể được kích hoạt bởi dụng cụ dùng pin qua thiết bị không dây

TỰ ĐỘNG KẾT NỐI VỚI DỤNG CỤ CẦM TAY NHỜ HỆ THỐNG TỰ KHỞI ĐỘNG KHÔNG DÂY AWS

- Bộ lọc Hepa được dùng lọc bụi nhỏ một cách hiệu quả
- Chuyên dụng cho hút bụi khô

Thời gian sử dụng liên tục: 40 phút (BL1850 x2)

Nút nguồn tắt/mở lớn

Hiển thị mức pin kép

Nút kích hoạt sử dụng không dây

Dung tích thùng chứa: 8L

BL MOTOR

HEPA filter

XPT

Máy Hút Bụi Dùng Pin/*Vacuum Cleaner* 18V

DVC863LRT2/DVC863LZ

24,980,000 VND / 15,980,000 VND

Lượng khí và tốc độ khí cao.

2 Xem thêm sơ đồ hệ thống (Tr. 128)

Công suất hút	90 W
Khả năng chứa	Bụi : 8 L
Thời gian sử dụng liên tục	40 phút (với 2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	2.1 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	9.8 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB
Kích thước	366x334x368 mm
Trọng lượng	7.7 - 8.4 kg

HEPA filter · BL MOTOR · XPT

Tr. 62-63&125-127

DVC863LRT2: Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
DVC863LZ: Không kèm pin, sạc

Đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, ống cong, ống thẳng, ống mềm, hộp đựng phụ kiện, túi chứa bụi (10 cái).

Máy Hút Bụi Dùng Pin/*Vacuum Cleaner* 18V

DVC863LZX

14,370,000 VND

Chuyên kết nối với các dụng cụ cầm tay.

2 Xem thêm sơ đồ hệ thống (Tr. 128)

Công suất hút	90 W
Khả năng chứa	Bụi : 8 L
Thời gian sử dụng liên tục	40 phút (với 2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	2.1 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	9.8 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB
Kích thước	366x334x368 mm
Trọng lượng	7.7 - 8.4 kg

HEPA filter · BL MOTOR · XPT

Tr. 62-63&125-127

DVC863LZX: Không kèm pin, sạc

Ống mềm, khớp nối, bộ túi chứa bụi (10 cái).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ Vacuum Cleaner (Wet & Dry) 18V

DVC862LRT2/DVC862LZ

22,360,000 VND / 13,200,000 VND

Lượng khí và tốc độ khí cao. Hút bụi khô & ướt.

3

Xem thêm sơ đồ hệ thống (Tr. 128)

Công suất hút	90 W
Khả năng chứa	Bụi / Nước : 8 / 6 L
Thời gian sử dụng liên tục	40 phút (với 2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	2.1 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	9.8 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB
Kích thước	366x334x368 mm
Trọng lượng	7.0 - 7.6 kg

Tr. 62-63&125-127

DVC862LRT2: Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
DVC862LZ: Không kèm pin, sạc

Đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, ống cong, ống thẳng, ống mềm, hộp đựng phụ kiện, túi chứa bụi (10 cái).

Máy Hút Bụi Dùng Pin Và Điện/ Corded and Cordless Vacuum Cleaner 18V

DVC861LZ

23,330,000 VND

Máy hút bụi sử dụng nguồn điện và 2 pin Li-ion 18V.

4

Xem thêm sơ đồ hệ thống (Tr. 128)

Công suất hút	AC / DC: 320 / 25 - 70W
Khả năng chứa	Bụi : 8 L
Thời gian sử dụng liên tục	65 phút (2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	AC / DC: 3.6 / 2.1 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	AC / DC: 24 / 9.0 kPa
Độ ồn động cơ	75 dB
Kích thước	366x334x368 mm
Trọng lượng	9.3 -9.9 kg

Tr. 62-63&125-127

DVC861LZ: Không kèm pin, sạc

Đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, ống cong, ống thẳng, ống mềm, dây điện , hộp đựng phụ kiện, túi chứa bụi (10 cái).

Máy Hút Bụi Dùng Pin Và Điện/ Vacuum Cleaner (Wet & Dry) 18V

DVC860LZ 18Vx2/AC

18,150,000 VND

Máy hút bụi sử dụng nguồn điện và 2 pin Li-ion 18V. Hút bụi khô & ướt.

5

Xem thêm sơ đồ hệ thống (Tr. 128)

Công suất hút	AC/DC: 320 / 25 - 70 W
Khả năng chứa	Bụi/ Nước : 8 / 6 L
Thời gian sử dụng liên tục	65 phút (với 2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	AC/DC: 3.6 / 2.1 m³ /phút
Lưu lượng hút tối đa	AC/DC: 24 / 9.0 kPa
Độ ồn động cơ	75 dB
Kích thước	366x334x368 mm
Trọng lượng	8.6 - 9.2 kg

Tr. 62-63&125-127

DVC860LZ: Không kèm pin, sạc

Đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, ống cong, ống thẳng, ống mềm, dây điện, hộp đựng phụ kiện, túi chứa bụi (10 cái).

Máy hút bụi dùng pin DVC863L & DVC862L
Dễ dàng và linh hoạt cho bất cứ nơi nào cần hút bụi

Lưu lượng khí tối đa
2.1m³/ phút

Lực hút tối đa
9.8kPa

Thời gian sử dụng liên tục
40phút

(với 2 pin BL1850B, công suất hút mức 5)

Máy hút bụi dùng pin và điện DVC861 và DVC860L
Linh hoạt do sử dụng 2 nguồn năng lượng khác nhau

giúp di chuyển đến bất kỳ nơi nào cần hút bụi 1 cách dễ dàng

STT	MODEL	Công suất hút (W)	Khả năng chứa bụi (L)	Thời gian sử dụng với BL1850B (x2)(phút)	Lưu lượng khí tối đa (m³/phút)	Lưu lượng hút tối đa (kPA)	HEPA filter	AWS
1	DVC864L	Chỉ dùng pin: 90	8	40	Chỉ dùng pin: 2.1	Chỉ dùng pin: 9.8	✓	✓
2	DVC863L/ DVC863LZX	Chỉ dùng pin: 90	8	40	Chỉ dùng pin: 2.1	Chỉ dùng pin: 9.8	✓	—
3	DVC862L	Chỉ dùng pin: 90	8	40	Chỉ dùng pin: 2.1	Chỉ dùng pin: 9.8	—	—
4	DVC861L	Điện/pin: 320 / 25 - 70	8	65	Điện/pin: 3.6 / 2.1	Điện/pin: 24 / 9.0	✓	—
5	DVC860L	Điện/pin: 320 / 25 - 70	8	65	Điện/pin: 3.6 / 2.1	Điện/pin: 24 / 9.0	—	—

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

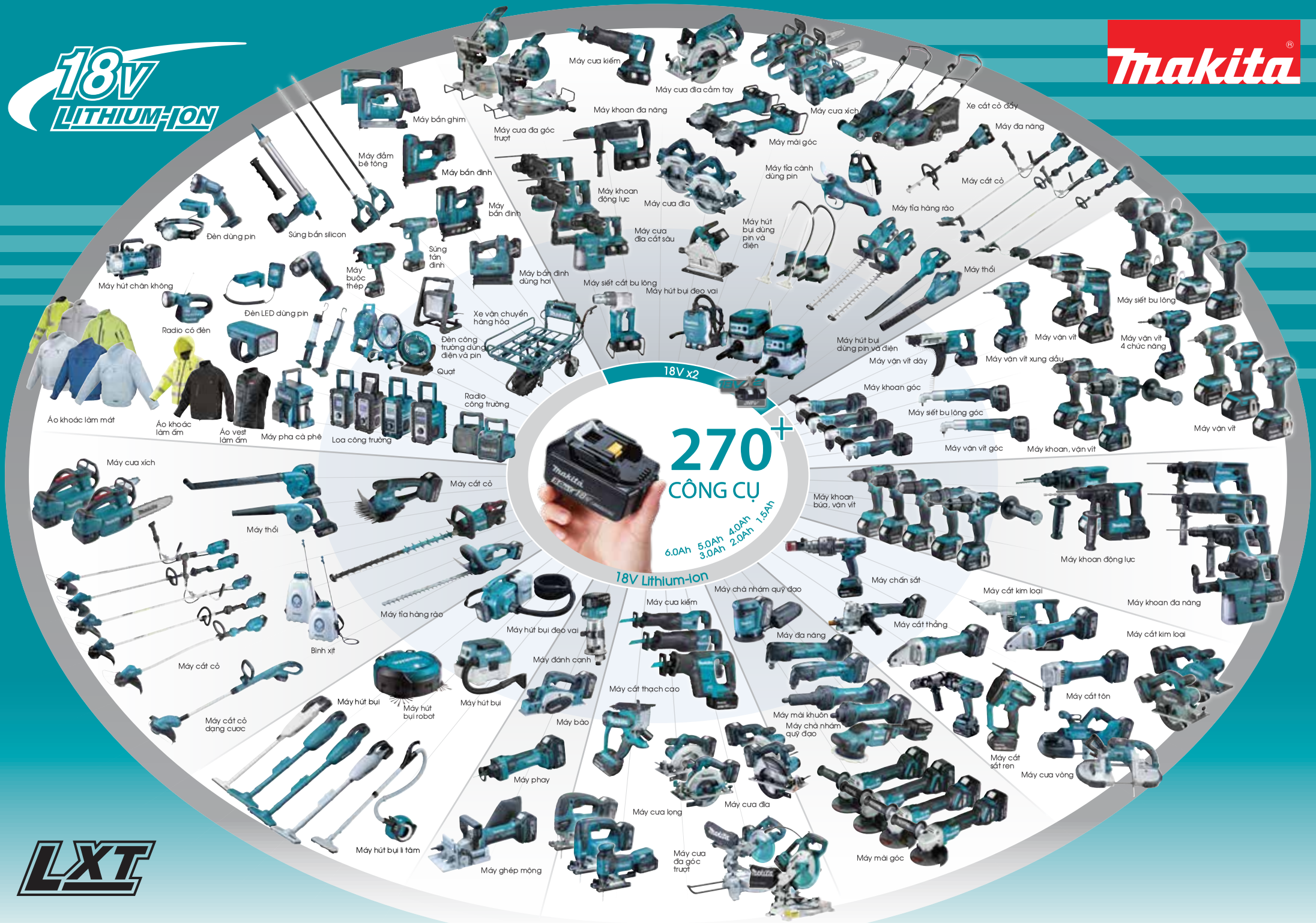
18V LITHIUM-ION
makita
Máy cưa kiếm
Máy cưa đĩa cầm tay
Máy khoan đa năng
Máy cưa xích
Xe cắt cỏ đẩy
Máy đa năng
Máy bắn ghim
Máy cưa đa góc trượt
Máy mài góc
Máy đầm bê tông
Máy bắn đinh
Máy tỉa cành dùng pin
Máy cắt cỏ
Máy khoan động lực
Máy cưa đĩa
Máy tỉa hàng rào
Máy bắn đinh
Máy cưa đĩa cắt sâu
Máy hút bụi dùng pin và điện
Đèn dùng pin
Súng bắn silicon
Súng tán đinh
Máy thổi
Máy bắn đinh dùng hơi
Máy siết cắt bu lông
Máy hút bụi đeo vai
Máy hút chân không
Máy buộc thép
Máy siết bu lông
Đèn LED dùng pin
Xe vận chuyển hàng hóa
Máy hút bụi dùng pin và điện
Máy vặn vít
Máy vặn vít 4 chức năng
Radio có đèn
Đèn công trường dùng điện và pin
Máy vặn vít dây
Máy vặn vít xung dầu
Quạt
18V x2
Máy khoan góc
Radio công trường
Máy siết bu lông góc
Máy vặn vít
Áo khoác làm mát
Áo khoác làm ấm
Áo vest làm ấm
Máy pha cà phê
Loa công trường
Máy vặn vít góc
Máy khoan, vặn vít
270+
CÔNG CỤ
6.0Ah 5.0Ah 4.0Ah 3.0Ah 2.0Ah 1.5Ah
18V Lithium-ion
Máy cưa xích
Máy cắt cỏ
Máy khoan búa, vặn vít
Máy thổi
Máy khoan động lực
Máy chấn sắt
Máy tỉa hàng rào
Máy chà nhám quỹ đạo
Máy cưa kiếm
Máy cắt kim loại
Máy khoan đa năng
Máy hút bụi đeo vai
Máy cắt thẳng
Máy đa năng
Máy cắt kim loại
Bình xịt
Máy đánh cạnh
Máy cắt cỏ
Máy cắt thạch cao
Máy cắt tôn
Máy hút bụi
Máy hút bụi robot
Máy hút bụi
Máy bào
Máy mài khuôn
Máy chà nhám quỹ đạo
Máy cắt cỏ dạng cược
Máy cắt sắt ren
Máy cưa vòng
Máy phay
Máy cưa đĩa
Máy cưa lọng
Máy hút bụi li tâm
Máy cưa đa góc trượt
Máy mài góc
Máy ghép mộng
LXT

DÒNG MÁY ỨNG DỤNG KHI THIÊN THAI, BÃO LỤT XẢY RA

Lựa chọn sản phẩm Makita, kết nối điện năng

12Vmax

18V

Pin, cáp USB, điện thoại thông minh bán riêng.

Khi mất điện, hãy sử dụng pin Makita

Chuẩn bị tốt - không cần lo lắng

Dòng 18V

Dòng 18V / 12Vmax

Dòng 12Vmax

Đèn LED
Tr. 53-54
USB

Bộ chuyển đổi USB
USB
Tr. 48

Radio có đèn

Quạt
Tr. 50

Xe vận chuyển hàng hóa
Tr. 57

Máy cưa xích
Tr. 55

Máy hút bụi
Tr. 58-59

Radio công trường
Tr. 48
USB

Máy pha cà phê
Tr. 48

Loa công trường
Tr. 47
USB

Áo khoác làm mát
Tr. 51-52

Áo vest làm mát
Tr. 51-52

USB

Áo khoác làm ấm
Tr. 52-53

Áo vest làm ấm
Tr. 52-53

USB

Đèn LED
Tr. 75-76
USB

Bộ chuyển đổi USB
Tr. 76
USB

Radio công trường
Tr. 79

Quạt
Tr. 75-76

Máy hút bụi
Tr. 74

Dụng cụ dùng pin

Động cơ không chổi than

. Không cần bảo trì chổi than
. Khối lượng công việc tăng lên với 1 pin sạc đầy
. Tuổi thọ làm việc của pin tăng lên làm giảm chi phí pin
. Độ bền cao dù hoạt động liên tục trong thời gian dài

BL MOTOR

Động cơ dùng chổi than

Công suất cao nhờ sử dụngmô tơ 4 cực

mô-tơ 4 cực | mô-tơ 2 cực

Lực siết tối đa

1050 | 1000 | 400 | 300 | 200 | 100 | 0

1,050 N•m | 1,000 N•m | 440 N•m | 280 N•m | 230 N•m | 190 N•m | 180 N•m

1 DTW1001 — BL MOTOR — Cốt 19mm
- Ốc tiêu chuẩn: M12 - 30
- Ốc đàn hồi cao: M10 - 24

2 DTW1002 — BL MOTOR — Cốt 12.7mm
- Ốc tiêu chuẩn: M12 - 30
- Ốc đàn hồi cao: M10 - 24

4 DTW285 — BL MOTOR — Cốt 12.7mm
- Ốc tiêu chuẩn: M10 - 20
- Ốc đàn hồi cao: M10 - 16

7 DTW180 — Cốt 9.5mm
8 DTW181 — Cốt 12.7mm
BL MOTOR XPT
- Ốc tiêu chuẩn: M8 - 16
- Ốc đàn hồi cao: M6 - 12

Bộ chốt cài (kèm dây đeo vai) - Mã số : 197941-0
Giúp vận hành thoải mái khi làm việc trên cao

3 DTW450 — mô-tơ 4 cực — Cốt 12.7mm
- Ốc tiêu chuẩn: M12 - 22
- Ốc đàn hồi cao: M12 - 16

5 DTW251 — mô-tơ 4 cực — Cốt 12.7mm
- Ốc tiêu chuẩn: M10 - 16
- Ốc đàn hồi cao: M10 - 14

6 DTW190 — mô-tơ 2 cực — Cốt 12.7mm
- Ốc tiêu chuẩn: M8 - 16
- Ốc đàn hồi cao: M8 - 12

CXT | LXT

Cao — Lực siết — Thấp

LỰC SIẾT

1. BL MOTOR DTW1001 — 1,050N.m — 3.4kg
2. BL MOTOR DTW1002 — 1,000N.m — 3.3kg
3. DTW450 — 440N.m — 3.4kg

TRỌNG LƯỢNG NHẸ

4. BL MOTOR XPT DTW285 — 280N.m — 1.5kg
5. DTW251 — 230N.m — 1.5kg
6. DTW190 — 190N.m — 1.4kg
7. DTW180 — 180N.m — 1.4kg
8. DTW181 — 180N.m — 1.2kg — BL MOTOR XPT
9. TW140D — 140N.m — 1.2kg — Tr. 72

Lớn — Trọng lượng nhẹ — Nhỏ

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/ *Impact Wrench* 18V

DTW1001RTJ/DTW1001Z 19mm (3/4")

16,950,000 VND / 10,120,000 VND

1

Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M12 - M30*
	Ốc đàn hồi cao: M10 - M24
	Cốt: 19 mm
Tốc độ đập	*Cứng / vừa / mềm:*
	0 - 2,200 / 0 - 2,000 / 0 - 1,800 l/p
Tốc độ không tải	*Cứng/vừa/mềm:*
	0 - 1,800 / 0 - 1,000 / 0 - 900 v/p
Lực siết tối đa	*1,050 N.m*
Kích thước	*229x91x289 mm*
Trọng lượng	*3.4 - 3.7 kg*

BL MOTOR

DTW1001RTJ: Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah Máy kèm thùng Makpac

DTW1001Z: Không kèm pin, sạc

Máy không kèm đầu tuýp.

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/ *Impact Wrench* 18V

DTW1002RTJ/DTW1002Z 12.7mm (1/2")

16,950,000 VND / 10,120,000 VND

2

Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M12 - M30*
	Ốc đàn hồi cao: M10 - M24
	Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	*Cứng / vừa / mềm:*
	0 - 2,200 / 0 - 2,0000 / 0 - 1,800 l/p
Tốc độ không tải	*Cứng/vừa/mềm:*
	0 - 1,800 / 0 - 1,000 / 0 - 900 v/p
Lực siết tối đa	*1,000 N.m*
Kích thước	*229x91x289 mm*
Trọng lượng	*3.3 - 3.6 kg*

BL MOTOR

DTW1002RTJ: Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah Máy kèm thùng Makpac

DTW1002Z: Không kèm pin, sạc

Máy không kèm đầu tuýp.

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/ *Impact Wrench* 18V

DTW450RME/DTW450Z 12.7mm (1/2")

13,660,000 VND / 8,220,000 VND

Lực siết lớn nhất 440N.m.

3

441 NW

Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M12 - M22*
	Ốc đàn hồi cao: M12 - M16
	Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	*2,200 l/p*
Tốc độ không tải	*1,600 v/p*
Lực siết tối đa	*440 N.m*
Kích thước	*266x82x290 mm*
Trọng lượng	*3.1 - 3.4 kg*

DTW450RME: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah

DTW450Z: Không kèm pin, sạc

Máy không kèm đầu tuýp.

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/ *Impact Wrench* 18V

DTW285RFJX/DTW285RME/DTW285Z

Số lượng có hạn

14,960,000 VND / 14,360,000 VND / 8,130,000 VND

4

DTW285RFJX

Bộ socket

Socket nối dài

Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M10 - M20*
	Ốc đàn hồi cao: M10 - M16
	Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	*Cứng / Vừa / Mềm:*
	0 - 3,500 / 0 - 2,600 / 0 - 1,800 l/p
Tốc độ không tải	*Cứng/ Vừa/ Mềm:*
	0 - 2,800 / 0 - 2,100 / 0 - 1,600 v/p
Lực siết tối đa	*280 N.m*
Kích thước	*147x79x249 mm*
Trọng lượng	*1.5 - 1.8 kg*

BL MOTOR XPT

DTW285RFJX: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah Thùng Makpac & Bộ socket, Socket nối dài

DTW285RME: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah

DTW285Z: Không kèm pin, sạc

Máy không kèm đầu tuýp.

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/ *Impact Wrench* 18V

DTW251RME/DTW251Z 12.7mm (1/2")

12,180,000 VND / 6,230,000 VND

5

448 NW

Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M10 - M16*
	Ốc đàn hồi cao: M10 - M14
	Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	*0 - 3,200 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 2,100 v/p*
Lực siết tối đa	*230 N.m*
Kích thước	*165x79x234 mm*
Trọng lượng	*1.5 - 1.8 kg*

DTW251RME: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah

DTW251Z: Không kèm pin, sạc

Máy không kèm đầu tuýp.

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/ *Impact Wrench* 18V

DTW190RFJX/DTW190ZJX1/DTW190JX3 12.7mm (1/2")

Số lượng có hạn

7,310,000 VND / 2,680,000 VND / 8,240,000 VND

6

DTW190JX3

Bộ socket

Socket nối dài

Bộ chốt cài (kèm dây đeo vai) Mã số : 197941-0

Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M8 - M16*
	Ốc đàn hồi cao: M8 - M12
	Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	*0 - 3,000 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 2,300 v/p*
Lực siết tối đa	*190 N.m*
Kích thước	*176x79x219 mm*
Trọng lượng	*1.4 - 1.8 kg*

DTW190ZJX1: Không kèm pin sạc Máy kèm thùng Makpac & Bộ chốt cài

DTW190RFJX: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah Máy kèm thùng Makpac & Bộ chốt cài

DTW190JX3: Sạc nhanh, 2 pin 3.0 Ah Máy kèm thùng Makpac & Bộ socket, Socket nối dài

Máy không kèm đầu tuýp.

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/ *Impact Wrench* 18V

DTW180RFE/DTW180Z 9.5mm (3/8")

8,640,000 VND / 3,640,000 VND

7

Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M8 - M16*
	Ốc đàn hồi cao: M6 - M12
	Cốt: 9.5 mm
Tốc độ đập	*Cứng/mềm: 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p*
Tốc độ không tải	*Cứng/mềm: 0 - 2,400 / 0 - 1,300 v/p*
Lực siết tối đa	*180 N'm*
Kích thước	*Với BL1815N / BL1820B: 144x79x218 mm*
	Với BL1830B / BL1840B / BL1850B / BL1860B: 144x79x235 mm
Trọng lượng	*1.2 - 1.5 kg*

BL MOTOR XPT

DTW180RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah

DTW180Z: Không kèm pin, sạc

Móc treo (máy không kèm đầu tuýp).

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/ *Impact Wrench* 18V

DTW181RFE/DTW181Z 12.7mm (1/2")

8,640,000 VND / 3,640,000 VND

8

new

Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M8 - M16*
	Ốc đàn hồi cao: M6 - M12
	Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	*Cứng/mềm: 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p*
Tốc độ không tải	*Cứng/mềm: 0 - 2,400 / 0 - 1,300 v/p*
Lực siết tối đa	*210 N'm*
Kích thước	*Với BL1815N / BL1820B: 151x79x218 mm*
	Với BL1830B / BL1840B / BL1850B / BL1860B: 151x79x235 mm
Trọng lượng	*1.2 - 1.5 kg*

BL MOTOR XPT

DTW181RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah

DTW181Z: Không kèm pin, sạc

Móc treo (máy không kèm đầu tuýp).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã 7 (18V) cần mua thêm pin, sạc, bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Động cơ không chổi than

. Không cần bảo trì chổi than
. Khối lượng công việc tăng lên với 1 pin sạc đầy
. Tuổi thọ làm việc của pin tăng lên làm giảm chi phí pin
. Độ bền cao dù hoạt động liên tục trong thời gian dài

Động cơ dùng chổi than

Công suất cao nhờ sử dụng mô tơ 4 cực

mô-tơ 4 cực

Chế độ Bu lông
Cho phép siết/tháo bu lông.
Tự động dừng sau 0,2 giây để tránh bu lông rơi ra ngoài.

Chế độ A [chế độ hỗ trợ]
Tránh việc mũi vít bị văng ra ngoài hay hư đầu vít bằng cách khởi đầu với vận tốc chậm

Quá trình khởi động: Khởi động chậm và đều → Tăng tốc tự động → Siết nhanh với tốc độ cao

v/p — giây

		Lực siết (N•m)
1	DTD171	180
2	DTD170	175
3	DTD153	170
4	DTD149	165
5	DTD152	165
6	DTD155	140

180 — 175 — 170 — 165 — 155 — 145

1 DTD171 — BL MOTOR, XPT
4 cấp độ + chế độ T (T1 Chế độ thép mỏng, T2 Chế độ thép dày) + A + Chế độ bu lông

2 DTD170 — BL MOTOR, XPT
4 cấp độ + chế độ T + A

3 DTD153 — BL MOTOR, XPT
Tối ưu cho các ứng dụng như bắt vít tự khoan

6 DTD155 — BL MOTOR, XPT
3 cấp độ + chế độ T + A
Chế độ T là chế độ đặc biệt tối ưu cho vặn vít tự khoan mà không làm hỏng vít và vật liệu.

4 DTD149 — mô-tơ 4 cực, XPT

5 DTD152 — mô-tơ 4 cực, XPT
Tối ưu cho các ứng dụng như bắt vít tự khoan

Máy vặn vít xung dầu dùng pin
DTS141 — BL MOTOR, XPT — 40 N•m
Thích hợp cho những công trường nhạy cảm với tiếng ồn
3 cấp độ + chế độ T
SOFT IMPACT — Độ ồn thấp 77dB

Máy vặn vít 4 chế độ dùng pin
DTP141 — BL MOTOR — 150 N•m
4 chế độ hoạt động
Khoan vặn vít/ Khoan búa/ Khoan/ Vặn vít
3 cấp độ + chế độ T
4 TOOLS

Cao — Lực siết — Thấp

CXT — LXT

GỌN NHẸ

5	XPT DTD152	165N.m	137mm
4	XPT DTD149	165N.m	135mm
6	BL MOTOR XPT DTD155	140N.m	135mm
3	BL MOTOR XPT DTD153	170N.m	126mm
2	BL MOTOR XPT DTD170	175N.m	117mm
1	BL MOTOR XPT DTD171	180N-m	116mm
	TD110D	110N.m	153mm
	BL MOTOR TD111D	135N.m	135mm

Tr. 67
Tr. 67

Lớn — Gọn — Nhỏ

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Vặn Vít Dùng Pin/*Impact Driver* 18V

DTD170RME/DTD170Z

10,800,000 VND / 5,170,000 VND

6 chế độ vận hành đáp ứng nhiều công việc khác nhau.

1

Khả năng	Ốc máy: M4 - M8 Ốc tiêu chuẩn: M5 - M16 Ốc đàn hồi cao: M5 - M14 Ren thô (ren dài): 22 - 125 mm
Tốc độ đập	Tối đa/Cứng/Trung bình/Mềm/Chế độ T: 0 - 3,800 / 3,600 / 2,600 / 1,100 / 2,600 l/p
Tốc độ không tải	Tối đa/Cứng/Trung bình/Mềm/Chế độ T: 0 - 3,600 / 3,200 / 2,100 / 1,100 / 3,600 v/p
Lực siết tối đa	175 N.m
Kích thước	117x79x236 mm
Trọng lượng	1.2 - 1.5 kg

DTD170RME: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DTD170Z: Không kèm pin, sạc

Móc treo. (Máy không kèm mũi vít).

Nhỏ gọn & mạnh mẽ

4 mức lựa chọn tốc độ búa

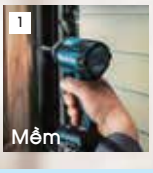

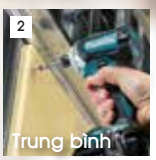

Chế độ T (vít tự khoan)

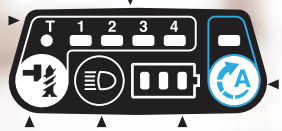

Chế độ A (Chế độ hỗ trợ)

Máy Vặn Vít Dùng Pin/*Impact Driver* 18V

DTD171RTJ/DTD171Z

11,620,000 VND / 5,590,000 VND

8 chế độ vận hành và chức năng ghi nhớ đáp ứng nhiều công việc khác nhau.

2

new

Khả năng	Ốc máy: M4 - M8 Ốc tiêu chuẩn: M5 - M16 Ốc đàn hồi cao: M5 - M14 Ren thô (ren dài): 22 - 125 mm
Tốc độ đập	Tối đa/cứng/Trung bình/Mềm/Chế độ T(1)/T(2): 0 - 3,800 / 3,600 / 2,600 / 1,100/N/A / 2,600 l/p
Tốc độ không tải	Tối đa/cứng/Trung bình/Mềm/Chế độ T(1)/T(2): 0 - 3,600 / 3,200 / 2,100 / 1,100/2,900 / 3,600 v/p
Lực siết tối đa	180 N.m
Kích thước	116x79x218 mm
Trọng lượng	1.2 - 1.6 kg

DTD171RTJ: Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
Máy kèm thùng Makpac
DTD171Z: Không kèm pin, sạc

Móc treo, mũi vít

8 CHẾ ĐỘ SIẾT VÀ CHỨC NĂNG GHI NHỚ

Lực siết tối đa **180 N.m**

Gỗ Siết vít dài (0 - 1,800 / 3,800)

Vặn vít với tốc độ thấp lúc đầu. Sau khi bắt đầu tác động tốc độ tăng lên và đạt tốc độ tối đa.

Bu lông Nới lỏng bu lông (0 - 3,600 / 3,800)

Chế độ xoay ngược tự động dừng

Chế độ này giúp bu lông không bị rơi

T1 Chế độ T cho tấm kim loại mỏng
Vít tự khoan trên kim loại mỏng

Máy tự động ngừng sau khi vít đã được gắn vào vật liệu

T2 Chế độ T cho kim loại dày
Vít tự khoan trên kim loại dày hoàn thiện đẹp

Chế độ này giúp ngăn chặn vít bị gãy và rơi ra.

4 mức lựa chọn tốc độ búa (Bảng điều khiển)

4 Chế độ hỗ trợ (Bảng điều khiển)

Lựa chọn tốc độ búa

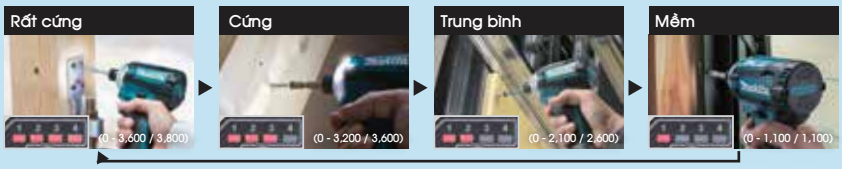

Chức năng chuyển đổi chế độ nhanh

Thay đổi lực tác động bằng 1 tay

Trang bị chức năng nhớ trước

Nếu 2 chế độ bất kì nào được cài đặt trước, có thể chuyển đổi sang chế độ mong muốn bằng cách nhấn nút chuyển đổi chế độ nhanh

Máy Vặn Vít Dùng Pin/*Impact Driver* 18V

DTD153RTE/DTD153RFE/DTD153Z

10,280,000 VND / 9,580,000 VND / 4,150,000 VND

3

Khả năng	Ốc máy: M4 - M8 Ốc tiêu chuẩn: M5 - M16 Ốc đàn hồi cao: M5 - M14 Ren thô (ren dài): 22 - 125 mm
Tốc độ đập	0 - 3,600 l/p
Tốc độ không tải	0 - 3,400 v/p
Lực siết tối đa	170 N.m
Kích thước	126X79X238 mm
Trọng lượng	1.3 - 1.6 kg

DTD153RTE: Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
DTD153RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DTD153Z: Không kèm pin, sạc

Móc treo. (Máy không kèm mũi vít).

Máy Vặn Vít Dùng Pin/*Impact Driver* 18V

DTD149RME/DTD149RAE/DTD149Z

8,910,000 VND / 7,610,000 VND / 2,940,000 VND

4

448

Khả năng	Ốc máy: M4 - M8 Ốc tiêu chuẩn: M5 - M14 Ốc đàn hồi cao: M5 - M12 Ren thô (ren dài): 22 - 125 mm
Tốc độ đập	0 - 3,200 l/p
Tốc độ không tải	0 - 2,500 v/p
Lực siết tối đa	165 N.m
Kích thước	135x79x238 mm
Trọng lượng	1.3 - 1.6 kg

DTD149RME: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DTD149RAE: Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
DTD149Z: Không kèm pin, sạc

Móc treo. (Máy không kèm mũi vít).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Vặn Vít Dùng Pin/*Impact Driver* 18V

DTD152RME/DTD152RAE/DTD152Z

10,020,000 VND / 7,870,000 VND / 2,940,000 VND

5

Khả năng	Ốc máy: M4 - M8
	Ốc tiêu chuẩn: M5-M16
	Ốc đàn hồi cao: M5 - M12
	Ren thô (ren dài): 22 - 125 mm
Tốc độ đập	0 - 3,500 l/p
Tốc độ không tải	0 - 2,900 v/p
Lực siết tối đa	165 N.m
Kích thước	137x79x238 mm
Trọng lượng	1.3 - 1.6 kg

XPT

448

DTD152RME:	Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DTD152RFE:	Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DTD152RAE:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
DTD152Z:	Không kèm pin, sạc

Móc treo. (Máy không kèm mũi vít).

Máy Vặn Vít Dùng Pin/*Impact Driver* 18V

DTD155RFE/DTD155Z

8,050,000 VND / 2,980,000 VND

6

Khả năng	Ốc máy: M4 - M8
	Ốc tiêu chuẩn: M5 - M14
	Ốc đàn hồi cao: M5 - M12
	Ren thô (ren dài): 22 - 90 mm
Tốc độ không tải	Cao/thấp: 0 - 3,000 / 0 - 1,300 l/p
Tốc độ đập	Cao/thấp: 0 - 3,900 / 0 - 1,600 v/p
Lực siết tối đa	140 N.m
Kích thước	135x79x232 mm
Trọng lượng	1.2 - 1.5 kg

BL MOTOR XPT

DTD155RFE:	Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DTD155Z:	Không kèm pin, sạc

Móc treo. (Máy không kèm mũi vít).

Máy Vặn Vít Xung Dầu Dùng Pin/ *Oil-Pulse Driver* 18V

DTS141RME/DTS141Z

15,050,000 VND / 8,820,000 VND

Khả năng	Ốc máy: M4 - M8
	Ốc tiêu chuẩn: M5 - M8
	Ốc đàn hồi cao: M5 - M6
	Ren thô (ren dài): 22 - 125 mm
Tốc độ đập	Cứng / Vừa/ Mềm:
	0 - 2,700/ 0 - 2,200/ 0 - 1,400 l/p
Tốc độ không tải	Cứng/ Vừa/ Mềm:
	0 - 3,200/ 0 - 2,000/ 0 - 1,200 v/p
Lực siết tối đa	40 N.m
Kích thước	136x79x240 mm
Trọng lượng	1.3 - 1.6 kg

BL MOTOR XPT

DTS141RME:	Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DTS141Z:	Không kèm pin, sạc

Có thể "vặn liên tục" ở tốc độ cao

Làm giảm ảnh hưởng từ nhiệt

Vặn êm

Phản ứng nhỏ ngăn chấn rung lắc từ tay.

2 tác động trên 1 nhịp đập

ngăn chặn mũi vít rơi ra ngoài.

Máy Vặn Vít 4 Chức Năng Dùng Pin/ *4 Mode Impact Driver* 18V

DTP141Z

6,580,000 VND

Khả năng	Thép/gỗ/bê tông: 10/21/8 mm
Tốc độ đập	Bắt vít (cứng/vừa/mềm):
	0 - 3,200 / 0 - 2,400 / 0 - 1,200 l/p
	Khoan búa(cao/thấp): 0 - 32,400 / 0 - 8,400 l/p
Tốc độ không tải	Bắt vít(cứng/vừa/mềm) :
	0 - 2,700 / 0 - 2,200 / 0 - 1,300 v/p
	Khoan (cao/thấp) : 0 - 2,700 / 0 - 700 v/p
	Khoan búa (cao/thấp) : 0 - 2,700 / 0 - 700 v/p
	Bắt vít (cao/thấp) : 0 - 1,100 / 0 - 300 v/p
Lực siết tối đa	Bắt vít : 150N.m , Khoan (cứng/mềm) : 22 / 13 N.m
Kích thước	171x79x250 mm
Trọng lượng	1.5 - 1.9 kg

BL MOTOR

DTP141Z:	Không kèm pin, sạc

Móc treo.

Bộ Sản Phẩm Máy Cưa Đĩa, Máy Vặn Vít/*Combo kit* 18V

DLX2239M

14,020,000 VND

Bộ Sản Phẩm Máy Khoan, Máy Vặn Vít/*Combo kit* 18V

DLX2242PM1

19,900,000 VND

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Động cơ không chổi than

. Không cần bảo trì chổi than
. Khối lượng công việc tăng lên với 1 pin sạc đầy
. Tuổi thọ làm việc của pin tăng lên làm giảm chi phí pin
. Độ bền cao dù hoạt động liên tục trong thời gian dài

BL MOTOR

Động cơ dùng chổi than

Công suất cao nhờ sử dụng mô tơ 4 cực

mô-tơ 4 cực | mô-tơ 2 cực

Lực siết tối đa Mềm — Lực siết tối đa Cứng — Lực siết tối đa Mềm

Động cơ không chổi than

- 8 DHP484 — Tự động trượt 21 cấp độ — 30 N•m
- 2 DDF484 — BL MOTOR, XPT — 54 N•m
- 9 DHP485 — Tự động trượt 21 cấp độ, BL MOTOR, XPT — 27 N•m
- 4 DDF485 — Tự động trượt 21 cấp độ, BL MOTOR, XPT — 50 N•m
- 5 DDF083 — BL MOTOR, XPT, Tự động trượt 20 cấp độ — 23 N•m, 40 N•m
- 11 DHP483 — Tự động trượt 20 cấp độ — 21 N•m
- 6 DDF483 — BL MOTOR, XPT

Động cơ dùng chổi than

Mô tơ 4 cực, XPT
- 1 DDF482 — 62 N•m
- 7 DHP482 — Tự động trượt 21 cấp độ — 36 N•m

Mô tơ 2 cực
- 3 DDF453 — 42 N•m
- 10 DHP453 — Tự động trượt 16 cấp độ — 27 N•m

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 18V

DDF482RFE/DDF482RAE/DDF482Z

7,850,000 VND / 7,610,000 VND / 2,510,000 VND

1

Khả năng khoan	*Thép: 13 mm*
	Gỗ: 38 mm
	Cao: 0 - 1,900 v/p
Khả năng đầu cặp	*1.5 - 13 mm*
Tốc độ không tải	*Thấp: 0 - 600 v/p*
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 62 / 36 N.m*
Kích thước	*185x79x249 mm*
Trọng lượng	*1.5 - 1.8 kg*

DDF482RFE:	Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DDF482RAE:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
DDF482Z:	Không kèm pin, sạc

Mũi vít 2-45 (+)(-), móc treo.

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 18V

DDF484RTE/DDF484RFE/DDF484Z

9,910,000 VND / 8,480,000 VND / 3,380,000 VND

Thiết kế gọn và nhẹ, cho khả năng khoan tối đa.

2

Khả năng	*Thép: 13 mm*
	Gỗ: 38 mm
Khả năng đầu cặp	*1.5 - 13 mm*
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 2,000 v/p*
	Thấp: 0 - 500 v/p
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 54 / 30 N.m*
Kích thước	*172x79x261 mm*
Trọng lượng	*1.5 - 1.8 kg*

DDF484RTE:	Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
DDF484RFE:	Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DDF484Z:	Không kèm pin, sạc

Mũi vít (+)(-), ốc, móc treo.

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 18V

DDF453SYX1/DDF453SYX6/DDF453SYE/DDF453Z

Số lượng có hạn / Số lượng có hạn

6,290,000 VND / 7,470,000 VND / 5,610,000 VND / 1,540,000 VND

Thiết kế gọn và trọng lượng nhẹ.

3

Khả năng	*Thép: 13 mm*
	Gỗ: 36 mm
Khả năng đầu cặp	*1.5 - 13 mm*
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 1,300 v/p*
	Thấp: 0 - 400 v/p
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 42 / 27 N.m*
Kích thước	*222x79x244 mm*
Trọng lượng	*1.7 - 2.0 kg*

DDF453SYX1:	Sạc, 2 pin 1.5Ah, Bộ phụ kiện
DDF453SYX6:	Sạc, 2 pin 1.5Ah, 2 bộ mũi vít, bộ mũi khoan, 2 tua vít, thước dây, dao rọc giấy
DDF453SYE:	Sạc, 2 pin 1.5Ah
DDF453Z:	Không kèm pin, sạc

Mũi vít (+)(-).

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 18V

DDF485SFE/DDF485Z

6,890,000 VND / 2,500,000 VND

Thiết kế gọn và trọng lượng nhẹ.

4

new

Khả năng	*Thép: 13 mm*
	Gỗ: 38 mm
Khả năng đầu cặp	*1.5 - 13 mm*
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 1,900 v/p*
	Thấp: 0 - 500 v/p
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 50 / 27 N.m*
Kích thước	*222x79x255 mm*
Trọng lượng	*1.4 - 1.7 kg*

DDF485SFE:	Sạc, 2 pin 3.0Ah
DDF485Z:	Không kèm pin, sạc

Móc treo, mũi vít

Tốc độ không tải tối đa 1,900 RPM

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 18V

DDF083Z

2,600,000 VND

Máy khoan, vặn vít 6.35 mm dùng pin sử dụng pin Lithiim-ion 18V.

5

Khả năng	*Thép: 13 mm*
	Gỗ: 36 mm
Khả năng đầu cặp	*6.35 mm*
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 1,700 v/p*
	Thấp: 0 - 5,00 v/p
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 40 / 23 N.m*
Kích thước	*124x79x247 mm*
Trọng lượng	*1.1 - 1.4 kg*

DDF083Z:	Không kèm pin, sạc

Mũi vít (+)(-), ốc, móc treo.

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 18V

DDF483RTE/DDF483RFE/DDF483Z

9,460,000 VND / 8,130,000 VND / 3,030,000 VND

6

Khả năng	*Thép: 13 mm*
	Gỗ: 36 mm
Khả năng đầu cặp	*1.5 - 13 mm*
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 1,700 v/p*
	Thấp: 0 - 500 v/p
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 40 / 23 N.m*
Kích thước	*162x79x247 mm*
Trọng lượng	*1.2 - 1.6 kg*

DDF483RTE:	Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
DDF483RFE:	Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DDF483Z:	Không kèm pin, sạc

Mũi vít (+)(-).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Bộ Sản Phẩm Máy Khoan, Máy Vặn Vít/*Combo kit* 18V

DLX2022

9,950,000 VND

Bộ Sản Phẩm Máy Khoan, Máy Vặn Vít/*Combo kit* 18V

DLX2240

9,960,000 VND

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin/ *Hammer Driver Drill* 18V

DHP482RFE/DHP482RAE/DHP482Z

8,460,000 VND / 8,220,000 VND / 3,120,000 VND

7

XPT

440 W

Khả năng khoan	*Thép/Gỗ/Tường: 13/38/13 mm*
Khả năng đầu cặp	*1.5 - 13 mm*
Tốc độ đập	*Cao/thấp: 0 - 28,500 / 0 - 9,000 l/p*
Tốc độ không tải	*Cao/thấp: 0 - 1,900 / 0 - 600 v/p*
Lực vặn tối đa	*Cứng / Mềm: 62 / 36 N.m*
Kích thước	*198x79x249 mm*
Trọng lượng	*1.5 - 1.8 kg*

DHP482RFE:	Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DHP482RAE:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
DHP482Z:	Không kèm pin, sạc

Móc treo.

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin/ *Hammer Driver Drill* 18V

DHP484RTE/DHP484RFE/DHP484Z

10,400,000 VND / 9,030,000 VND / 3,720,000 VND

8

BL MOTOR XPT

Khả năng	*Thép/Gỗ/Tường: 13 / 38 / 13 mm*
Khả năng đầu cặp	*1.5 - 13 mm*
Tốc độ đập	*Cao/thấp: 0 - 30,000 / 0 - 7,500 l/p*
Tốc độ không tải	*Cao/thấp: 0 - 2,000 / 0 - 500 v/p*
Lực vặn tối đa	*Cứng / Mềm: 54 / 30 N.m*
Kích thước	*182x79x261 mm*
Trọng lượng	*1.6 - 1.9 kg*

DHP484RTE:	Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
DHP484RFE:	Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DHP484Z:	Không kèm pin, sạc

Mũi vít (+) (-).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin/ Hammer Driver Drill 18V

DHP485SFE/DHP485Z

7,230,000 VND / 2,830,000 VND

9

new

XPT

440

Khả năng khoan	Thép/Gỗ/Tường:13/38/13 mm
Khả năng đầu cặp	1.5 - 13 mm
Tốc độ đập	Cao/thấp: 0 - 28,500 / 0 - 7,500 l/p
Tốc độ không tải	Cao/thấp: 0 - 1,900 / 0 - 500 v/p
Lực vặn tối đa	Cứng / Mềm: 50 / 27 N.m
Kích thước	182x79x255 mm
Trọng lượng	1.5 - 1.8 kg

DHP485SFE: Sạc, 2 pin 3.0Ah
DHP485Z: Không kèm pin, sạc

Mũi vít (+)(-)

Tốc độ không tải tối đa 1,900 RPM

BL MOTOR

Hình ảnh: DHP485

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin/ Hammer Driver Drill 18V

DHP453SYX1/DHP453SYX7/DHP453SYE/DHP453Z

Số lượng có hạn / Số lượng có hạn

6,810,000 VND / 7,980,000 VND / 6,130,000 VND / 2,440,000 VND

Thiết kế gọn và trọng lượng nhẹ.

10

Bộ phụ kiện DHP453SYX1

DHP453SYX7

Khả năng	Thép/Gỗ/Tường: 13 / 36 / 13 mm
Khả năng đầu cặp	1.5 - 13 mm
Tốc độ đập	Cao/thấp: 0 - 19,500 / 0 - 6,000 l/p
Tốc độ không tải	Cao/thấp: 0 - 1,300 / 0 - 400 v/p
Lực vặn tối đa	Cứng / Mềm: 42 / 27 N.m
Kích thước	240x79x244 mm
Trọng lượng	1.7 - 2.0 kg

DHP453SYX1: Sạc, 2 pin 1.5Ah, Bộ phụ kiện
DHP453SYX7: Sạc, 2 pin 1.5Ah, 2 bộ mũi vít, bộ mũi khoan, 2 tua vít, thước dây, dao rọc giấy
DHP453SYE: Sạc, 2 pin 1.5Ah
DHP453Z: Không kèm pin, sạc

Mũi vít (+) (-).

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin/ Hammer Driver Drill 18V

DHP483RTE/DHP483RFE/DHP483Z

9,950,000 VND / 8,680,000 VND / 3,350,000 VND

11

BL MOTOR

XPT

Khả năng	Thép/Gỗ/Tường: 13 / 36 / 13 mm
Khả năng đầu cặp	1.5 - 13 mm
Tốc độ đập	Cao/thấp: 0 - 25,500 / 0 - 7,500 l/p
Tốc độ không tải	Cao/thấp: 0 - 1,700 / 0 - 500 v/p
Lực vặn tối đa	Cứng / Mềm: 40 / 23 N.m
Kích thước	176x79x247 mm
Trọng lượng	1.3 - 1.6 kg

DHP483RTE: Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
DHP483RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DHP483Z: Không kèm pin, sạc

Mũi vít (+) (-).

	STT	Máy	Khả năng khoan tối đa (mm)	Lực đập (J)	Tốc độ đập (lần / phút)	Tốc độ không tải (vòng / phút)	Chức năng: 2 chức năng	Chức năng: 3 chức năng
18Vx2	1	DHR400 (Tr. 16) AWS, BL MOTOR, AVT, SOFT NO LOAD	Bê tông(Mũi TCT/ Mũi định tâm): 40 / 105	8.0	1,450 - 2,900	250 - 500	✓	—
18Vx2	2	DHR280/ DHR282 DHR282 ◄ AWS, BL MOTOR, AVT, SOFT NO LOAD, XPT	Bê tông/Thép/Gỗ (Mũi TCT/Mũi định tâm): 28/13/32/54/65	3.2	0 - 5000	0 - 980	—	✓
18Vx2	3	DHR263 (Tr. 15) XPT	Bê tông/Thép/Gỗ: 26 / 13/ 32	2.5	0 - 5000	0 - 1,250	—	✓
18V	4	DHR242 XPT, BL MOTOR	Bê tông/Thép/Gỗ: 24 / 13 / 27	2.0	0 - 4,700	0 - 950	✓	—
18V	5	DHR241/ DHR202	Bê tông/Thép/Gỗ: 20 / 13 / 26	1.9	0 - 4,000	0 - 1.100	—	✓
18V	6	DHR171 BL MOTOR	Bê tông/Thép/Gỗ: 17 / 10 / 13	1.2	0 - 4,800	0 - 680	✓	—
18V	7	DHR165 XPT	Bê tông/Thép/Gỗ: 16 / 13 / 24	1.3	0 - 5,300	0 - 1,600	✓	—
12V max	8	HR166D (Tr. 69) BL MOTOR, CXT	Bê tông/Thép/Gỗ: 16 / 10 / 13	1.1	0 - 4,800	0 - 680	✓	—
12V max	9	HR140D (Tr. 69) CXT	Bê tông/Thép/Gỗ: 14 / 10 / 13	1.0	0 - 4,900	0 - 850	✓	—

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Dụng cụ dùng pin

Máy Khoan Đa Năng Dùng Pin/ *Combination Hammer* 18V

DHR242RME/DHR242Z 24mm

16,590,000 VND / 10,380,000 VND

Chuôi gài SDS-PLUS. Máy khoan 3 chức năng: Khoan, Khoan búa, Đục

3

DX01
(195896-3)

Lực đập	*2.0 J*
Khả năng tối đa	*Bê tông: 24 mm*
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 27 mm
Tốc độ đập	*0 - 4,700 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 950 v/p*
Kích thước	*328x85x213 mm*
Trọng lượng	*3.1 - 3.8 kg*

Tr. 91

DHR242RME: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DHR242Z: Không kèm pin, sạc

Tay cầm, thước canh. (Máy không kèm mũi & DX01).

Bộ Sản Phẩm Máy Khoan, Máy Mài/ *Combo kit* 18V

DLX2161X

18,750,000 VND

Máy Khoan Đa Năng Dùng Pin/ *Combination Hammer* 18V

DHR241RFE/DHR241Z 20mm

11,920,000 VND / 6,840,000 VND

Chuôi gài SDS-PLUS. Máy khoan 3 chức năng : Khoan, Khoan búa, Đục

4

Lực đập	*1.9 J*
Khả năng	*Bê tông: 20 mm*
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 26 mm
Tốc độ đập	*0 - 4,000 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 1,100 v/p*
Kích thước	*417x84x219 mm*
Trọng lượng	*3.2 - 4.0 kg*

441

Tr. 91

DHR241RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DHR241Z: Không kèm pin, sạc

Tay cầm, thước canh. (Máy không kèm mũi khoan).

Máy Khoan Đa Năng Dùng Pin/ *Combination Hammer* 18V

DHR202SYE/DHR202Z 20mm

8,790,000 VND / 4,150,000 VND

Chuôi gài SDS-PLUS. Máy khoan 3 chức năng: Khoan, Khoan búa, Đục

5

Lực đập	*1.9 J*
Khả năng	*Bê tông: 20 mm*
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 26 mm
Tốc độ đập	*0 - 4,000 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 1,100 v/p*
Kích thước	*358x84x259 mm*
Trọng lượng	*3.2 - 4.0 kg*

441

Tr. 91

DHR202SYE: Sạc, 2 pin 1.5Ah
DHR202Z: Không kèm pin, sạc

Tay cầm, thước canh. (Máy không kèm mũi khoan).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Khoan Động Lực Dùng Pin/ *Rotary Hammer* 18V

DHR171RFJ/DHR171Z 17mm

8,990,000 VND / 3,720,000 VND

Chuôi gài SDS-PLUS. Máy khoan 2 chức năng : Khoan, Khoan búa

6

Lực đập	1.2 J
Khả năng	Bê tông : 17 mm
	Thép : 10 mm
	Gỗ : 13 mm
Tốc độ đập	0 - 4,800 l/p
Tốc độ không tải	0 - 680 v/p
Kích thước	Với BL1815N / BL1820B: 273x86x194 mm
Trọng lượng	2.1 - 2.8 kg

BL MOTOR

Tr. 91

DHR171RFJ:	Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah Máy kèm thùng Makpac
DHR171Z:	Không kèm pin, sạc

Tay cầm, thước canh. (Máy không kèm mũi khoan).

Máy Khoan Động Lực Dùng Pin/ *Rotary Hammer* 18V

DHR165RFE/DHR165Z 16mm

8,620,000 VND / 3,640,000 VND

Chuôi gài SDS-PLUS. Máy khoan 2 chức năng : Khoan, Khoan búa

7

Lực đập	1.3 J
Khả năng khoan	Bê tông: 16 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 24 mm
Tốc độ đập	0 - 5,300 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,600 v/p
Kích thước	297x79x253 mm
Trọng lượng	2.3 - 3.0 kg

XPT

430 W

Tr. 91

DHR165RFE:	Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DHR165Z:	Không kèm pin, sạc

Tay cầm, thước canh. (Máy không kèm mũi khoan).

17mm Bê tông DHR171

Khối lượng công việc nhiều hơn

* Khối lượng công việc trên 1 pin sạc đầy

Ø6.0mm: Khoảng 220 lỗ

Ø10.5mm: Khoảng 130 lỗ

(với pin BL1850B)

Trọng lượng: 2.1-2.8 kg

Vỏ máy hấp thụ rung động
Giảm độ rung cho tay cầm

Thiết kế cân bằng tốt
Hình dáng tay cầm nhỏ gọn, giảm mỏi và đau tay

Ly chứa bụi (bán riêng)
Dùng với bộ đế kẹp
Mã số : 198362-9

Bộ đế kẹp (bán riêng)
Mã số : 194581-5

	STT	Máy	Tốc độ không tải (v/p)	Loại công tắc: Trượt	Loại công tắc: Bóp (thân)	Chức năng chống khởi động lại	Hãm bằng điện (BRAKE)
18V	1	DGA402 100mm	11,000	✓	—	✓	
18V	2	DGA404 100mm BL MOTOR, AFT, XPT, ADT	8,500	✓	—	✓	
18V	3	DGA406 100mm BRAKE, BL MOTOR, AFT, XPT, ADT	8,500	✓	—	✓	✓
18V	4	DGA408 100mm BRAKE, BL MOTOR, AFT, XPT, ADT	8,500	—	✓	✓	✓
18V	5	DGA413/DGA417 100mm BRAKE, BL MOTOR, AFT, XPT, ADT	3,000 - 8,500	✓	—	✓	✓
18Vx2	6	DGA700 180mm (Tr. 13) BRAKE, AFT, BL MOTOR, ADT	7,800	—	✓	✓	✓
18Vx2	7	DGA900 230mm (Tr. 13) BRAKE, AFT, BL MOTOR, ADT	6,000	—	✓	✓	✓

ADT

Công nghệ tự động điều tốc

Tự động thay đổi tốc độ cắt theo điều kiện tải nhằm hoạt động tối ưu
- Tải nhẹ : chế độ quay tốc độ cao
- Tải nặng: chế độ mô-men xoắn cao

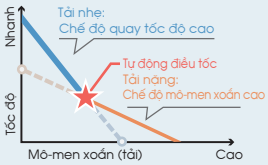

AFT

Công nghệ cảm biến kích hoạt điều tốc

Máy ngừng hoạt động để bảo vệ người dùng nếu tốc độ vòng quay giảm đột ngột

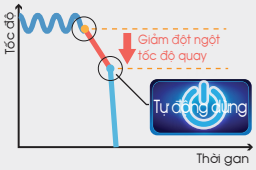

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Mài Góc Dùng Pin/ *Angle Grinder* 18V

DGA402RME/DGA402Z 100mm

9,170,000 VND / 2,750,000 VND

Máy mài dùng pin gọn và nhẹ.

1

Đường kính đá mài	*100 mm*
Tốc độ không tải	*11,000 v/p*
Kích thước	*317x118x118 mm*
Trọng lượng	*1.9 - 2.51 kg*

430 W

DGA402RME:	Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DGA402Z:	Không kèm pin, sạc

Đá mài, tuýp mở ốc.

Máy Mài Góc Dùng Pin/ *Angle Grinder* 18V

DGA404RTJ2/DGA404RME/DGA404Z 100mm

10,720,000 VND / 10,210,000 VND / 4,850,000 VND

Công suất cao với động cơ không chổi than.

2

DGA404RTJ2

Đường kính đá mài	*100 mm*
Tốc độ không tải	*8,500 v/p*
Kích thước	*362x117x140 mm*
Trọng lượng	*2.1 - 2.71 kg*

DGA404RTJ2:	Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah Bộ đá mài (5 cái) Máy kèm thùng Makpac
DGA404RME:	Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DGA404Z	Không kèm pin, sạc

Đá mài, tuýp mở ốc, tay cầm.

Máy Mài Góc Dùng Pin/ *Angle Grinder* 18V

DGA406RTE/DGA406Z 100mm

10,550,000 VND / 5,020,000 VND

Hãm bằng điện và khả năng bảo vệ người dùng khỏi tình trạng máy dội ngược lại.

3

Đường kính đá mài	*100 mm*
Tốc độ không tải	*8,500 v/p*
Kích thước	*362x117x146 mm*
Trọng lượng	*2.18 - 2.77 kg*

DGA406RTE:	Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
DGA406Z:	Không kèm pin, sạc

Đá mài, tuýp mở ốc, tay cầm.

Máy Mài Góc Dùng Pin/ *Angle Grinder* 18V

DGA408RTJ1/DGA408ZX1 100mm

10,790,000 VND / 5,020,000 VND

Hãm bằng điện và khả năng bảo vệ người dùng khỏi tình trạng máy dội ngược lại.

4

DGA408RTJ1

Đường kính đá mài	*100 mm*
Tốc độ không tải	*8,500 v/p*
Kích thước	*362x117x146 mm*
Trọng lượng	*2.18 - 2.8 kg*

DGA408RTJ1:	Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah Bộ đá mài (5 cái) Máy kèm thùng Makpac
DGA408ZX1:	Không kèm pin, sạc Bộ đá mài (5 cái)

Đá mài, tuýp mở ốc, tay cầm.

Máy Mài Góc Dùng Pin/ *Angle Grinder* 18V

DGA413Z 100mm

5,540,000 VND

Hãm bằng điện và khả năng bảo vệ người dùng khỏi tình trạng máy dội ngược lại.

5

Đường kính đá mài	*100 mm*
Tốc độ không tải	*3,000 - 8,500 v/p*
Kích thước	*382x117x147 mm*
Trọng lượng	*2.2 - 2.8 kg*

DGA413Z:	Không kèm pin, sạc

Đá mài, tuýp mở ốc, tay cầm.

Máy Mài Góc Dùng Pin/ *Angle Grinder* 18V

DGA417Z 100mm

5,700,000 VND

Hãm bằng điện và khả năng bảo vệ người dùng khỏi tình trạng máy dội ngược lại.

5

Đường kính đá mài	*100 mm*
Tốc độ không tải	*3,000 - 8,500 v/p*
Kích thước	*382x117x146 mm*
Trọng lượng	*2.2 - 2.9 kg*

DGA417Z:	Không kèm pin, sạc

Vui lòng liên hệ phòng dịch vụ để biết thêm chi tiết.

MÁY MÀI GÓC 100MM DGA413 / DGA417

THIẾT LẬP NHIỀU TỐC ĐỘ

ADT
Automatic torque Drive Technology

Công nghệ tự động điều tốc
Tự động thay đổi tốc độ cắt theo điều kiện tải nhằm hoạt động tối ưu

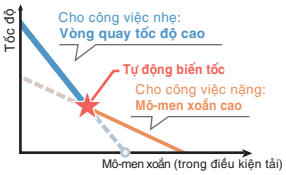

AFT
Active Feedback sensing Technology

Công nghệ cảm biến kích hoạt điều tốc
Nâng cao bảo vệ người dùng với bộ hãm bằng điện

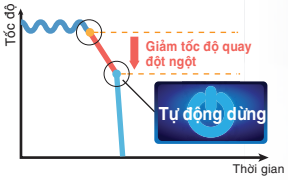

BRAKE

Hãm bằng điện
Tối ưu hóa năng suất và nâng cao an toàn cho người dùng

Công tắc lớn
với chức năng lock-off (không có chức năng lock-on)
Ngăn ngừa tai nạn khi công tắc được bóp không chủ đích

Chức năng chống khởi động lại
Ngăn tai nạn do đá cắt khi cấp nguồn trở lại cho máy mà công tắc vẫn ở chế độ BẬT

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Cưa Đĩa Dùng Pin/ *Circular Saw* 18V

DHS660RFJ/DHS660Z 165mm

11,430,000 VND / 6,320,000 VND

2

Công suất tối đa	*680 W*
Đường kính lưỡi	*165 mm*
Đường kính lỗ	*15.88 / 20 mm*
Khả năng cắt tối đa	*Tại 90°: 57 mm*
	Tại 45°: 41 mm
	Tại 50°: 37 mm
Tốc độ không tải	*5,000 v/p*
Kích thước	*270x186x250 mm*
Trọng lượng	*2.9 - 3.2 kg*

DHS660RFJ: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah, Máy kèm thùng Makpac

DHS660Z: Không kèm pin, sạc

Ống nối, đế, tấm bảo vệ, lưỡi cưa efficut.

Máy Cưa Đĩa Dùng Pin/ *Circular Saw* 18V

DHS661RFJ/DHS661Z 165mm

12,250,000 VND / 7,140,000 VND

Tự động kết nối với máy hút bụi nhờ hệ thống tự khởi động không dây AWS.

3

Công suất tối đa	*680 W*
Đường kính lưỡi	*165 mm*
Đường kính lỗ	*15.88 / 20 mm*
Khả năng cắt tối đa	*Tại 90°: 57 mm*
	Tại 45°: 41 mm
	Tại 50°: 37 mm
Tốc độ không tải	*5,000 v/p*
Kích thước	*270x186x250 mm*
Trọng lượng	*2.9 - 3.2 kg*

DHS661RFJ: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah, Máy kèm thùng Makpac

DHS661Z: Không kèm pin, sạc

Ống nối, đế, tấm bảo vệ, lưỡi cưa efficut.

Khả năng cơ động tốt hơn nhờ chiều dài thân máy gọn chỉ 270mm

Trọng lượng **2.9kg** với pin BL1815N

Lượng công việc **200** lần cắt

Vật liệu kiểm tra: SPF (38mm x 235mm)
Góc nghiêng: 0°
Pin: BL1850B (với 1 pin sạc đầy)

Chuyên dùng cho máy dùng pin

Lượng cưa trên 1 lần sạc

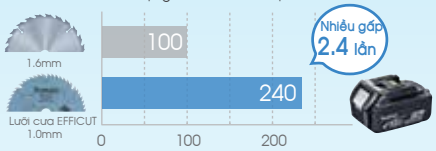

1. Kết quả kiểm tra phụ thuộc phần lớn vào độ cứng vật liệu gỗ..
2. Các số liệu trên có giá trị tương đối khi hiệu suất làm việc của lưỡi cưa 1.6mm được ước đạt là 100

Cắt nhanh

Tốc độ cưa

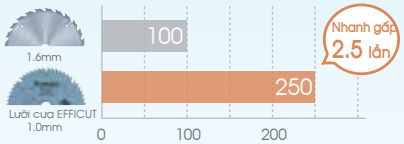

Tính năng từ hình dạng kiểu mới

1. Giảm diện tích tiếp xúc với vật liệu
2. Thoát phôi nhanh
3. Góc vát làm đầu lưỡi cưa sắc cạnh

Vòi thu bụi

Được gắn vào để kết nối với máy hút bụi

Cổng xả bụi phía sau

Vỏ máy thiết kế phẳng

Tăng tính ổn định khi thay lưỡi cắt

Khả năng cắt xiên lên tới 50°

Đèn LED đôi

Chức năng thổi

Máy Cưa Đĩa Dùng Pin/ *Circular Saw* 18V

DHS680RMJ/DHS680Z 165mm

12,540,000 VND / 6,320,000 VND

Công suất cao với động cơ không chổi than.

4

Khả năng cắt tối đa	*90° : 57 mm*
	45° : 41 mm
	50° : 37 mm
Đường kính lưỡi cắt	*165 mm*
Tốc độ không tải	*5,000 v/p*
Kích thước	*350x170x238 mm*
Trọng lượng	*3.0 - 3.3 kg*

DHS680RMJ: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah, Máy kèm thùng Makpac

DHS680Z: Không kèm pin, sạc.

Lưỡi cưa hợp kim, khóa lục giác, thanh cữ.

STT	Máy	Đường kính lưỡi cắt	Khả năng cắt	Tốc độ không tải
1	DHS710 (Tr. 16)	190mm	Tại 90°: 68.5/66mm Tại 45°: 49/47.5mm Tại 50°: 44/42.5mm	5,000 v/p
2	DHS660 18V LITHIUM-ION BL MOTOR XPT ADT	165mm	Tại 90°: 57mm Tại 45°: 41mm Tại 50°: 37mm	5,000 v/p
3	DHS661 18V LITHIUM-ION BL MOTOR XPT ADT AWS	165mm	Tại 90°: 57mm Tại 45°: 41mm Tại 50°: 37mm	5,000 v/p
4	DHS680 18V LITHIUM-ION BL MOTOR ADT	165mm	Tại 90°: 57mm Tại 45°: 41mm Tại 50°: 37mm	4,800 v/p

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Dụng cụ dùng pin

Máy Cắt Thạch Cao Dùng Pin/*Drywall Saw* 18V

DSD180Z

6,110,000 VND

Khả năng	*Thạch cao: 30 mm*
	Gỗ: 15 mm
Tốc độ cắt	*0 - 6,000 l/p*
Chiều dài cắt	*6 mm*
Kích thước	*263x79x291 mm*
Trọng lượng	*1.7 - 2.0 kg*

Lưỡi cắt cho máy cắt thạch cao

Dùng cho	Mã số
Thạch cao	B-49703
Gỗ	B-49719

DSD180Z: Không kèm pin, sạc.

Lưỡi cắt thạch cao.

Máy Cưa Lọng Dùng Pin/*Jig Saw* 18V

DJV180RFE/DJV180Z

11,380,000 VND / 6,440,000 VND

Độ rung và độ ồn thấp.

Khả năng	*Gỗ: 135 mm*
	Thép: 10 mm
Độ xọc	*26 mm*
Nhịp cắt	*0 - 2,600 l/p*
Kích thước	*257x73x208 mm*
Trọng lượng	*2.7 - 3.0 kg*

440 W

DJV180RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DJV180Z: Không kèm pin, sạc

Bộ lưỡi cưa lọng (B-10, BR-13, B-22; 2 cái/bộ), tấm bảo vệ, thiết bị chống bong tróc, khóa lục giác .

Thích hợp cho những công việc cắt thẳng trên cao

Như: lắp đặt đèn trần nhà hay lỗ thông khí,..

Đế bảo vệ
bảo vệ bề mặt thạch cao khỏi trầy xước và giữ máy cân bằng trong suốt quá trình sử dụng.

Rãnh chữ V ở đế bảo vệ giúp dễ dàng quan sát đường cắt

Hộp chứa bụi
Hứng bụi đi qua đế bảo vệ

Bộ phận kết nối
kết nối với máy hút bụi

Kiểm soát tốc độ bằng công tắc bóp giúp cắt dễ dàng hơn

Đèn LED làm việc
Chiếu sáng đường cắt giúp dễ dàng cắt trong môi trường thiếu ánh sáng.

Điều chỉnh độ cắt sâu

Thạch cao

- Độ sâu khi cắt có thể được điều chỉnh theo bề dày thạch cao.
- Ngăn ngừa hư hại do lưỡi cắt gây ra

Nắp bảo vệ lưỡi cắt

Kết nối được với máy hút bụi

Có thể mua thêm máy hút bụi đeo vai (DVC 260)

Máy Vặn Vít Dùng Pin/ *Screwdriver* 18V

DFS452RME/DFS452Z

11,940,000 VND / 6,230,000 VND

Công suất cao với động cơ không chổi than.

Khả năng vặn vít	*Mũi vít tự khoan : 6 mm*
	Mũi vít thạch cao: 5 mm
Chuôi gài	*6.35 mm*
Tốc độ không tải	*0 - 4,000 v/p*
Kích thước	*251x79x259 mm*
Trọng lượng	*1.5 - 1.8 kg*

BL MOTOR XPT

DFS452RME: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DFS452Z: Không kèm pin, sạc

Mũi phi-lip, đầu nối Ma-giê.

Máy Vặn Vít Dùng Pin/ *Screwdriver* 18V

DFS251RFE/DFS251Z

10,190,000 VND / 6,230,000 VND

Công suất cao với động cơ không chổi than.

Khả năng vặn vít	*Mũi vít tự khoan: 6 mm*
	Mũi vít thạch cao: 5 mm
	Mũi vít chuôi lục giác: 6 mm
Chuôi gài	*6.35 mm*
Tốc độ không tải	*0 - 2,500 v/p*
Kích thước	*237x79x259 mm*
Trọng lượng	*1.5 - 1.8 kg*

BL MOTOR

DFS251RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DFS251Z: Không kèm pin, sạc

Máy Cưa Vòng Dùng Pin/ *Portable Band Saw* 18V

DPB181Z

8,130,000 VND

Trọng lượng nhẹ và máy được thiết kế cân bằng tốt.

Khả năng	*Gia công tròn: 64 mm*
	Gia công góc vuông: 64x64 mm
Tốc độ lưỡi	*3.2 m/s*
Kích thước	*468x197x233 mm*
Trọng lượng	*3.3 - 3.6 kg*

DPB181Z: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa vòng, khóa lục giác.

Máy Cưa Vòng Dùng Pin/ *Portable Band Saw* 18V

DPB180RFE

22,360,000 VND

Trọng lượng nhẹ và máy được thiết kế cân bằng tốt.

Khả năng	*Gia công tròn: 120 mm*
	Gia công góc vuông: 120x120 mm
Tốc độ lưỡi	*1.4 - 2.7 m/s*
Kích thước	*523x231x313 mm*
Trọng lượng	*6.8 - 7.1 kg*

430 W

DPB180RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah

Lưỡi cưa vòng HSS (18 răng/Inch), khóa lục giác.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Hút Chân Không Dùng Pin/ *Cordless Vacuum Pump* 18V

DVP180RT/DVP180Z

13,660,000 VND / 8,820,000 VND

Máy hút chân không dành cho lắp đặt điều hòa nhiệt độ.

Tốc độ hút	*50 L/phút*
Áp suất chân không	*20 Pa*
Tốc độ mô tơ	*3,840 phút⁻¹*
Bình chứa dầu	*115 mL*
Đầu vào	*5/16"*
Kích thước	*265x93x175 mm*
Trọng lượng	*3.5 kg*

Trọng lượng: Bao gồm cả pin và nhiên liệu

DVP180RT:	Sạc nhanh, pin 5.0Ah
DVP180Z:	Không kèm pin, sạc

Dây đeo, đầu nối, bình dầu. (DVP180 chỉ sử dụng loại dầu chuyên dụng đi kèm).

Thời gian hoạt động đến 50 phút

[với 1 pin BL1850B (5.0Ah) sạc đầy]

2.9 kg không gồm pin

Thân máy gọn nhẹ giúp di chuyển dễ dàng

- Lưới lọc kim loại ngăn dầu tràn vào ống xả
- Van chắn ngăn dầu đổ về phía sau
- Máy hút chân không kiểu quay dầu (loại van)

Máy Đa Năng Dùng Pin/ *Multi Tool* 18V

DTM51RFE10

10,500,000 VND

Cơ chế thay lưỡi không cần dụng cụ.

Dao động	*6,000 - 20,000*
Dao động góc	*Trái / Phải / Tổng: 1.6°/1.6°/3.2°*
Kích thước	*340x80x122 mm*
Trọng lượng	*2.0 - 2.4 kg*

Phụ kiện máy DTM51RFE10

Lưỡi cắt | Đế chà nhám | Bộ giấy chà nhám (6 cái)

Tr. 110

DTM51RFE10:	Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah

Lưỡi cắt, bộ 6 giấy chà nhám (2 cái/ loại - cỡ hạt: 60, 120, 240), đế chà nhám.

Sơ lược quá trình lắp đặt điều hòa

① Nối các dây của đồng hồ nạp với máy và bơm hút

② Chạy bơm hút chân không. Hút chân không cho đến khi độ chân không đạt -760mmHg (-30 Psi)

③ Đóng van xanh đồng hồ, tắt máy. Theo dõi kim đồng hồ khoảng 15 phút và đảm bảo chỉ số của kim đồng hồ không thay đổi

④ Tháo dây đồng hồ khỏi bơm hút

Máy Cắt Kim Loại Dùng Pin/ *Metal Cutter* 18V

DCS551RMJ/DCS551Z 150mm

13,660,000 VND / 6,230,000 VND

Lưỡi cắt 150mm có thể cắt ống kim loại có đường kính trong ~ 5cm.

Đường kính lưỡi	*150 mm*
Khả năng cắt tối đa	*Tại 90°: 57.5 mm*
Tốc độ không tải	*3,900 v/p*
Kích thước	*332x158x231 mm*
Trọng lượng	*2.5 - 2.8 kg*

BL MOTOR XPT

DCS551RMJ:	Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah Máy kèm thùng Makpac
DCS551Z:	Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa, khóa lục giác, kính bảo hộ.

Máy Cắt Kim Loại Dùng Pin/ *Metal Cutter* 18V

DCS550RME/DCS550Z 136mm

11,570,000 VND / 4,330,000 VND

Thiết kế nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ và độ cân bằng tốt.

Đường kính lưỡi	*136 mm*
Khả năng cắt tối đa	*Tại 90°: 51 mm*
Tốc độ không tải	*3,600 v/p*
Kích thước	*348x180x201 mm*
Trọng lượng	*2.2 - 2.6 kg*

440 ▼DCS550RME

DCS550RME:	Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DCS550Z:	Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa, khóa lục giác, kính bảo hộ.

Máy Cắt Thẳng Dùng Pin/ *Straight Shear* 18V

DJS161Z 1.6mm

7,080,000 VND

Thiết kế thẳng giúp điều khiển tốt hơn, việc cắt được dễ dàng.

Khả năng	*Thép 400N/mm²: 1.6 mm* *Thép 600N/mm²: 1.2 mm* *Nhôm 200N/mm²: 2.5 mm*
Nhịp cắt	*4,300 l/p*
Kích thước	*362x78x118 mm*
Trọng lượng	*1.8 - 2.2 kg*

430

DJS161Z:	Không kèm pin, sạc

Khóa lục giác, thước canh.

Máy Khoan Góc Dùng Pin/ *Angle Drill* 18V

DDA350Z 10mm

7,390,000 VND

Thiết kế thuận tiện và thoải mái, giúp làm việc linh hoạt hơn.

Khả năng	*Thép : 10 mm* *Gỗ : 25 mm*
Tốc độ không tải	*0 - 1,800 v/p*
Kích thước	*314x79x115 mm*
Trọng lượng	*1,5 - 1.8 kg*

DDA350Z:	Không kèm pin, sạc

Vui lòng liên hệ phòng dịch vụ để biết thêm chi tiết.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Chấn Sắt Dùng Pin/ *Steel Rod Cutter* 18V

DSC191Z

64,840,000 VND

Dùng pin Li-ion 18V mạnh mẽ, làm tăng tốc độ và lực cắt.

Khả năng	*Đường kính: 3 - 20 mm*
Cắt nhanh	*6.5 giây*
Kích thước	*412x212x284 mm*
Trọng lượng	*11.1 - 11.2 kg*

440 mm

DSC191Z: Không kèm pin, sạc

Dầu, khoá lục giác, cờ lê.

Máy Cắt Thép Dùng Pin/ *Steel Rod Cutter* 18V

DSC250RT/DSC250ZK 25mm

42,190,000 VND/ 37,870,000 VND

Lý tưởng cho việc cắt các thanh kim loại có rãnh xoắn và cốt thép.

Đường kính lưỡi cắt	*110 mm*
Khả năng cắt	*10 - 25 mm*
Tốc độ không tải	*2,200 v/p*
Kích thước	*471x137x139 mm*
Trọng lượng	*3.9 - 4.0 kg*

DSC250RT: Sạc nhanh, pin 5.0 Ah
DSC250ZK: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cắt, tay cầm, khóa lục giác, túi chứa bụi.

Máy Cắt Thép Dùng Pin/ *Steel Rod Cutter* 18V

DSC251RT/DSC251ZK 25mm

42,190,000 VND / 37,870,000 VND

Lý tưởng cho việc cắt các thanh kim loại có rãnh xoắn và cốt thép.

new

Đường kính lưỡi cắt	*110 mm*
Khả năng cắt	*10 - 25 mm*
Tốc độ không tải	*2,200 v/p*
Kích thước	*471x137x139 mm*
Trọng lượng	*3.9 - 4.0 kg*

DSC251RT: Sạc nhanh, pin 5.0Ah
DSC251ZK: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cắt, tay cầm, khóa lục giác, túi chứa bụi.

Máy Cắt Sắt Ren Dùng Pin/ *Threaded Rod Cutter* 18V

DSC102Z

15,880,000 VND

Thân máy gọn, trọng lượng nhẹ và độ cân bằng tuyệt vời.

Công suất	*280W*
Khả năng cắt	*Thép non: W3/8, M10, M8, M6*
	Inox: W3/8, M8, M6
Chiều dài cắt tối thiểu	*20mm*
Lượng công việc	*Thép non M8: 2,300 thanh*
(với pin BL1850B)	*Inox M8: 1,900 thanh*
	Thép non M10: 1,500 thanh
Kích thước	*199x103x308 mm*
Trọng lượng	*2.9 - 3.3 kg*

DSC102Z: Không kèm pin, sạc

Thanh cữ, nắp bảo vệ lưỡi

Máy cắt thép dùng pin DSC250/DSC251

HIỆU SUẤT CẮT TUYỆT VỜI

Gọn hơn & năng suất cao hơn

Bộ lưỡi cắt (Thay thế khuôn cắt)	Loại		Khả năng cắt	Mã phụ kiện
	Ren vít (đơn vị mm)	Thép mềm· Inox	M6	199086-0
		Thép mềm· Inox	M8	199084-4
		Thép mềm	M10	199082-8

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã 7 (18V) cần mua thêm pin, sạc, bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Cưa Kiếm Dùng Pin/ *Recipro Saw* 18V

DJR187RTE/DJR187Z

12,110,000 VND / 5,880,000 VND

Được cải tiến từ máy DJR186, nhiều tính năng hơn.

2

Khả năng	*Ống: 130 mm*
	Gỗ: 255 mm
Độ xọc	*32 mm*
Nhịp cắt	*Cao: 0 - 3,000 l/p*
	Thấp: 0 - 2,300 l/p
Kích thước	*439x83x231 mm*
Trọng lượng	*3.4 - 3.8 kg*

DJR187RTE: Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
DJR187Z: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa kiếm.

Máy Cưa Kiếm Dùng Pin/ *Recipro Saw* 18V

DJR186RFE/DJR186Z

9,380,000 VND / 3,980,000 VND

3

Khả năng	*Ống: 130 mm*
	Gỗ: 255 mm
Độ xọc	*32 mm*
Nhịp cắt	*0 - 2,800 l/p*
Kích thước	*486x81x223 mm*
Trọng lượng	*3.5 - 3.8 kg*

441 mm

DJR186RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DJR186Z: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa kiếm.

Máy Cưa Kiếm Dùng Pin/ *Recipro Saw* 18V

DJR188Z

4,500,000 VND

Gọn, nhẹ, chắc chắn và thiết kế thuận tiện.

4

Khả năng	*Ống : 130 mm*
	Gỗ : 255 mm
Độ xọc	*20 mm*
Nhịp cắt	*0 - 3,000 l/p*
Kích thước	*316x81x220 mm*
Trọng lượng	*2.6 - 2.9 kg*

DJR188Z: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa kiếm (2 cái).

Máy cưa kiếm dùng pin DJR188

Chắc chắn và mạnh mẽ

Tay cầm thiết kế công thái học

Vừa vặn với tay cầm, ngay cả với những ứng dụng cắt khó như ứng dụng cắt ở vị trí quá đầu hoặc dưới thấp

Cắt gạch/bê tông mềm

B-63585 305mm
B-10394 305mm
B-63591 400mm
B-10403 455mm

Cắt ống tre

B-49834 152mm x 1.25mm
B-49840 228mm x 1.25mm
B-49856 305mm x 1.25mm

Cắt gỗ/kim loại

B-56596 190mm x 0.6mm
B-57392 225mm x 0.9mm

	STT	Máy	Độ xọc (mm)	Khả năng cắt (Thép / gỗ) (mm)	Nhịp cắt (l/p)
18Vx2	1	DJR360 (Tr. 13) BL MOTOR XPT	32	130 / 255	Cao: 0 - 3,000 Thấp: 0 - 2,300
18V	2	DJR187 BL MOTOR XPT	32	130 / 255	Cao: 0 - 3,000 Thấp: 0 - 2,300
18V	3	DJR186 XPT	32	130 / 255	0 - 2,800
18V	4	DJR188 BL MOTOR XPT	20	130 / 255	0 - 3,000

Máy Bắn Đinh Dùng Pin/ *Pin Nailer* 18V

DPT353Z

7,440,000 VND

Thao tác nhẹ nhàng, dễ dàng, bề mặt ít hư hại.

Khả năng	*Dài : 15, 18, 25, 30, 35 mm*
	Đường kính : 0.6 mm
	Cỡ đinh : 23 Ga
Khả năng chứa	*120 cái*
Kích thước	*257x79x226 mm*
Trọng lượng	*2.0 - 2.3 kg*

DPT353Z: Không kèm pin, sạc

Móc treo, kính bảo hộ.

Trong khi búa được kéo về phía sau, trọng lực di chuyển về phía trước

Tại thời điểm đinh được búa bắn vào bề mặt vật liệu, thì đồng thời trọng lượng hướng về phía sau. Cơ chế này làm giảm phản lực khi bắn đinh

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Cưa Đa Góc Dùng Pin/*Compound Miter Saw* 18V

DLS600Z 165mm

18,070,000 VND

Trọng lượng nhẹ và cưa với độ chính xác cao.

Đường kính lưỡi	165 mm
Góc vát	52° trái / 52° phải
Góc nghiêng	46° trái / 46° phải
Khả năng cắt tối đa	Vát 90°: 46 x 92 mm
	Vát 45° trái, phải : 46 x 65 mm
Tốc độ không tải	5,000 v/p
Kích thước	340x400x440 mm
Trọng lượng	6.3 - 6.6 kg

DLS600Z: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa, thước tam giác, túi chứa bụi.

Dây đeo vai giúp dễ dàng di chuyển nơi công trường (phụ kiện mua thêm)

Mã số: 166058-0

Khả năng cắt thẳng lên tới 46x92 mm tại 90° DXT

Phù hợp cho cắt tấm gỗ với kích thước lên đến 90mm thường dùng tại các công trình xây dựng cho dù thân máy rất nhỏ gọn

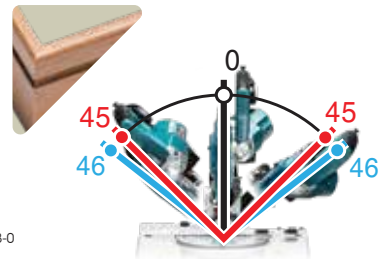

Thiết kế cắt xiên 2 hướng

Đầu cưa có thể nghiêng về 2 hướng trái và phải từ 0° đến 45°(lên tới 46° khi mở khóa level), cho phép người dùng cắt vật liệu mà không cần lật máy đến vị trí của từng góc cắt

Máy Đánh Cạnh Dùng Pin/*Trimmer* 18V

DRT50Z 6mm (1/4"), 8mm (3/8")

4,310,000 VND

Đế và khung bằng nhôm, cho độ chính xác và hiệu quả cao.

Khả năng	Chấu bóp: 6mm, 8mm
Tốc độ không tải	10,000 - 30,000 v/p
Tổng chiều dài	226 mm
Trọng lượng	1.8 - 2.1 kg

Có sẵn các sự kết hợp khác nhau để làm tăng tính đa năng (Phụ kiện bán riêng)

Đế tỉa mép | Đế nghiêng | Đế soi rãnh | Đế lệch tâm

DRT50Z: Không kèm pin, sạc

Đế phay lắp ráp, thước canh thẳng, chấu bóp 1/4" và 3/8", cờ lê (2 cái), ống nối hút bụi.

Máy Đánh Cạnh Dùng Pin/*Trimmer* 18V

DRT50RFX8/DRT50ZJX9 6mm (1/4"), 8mm (3/8")

Số lượng có hạn / Số lượng có hạn

7,400,000 VND / 8,070,000 VND

Đế và khung bằng nhôm, cho độ chính xác và hiệu quả cao.

Bộ phụ kiện DRT50ZJX9

Khả năng	Chấu bóp: 6mm, 8mm
Tốc độ không tải	10,000 - 30,000 v/p
Tổng chiều dài	226 mm
Trọng lượng	1.8 - 2.1 kg

DRT50ZJX9 (Không kèm pin sạc)

Thùng Makpac

Đế soi rãnh | Đế nghiêng | Thanh dẫn hướng

DRT50RFX8

Túi đựng Makita

DRT50RFX8: Sạc, pin 3.0 Ah, Túi đựng Makita

Đế phay lắp ráp, thước canh thẳng, chấu bóp 1/4" và 3/8", cờ lê (2 cái), ống nối hút bụi.

Dễ dàng điều chỉnh

Đế tỉa mép với tấm hình vuông

Ống nối hút bụi Mã số: 195559-1

Đế nghiêng Mã số: 413150-6

Thuận tiện cho việc cắt phôi bằng cách sử dụng thanh dẫn hướng và thanh chắn bảo vệ

Đế lệch tâm với bộ tay cầm

Bộ tay cầm Mã số: 196924-7

Đế lệch tâm Mã số: 413148-3

Thuận tiện cho việc cắt phôi rộng

Đế nghiêng với tay cầm

Tay cầm Mã số: 153489-2

Thuận tiện cho việc cắt trong khi giữ 1 trong 2 tay cầm

Đế tỉa mép với bộ tay cầm

Bộ tay cầm Mã số: 196924-7

Thuận tiện cho việc cắt mép trong khi giữ đồng thời 2 bên tay cầm

Đế tỉa mép với thước canh thẳng

Thước canh thẳng Mã số: 122391-0

Đế tỉa mép với thanh hướng canh mép

Phụ kiện thanh dẫn cho đế tỉa mép Mã số: 122703-7

Đế soi với thanh dẫn hướng, bộ điều chỉnh thanh dẫn hướng, và bộ kẹp

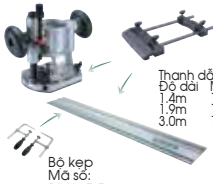

Thanh dẫn hướng

Độ dài	Mã số:
1.4m	194368-5
1.9m	194925-9
3.0m	194367-7

Bộ kẹp Mã số: 194385-5

Bộ điều chỉnh thanh dẫn hướng Mã số: 194579-2

Chân đế

Kích cỡ	Mã số
8mm	763618-5
3/8"	763619-3
6mm	763636-3
1/4"	763637-1

Chân đế

	Mã số
Đế tỉa mép	454842-8
Đế soi	450819-1
Đế nghiêng	413150-6
Đê lệch tâm	413148-3

Chân đế với thước canh thẳng và vòi thu bụi

Vòi thu bụi Mã số: 194733-8

Bộ giữ

Thước canh thẳng (dùng cho nghành gỗ) Mã số: 122391-0

Thước canh thẳng với độ điều chỉnh rất nhỏ (micro met) Mã số: 195136-9

Thước canh thẳng Mã số: 164834-6

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy buộc dây thép/ *Cordless Rebar Tying Tool* 18V

DTR180Z

27,990,000 VND

Hiệu suất làm việc vượt trội.

new

Công suất	340 W
Dây cước thép	ø0.8 mm
Cốt thép	D10 x D10 - (D13 x 2) x (D13 x 2)
Độ rung	2.5 m/s² hoặc thấp hơn
Cường độ âm thanh	78 dB(A)
Kích thước	BL1830B / BL1840B / BL1850B / BL1860B: 304x93x318 mm
Trọng lượng	2.3 - 2.6 kg

VUI LÒNG MUA THÊM
(không kèm theo máy)
Cuộn dây kẽm
MÃ SỐ: 199137-9
(50 cuộn/hộp)

DTR180Z: Không kèm pin, sạc

Móc treo

Máy buộc dây cước thép tự động

•Có thể buộc tự động bằng 1 tay với đa dạng ứng dụng như đổ nền móng bê tông cho các tòa nhà cao tầng.

Dây buộc 0.8mm dành riêng cho model DTR180

Dây cước thép có thể được thay thế đơn giản bằng cách mở nắp guồng quay (ống quấn) .

Dễ dàng tải cuộn dây thép

1 Nhấn nút mở
2 Đặt cuộn dây thép vào trong khoang chứa và xuyên dây thép qua lỗ
3 Khóa lại

Thời gian* cho 1 lần sạc khoảng **5,300** lần

1 cuộn* khoảng **120** lần

* D10*10 2 cái chu cuốn thép , pin BL1830B

Chế độ sử dụng liên tục

Giữ cò bóp và ấn xuống mặt thanh thép

2 chế độ chọn lựa

Thay đổi lực siết của dây cước thép

Tùy theo điều kiện sử dụng của loại vật liệu, lực siết của dây thép có thể điều chỉnh ở 6 mức

Thiết kế nhỏ gọn và tiện dụng

Cho phép sử dụng trong môi trường chật hẹp.

Dễ dàng hơn và nhanh hơn trong việc quấn liên tục

Cốt thép
D10 x D10 - (D13 x 2) x (D13 x 2)

	Khả năng quấn (2 thanh cốt thép 1 lần quấn)		
	D10	D13	D16
D10	✓	✓	✓
D13	✓	✓	✓
D16	✓	✓	✓

	Khả năng quấn (3 thanh cốt thép 1 lần quấn)	
	D10 x D10	D13 x D13
D10	✓	✓
D13	✓	✓
D16	✓	–

	Khả năng quấn (4 thanh cốt thép 1 lần quấn)	
	D10 x D10	D13 x D13
D10 x D10	✓	✓
D13 x D13	✓	✓

Súng Bắn Silicon Dùng Pin/ *Caulking Gun* 18V

DCG180ZB

6,180,000 VND

Hiệu suất làm việc vượt trội.

Lực đẩy tối đa	5,000 N
Tốc độ không tải	0 - 28 mm/s
Kích thước	404x108x281 mm
Trọng lượng	2.1 - 3.0 kg

PHỤ KIỆN SẴN CÓ
(kèm theo máy)
Bộ ống đỡ B
600mL

Mã số : 196352-6

VUI LÒNG MUA THÊM
(không kèm theo máy)
Bộ ống đỡ A
300mL

Mã số : 196351-8

DCG180ZB: Không kèm pin, sạc

Bộ ống đỡ B, khớp nối, pitton, vòng cao su, vòi phun.

Máy Bào Dùng Pin/ *Planer* 18V

DKP180Z 82 mm (3-1/4")

5,340,000 VND

Điều khiển 3 tốc độ và có sẵn hệ thống hút bụi.

Bề rộng đường bào	82 mm
Độ sâu đường bào	2.0 mm
Tốc độ không tải	14,000 v/p
Kích thước	333x157x160 mm
Trọng lượng	3.2 - 3.5 kg

441

DKP180Z: Không kèm pin, sạc

Vui lòng liên hệ phòng dịch vụ để biết thêm chi tiết.

Góc và hình dạng tối ưu giúp dễ dàng xử lý và điều khiển

Tay cầm mềm
Tay cầm được phủ chất đàn hồi, giúp thoải mái và giảm mỏi tay

Mặt tay cầm dạng thẳng
Dễ dàng hơn cho thao tác bào

Chân đế
Bảo vệ bề mặt vật liệu và lưỡi khỏi trầy xước và hư hại

Tay cầm bọc cao su mềm chống trượt
Cho phép các ngón tay xử lý dễ dàng và an toàn

Rãnh hình V trên đế
Giúp bào cạnh dễ dàng

Góc và hình dạng tối ưu
Dễ cầm và xử lý

Phụ kiện mua thêm

Lưỡi bào (2 cái/gói)
(HSS) Mã số: A-83571
(TC) Mã số: 793007-0

Lưỡi bào nhỏ gọn TCT (2 cái/gói)
Mã số: A-82921

Đá mài 150-1200
Mã số: 794061-7

Tấm ốp giữ lưỡi (2 cái/gói)
Mã số: 193540-6

Bộ mài lưỡi bào
Mã số: 123004-6

Ống nối
Mã số: 451329-1

Khớp nối (hình ống khuỷu) (Dùng với ống nối)
Mã số: 416368-8

Túi chứa bụi
(Dùng với ống nối)
Mã số: 122793-0

Bộ thanh phụ
Mã số: 191725-8

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Chà Nhám Quỹ Đạo Dùng Pin/ *Random Orbit Sander* 18V

DBO180Z 125 mm (5")

3,900,000 VND

Điều khiển 3 tốc độ và có sẵn hệ thống hút bụi.

Đường kính đế nhám	*123 mm*
Kích thước giấy nhám	*125 mm*
Vòng quay	*7,000/ 9,500/ 11,000 v/p*
Kích thước	*175x123x153 mm*
Trọng lượng	*1.4 - 1.7 kg*

Túi chứa bụi

DBO180Z: Không kèm pin, sạc

Công suất mạnh mẽ với tốc độ quỹ đạo cao và đường kính quỹ đạo 2.8mm,cho hiệu suất tuyệt vời như máy dùng điện

Tốc độ quỹ đạo 11,000 phút^{-1}

Máy chà nhám quỹ đạo DBO180

Thiết kế nhỏ gọn với chiều cao và tâm trọng lực thấp, giúp dễ dàng điều khiển và cho tính cơ động cao

Phụ kiện mua thêm

Túi chứa bụi

Mã số
166078-4

Hộp chứa bụi

Loại	Mã số
Dùng với túi bụi giấy 194746-9	135246-0
Dùng với bộ lọc 195133-5	135246-0

Túi bụi giấy và bộ lọc
(5 cái / bộ)

Loại	Mã số
Túi bụi giấy	194746-9
Bộ lọc	*195133-5

Đĩa chà nhám
(loại gai và xù)
(10 cái / hộp)

Đường kính đĩa (mm)	Số hạt	Mã số
125	60	794542-1
125	80	794543-9
125	120	794544-7
125	180	794545-5
125	240	794546-3

Đế len
(loại gai và xù)
(Dùng để đánh bóng)

Đường kính đĩa (mm)	Mã số
140	794560-9

Đế nỉ
(loại gai và xù)
(Dùng loại bỏ sáp)

Đường kính đĩa (mm)	Mã số
125	196152-4

Đế bọt biển
(loại gai và xù)

Đường kính đĩa (mm)	Mã số
125	794558-6

Loa Công Trường Dùng Pin Và Điện/ *Job Site Speaker* 18V 12Vmax

DMR200 18V/12V max/AC

3,980,000 VND

Công suất tối đa	*18V: 10 W*
	12V max: 3.5 W
	AC: 4 W
Âm lượng	*Âm trầm: Ø101.6 mm*
	Âm cao: Ø36 mm
Bluetooth	*Phiên bản: 4.0*
	Biên dạng:
	A2DP / SCMS-T / AVRCP
	Phạm vi phát tối đa:10 m
Kích thước	*211x203x286 mm*
Trọng lượng	*2.9 - 3.4 kg*

LXT CXT Bluetooth Tr. 79

Pin, sạc bán riêng.

Loa Công Trường Dùng Pin Và Điện/ *Job Site Speaker* 18V 12Vmax

DMR202 18V/12V max/AC

4,120,000 VND

Công suất tối đa	*18V: 10 W*
	12V max: 3 W
	AC: 3W
Âm lượng	*Âm trầm: Ø101.6 mm*
	Âm cao: Ø36 mm
Bluetooth	*Phiên bản: 4.0*
	Biên dạng:
	A2DP / SCMS-T / AVRCP
	Phạm vi phát tối đa:10 m
Kích thước	*211x206x199 mm*
Trọng lượng	*2.7 - 3.3 kg*

LXT CXT Bluetooth Tr. 79

Pin, sạc bán riêng.

DMR200 USB Bluetooth AUX Cổng kết nối

Đèn LED hiển thị
DMR201

Hiển thị kết nối Bluetooth

Lớp bảo vệ IP64 giúp chống bụi và ẩm

Cho sử dụng ngoài trời và những môi trường khắc nghiệt

DMR202 Bluetooth AUX Cổng kết nối

Màn hình LCD
DMR202

Hiển thị tên bài hát và ca sĩ...

Tận hưởng âm thanh chất lượng cao

từ loa 2 chiều với âm trầm 101.6mm và âm cao 36mm

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Radio Công Trường Dùng Pin Và Điện/*Job Site Radio* 18V 12Vmax

DMR108 18V/14.4V/12V max/7.2V/AC

6,840,000 VND

Công suất tối đa	18V: 3.5 W x 2 14.4V: 2.2 W x 2 12V max: 1.2 W x 2 7.2 V: 0.5 W x 2
Băng tần	M / AM: 87.5 - 108 MHz / 522 - 1,710 kHz
Âm lượng	Âm trầm: Ø89 mm x 2
Bluetooth	Phiên bản: 4.0 Biên dạng: A2DP / SCMS-T Phạm vi phát tối đa:10 m
Kích thước	262x163x431 mm
Trọng lượng	4.4 kg

LXT CXT Bluetooth

Tr. 79

2 pin 1.5V/AA, sạc.

Radio công trường dùng pin và điện DMR108

THIẾT KẾ PHẲNG VÀ KHẢ NĂNG CHỐNG VA ĐẬP CAO

12Vmax LITHIUM-ION CXT

Lớp bảo vệ IP64 và kết cấu chống thấm nước

Phạm vi phát tối đa 10 m

ÂM THANH CHẤT LƯỢNG CAO VỚI CHỨC NĂNG KẾT NỐI BLUETOOTH Bluetooth

Bộ Chuyển Đổi Cho USB/*Adapter For USB* 18V

ADP05

540,000 VND

Cổng USB	2 cổng (Loại A)
Kích thước	102x72x43mm
Trọng lượng	BL1815N: 0.46kg / BL1850B: 0.71kg BL1415N: 0.40kg / BL1450: 0.60kg

LXT

Pin và sạc bán riêng.

Dùng như pin dự phòng cho điện thoại, máy tính bảng

Máy Pha Cà Phê Dùng Pin/*Coffee Maker* 18V

DCM501Z

2,440,000 VND

Dung tích bình nước	240 mL
Kích thước hộp cà phê bột	60 mm
Kích thước	BL1041B: 243x185x218 mm BL1830B/ BL1840B/ BL1850B/ BL1860B: 243x187x218 mm
Trọng lượng	1.9 - 2.2 kg

LXT

DCM501Z: Không kèm pin, sạc

Pin và sạc bán riêng.

Máy Hút Bụi Li Tâm Dùng Pin/ *Cyclone Cleaner* 18V

DCL500Z

14,550,000 VND

Với màng lọc HEPA CLEAN.

Công suất hút	Cao/thấp:75/25 W
Khả năng chứa bụi	250 mL
Lưu lượng khí tối đa	1.3m³/phút
Thời gian sử dụng liên tục	Với BL1840B: Cao/thấp: 16 / 40 phút
Lưu lượng hút tối đa	6.6 kPa
Độ ồn động cơ	64 dB
Kích thước	352x189x252 mm
Trọng lượng	3.6 kg

Tr. 63

DCL500Z: Không kèm pin, sạc

Đầu hút T, ống mềm, khớp nối, đầu hút khe, dây đeo vai, chổi làm sạch.

TẬN HƯỞNG HƯƠNG VỊ CÀ PHÊ

với MÁY PHA CÀ PHÊ DÙNG PIN DCM501

18V LITHIUM-ION 12Vmax LITHIUM-ION

DỄ DÀNG SỬ DỤNG

Trang bị chức năng cảm biến nhiệt

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Hút Bụi Li Tâm Dùng Pin/ *Cyclone Cleaner* 18V

DCL501Z

14,550,000 VND

Với màng lọc HEPA, có thể ngăn tới 99.97% các hạt bụi nhỏ cỡ 0,3-1μm.

Công suất hút	Cao/thấp:75/25 W
Khả năng chứa bụi	250 mL
Lưu lượng khí tối đa	1.3m³/phút
Thời gian sử dụng liên tục	Với BL1860B: Cao/thấp: 35 / 77 phút
Lưu lượng hút tối đa	6.6 kPa
Kích thước	352x189x252 mm
Trọng lượng	3.1 kg

HEPA filter

BL MOTOR

Tr. 63

DCL501Z: Không kèm pin, sạc

Đầu hút T, ống mềm, khớp nối, đầu hút khe, dây đeo vai, chổi làm sạch.

Lực hút mạnh mẽ kéo dài

Hệ thống lọc li tâm mạnh mẽ

Máy Hút Bụi Robot Dùng Pin/ *Robotic Cleaner* 18V

DRC200Z

31,810,000 VND

Máy hút bụi robot dùng cho nghiệp vụ vệ sinh công nghiệp.

Thời gian sử dụng liên tục (với 2 pin BL1850B)	200 phút
Khu vực vệ sinh tối đa	500 m²
Tốc độ tối đa	0.3 m/ giây
Khả năng chứa bụi	2.5 L
Kích thước	460x460x180 mm
Trọng lượng	7.8 kg

BL MOTOR

Tr. 126

DRC200Z: Không kèm pin, sạc

Bộ điều khiển không dây, chổi bên hông, băng keo cảm ứng.

Cần dùng 2 pin 18V để vệ sinh diện tích lớn

[Hoạt động được khi chỉ dùng 1 pin]

Thời gian hoạt động trong 1 lần sạc pin =

khoảng 200 phút (1 lần sạc) 2 pin 5.0Ah

khoảng 120 phút (1 lần sạc) 2 pin 3.0Ah

Khi tắt quạt hút, thời gian hoạt động sẽ tăng gấp 2 lần

Diện tích gấp 2.5 lần sân Tennis

Diện tích vệ sinh = 500m (2 pin 5.0Ah)

Diện tích vệ sinh = 300m (2 pin 3.0Ah)

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ *Cleaner* 18V

DCL180FRFW

6,410,000 VND

Có đèn

Sử dụng túi lọc cao cấp (kèm theo máy)

KHÍ THẢI SẠCH

Công suất hút	37W (với túi lọc cao cấp)
Khả năng chứa bụi	650 mL
Thời gian sử dụng liên tục	20 phút (với pin BL1830B)
Lưu lượng khí tối đa	1.4 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	4.2 kPa
Kích thước	999x114x152 mm
Trọng lượng	1.2 kg

Tr. 58

DCL180FRFW : Sạc nhanh, pin 3.0Ah

Đầu hút T, đầu hút khe, túi lọc cao cấp.

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ *Cleaner* 18V

DCL180(SY/SYB/SYW) / DCL180(Z/ZB/ZW)

5,570,000 VND / 1,480,000 VND

Công suất hút	42W (với túi lọc)
Khả năng chứa bụi	650 mL
Thời gian sử dụng liên tục	20 phút (với pin BL1830B)
Lưu lượng khí tối đa	1.4 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	4.2 kPa
Kích thước	999x114x152 mm
Trọng lượng	1.2 kg

Tr. 58

Đầu hút T, đầu hút khe, túi lọc, bộ lọc trước.

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ *Cleaner* 18V

DCL182FRFW

6,880,000 VND

Có đèn

Sử dụng túi bụi vải cao cấp (kèm theo máy)

KHÍ THẢI SẠCH

Công suất hút	37/10 W (với túi bụi vải)
Khả năng chứa bụi	Túi vải : 500 mL Túi giấy : 330 mL
Thời gian sử dụng liên tục	Mạnh/Tiêu chuẩn : 20/40 phút (với pin BL1830B)
Lưu lượng khí tối đa	1.4 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	5.4 kPa
Kích thước	1,004x115x151mm
Trọng lượng	1.5 kg

Tr. 59

DCL182FRFW : Sạc nhanh, pin 3.0Ah

Đầu hút T, đầu hút khe, túi bụi vải cao cấp, túi bụi giấy (10 cái).

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ *Cleaner* 18V

DCL182(SY/SYB/SYW) / DCL182(Z/ZB/ZW)

6,040,000 VND / 1,960,000 VND

Công suất hút	42/15 W (với túi bụi vải)
Khả năng chứa bụi	Túi vải : 500 mL Túi giấy : 330 mL
Thời gian sử dụng liên tục	Mạnh/Tiêu chuẩn : 10/20 phút (với pin BL1830B)
Lưu lượng khí tối đa	1.4 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	5.4 kPa
Kích thước	1,004x115x151mm
Trọng lượng	1.5 kg

Tr. 59

Đầu hút T, đầu hút khe, túi bụi vải, túi bụi giấy (5 cái).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Hút Bụi Dùng Pin/*Portable Vacuum Cleaner* 18V

DVC750LZ

6,990,000 VND

Nhỏ gọn, di động và dễ sử dụng.

new

HEPA filter

BL MOTOR

XPT

Khả năng chứa	Bụi/ Nước : 7.5 / 4.5 L
Thời gian sử dụng liên tục	BL1860B (Cao) : 35
	BL1860B (Thấp) : 70
Lưu lượng khí tối đa	1.6 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	6.7 kPa
Công suất	Cao/ Thấp : 50 / 25 W
Kích thước	418x251x278 mm
Trọng lượng	4.3 - 4.6 kg

DVC750LZ : Không kèm pin, sạc

Đầu hút T, đầu hút khe, ống mềm

Thời gian sử dụng liên tục

35 phút

Chế độ : Cao

Pin BL1860B

Ướt và khô

2 chức năng trong 1 máy để thực hiện chức năng thổi

Nơi cất giữ đầu hút

Dễ dàng đổ bụi

Quạt Dùng Pin Và Điện/*Fan* 18V 14.4V

DCF300Z

3,030,000 VND

Thời gian sử dụng liên tục		18V		14.4V	
		3.0Ah	1.3Ah	3.0Ah	1.3Ah
	Cao:	55	25	50	22
	Vừa:	90	40	80	35
	Thấp:	180	80	160	70
Kích thước		315x480x600 mm			
Trọng lượng		4.3 - 4.7 kg			

DCF300Z : Không kèm pin, sạc

Bộ chuyển đổi AC.

Quạt Dùng Pin Và Điện/*Fan* 18V 14.4V

DCF102Z

2,090,000 VND

Tự động quay 45° trái, phải.

Thời gian sử dụng liên tục		18V		14.4V	
		6.0Ah	1.5Ah	6.0Ah	1.5Ah
	Cao:	575	135	365	105
	Thấp:	705	165	465	135
		1,270	295	860	245
Lưu lượng khí		Cao / Vừa / Thấp: 4.6 / 3.8 / 3.0 L/phút			
Kích thước		185x272x284 mm			
Trọng lượng		1.3 - 2.0 kg			

DCF102Z : Không kèm pin, sạc

Quạt Dùng Pin Và Điện/*Fan* 18V 14.4V

DCF201Z

2,330,000 VND

Có thể điều chỉnh tốc độ gió Cao / Thấp.

Thời gian sử dụng liên tục		18V			
		3.0Ah	1.3Ah	3.0Ah	1.3Ah
	Cao:	100	45	90	40
	Thấp:	200	90	180	80
Kích thước		263x330x523 mm			
Trọng lượng		2.5 - 2.9 kg			

DCF201Z : Không kèm pin, sạc

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Áo Khoác Làm Mát/*Fan Jacket* 18V 12Vmax

FJ202DZ(M/L/LL/3L)/FJ203DZ(M/L/LL)

3,810,000 VND / 4,070,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

FJ202DZ FJ203DZ

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ vừa/ cao: 34 / 25 / 14 giờ*
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp: 1.4 / 1.2 / 1.0 / 0.8 m³/phút*
Số túi	*5 túi*
Kích cỡ	*FJ202D: L/LL/3L; FJ203D: M/L/LL*
Trọng lượng	*1.5 - 1.9 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT Tr. 77

FJ202DZ(M/L/LL/3L): Không kèm pin, sạc
FJ203DZ(M/L/LL): Không kèm pin, sạc

Pin và sạc bán riêng.

Áo Khoác Làm Mát/*Fan Jacket* 18V 12Vmax

FJ300DZ(M/L/LL/3L)/FJ301DZ(M/L/LL/3L)

4,020,000 VND / 4,280,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

FJ300DZ FJ301DZ

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ vừa/ cao: 34 / 25 / 14 giờ*
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp: 1.4 / 1.2 / 1.0 / 0.8 m³/phút*
Số túi	*5 túi*
Kích cỡ	*M / L / LL / 3L*
Trọng lượng	*1.5 - 1.9 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT Tr. 77

FJ300DZ(M/L/LL/3L): Không kèm pin, sạc
FJ301DZ(M/L/LL/3L): Không kèm pin, sạc

Pin và sạc bán riêng.

Áo Khoác Làm Mát/*Fan Jacket* 18V 12Vmax

FJ400DZ(L/LL/3L)/FJ401DZ(M/L/LL/3L)

4,900,000 VND / 5,160,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

FJ400DZ FJ401DZ

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ vừa/ cao: 34 / 25 / 14 giờ*
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp: 1.4 / 1.2 / 1.0 / 0.8 m³/phút*
Số túi	*5 túi*
Kích cỡ	*FJ400DZ: L / LL / 3L; FJ401DZ: M / L / LL / 3L*
Trọng lượng	*1.5 - 1.9 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT Tr. 77

FJ400DZ(L/LL/3L): Không kèm pin, sạc
FJ401DZ(M/L/LL/3L): Không kèm pin, sạc

Pin và sạc bán riêng.

Hiệu quả làm mát tuyệt vời

Nhiệt độ ngoài da sau 10 phút làm việc dưới nhiệt độ 35°C và độ ẩm không khí 60% Tránh sử dụng áo khoác trong trường hợp nhiệt độ lên tới 50°C (122°F). Vì có thể gây bỏng cho da. Đồng thời, tránh sử dụng trong điều kiện độ ẩm cao

Không có áo khoác | Có áo khoác

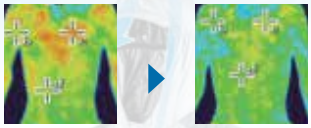

Nhiệt độ ngoài da

thấp 32°C — 36°C — 40°C cao

Dòng áo khoác và ứng dụng:	Áo khoác + Quạt	Chất liệu
Cho công việc thông thường:	FJ202DZ / FJ203DZ	Sợi tổng hợp
Cho công việc mài/hàn:	FJ300DZ / FJ301DZ	Cotton
Cho công việc ngoài trời:	FJ400DZ / FJ401DZ	Sợi tổng hợp + Titan

Thời gian sử dụng dài hơn với 1 pin sạc đầy

Bộ giữ pin	Pin Li-Ion		Thời gian sử dụng liên tục (Thấp/ Trung bình/ Cao)	Sạc
CXT 12Vmax LITHIUM-ION 198731-4	12V max	1.5Ah BL1016	6.5 / 4.5 / 2.5h	DC10SB
		4.0Ah BL1041B	16 / 11 / 6h	DC10WB
14.4V LITHIUM-ION LXT 198732-2	14.4V	1.5Ah BL1415N	6.0 / 4.5 / 2.5h	DC18RC
		3.0Ah BL1430B	10 / 7.5 / 4h	
		4.0Ah BL1440	16 / 12 / 6.5h	
		5.0Ah BL1450	20 / 15 / 8h	Sạc nhanh 2 cổng DC18RD
		6.0Ah BL1460B	21 / 16 / 8.5h	
18V LITHIUM-ION	18V	1.5Ah BL1815N	8.5 / 6 / 3.5h	
		3.0Ah BL1830B	15 / 11 / 6.5h	
		4.0Ah BL1840B	22 / 16 / 9h	DC18SD
		5.0Ah BL1850B	29 / 21 / 12h	
		6.0Ah BL1860B	34 / 25 / 14h	

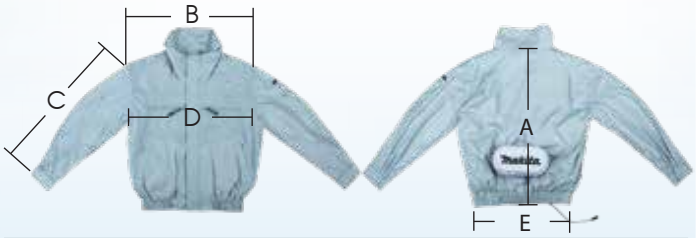

Kích thước Size (cm)	Dài (A) Length	Vai (B) Shoulder	Tay áo (C) Sleeve	Ngực (D) Chest	Thắt lưng (E) Waist
M	64	52	54	118	78~109
L	66	54	56	122	82~113
LL	68	56	58	126	86~117
3L	70	58	60	130	90~121

Áo Khoác Làm Mát Dùng Pin/*Fan Jacket* 18V 12Vmax

DFJ212Z(M/L)

5,030,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ vừa/ cao: 33/24.5/13.5 giờ*
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp: 2.2 / 2.1 / 1.7 / 1.5 m³/phút*
Số túi	*5 túi*
Kích cỡ	*M / L*
Trọng lượng	*0.43 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT BL MOTOR Tr. 77

DFJ212Z(M/L): Không kèm pin, sạc

Quạt rời (2 cái), dây cáp nối.

Áo Khoác Làm Mát Dùng Pin/*Fan Jacket* 18V 12Vmax

DFJ213Z(M/L)

4,580,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ vừa/ cao: 33/24.5/ 3.5 giờ*
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp: 2.2 / 2.1 / 1.7 / 1.5 m³/phút*
Số túi	*5 túi*
Kích cỡ	*M / L*
Trọng lượng	*0.54 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT BL MOTOR Tr. 77

DFJ213Z(M/L): Không kèm pin, sạc

Quạt rời (2 cái), dây cáp nối.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Dụng cụ dùng pin

Áo Khoác Làm Mát Dùng Pin/*Fan Jacket* 18V 12Vmax

DFJ214Z(M/L)

5,590,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B):*
	Thấp/ vừa/ cao: 33/24.5/13.5 giờ
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp:*
	2.2 / 2.1 / 1.7 / 1.5 m³/phút
Số túi	*5 túi*
Kích cỡ	*M / L*
Trọng lượng	*0.43 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT BL MOTOR Tr. 77

DFJ214Z(M/L): Không kèm pin, sạc

Quạt rời (2 cái), dây cáp nối.

Áo Vest Làm Mát Dùng Pin/*Fan Vest* 18V 12Vmax

DFV210Z(M/L)

4,270,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B):*
	Thấp/ vừa/ cao: 33/24.5/13.5 giờ
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp:*
	2.2 / 2.1 / 1.7 / 1.5 m³/phút
Số túi	*3 túi*
Kích cỡ	*M / L*
Trọng lượng	*0.38 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT BL MOTOR Tr. 77

DFV210Z(M/L): Không kèm pin, sạc

Quạt rời (2 cái), dây cáp nối.

DÒNG ÁO KHOÁC LÀM MÁT

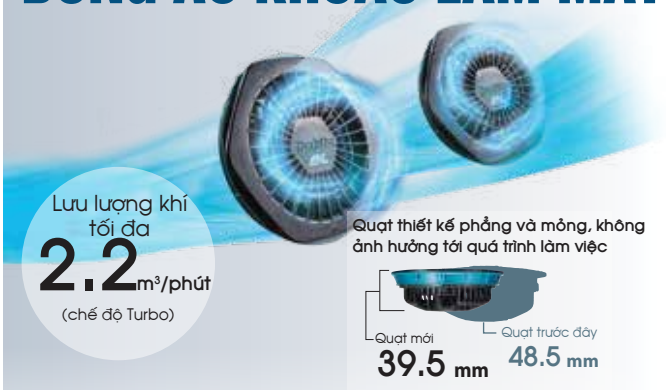

2 quạt làm mát hiệu quả, giúp thoải mái hơn

So sánh sự gia tăng nhiệt độ cơ thể trong khi làm việc

Nhiệt độ ngoài da sau 10 phút làm việc dưới nhiệt độ 35˚C và độ ẩm không khí 60%

Tránh sử dụng áo khoác trong trường hợp nhiệt độ lên tới 50˚C (122˚F). Vì có thể gây bỏng cho da. Đồng thời, tránh sử dụng trong điều kiện độ ẩm cao

Nhiệt độ ngoài da

Thấp — Cao

32˚C 36˚C 40˚C

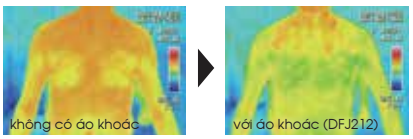

Sợi tổng hợp Polyester
Chống thấm cao

Cổ áo đứng với mũ tháo rời

Loại thường

DFJ212

Sợi tổng hợp Polyester
Đàn hồi

Cổ áo đứng | Bảo hộ lao động

DFJ213

Sợi tổng hợp Polyester
Không thấm nước, chống tĩnh điện

Cổ áo đứng | Dễ nhận diện

DFJ214

Sợi tổng hợp Polyester
Chống thấm cao

Cổ áo đứng | Dạng vest

DFV210

Áo Khoác Làm Ấm Dùng Pin/*Heated Jacket* 18V 12Vmax

DCJ205YL/DCJ205YXL

4,160,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max.

new

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B):*
	Thấp/ Vừa / Cao: 35 / 14 / 8.5 giờ
Điểm làm ấm	*Cả áo/ Ngực/Lưng: 5 / 2 / 3*
Cài đặt nhiệt	*Cao/ vừa/ thấp*
Nhiệt	*Cao/ vừa/ thấp:11.5 /7/2.3W*
Số túi	*6 túi*
Kích cỡ	*L /X L*
Trọng lượng	*1.2 kg*

Trọng lượng: áo size L + pin + bộ giữ pin

CXT LXT Tr. 78

DCJ205YL/DCJ205YXL: Không kèm pin, sạc

Dây cáp nối

Áo Khoác Làm Ấm Dùng Pin/*Heated Jacket* 18V 12Vmax

DCJ206YL/DCJ206YXL

4,960,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max.

new

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B):*
	Thấp/ Vừa / Cao: 35 / 14 / 8.5 giờ
Điểm làm ấm	*Cả áo/ Ngực/Lưng: 5 / 2 / 3*
Cài đặt nhiệt	*Cao/ vừa/ thấp*
Nhiệt	*Cao/ vừa/ thấp:11.5 /7/2.3W*
Số túi	*6 túi*
Kích cỡ	*L /X L*
Trọng lượng	*1.2 kg*

Trọng lượng: áo size L + pin + bộ giữ pin

CXT LXT Tr. 78

DCJ206YL/DCJ206YXL: Không kèm pin, sạc

Dây cáp nối

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Áo Vest Làm Ấm Dùng Pin/*Heated Vest* 18V 12Vmax

DCV202YL/DCV202YXL

3,250,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max.

new

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ Vừa / Cao: 35 / 20 / 10 giờ*
Điểm làm ấm	*Cả áo/ Ngực/Lưng: 4 / 2 / 2*
Cài đặt nhiệt	*Cao/ vừa/ thấp*
Nhiệt	*Cao/ vừa/ thấp: 9.5 /4.5/2.3W*
Số túi	*4 túi*
Kích cỡ	*L /X L*
Trọng lượng	*0.5 kg*

Trọng lượng: áo size L + pin + bộ giữ pin

DCV202YL/DCV202YXL: *Không kèm pin, sạc*

CXT LXT

Tr. 78

Dây cáp nối

Tác dụng của nhiệt

Khi mặc ở nhiệt độ âm 5 độ C (chế độ cao)

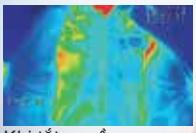

Khi tắt nguồn

15 phút sau khi mở nguồn

5 điểm làm ấm

DCJ205 DCJ206

Ngực trái, ngực phải, sau lưng được cung cấp nhiệt làm ấm

4 điểm làm ấm

DCV202

Ngực trái, ngực phải và sau lưng, cổ được cung cấp nhiệt làm ấm .

Có thể giặt máy và sấy

Tháo bộ giữ pin khỏi áo khoác hay áo vest trước khi giặt hoặc sấy.

3 chế độ cài đặt làm ấm

Thời gian sử dụng liên tục trên 1 lần sạc đầy pin

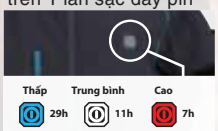

Khả năng chịu gió và nước.

Ngăn chặn sự xâm nhập của nước như mưa nhẹ.

Lót lông cừu

Làm ấm cơ thể ngay cả khi tắt nguồn

Đèn LED Dùng Pin/*LED Flashlight* 18V 14.4V

DML808 18V, 14.4V

1,460,000 VND

Thời gian sử dụng	*Lên tới: 32 giờ*
Quang thông	*190 lm*
Độ chiếu sáng	*Cách nguồn sáng 1m: 170 - 4,500 lx*
Kích thước	*Với BL1815N / BL1820B: 280x79x101 mm*
	Với BL1830B / BL1840B / BL1850B / BL1860B: 297x79x119 mm
Trọng lượng	*0.73 - 1.09 kg*

Móc treo.

Không có mũ DCJ205

Dễ nhận diện DCJ206

Dạng vest DCV202

Đặc điểm

Túi đựng pin
DCJ205
DCJ206
DCV202

Dây kéo 2 đầu
DCJ205
DCJ206
DCV202

Túi đựng bút
DCJ205

Có mũ có thể tháo rời
DCJ206

Túi bên hông
DCJ206

Chất liệu phản quan
DCJ206

Đèn LED Dùng Pin/*Led Flashlight* 18V 14.4V

BML803/DML803 18V, 14.4V

1,430,000 VND/1,430,000 VND

Thiết kế chắc chắn với độ chiếu sáng cao ở công trường tối.

Thời gian sử dụng liên tục	*Lên tới: 36 giờ*
Kích thước	*133x81x72 mm*
Trọng lượng	*0.56 - 0.92 kg*

BML803/DML803
được hiển thị trên hóa đơn là
DEABML803/DEADML803

Pin và sạc bán riêng.

Đèn LED Dùng Pin/*Led Flashlight* 18V 14.4V

DML802 18V, 14.4V

1,210,000 VND

Đèn Led đơn 3.2W với độ sáng cao hơn.

Thời gian sử dụng liên tục (Với pin 3.0Ah)	*13 giờ*
Độ chiếu sáng	*4,000 lx*
Quang thông	*160 lm*
Kích thước	*272x79x116 mm*
Trọng lượng	*0.93 kg*

Móc treo (Pin và sạc bán riêng).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Đèn LED Dùng Pin/*LED Flashlight* 18V 14.4V

DML807 18V, 14.4V

2,240,000 VND

Thời gian sử dụng	Lên tới: 43 giờ
Nguồn sáng chính	Sáng hoàn toàn:
	Quang thông : 710 lm
	Độ chiếu sáng:340 lx
	Sáng 1 nửa:
	Quang thông : 340 lm
	Độ chiếu sáng:310 lx
Nguồn sáng phụ	Quang thông: 130 lm
	Độ chiếu sáng: 1,900 lx
Kích thước	414x79x155 mm
Trọng lượng	0.72 - 1.1 kg

XPT

Pin và sạc bán riêng.

Đèn LED Dùng Pin/*Led Flashlight* 18V 14.4V

DML801 18V, 14.4V

1,110,000 VND

Đèn Led đơn 3.2W với độ sáng cao hơn.

Thời gian sử dụng liên tục	Lên tới: 48 giờ
Kích thước	380x79x116 mm
Trọng lượng	0.61 - 0.98 kg

Dây đeo vai (Pin và sạc bán riêng).

Đèn LED Dùng Pin/ *Led Flashlight* 18V

DML186

380,000 VND

Bóng đèn led cho hiệu suất cao, tuổi thọ cao.

Thời gian sử dụng liên tục	Lên tới: 114 giờ
Kích thước	151x81x61 mm
Trọng lượng	0.51 - 0.83 kg

DML186
được hiển thị trên hóa đơn là
DEADML186

Pin và sạc bán riêng.

Đèn Dùng Pin/*Rechargeable Flashlight* 18V 14.4V

DML800 18V, 14.4V

1,260,000 VND

Đèn led đơn 1W sáng rực.

Thời gian sử dụng liên tục	Lên tới: 30 giờ
Kích thước	151x76x88 mm
Trọng lượng	0.53 - 0.91 kg

DML800
được hiển thị trên hóa đơn là
DEADML800

Dây đeo cao su (đeo trên đầu) (Pin và sạc bán riêng).

Đèn Công Trường Dùng Pin/ *Rechargeable Job Site Light* 18V 14.4V

DML184 18V, 14.4V

870,000 VND

Thời gian sử dụng liên tục (Với pin 3.0Ah)	Đèn huỳnh quang: 200 phút
	Bóng đèn tròn: 900 phút
Độ chiếu sáng	Đèn huỳnh quang: 330 lx
	Bóng đèn tròn: 500 lx
Kích thước	450x78x95 mm
Trọng lượng	0.4 kg

Tổng chiều dài : bao gồm phần móc treo

Móc treo, dây đai (Pin và sạc bán riêng).

Đèn Công Trường Dùng Điện Và Pin/*LED Worklight* 18V 14.4V AC

DML805 18V, 14.4V, AC

3,750,000 VND

Thời gian sử dụng liên tục (Với pin 3.0Ah)	Cao: 5.0 giờ
	Thấp: 10 giờ
Độ chiếu sáng	Cách nguồn sáng 0.5m:
	Cao/thấp : 1,150 / 750 lx
	Cách nguồn sáng 1m:
	Cao/thấp : 300 / 200 lx
Quang thông	Cao/thấp : 750/450 lm
Trọng lượng	2.3 - 2.6 kg

Pin và sạc bán riêng.

Phụ kiện mua thêm

Kẹp

Sử dụng để gắn DML805 lên ống, giàn giáo,..
Bộ vít : M8
Mã số. GM00001396

Giá 3 chân Makita dành cho DML805

Có thể đặt 2 máy
Chiều cao: 992-1,750mm
Bộ ốc vít: M8
Mã số: GM00001381

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Cắt Cỏ Dùng Pin/ *Grass Trimmer* 18V

DUR187URF/DUR187UZ

8,120,000 VND / 4,960,000 VND

Thân máy gọn, nhẹ, giảm thiểu mệt mỏi khi vận hành.

Công suất	240 W
Tốc độ không tải	Cao/Vừa/Thấp/chế độ ADT: 6,000 / 5,000 / 4,000 / 4,000 - 6,000 v/p
Cắt với	Lưỡi cước: 300 mm Lưỡi nhựa: 255 mm
Kích cỡ trục	M8 x 1.25 LH
Thời gian sử dụng tối đa (BL1860B)	Lưỡi cắt cước: 168 phút Lưỡi cắt nhựa: 219 phút
Kích thước	1,791x600x472 mm
Trọng lượng	3.2 - 3.5 kg

Tr. 141

DUR187URF: Sạc nhanh, pin 3.0Ah
DUR187UZ: Không kèm pin, sạc

Bát cước, bộ dụng cụ, dây đeo, dây thép bảo vệ.

Máy Cắt Cỏ Dùng Pin/ *Grass Trimmer* 18V

DUR189Z

5,000,000 VND

Thân máy gọn, nhẹ, giảm thiểu mệt mỏi khi vận hành.

Công suất	240 W
Tốc độ không tải	Cao/Vừa/Thấp/chế độ ADT: 6,000 / 5,000 / 4,000 / 4,000 - 6,000 v/p
Cắt với	Lưỡi cước: 300 mm Lưỡi nhựa: 255 mm
Kích cỡ trục	M8 x 1.25 RH
Thời gian sử dụng tối đa (BL1860B)	Lưỡi cắt cước: 168 phút Lưỡi cắt nhựa: 219 phút
Kích thước	1,518-1,618x258x396 mm
Trọng lượng	3.0 - 3.3 kg

Tr. 141

DUR189Z: Không kèm pin, sạc

Vui lòng liên hệ phòng dịch vụ để biết thêm chi tiết.

Bộ điều khiển nằm gần tay cầm rất tiện lợi

Công tắc nguồn chính

Điều chỉnh tốc độ
gồm 3 tốc độ điện tử. Đồng thời, cảnh báo tình trạng quá tải, quá nhiệt và phóng tia lửa điện

Chế độ tự động điều tốc

Đèn công tắc nguồn

Công tắc đảo chiều
dễ dàng loại bỏ cỏ cắt bằng cách đảo chiều quay của máy
Sau 1.5 giây, máy ngừng lại. Động cơ sẽ tự động đảo chiều thuận sau khi đảo chiều giúp tiết kiệm thời gian

Công tắc đảo chiều giúp loại bỏ cỏ cắt dễ dàng

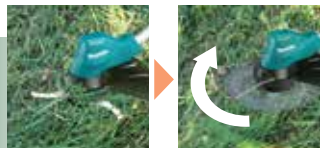

Máy Cưa Xích Dùng Pin/ *Chain Saw* 18V

DUC254Z 250mm

6,710,000 VND

Hiệu suất cao tương đương máy cưa xích chạy xăng.

Chiều dài lam	250 mm
Lưỡi cưa xích	Bước răng : 3/8" Bề dày mắt xích : 1.1 mm
Tốc độ xích	0 - 24 m/s
Bình cấp dầu cưa xích	140 mL
Kích thước	256x185x190 mm
Trọng lượng	2.8 - 3.3 kg

Tr. 144

DUC254Z: Không kèm pin, sạc

Lam, vỏ lam, xích, khóa mở bu-gi, túi đựng phụ kiện.

Trọng lượng nhẹ & công suất cao

Hiệu suất tương đương máy cưa xích động cơ 23mL

Hiệu quả làm việc cao
Động cơ không chổi than mang lại hiệu quả làm việc cao.

+

Hiệu suất cao
Phanh xích và công tắc bấm điều chỉnh tốc độ mang lại hiệu suất cao tương đương máy cưa xích chạy xăng.

+

Trọng lượng
3.1 kg
Pin BL1850B
Lam 200mm
Xích 90xp

Móc treo chữ D

Cố định đai ốc
ngăn chặn việc mất đai ốc khi tháo vỏ xích để thay thanh dẫn hướng hoặc xích

Số lượng cắt
Khối lượng công việc trên 1 pin sạc đầy
Khoảng 160 lần

- Gỗ tuyết tùng 50mm
- Xích : 90PX
- Pin : BL1850B

Cắt hiệu quả cao
Truyền động trực tiếp của động cơ BL motor cao cung cấp tốc độ xích cao, cho phép cắt vật liệu mà không cần đẩy mạnh.

Chế độ tăng mô-men xoắn
Chế độ tăng mô-men xoắn cung cấp thêm sức mạnh để cắt cành dày hoặc cành cứng

- Nhanh hơn 50% so với máy động cơ 22mL hiện tại khi cắt gỗ vuông 100mmx100mm
- Không thể sử dụng được khi dùng pin BL1815N hoặc BL1820B.

*Nhấn công tắc nguồn chính trong vài giây cho đến khi đèn công tắc nguồn sáng màu vàng

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 18V

DUH501Z *500 mm*

Vui lòng liên hệ về giá

Công suất cao, tốc độ cao

new

Chiều dài lưỡi cắt	500 mm
Nhịp cắt	Cao/ Vừa / Thấp
	0 - 4,400 / 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p
Kích thước	1,016x192x225 mm
Trọng lượng	3.8 - 4.2 kg

Hình dạng lưỡi tối ưu để cắt mượt

Lưỡi cắt sắc bén :
Lưỡi dao trên cong xuống
Lưỡi dao dưới cong lên

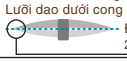

Điểm kết nối là 2 đầu đỉnh

BL MOTOR

Tr. 148

DUH501Z: Không kèm pin, sạc

Bảo vệ lưỡi

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 18V

DUH502Z *500 mm*

7,790,000 VND

Công suất cao, tốc độ cao

new

Chiều dài lưỡi cắt	500 mm
Nhịp cắt	Cao/ Vừa / Thấp
	0 - 4,400 / 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p
Kích thước	1,016x192x225 mm
Trọng lượng	3.8 - 4.2 kg

BL MOTOR

Tr. 148

DUH502Z: Không kèm pin, sạc

Bảo vệ lưỡi

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 18V

DUH601Z *600 mm*

9,170,000 VND

Công suất cao, tốc độ cao

new

Chiều dài lưỡi cắt	600 mm
Nhịp cắt	Cao/ Vừa / Thấp
	0 - 4,400 / 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p
Kích thước	1,121x192x225 mm
Trọng lượng	4.0 - 4.3 kg

Hình dạng lưỡi tối ưu để cắt mượt

Lưỡi cắt sắc bén :
Lưỡi dao trên cong xuống
Lưỡi dao dưới cong lên

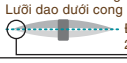

Điểm kết nối là 2 đầu đỉnh

BL MOTOR

Tr. 148

DUH601Z: Không kèm pin, sạc

Bảo vệ lưỡi

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 18V

DUH602RT/DUH602Z *600 mm*

Vui lòng liên hệ về giá/ 7,960,000 VND

Công suất cao, tốc độ cao

new

Chiều dài lưỡi cắt	600 mm
Nhịp cắt	Cao/ Vừa / Thấp
	0 - 4,400 / 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p
Kích thước	1,121x192x225 mm
Trọng lượng	3.9 - 4.3 kg

BL MOTOR

Tr. 148

DUH602RT: Sạc nhanh, pin 5.0 Ah
DUH602Z: Không kèm pin, sạc

Bảo vệ lưỡi

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 18V

DUH751Z *750 mm*

9,550,000 VND

Công suất cao, tốc độ cao

new

Chiều dài lưỡi cắt	750 mm
Nhịp cắt	Cao/ Vừa / Thấp
	0 - 4,400 / 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p
Kích thước	1,261x192x225 mm
Trọng lượng	4.1 - 4.5 kg

Hình dạng lưỡi tối ưu để cắt mượt

Lưỡi cắt sắc bén :
Lưỡi dao trên cong xuống
Lưỡi dao dưới cong lên

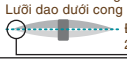

Điểm kết nối là 2 đầu đỉnh

BL MOTOR

Tr. 148

DUH751Z: Không kèm pin, sạc

Bảo vệ lưỡi

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 18V

DUH752RT/DUH752Z *750 mm*

Vui lòng liên hệ về giá/ 8,320,000 VND

Công suất cao, tốc độ cao

new

Chiều dài lưỡi cắt	750 mm
Khả năng cắt	21.5 mm
Nhịp cắt	Cao/ Vừa / Thấp
	0 - 4,400 / 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p
Kích thước	1,261x192x225 mm
Trọng lượng	4.1 - 4.5 kg

BL MOTOR

Tr. 148

DUH752RT: Sạc nhanh, pin 5.0 Ah
DUH752Z: Không kèm pin, sạc

Bảo vệ lưỡi

Trọng lượng nhẹ

3.8 kg

Với pin BL1850B (5.0Ah)

Tốc độ cao

4,400 v/p

Chế độ tốc độ cao
(Tốc độ không tải)

3 tốc độ điện tử

Cao : 0-4,400 SPM
Vừa : 0-3,600 SPM
Thấp : 0-2,000 SPM

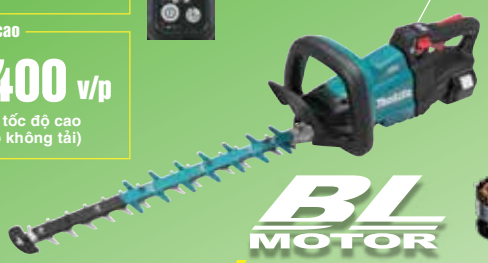

BL MOTOR

DUH501 / DUH601 / DUH751

Hình dạng lưỡi tối ưu để cắt mượt

Lưỡi cắt sắc bén :
Lưỡi dao trên cong xuống
Lưỡi dao dưới cong lên

Điểm kết nối là 2 đầu đỉnh

Cành cây được cặp dễ dàng và giữ chắc

Cấu trúc chống rung

Bao gồm phần động cơ và tay cầm được liên kết bởi 5 miếng giảm chấn để hấp thụ rung động từ động cơ và lưỡi

Cấu trúc chống rung

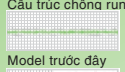

Model trước đây

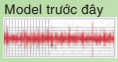

Hệ thống đảo ngược

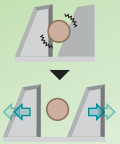

DUH502 / DUH602 / DUH752

Lưỡi tiêu chuẩn

5 vị trí tay quay phía sau

- Khóa 45° và 90° trái và phải và 0°.
- Giúp cho việc cắt dọc và góc dễ dàng hơn và nhanh hơn

Công suất cao - Tốc độ cao

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Tỉa Cỏ Dùng Pin/ *Grass Shear* 18V

DUM604SY/DUM604Z 160mm

5,420,000 VND / 2,480,000 VND

Có thể thay lưỡi cắt cỏ với lưỡi tỉa hàng rào, đáp ứng đa dạng về công việc.

Chiều dài lưỡi cắt	*160 mm*
Điều chỉnh độ sâu	*15, 20, 25 mm*
Nhịp cắt	*2,500 l/p*
Kích thước	*337x177x131 mm*
Trọng lượng	*1.4 - 1.8 kg*

Mã số lưỡi cắt: 195267-4

2 in 1

Tr. 148

DUM604SY:	Sạc, pin 1.5Ah
DUM604Z:	Không kèm pin, sạc

Tấm chắn bảo vệ, bộ bảo vệ lưỡi. (Máy kèm lưỡi cắt).

Hệ thống thay lưỡi không cần dụng cụ

- Lưỡi tỉa cỏ được tháo / lắp mà không cần dụng cụ
- Lưỡi cắt tỉa hàng rào được tháo / lắp chỉ bằng việc sử dụng đồng xu để nới lỏng hoặc siết chặt 2 ốc

Máy Thổi Dùng Pin/ *Blower* 18V

DUB182Z

1,780,000 VND

Điều chỉnh 3 cấp độ lưu lượng khí: cao vừa, thấp.

Lượng khí	*2.6 m³/phút*
Tốc độ khí	*80 m/s*
Áp suất khí	*5.4 kPa*
Tốc độ không tải	*0 - 18,000 v/p*
Cường độ âm thanh	*95 dB*
Độ rung	*2.5 m/s²*
Kích thước	*525x155x212 mm*
Trọng lượng	*1.7 kg*

Tr. 154

DUB182Z:	Không kèm pin, sạc

Ống thổi.

Xe Vận Chuyển Hàng Hóa/ *Battery Powered Wheelbarrow* 18V

DCU180Z

21,960,000 VND

Lý tưởng khi sử dụng ở các công trường và trang trại.

Thời gian sử dụng tối đa	*120 phút (BL1860B)*
Khả năng chịu tải tối đa	*130 kg*
Tốc độ di chuyển	*Đi tiến : Cao / thấp: 0 - 3.5 / 0 - 1.5 km/h*
	Đi lùi : 0 - 1 km/h
Khả năng leo dốc	*12°*
Kích thước	*Khi gắn giá đỡ: 1,560x1,060x900 mm*
	Khi gắn thùng đựng: 1,310x790x900 mm
Trọng lượng	*39.3 - 44.8 kg*

BL MOTOR

XPT

Tr. 155

DCU180Z:	Không kèm pin, sạc

Chìa khóa.

Không khí thải, độ rung thấp, độ ồn thấp

Lý tưởng cho việc sử dụng ở các công trường và trang trại

Có 2 dạng phụ kiện

Dạng khung
Mã số: 198491-8

Dạng thùng
Mã số: 198494-2

Sử dụng 1 pin 18V LXT

Hộp pin được thiết kế để chứa 2 pin 18V với công tắc chuyển pin

Vận chuyển nhiều loại vật liệu nặng chỉ bằng việc lựa chọn phụ kiện dạng khung hoặc thùng

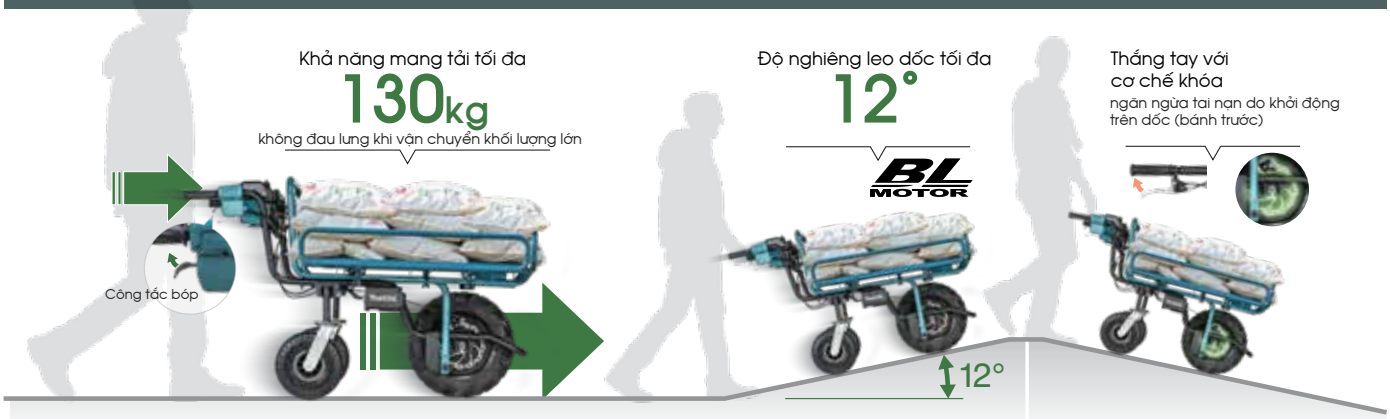

Được thiết kế 2 tốc độ tới và lùi giúp tối ưu hóa kiểm soát vận tốc và dễ dàng xoay trở ở bán kính nhỏ

Chức năng tự động kiểm soát ổn định tốc độ bằng việc cung cấp năng lượng cho động cơ nhằm duy trì ổn định tốc độ của xe khi mang tải

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

MÁY HÚT BỤI MAKITA

KHOANG CHỨA KIỂU CON NHỘNG

KHOANG CHỨA KIỂU CON NHỘNG

Chỉ cần vặn và tháo rời để đổ rác.

CÔNG TẮC BẤM

(Chỉ máy CL108FD)

CÔNG TẮC BÓP

Nhanh chóng tắt/mở khi sử dụng.

Giảm lãng phí pin.

ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TỪ DỌN DẸP TRONG GIA ĐÌNH ĐẾN NGHIỆP VỤ VỆ SINH CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG

MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN CL111D — 10.8V

4,320,000 VND

Pin 10.8V được cố định sẵn trong máy
Thời gian sạc: 180 phút

Công suất hút	Túi lọc (phụ kiện đi kèm) 21W
Thời gian sử dụng	khoảng 10 phút
Trọng lượng	0.93 kg
Khả năng chứa bụi	560 mL

Phụ kiện đi kèm: Sạc DC1001, đầu hút T, đầu hút khe, ống thẳng.

MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN CL106FD — 12Vmax

CL106FDWYW
Sạc DC18SD thời gian sạc 30 phút, pin 1.5 Ah
Vui lòng liên hệ về giá

CL106FDSYW
3,990,000 VND
Sạc nhanh DC10SB thời gian sạc 22 phút
1 BL1016 (1.5Ah)

CL106FDZW
1,420,000 VND
Không kèm pin, sạc

Có đèn

CL106FDWY
Sạc DC18SD thời gian sạc 30 phút, pin 1.5 Ah
Vui lòng liên hệ về giá

CL106FDSY
3,990,000 VND
Sạc nhanh DC10SB thời gian sạc 22 phút
1 BL1016 (1.5Ah)

CL106FDZ
1,420,000 VND
Không kèm pin, sạc

Có đèn

Công suất hút	Túi lọc (phụ kiện đi kèm) 19W
Thời gian sử dụng	khoảng 16 phút (BL1016)
Trọng lượng	0.98 kg
Khả năng chứa bụi	600 mL

Phụ kiện đi kèm: Đầu hút T, đầu hút khe, túi lọc, bộ lọc trước.

MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN CL108FD — 12Vmax

CL108FDSYW new
4,850,000 VND
Sạc nhanh DC10SB thời gian sạc 22 phút
1 BL1016 (1.5Ah)

CL108FDZW
2,230,000 VND
Không kèm pin, sạc

Có đèn

CL108FDSY
4,850,000 VND
Sạc nhanh DC10SB thời gian sạc 22 phút
1 BL1016 (1.5Ah)

CL108FDZ
2,230,000 VND
Không kèm pin, sạc

Có đèn

Công suất hút	30 | 20 | 5W (Mạnh nhất | Mạnh | Tiêu chuẩn)
Thời gian sử dụng	10 | 12 | 25 phút (Mạnh nhất | Mạnh | Tiêu chuẩn) (BL1016)
Trọng lượng	1.0 -1.2 kg
Khả năng chứa bụi	600 mL

MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN DCL180 — 18V

DCL180FRFW
6,410,000 VND
Sạc nhanh DC18RC thời gian sạc 22 phút
1 Pin BL1830B (3.0Ah)

Có đèn

Sử dụng túi lọc cao cấp (kèm theo máy)
KHÍ THẢI SẠCH

DCL180SY
5,570,000 VND
Sạc DC18SD thời gian sạc 30 phút
1 pin BL1815N (1.5Ah)

DCL180Z
1,480,000 VND
Không kèm pin, sạc

DCL180SYB
5,570,000 VND
Sạc DC18SD thời gian sạc 30 phút
1 pin BL1815N (1.5Ah)

DCL180ZB
1,480,000 VND
Không kèm pin, sạc

DCL180SYW
5,570,000 VND
Sạc DC18SD thời gian sạc 30 phút
1 pin BL1815N (1.5Ah)

DCL180ZW
1,480,000 VND
Không kèm pin, sạc

Công suất hút	Với túi lọc (phụ kiện đi kèm) 42W
Thời gian sử dụng	khoảng 10 phút (BL1815N)
Trọng lượng	1.4 kg
Khả năng chứa bụi	650 mL

Phụ kiện đi kèm: Đầu hút T, đầu hút khe, túi lọc cao cấp.

Phụ kiện đi kèm: Đầu hút T, đầu hút khe, túi lọc, bộ lọc trước.

LỰC HÚT

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

MÁY HÚT BỤI MAKITA

ĐẦU HÚT T LINH HOẠT

Dễ dàng vệ sinh những nơi chật hẹp như bên dưới ghế sô-pha hoặc kệ.

LỰC HÚT MẠNH MẼ

Trang bị động cơ chuyên nghiệp mạnh mẽ. Cung cấp công suất mạnh có thể đáp ứng mọi nhu cầu từ gia đình đến công việc dọn dẹp chuyên nghiệp, công trường.

ĐẦU HÚT GÓC

Ống hút dài khó bị rơi ra, dễ dàng vệ sinh mà không cần đầu hút.

TRANG BỊ PIN LITHIUM-ION

Có thể sử dụng cho nhiều dụng cụ pin khác nhau.

NHỎ- NHẸ | NẠP ĐIỆN BẤT KỲ LÚC NÀO | LƯU KHO TRONG THỜI GIAN DÀI

BỘ PHẬN CHẮN BỤI

Ngăn bụi rơi ra ngoài.

Phụ kiện:

TÚI BỤI VẢI

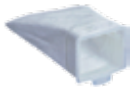

Mã số	Giá
A-43957	56,000 VND

TÚI BỤI VẢI CAO CẤP:

Mã số	Giá
198748-7	132,000 VND

MIẾNG ĐỆM GẠI ĐẦU HÚT:

Mã số	Giá
143677-9	36,000 VND

Dùng cho máy: CL104D, CL107FD, DCL182F, DCL182

TÚI BỤI GIẤY

Mã số	SL	Giá
194566-1	5 cái	69,000 VND
A-48511	10 cái	134,000 VND

Dùng cho máy: CL104D, CL107FD, DCL182F, DCL182

TÚI LỌC

Mã số	SL	Giá
443060-3	1 cái	20,000 VND
198914-6	10 cái	169,000 VND

TÚI LỌC CAO CẤP:

Mã số	Giá
198752-6	129,000 VND

Dùng cho máy: CL106FD, DCL180, Cl111D

BỘ LỌC TRƯỚC

Mã số	Giá
198950-0	77,000 VND

Dùng cho máy: CL106FD, DCL180, CL111D

KHOANG CHỨA KIỂU TÚI

KIỂU TÚI SỬ DỤNG NẮP PHÍA TRƯỚC

Chỉ cần nhấn nút thì nắp đậy sẽ mở ra.

Tặng kèm túi chứa bụi bằng giấy sử dụng một lần và 1 túi vải có thể tái sử dụng

Hiệu quả cao vì không cần thiết tháo hoàn toàn nắp đậy.

NÚT MỞ 1 THAO TÁC

Có thể vận hành liên tục.

ĐÈN HIỂN THỊ DUNG LƯỢNG PIN

Đèn LED màu đỏ nhấp nháy khi pin yếu.

MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN CL104D

10.8V

3,060,000 VND

Pin 10.8V được cố định sẵn trong máy Thời gian sạc: 180 phút

CL104DWR | CL104DWY | CL104DWYX

Công suất hút: Túi bụi vải (phụ kiện đi kèm) 23/14/5W — Mạnh nhất I Mạnh I Tiêu chuẩn

Thời gian sử dụng: khoảng 8/12/23 phút — Mạnh nhất I Mạnh I Tiêu chuẩn

Trọng lượng: 1.0 kg

Khả năng chứa bụi: 500 mL — Túi bụi giấy 330mL

Phụ kiện đi kèm: Sạc DC1001, đầu hút T, đầu hút khe, ống thẳng, túi bụi vải, túi bụi giấy (5 cái).

MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN CL107FD

12Vmax

CL107FDWYW — Sạc DC18SD thời gian sạc 30 phút, pin 1.5 Ah — Vui lòng liên hệ về giá

CL107FDSYW — 4,390,000 VND — Sạc nhanh DC10SB thời gian sạc 22 phút — 1 BL1016 (1.5Ah)

CL107FDZW — 1,840,000 VND — Không kèm pin, sạc

Có đèn

CL107FDWY — Sạc DC18SD thời gian sạc 30 phút, pin 1.5 Ah — Vui lòng liên hệ về giá

CL107FDSY — 4,390,000 VND — Sạc nhanh DC10SB thời gian sạc 22 phút — 1 BL1016 (1.5Ah)

CL107FDZ — 1,840,000 VND — Không kèm pin, sạc

Có đèn

Công suất hút: Túi bụi vải (phụ kiện đi kèm) 32/20/5W — Mạnh nhất I Mạnh I Tiêu chuẩn

Thời gian sử dụng: khoảng 10/12/25 phút — Mạnh nhất I Mạnh I Tiêu chuẩn (BL1016)

Trọng lượng: 1.1 kg

Khả năng chứa bụi: 500 mL — Túi bụi giấy 330mL

Phụ kiện đi kèm: Đầu hút T, đầu hút khe, túi bụi vải, túi bụi giấy (5 cái).

MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN DCL182

18V

DCL182FRFW — 6,880,000 VND — Sạc nhanh DC18RC thời gian sạc 22 phút — 1 Pin BL1830B (3.0Ah)

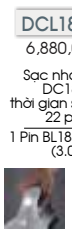

Có đèn

Sử dụng túi bụi vải cao cấp (kèm theo máy)

KHÍ THẢI SẠCH

Phụ kiện đi kèm: Đầu hút T, đầu hút khe, túi bụi vải cao cấp, túi bụi giấy (10 cái).

Công suất hút: Với túi bụi vải cao cấp (phụ kiện kèm theo) 37/10W — Mạnh I Tiêu chuẩn

Thời gian sử dụng: khoảng 20/40 phút — Mạnh I Tiêu chuẩn (BL1830B)

Trọng lượng: 1.5 kg

Khả năng chứa bụi: 500 mL — Túi bụi giấy 330mL

DCL182SY — 6,040,000 VND — Sạc DC18SD thời gian sạc 30 phút — 1 pin BL1815N (1.5Ah)

DCL182Z — 1,960,000 VND — Không kèm pin, sạc

DCL182SYB — 6,040,000 VND — Sạc DC18SD thời gian sạc 30 phút — 1 pin BL1815N (1.5Ah)

DCL182ZB — 1,960,000 VND — Không kèm pin, sạc

DCL182SYW — 6,040,000 VND — Sạc DC18SD thời gian sạc 30 phút — 1 pin BL1815N (1.5Ah)

DCL182ZW — 1,960,000 VND — Không kèm pin, sạc

Phụ kiện đi kèm: Đầu hút T, đầu hút khe, túi bụi vải, túi bụi giấy (5 cái).

Công suất hút: Với túi bụi vải (phụ kiện đi kèm) 42/15W — (Mạnh I Tiêu chuẩn)

Thời gian sử dụng: khoảng 10/20 phút — Mạnh I Tiêu chuẩn (BL1815N)

Trọng lượng: 1.5 kg

Khả năng chứa bụi: 500 mL — Túi bụi giấy 330mL

LỰC HÚT

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Phụ kiện máy hút bụi dùng pin

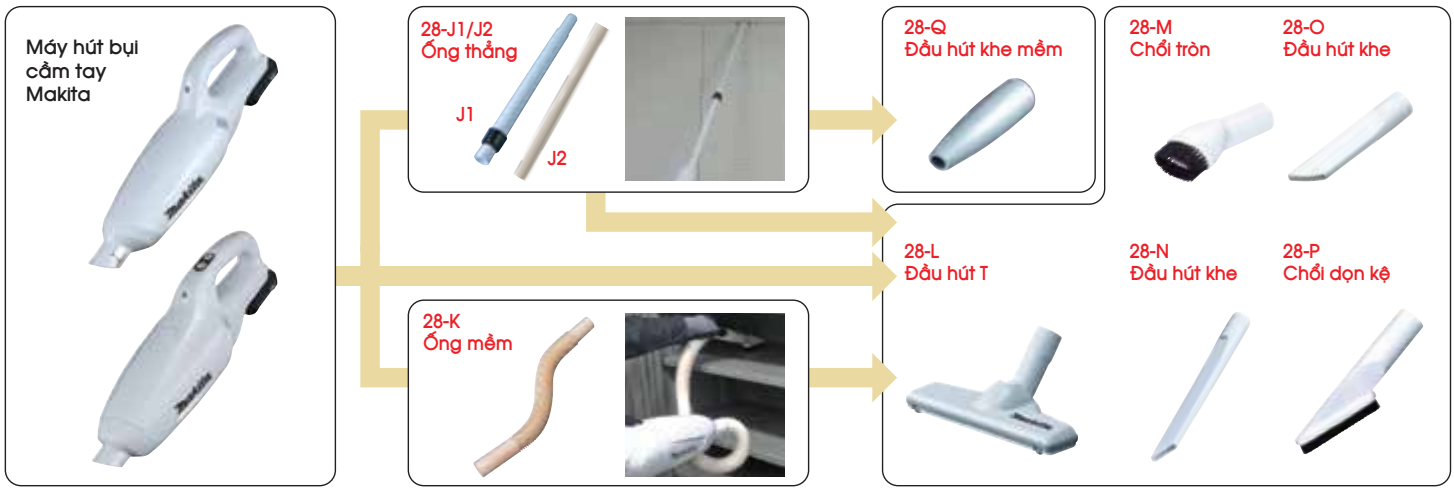

28-J1/J2 Ống thẳng

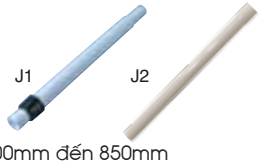

* Có thể điều chỉnh độ dài từ 500mm đến 850mm

Loại	Màu sắc	Mã số
J1	Trắng	123584-2*
J2	Ngà	451424-7
	Xanh	451244-9
	Đỏ	451425-5
	Đen	456587-4
	Trắng	451241-5

28-K Ống mềm

Loại	Màu sắc	Mã số
Ống mềm cao cấp dùng linh hoạt để làm sạch những ngóc ngách nhỏ trong xe hơi	Ngà	191496-7
	Xanh	198541-9
	Đỏ	198542-7
	Đen	198543-5
	Trắng	198867-9

28-L Đầu hút T

Đầu hút chuyển đổi cho việc lau dọn sàn và thảm

Loại	Màu sắc	Mã số
Đầu hút chuyển đổi (sàn & thảm)	Trắng	A-61335

Đầu hút T

Dọn sàn và thảm

Loại	Màu sắc	Mã số
Dọn sàn & thảm	Ngà	197032-7
	Trắng	197035-1
	Xanh	198523-1
	Đỏ	198524-9
	Đen	A-59433

Đầu hút T

Đầu hút T 28

Loại	Màu sắc	Mã số
Đầu hút T 28	Ngà	122861-9
	Trắng	123486-2
	Xanh	123488-8
	Đỏ	123489-6
	Đen	123539-7

Phụ kiện máy hút bụi dùng pin

Đầu hút T
Dọn sàn & thảm

Loại	Màu sắc	Mã số
Dọn sàn & thảm	Trắng	A-37546

Đầu hút T
Đầu hút T (28) lau dọn ghế ngồi

Loại	Màu sắc	Mã số
Lau dọn ghế xe hơi	Trắng	199037-3
	Xanh	199040-4
	Đen	198921-9

28-M
Chổi tròn 28

Màu sắc	Mã số
Ngà	198548-5
Xanh	198549-3
Đỏ	198550-8
Đen	198551-6
Trắng	198877-6

28-N
Đầu hút khe 300-28

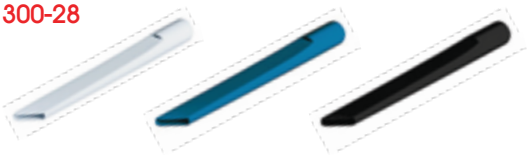

Màu sắc	Mã số
Trắng	198918-8
Xanh	198989-5
Đen	198991-8

28-O
Đầu hút khe 28

Màu sắc	Mã số
Ngà	416041-0
Trắng	451240-7
Xanh	451243-1
Đỏ	416225-0
Đen	456586-6

28-P
Chổi dọn kệ 28
(Bàn chải mềm)

Màu sắc	Mã số
Ngà	191724-0
Trắng	198872-6
Xanh	198534-6
Đỏ	198535-4
Đen	198536-2

28-Q
Đầu hút khe mềm

Màu sắc	Mã số
Xám	A-60654

Sạc

Dùng cho máy	Thời gian sạc	Mã số
CL104D, CL111D	180 phút	DC1001 (196829-1)

DÒNG MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN SẠC LI-ION MỚI

MÁY HÚT BỤI ROBOT DRC200

MỚI - TỰ ĐỘNG HÚT BỤI NHỜ BỘ CẢM BIẾN

Thời gian sử dụng **200** phút (BL1850Bx2)

Trọng lượng **7.8** kg

Dung tích **2500** mL

BL MOTOR

Phụ kiện đi kèm:
Bộ điều khiển không dây, chổi hông, băng keo cảm ứng.

TÍNH NĂNG VƯỢT TRỘI

cho nghiệp vụ vệ sinh chuyên nghiệp

2 chổi biên bên hông + chổi chính

Chổi biên: Giúp gom rác bên hông vào lỗ hút

Bàn chải kích thước lớn: Chiều rộng 260mm. Độ dày Ø50mm

Cần dùng 2 pin 18V để vệ sinh diện tích lớn

Sử dụng lần lượt nguồn năng lượng của mỗi pin (Hoạt động được khi chỉ dùng 1 pin)

Thời gian hoạt động trong 1 lần sạc pin

khoảng **200** phút (1 lần sạc) — 2 pin 5.0Ah

khoảng **120** phút (1 lần sạc) — 2 pin 3.0Ah

Khi tắt quạt hút, thời gian hoạt động sẽ tăng gấp 2 lần

=

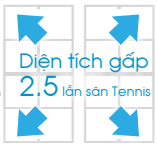

Diện tích vệ sinh = 500m (2 pin 5.0Ah)
Diện tích vệ sinh = 300m (2 pin 3.0Ah)

PHỤ KIỆN

Tên phụ kiện	Băng keo cảm ứng	Chổi bên hông	Bàn chải kích thước lớn	Nắp đậy	Bộ lọc
Hình phụ kiện					
Mã phụ kiện	SH00000240	SH00000065	SH00000063	SH00000064	SH00000213

MÁY HÚT BỤI ĐEO VAI DVC260

MỚI - NHẸ VÀ THOẢI MÁI

Công suất hút **45/25** W Cao/Thấp

Thời gian sử dụng **60 / 90** phút Cao/Thấp (BL1850Bx2)

Trọng lượng **3.8** kg

Dung tích **2000** mL

HEPA filter

BL MOTOR

Phụ kiện đi kèm:
Ống thẳng, ống mềm, đầu hút khe, đầu hút T, khớp nối.

MÁY HÚT BỤI ĐEO VAI DVC261

MỚI - NHẸ VÀ THOẢI MÁI

Công suất hút **85/45/25** W Cao/Vừa/Thấp

Thời gian sử dụng **75 / 140** phút Cao/Thấp (BL1860Bx2)

Trọng lượng **3.8** kg

Dung tích **2000/1500** mL Túi giấy/ Túi vải

HEPA filter

BL MOTOR

Phụ kiện đi kèm:
Đầu hút T, đầu hút khe, ống mềm, ống thẳng, khớp nối, túi bụi vải

MÁY HÚT BỤI ĐEO VAI DVC265

Bluetooth

KẾT NỐI VỚI DỤNG CỤ ĐIỆN QUA BLUETOOTH

Công suất hút **85/45** W Cao/Thấp

Thời gian sử dụng **40 / 75** phút Cao/Thấp (BL1860Bx2)

Trọng lượng **3.9** kg

Dung tích **2000/1500** mL Túi giấy/ Túi vải

Máy hút bụi DVC265 có thể được kích hoạt bởi dụng cụ dùng pin qua thiết bị không dây được phát triển mới bởi Makita

Mở rộng dòng máy AWS

AWS

HEPA filter

BL MOTOR

Phụ kiện đi kèm:
Ống mềm, khớp nối, túi bụi vải

Dây đai an toàn thoải mái

Phần vai và eo có thể điều chỉnh cho phù hợp với người sử dụng nên ít gây mệt mỏi khi sử dụng liên tục

Màng lọc HEPA

Lá bộ lọc chính được sử dụng để hút bụi

HEPA filter

Có thể hút tới 99,97% các hạt nhỏ cỡ 0,3-1μm

Hộp điều khiển

Đèn Led giúp làm việc trong môi trường thiếu ánh sáng

PHỤ KIỆN

Tên phụ kiện	Bộ lọc Hepa	Túi bụi giấy	Túi bụi vải	Đầu giữ
Hình phụ kiện				
Mã phụ kiện	1236363-9	197902-0 (10 cái / bộ)	197898-5	166116-2

MẠNH MẼ, TIỆN LỢI VÀ DỄ SỬ DỤNG

MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN VÀ ĐIỆN DVC860L/DVC861L

TÍNH CƠ ĐỘNG CAO

18V X2 LXT

Thời gian sạc [2 pin]
BL1850: 45 phút

BL1850B

DC18RD

Công suất hút 25-70/320 W DC / AC

Thời gian sử dụng 65 phút (BL1850Bx2)

Trọng lượng 8.6 (DVC860L) 9.3 (DVC861L) kg

Dung tích 8000 mL

DVC860L

DVC861L

HEPA filter

Phụ kiện đi kèm:
DVC860L: Ống mềm 38mm, ống thẳng, ống cong, đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, bộ túi bụi bằng nhựa (10 cái).
DVC861L: Ống mềm 28mm & 38mm, ống thẳng, ống cong, đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, bộ túi bụi bằng nhựa (10 cái).

MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN DVC862L/DVC863L

MẠNH MẼ VÀ TIỆN DỤNG

Công suất hút 90 W

Thời gian sử dụng 40 phút (BL1850Bx2)

Trọng lượng 7.0 (DVC862L) 7.7 (DVC863L) kg

Dung tích 8000 mL

DVC862L

DVC863L

BL MOTOR XPT HEPA filter

Phụ kiện đi kèm:
DVC862L: Ống mềm 38mm, ống thẳng, ống cong, đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, bộ túi bụi bằng nhựa (10 cái).
DVC863L: Ống mềm 28mm & 38mm, ống thẳng, ống cong, đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, bộ túi bụi bằng nhựa (10 cái).

MÁY HÚT BỤI DÙNG PIN DVC864L

Bluetooth

KẾT NỐI VỚI DỤNG CỤ ĐIỆN QUA BLUETOOTH

18V X2 LXT

Thời gian sạc [2 pin]
BL1850: 45 phút

BL1850B

DC18RD

Công suất hút 90 W

Máy hút bụi DVC864L có thể được kích hoạt bởi dụng cụ dùng pin qua thiết bị không dây được phát triển mới bởi Makita

Thời gian sử dụng 40 phút (BL1850Bx2)

Trọng lượng 7.7 kg

Dung tích 8000 mL

AWS kết nối không dây với dụng cụ điện qua Bluetooth

BL MOTOR AWS XPT HEPA filter

Phụ kiện đi kèm:
Ống mềm 38mm, ống thẳng, ống cong, đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, bộ túi bụi bằng nhựa (10 cái).

STT	MODEL	Công suất hút (W)	Khả năng chứa bụi (L)	Thời gian sử dụng với BL1850B (x2)(phút)	Lưu lượng khí tối đa (m^3/phút)	Lưu lượng hút tối đa (kPA)	HEPA filter	AWS Auto - start Wireless System
1	DVC864L/LZX	Chỉ dùng pin: 90	8	40	Chỉ dùng pin: 2.1	Chỉ dùng pin: 9.8	✓	✓
2	DVC863L/LZX	Chỉ dùng pin: 90	8	40	Chỉ dùng pin: 2.1	Chỉ dùng pin: 9.8	✓	—
3	DVC862L	Chỉ dùng pin: 90	8	40	Chỉ dùng pin: 2.1	Chỉ dùng pin: 9.8	—	—
4	DVC861L	Điện/pin: 320/25 - 70	8	65	Điện/pin: 3.6 / 2.1	Điện/pin: 24 / 9.0	✓	—
5	DVC860L	Điện/pin: 320/25 - 70	8	65	Điện/pin: 3.6 / 2.1	Điện/pin: 24 / 9.0	—	—

PHỤ KIỆN

Tên phụ kiện	Bộ lọc bụi (khô) (có màng lọc Hepa)	Bộ lọc trước	Bộ lọc giấy (5 cái/bộ)	Bộ lọc giấy 7L (5 cái/bộ)	Bộ lọc 15L (5 cái/bộ)	Bộ túi bụi nhựa 15L (10 cái/bộ)	Bộ đầu giữ 10-13	Bộ giảm rung
Hình phụ kiện								
Mã phụ kiện	197166-6	195553-3	194556-4	194719-2	195557-5	195432-5	417764-3	195552-5

MÁY HÚT BỤI LI TÂM DCL500/DCL501

LỰC HÚT MẠNH MẼ KÉO DÀI

18V LITHIUM-ION

Thời gian sạc
BL1850B: 45 phút

DC18RC BL1840B

Công suất hút 75/25 W Cao/thấp

Thời gian sử dụng (Cao/Thấp) 16/40 (DCL500) 23/51 (DCL501) phút (BL1840B)

Trọng lượng 3.6 (DCL500) 3.1 (DCL501) kg

Khả năng chứa bụi 250 mL

DCL500

DCL501

HEPA filter BL MOTOR

Lực hút mạnh mẽ kéo dài
Hệ thống lọc li tâm phân loại rác lớn và nhỏ bên trong bộ lọc nhằm giảm thiểu sự tắc nghẽn, giúp cho lực hút được mạnh mẽ và kéo dài

Khí thải ra cực kỳ sạch sẽ với màng lọc HEPA CLEAN (chỉ DCL500Z)

Màng lọc HEPA: có thể ngăn 99.97% các hạt bụi nhỏ 0.3μm hoặc hơn thế (chỉ DCL501Z)

Phụ kiện đi kèm: Đầu hút T, ống mềm, ống thẳng, dây đeo vai, chổi làm sạch.

PHỤ KIỆN

Tên phụ kiện	Mã phụ kiện	Hình phụ kiện
Ống mềm	SH00000034	
Ống thẳng	SH00000060	
Đầu hút T	SH00000058	
Đầu hút khe	SH00000042	
Màng lọc HEPA CLEAN (Cho DCL500)	SH00000027	
Màng lọc HEPA (Cho DCL501)	SH00000286	

Dụng cụ dùng pin

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/*Impact Wrench* 14.4V

DTW250RME/DTW250Z 12.7mm(1/2")

11,660,000 VND / 5,880,000 VND

Lực siết cao tới 230N.m.

440 mm

Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M10 - M16*
	Ốc đàn hồi cao: M10 - M14
	Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	*0 - 3,200 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 2,200 v/p*
Lực siết tối đa	*230 N.m*
Kích thước	*165x79x234 mm*
Trọng lượng	*1.4 - 1.7 kg*

DTW250RME: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DTW250Z: Không kèm pin, sạc

Máy không kèm đầu tuýp.

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/*Impact Wrench* 14.4V

DTW284Z 12.7mm(1/2")

7,610,000 VND

Lực siết tối đa 275N.m.

Khả năng siết	*Ốc tiêu chuẩn: M10 - M20*
	Ốc đàn hồi cao: M10 - M16
	Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	*Cứng / Vừa / Mềm:*
	0 - 3,500 / 0 - 2,600 / 0 - 1,800 l/p
Tốc độ không tải	*Cứng / Vừa / Mềm:*
	0 - 2,800 / 0 - 2,100 / 0 - 1,600 v/p
Lực siết tối đa	*275 N.m*
Kích thước	*147x79x249 mm*
Trọng lượng	*1.4 - 1.6 kg*

DTW284Z: Không kèm pin, sạc

Móc treo. (Máy không kèm đầu tuýp).

Lực siết tối đa

Chức năng tự dừng

Chức năng này chỉ hoạt động khi bóp giữ công tắc và chiều quay của máy ngược chiều kim đồng hồ.
Khi đai ốc / bu lông vừa được tháo ra, máy sẽ tự động dừng chức năng búa và ngừng quay trong 0.2 giây

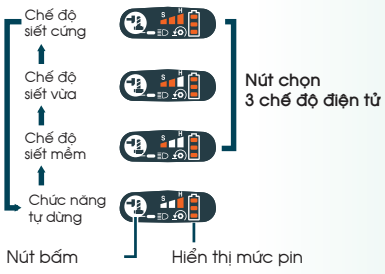

Thiết kế gọn với tổng chiều dài chỉ 147mm

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã 7 (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.8 &10)

Dụng cụ dùng pin

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/*Impact Wrench* 14.4V

DTW280RME/DTW280Z 12.7mm(1/2")

14,060,000 VND / 6,130,000 VND

Lực siết tối đa 275N.m.

Khả năng siết	Ốc tiêu chuẩn: M10 - M20 Ốc đàn hồi cao: M10 - M16 Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	Cứng / Vừa / Mềm: 0 - 3,500 / 0 - 2,600 / 0 - 1,800 l/p
Tốc độ không tải	Cứng / Vừa / Mềm: 0 - 2,800 / 0 - 2,100 / 0 - 1,600 v/p
Lực siết tối đa	275 N.m
Kích thước	147x79x249 mm
Trọng lượng	1.4 - 1.6 kg

DTW280RME: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DTW280Z: Không kèm pin, sạc

Móc treo. (Máy không kèm đầu tuýp).

Máy Vặn Vít Dùng Pin/*Impact Driver* 14.4V

DTD134RFE/DTD134Z

8,630,000 VND / 3,290,000 VND

Khả năng chống bụi và chống thấm nước cao.

Khả năng	Ốc máy: M4 - M8 Ốc tiêu chuẩn: M5 - M14 Ốc đàn hồi cao: M5 - M12 Ren thô (ren dài): 22 - 125 mm
Tốc độ đập	0 - 3,200 l/p
Tốc độ không tải	0 - 2,400 v/p
Lực siết tối đa	155 N.m
Kích thước	138x79x238 mm
Trọng lượng	1.2 - 1.4 kg

DTD134RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DTD134Z: Không kèm pin, sạc

Máy Vặn Vít Dùng Pin/*Impact Driver* 14.4V

DTD137Z

4,660,000 VND

Chiều dài tổng thể 119mm.

Khả năng	Ốc máy: M4 - M8 Ốc tiêu chuẩn: M5 - M16 Ốc đàn hồi cao: M5 - M14 Ren thô (ren dài): 22 - 125 mm
Tốc độ đập	0- 3,600 / 0 - 2,600 / 0 - 1,100 l/p
Tốc độ không tải	0 - 3,400 / 0 - 2,100 / 0 - 1,100 v/p
Lực siết tối đa	170 N.m
Kích thước	119x79x238 mm
Trọng lượng	1.2 - 1.4 kg

DTD137Z: Không kèm pin, sạc

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/*Driver Drill* 14.4V

DDF343SYE/DF343Z 10mm

5,370,000 VND / 1,340,000 VND

Khả năng	Thép / gỗ: 10 / 25 mm
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 1,300 v/p Thấp: 0 - 400 v/p
Lực vặn tối đa	Cứng / Mềm: 36 / 20 N.m
Kích thước	192x79x243 mm
Trọng lượng	1.4 - 1.7 kg

DDF343SYE: Sạc, 2 pin 1.5 Ah
DDF343Z: Không kèm pin, sạc

Mũi vít (+) (-).

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin/*HammerDriver Drill* 14.4V

DHP343SYE/DHP343Z 10mm

5,880,000 VND / 1,490,000 VND

Thiết kế gọn và trọng lượng nhẹ.

Khả năng	Thép: 10 mm Gỗ: 25 mm Tường: 10 mm
Tốc độ đập	Cao: 0 - 19,500 l/p Thấp: 0 - 6,000 l/p
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 1,300 v/p Thấp: 0 - 400 v/p
Lực siết tối đa	Cứng / Mềm: 36 / 20 N.m
Kích thước	211x79x243 mm
Trọng lượng	1.4 - 1.7 kg

DHP343SYE: Sạc, 2 pin 1.5Ah
DHP343Z: Không kèm pin, sạc

Mũi vít (+) (-).

Máy Khoan Góc Dùng Pin/*Angle Drill* 14.4V

DDA340RFE/DDA340Z 10mm

13,220,000 VND / 7,090,000 VND

Thiết kế khoa học với tay cầm bọc cao su mềm.

Khả năng	Thép: 10 mm Gỗ: 25 mm
Tốc độ không tải	0 - 1,700 v/p
Kích thước	314x79x97 mm
Trọng lượng	1.4 kg

DDA340RFE: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah
DDA340Z: Không kèm pin, sạc

Khóa đầu kẹp, tay cầm.

Máy Hút Bụi Dùng Pin/*Cleaner* 14.4V

DCL140Z

1,310,000 VND

Lực hút mạnh lên đến 25W.

Công suất hút	25 W
Khả năng chứa	650 mL
Lưu lượng khí tối đa	1.3 m^3/ phút
Thời gian sử dụng liên tục	20 phút
Lưu lượng hút tối đa	3.8 kPa
Độ ồn động cơ	69 dB
Kích thước	981x114x152 mm
Trọng lượng	1.2 kg

DCL140Z: Không kèm pin, sạc

Bộ ống hút bụi, đầu hút khe, ống, túi lọc và bộ lọc trước (khuôn của nhà máy).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.9-10)

Dụng cụ dùng pin

Sạc nhanh 22 phút

DC18RE

để sạc đầy 1 pin Li-ion 1.5Ah

HỆ THỐNG NẠP ĐIỆN TỐI ƯU

Hệ thống làm mát (chỉ DC10SB)

- Thời gian chờ đến khi bắt đầu sạc được rút ngắn rất nhiều nhờ sử dụng bộ sạc DC10SA được trang bị quạt làm mát.
- Làm mát hiệu quả mỗi cột pin với hệ thống làm mát không khí và bộ tản nhiệt.

Tình trạng sạc

Hiển thị tình trạng sạc của pin đang được sạc trong 2 giai đoạn: dưới 80% và trên 80%.

Thiết kế nhỏ gọn và trọng lượng nhẹ

DC10WD cho hiệu suất sạc cao hơn so với DC10WA, nhưng thiết kế nhỏ gọn và trọng lượng nhẹ hơn.

Thiết bị trượt kết nối đa năng

- Đảm bảo kết nối ổn định với máy thậm chí dưới rung động cực cao.
- Thích hợp với các máy có thiết kế tay cầm bên tiện dụng.

Lắp trên tường để sạc

Có thể gắn trên tường để sạc, cho phép người sử dụng để có được không gian làm việc tối đa cho khu vực làm việc.

Hiển thị dung lượng pin

(BL1021B, BL1041B)

Đèn hiển thị dung lượng pin còn lại theo 4 cấp khi nhấn nút.

Hiển thị dung lượng pin (4 đèn LED)

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.9-10)

Động cơ không chổi than BL MOTOR

Máy Vặn Vít Dùng Pin/*Impact Driver* 12Vmax

TD111DSAJ/TD111DZ

5,760,000 VND / 2,700,000 VND

Máy bắt vít dùng pin với công nghệ không chổi than chế độ hỗ trợ A.

Khả năng	Ốc máy: M4 - M8
	Ốc tiêu chuẩn: M5 - M14
	Ốc đàn hồi cao: M5 - M12
	Ren thô (ren dài): 22 - 90 mm
Chuôi lục giác	6.35 mm
Tốc độ không tải	Cao/thấp: 0 - 3,000 / 0 -1,300 v/p
Tốc độ đập	Cao/thấp: 0 - 3,900 / 0 - 1,600 l/p
Lực siết tối đa	135 N.m
Kích thước	135x66x210 mm
Trọng lượng	0.97 - 1.1 kg

Tr. 30

TD111DSAJ:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah Máy kèm thùng Makpac
TD111DZ:	Không kèm pin, sạc.

Móc treo, mũi phi-lip.

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 12Vmax

DF032DSAE/DF032DZ

4,900,000 VND / 2,530,000 VND

Nhỏ gọn hơn và hiệu quả hơn nhờ động cơ không chổi than.

Công suất	250 W
Khả năng	Thép: 10 mm
	Gỗ: 28 mm
Khả năng đầu cặp	6.35 mm
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 1,500 v/p
	Thấp: 0 - 450 v/p
Lực siết tối đa	Cứng / Mềm: 35 / 21 N.m
Lực siết khóa tối đa	32 N.m
Kích thước	124x66x217 mm
Trọng lượng	0.88 - 1.0 kg

DF032DSAE:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
DF032DZ:	Không kèm pin, sạc.

Móc treo, mũi phi-lip.

Thiết kế nhỏ gọn và tiện dụng với chiều dài chỉ 149 mm

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 12Vmax

DF332DSAE/DF332DZ

4,950,000 VND / 2,580,000 VND

Nhỏ gọn hơn và hiệu quả hơn nhờ động cơ không chổi than.

Công suất	250 W
Khả năng	Thép: 10 mm
	Gỗ: 28 mm
Khả năng đầu cặp	0.8 - 10 mm
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 1,500 v/p
	Thấp: 0 - 450 v/p
Lực siết tối đa	Cứng / Mềm: 35 / 21 N.m
Lực siết khóa tối đa	32 N.m
Kích thước	154x66x217 mm
Trọng lượng	1.0 - 1.2 kg

Tr. 30

DF332DSAE:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
DF332DZ:	Không kèm pin, sạc.

Móc treo, mũi phi-lip.

Động cơ dùng chổi than

Máy Vặn Vít Dùng Pin/*Impact Driver* 12Vmax

TD110DSAE/TD110DSYE/TD110DZ

3,760,000 VND / 3,170,000 VND / 1,300,000 VND

Tay cầm thuận tiện cho khả năng vặn vít tối ưu.

Công suất	120W
Khả năng	Ốc máy/ốc tiêu chuẩn:
	M4 - M8 / M5 - M12
	Ốc đàn hồi cao: M5 - M10
	Ren thô (ren dài): 22 - 90 mm
Chuôi lục giác	6.35 mm
Tốc độ không tải	0 - 2,600 v/p
Tốc độ đập	0 - 3,500 l/p
Lực siết tối đa	110 N.m
Kích thước	153x66x204 mm
Trọng lượng	1.0 - 1.2 kg

Tr. 30

TD110DSAE:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
TD110DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
TD110DZ:	Không kèm pin, sạc.

Móc treo, mũi phi-lip.

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 12Vmax

DF031DSYE/DF031DZ

3,360,000 VND / 1,240,000 VND

Công suất cao đáp ứng tối đa nhu cầu khoan và vặn vít.

Công suất	170 W
Khả năng	Thép: 10 mm
	Gỗ: 21 mm
Khả năng đầu cặp	6.35 mm
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 1,700 v/p
	Thấp: 0 - 450 v/p
Lực siết tối đa	Cứng / Mềm: 30 / 14 N.m
Lực siết khóa tối đa	28 N.m
Kích thước	157x66x209 mm
Trọng lượng	0.94 - 1.1 kg

DF031DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
DF031DZ:	Không kèm pin, sạc.

Móc treo, mũi phi-lip.

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 12Vmax

DF033DSYE/DF033DZ

Vui lòng liên hệ về giá/1,240,000 VND

Công suất cao đáp ứng tối đa nhu cầu khoan và vặn vít.

new

Công suất	170 W
Khả năng	Thép: 10 mm
	Gỗ: 21 mm
Khả năng đầu cặp	6.35 mm
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 1,700 v/p
	Thấp: 0 - 450 v/p
Lực siết tối đa	Cứng / Mềm: 30 / 14 N.m
Lực siết khóa tối đa	28 N.m
Kích thước	149x66x212 mm
Trọng lượng	0.94 - 1.1 kg

DF032DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
DF033DZ:	Không kèm pin, sạc.

Móc treo, mũi phi-lip.

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 12Vmax

DF331DSAE/DF331DSYE/DF331DZ

3,720,000 VND / 3,140,000 VND / 1,290,000 VND

Công suất cao đáp ứng tối đa nhu cầu khoan và vặn vít.

Công suất	170 W
Khả năng	Thép: 10 mm
	Gỗ: 21mm
Khả năng đầu cặp	0.8 - 10 mm
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 1,700 v/p
	Thấp: 0 - 450 v/p
Lực siết tối đa	Cứng / Mềm: 30 / 14 N.m
Lực siết khóa tối đa	28 N.m
Kích thước	189x66x209 mm
Trọng lượng	1.1 - 1.3 kg

Tr. 30

DF331DSAE:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
DF331DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
DF331DZ:	Không kèm pin, sạc.

Móc treo, mũi phi-lip.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.9-10)

Động cơ không chổi than BL MOTOR

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin/ Hammer Driver Drill 12Vmax

HP332DSAE/HP332DZ

5,180,000 VND / 2,820,000 VND

Nhỏ gọn hơn và hiệu quả hơn nhờ động cơ không chổi than.

Khả năng	Thép / Gỗ / Tường:10 / 28 / 8 mm
Khả năng đầu cặp	0.8 - 10 mm
Tốc độ đập	Cao/thấp: 0 - 22,500 / 0 - 6,750 l/p
Tốc độ không tải	Cao/thấp: 0 - 1,500 / 0 - 450 v/p
Lực siết tối đa	Cứng / Mềm: 35 / 21 N.m
Lực siết khóa tối đa	32 N.m
Kích thước	168x66x217 mm
Trọng lượng	1.1 - 1.3 kg

BL MOTOR

CXT

Tr. 35

HP332DSAE: Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
HP332DZ: Không kèm pin, sạc.

Bộ ống hút bụi, đầu hút khe, ống, túi lọc và bộ lọc trước (khuôn của nhà máy).

Động cơ dùng chổi than

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ Driver Drill 12Vmax

DF333DSAE/DF333DSYE/DF333DZ

Vui lòng liên hệ về giá/Vui lòng liên hệ về giá/1,290,000 VND

Công suất cao đáp ứng tối đa nhu cầu khoan và vặn vít.

new

Công suất	170 W
Khả năng	Thép: 10 mm
	Gỗ: 21mm
Khả năng đầu cặp	0.8 - 10 mm
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 1,700 v/p
	Thấp: 0 - 450 v/p
Lực siết tối đa	Cứng / Mềm: 30 / 14 N.m
Lực siết khóa tối đa	28 N.m
Kích thước	179x66x212 mm
Trọng lượng	1.1 - 1.2 kg

CXT

Tr. 33

DF333DSAE: Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
DF333DSYE: Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
DF333DZ: Không kèm pin, sạc.

Móc treo, mũi phi-lip

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin/ Hammer Driver Drill 12Vmax

HP331DWAX8/HP331DSAE/HP331DSYE/HP331DZ

5,130,000 VND /3,950,000 VND/3,350,000 VND/ 1,530,000 VND

Công suất cao đáp ứng tối đa nhu cầu khoan và vặn vít.

Số lượng có hạn

HP331DWAX8

Khả năng	Thép / Gỗ / Tường: 10 / 21 / 8 mm
Khả năng đầu cặp	0.8 - 10 mm
Tốc độ đập	Cao/thấp: 0 - 25,500 / 0 - 6,750 l/p
Tốc độ không tải	Cao/thấp: 0 - 1,700 / 0 - 450 v/p
Lực siết tối đa	Cứng / Mềm : 30 / 14 N.m
Lực siết khóa tối đa	28 N.m
Kích thước	201x66x209 mm
Trọng lượng	1.1 - 1.3 kg

CXT

Tr. 35

HP331DWAX8: Sạc, pin 2.0Ah, Bộ mũi khoan, bộ chuyển đổi USB ADP08, dây đeo vai, túi đựng Makita
HP331DSAE: Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
HP331DSYE: Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
HP331DZ: Không kèm pin, sạc.

Móc treo, mũi phi-lip

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin/ Hammer Driver Drill 12Vmax

HP333DSAE/HP333DSYE/HP333DZ

Vui lòng liên hệ về giá/Vui lòng liên hệ về giá/1,530,000 VND

Công suất cao đáp ứng tối đa nhu cầu khoan và vặn vít.

new

Khả năng	Thép / Gỗ / Tường: 10 / 21 / 8 mm
Khả năng đầu cặp	0.8 - 10 mm
Tốc độ đập	Cao/thấp: 0 - 25,500 / 0 - 6,750 l/p
Tốc độ không tải	Cao/thấp: 0 - 1,700 / 0 - 450 v/p
Lực siết tối đa	Cứng / Mềm : 30 / 14 N.m
Lực siết khóa tối đa	28 N.m
Kích thước	201x66x209 mm
Trọng lượng	1.1 - 1.3 kg

CXT

Tr. 35

HP333DSAE: Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
HP333DSYE: Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
HP333DZ: Không kèm pin, sạc.

Móc treo, mũi phi-lip

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã 7 (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.9,10)

Động cơ không chổi than BL MOTOR

Máy Khoan Động Lực Dùng Pin/*Rotary Hammer* 12Vmax

HR166DSMJ/HR166DSAE1/HR166DSAJ/HR166DZ 16mm

7,170,000 VND / 6,530,000 VND / 6,410,000 VND / 3,290,000 VND

Chuôi gài SDS-PLUS. Máy khoan 2 chức năng: Khoan, Khoan búa

Lực đập	*1.1 J*
Khả năng	*Bê tông: 16 mm*
	Thép: 10 mm
	Gỗ: 13 mm
Tốc độ đập	*0 - 4,800 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 680 v/p*
Kích thước	*250x74x187 mm*
Trọng lượng	*1.8 - 2.4 kg*

HR166DSMJ:	Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
	Máy kèm thùng Makpac
HR166DSAE1:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
	Bộ phụ kiện
HR166DSAE1:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
	Máy kèm thùng Makpac
HR166DZ:	Không kèm pin, sạc

Tr. 36 & 91

Tay cầm, thước canh độ sâu. (Máy không kèm mũi khoan).

Động cơ dùng chổi than

Máy Khoan Động Lực Dùng Pin/*Rotary Hammer* 12Vmax

HR140DSAE1/HR140DSAE/HR140DSYE/HR140DZ 14mm

5,760,000 VND / 5,120,000 VND / 4,830,000 VND / 2,480,000 VND

Chuôi gài SDS-PLUS. Máy khoan 2 chức năng: Khoan, Khoan búa

Lực đập	*1.0 J*
Khả năng	*Bê tông: 14 mm*
	Thép: 10 mm
	Gỗ: 13 mm
Tốc độ không tải	*0 - 850 v/p*
Tốc độ đập	*0 - 4,900 l/p*
Kích thước	*246x74x198 mm*
Trọng lượng	*1.9 - 2.6 kg*

HR140DSAE1:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
	Bộ phụ kiện
HR140DSAE:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
HR140DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
HR140DZ:	Không kèm pin, sạc

Tr. 36 & 91

Tay cầm, thước canh độ sâu. (Máy không kèm mũi khoan).

Nhỏ gọn và dễ sử dụng

Thiết kế cân bằng
Tay cầm nhỏ gọn giúp giảm thiểu mỏi và đau tay

Dòng máy khoan động lực

"sử dụng 1 tay"

Vô cùng gọn nhẹ và chắc chắn
Được thiết kế trên NỀN TẢNG sử dụng dễ dàng, sức mạnh và tốc độ

Cực kỳ GỌN và NHẸ cho tính CƠ ĐỘNG cao

Vỏ máy hấp thụ rung động
Giảm rung cho tay cầm

Cân bằng tối ưu giữa trọng lượng và tốc độ

chuôi gài SDS-PLUS

Thay mũi chỉ 1 thao tác
giúp thay mũi dễ dàng và nhanh chóng

Máy Cưa Lọng Dùng Pin/ *Jig Saw* 12Vmax

JV103DSYJ/JV103DZ

6,230,000 VND / 3,440,000 VND

Thoải mái, tiện lợi, cắt nhanh và hiệu quả.

Khả năng tối đa (Tại 90°)	*Gỗ / Nhôm / Thép mềm: 90 / 20 / 10 mm*
Độ xọc	*23 mm*
Nhịp cắt	*800 - 3,000 l/p*
Độ ồn động cơ	*96 dB*
Kích thước	*237x76x206 mm*
Trọng lượng	*1.9 - 2.0 kg*

JV103DSYJ:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5 Ah
	Máy kèm thùng Makpac
JV103DZ:	Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa lọng.

Máy Cưa Lọng Dùng Pin/*Jig Saw* 12Vmax

JV101DSAE/JV101DSYE/JV101DZ

4,210,000 VND / 3,960,000 VND / 1,700,000 VND

Thân máy gọn và nhẹ cho công việc cắt nhẹ nhàng.

Khả năng cắt tối đa (Tại góc 90°)	*Gỗ: 65 mm*
	Nhôm: 4 mm
	Thép mềm: 2 mm
Độ xọc	*18 mm*
Nhịp cắt	*0 - 2,900 l/p*
Kích thước	*232x76x196 mm*
Trọng lượng	*1.8 - 1.9 kg*

JV101DSAE:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
JV101DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
JV101DZ:	Không kèm pin, sạc.

Khóa lục giác, lưỡi cưa.

Bộ Sản Phẩm Máy Khoan, Vặn Vít/*Combo kit* 12Vmax

CLX201S

4,060,000 VND

Bộ Sản Phẩm Máy Khoan, Vặn Vít/*Combo kit* 12Vmax

CLX224S

4,060,000 VND

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.08

Đối với những máy mã Z (18V) cần mua thêm pin, sạc - bộ pin & sạc Makpac là lựa chọn tối ưu (Tham khảo Tr.9-10)

Dụng cụ dùng pin

Bộ Sản Phẩm Máy Khoan Búa, Vặn Vít/ *Combo kit* 12Vmax

CLX202S

5,270,000 VND

Bộ Sản Phẩm Máy Đa Năng,Máy Khoan,Vặn Vít/ *Combo kit* 12Vmax

CLX206SX1

5,920,000 VND

Máy Siết Bu Lông Góc Dùng Pin/ *Angle Impact Wrench* 12Vmax

TL065DSYJ/TL065DZ 9.5mm (3/8")

8,170,000 VND / 5,370,000 VND

Gọn nhẹ và tiện dụng ở những nơi không gian chật hẹp.

Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M4 - M12*
	Ốc đàn hồi cao: M4 - M8
	Cốt: 9.5 mm
Tốc độ không tải	*0 - 2,000 v/p*
Tốc độ đập	*0 - 3,000 l/p*
Lực siết tối đa	*60 N.m*
Kích thước	*361x66x86 mm*
Trọng lượng	*1.2 - 1.6 kg*

CXT

TL065DSYJ:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah Máy kèm thùng Makpac
TL065DZ:	Không kèm pin, sạc

Móc treo.

Máy Vặn Vít Góc Dùng Pin/ *Angle Impact Driver* 12Vmax

TL064DSYE/TL064DZ

8,030,000 VND / 5,370,000 VND

Gọn nhẹ và tiện dụng ở những nơi không gian chật hẹp.

Khả năng	*Ốc máy: M4 - M8*
	Ốc tiêu chuẩn: M4 - M12
	Ốc đàn hồi cao: M4 - M8
	Ren thô (ren dài): 22 - 75 mm
	Chuôi gài lục giác: 6.35 mm
Tốc độ không tải	*0 - 2,000 v/p*
Tốc độ đập	*0 - 3,000 l/p*
Lực siết tối đa	*60 N.m*
Kích thước	*361x66x86 mm*
Trọng lượng	*1.2 - 1.6 kg*

CXT

TL064DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
TL064DZ:	Không kèm pin, sạc

Móc treo, mũi vít.

Nhỏ và gọn giúp dễ dàng điều khiển

LINH HOẠT & DỄ DÀNG ĐIỀU KHIỂN

ĐẦU GÓC Siêu nhỏ gọn

THÍCH HỢP SỬ DỤNG TRONG KHÔNG GIAN HẸP

Đầu cốt

Cốt: 9.5 mm chỉ TL064D

Đèn LED đơn với chức năng sáng trước và tắt sau

Tay cầm chắc chắn và thoải mái

Công tắc lớn

Nhiều phụ kiện mua thêm cho tính linh hoạt cao

Đầu góc | Đầu siết góc | Đầu thẳng | Đầu siết 2 chiều

Sử dụng pin dạng trượt 12V Max mới của Makita

CXT

12Vmax LITHIUM-ION

Vặn và tháo ốc trong không gian chật hẹp

Chuôi lục giác: 6.35 mm chỉ TL065D

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Máy Khoan Góc Dùng Pin/*Angle Drill* 12Vmax

DA332DSYE/DA332DZ 10mm

4,850,000 VND / 2,200,000 VND

Đầu góc siêu nhỏ gọn, thích hợp sử dụng trong không gian chật hẹp.

Khả năng khoan	*Thép: 10 mm*
	Gỗ: 12 mm
Tốc độ không tải	*0 - 1,100 v/p*
Chiều cao đầu khoan	*63 mm*
Chiều cao mũi tâm	*23.5 mm*
Kích thước	*với BL1016/BL1021B: 313x68x86 mm*
	với BL1041B: 332x68x86 mm
Trọng lượng	*1.2 - 1.3 kg*

CXT

DA332DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
DA332DZ:	Không kèm pin, sạc

Móc treo, mũi vít, đầu mở.

Máy Khoan Góc Dùng Pin/*Angle Drill* 12Vmax

DA333DSYE/DA333DZ 10mm

4,610,000 VND / 1,970,000 VND

Đầu góc siêu nhỏ gọn, thích hợp sử dụng trong không gian chật hẹp.

Khả năng khoan	*Thép: 10 mm*
	Gỗ: 12 mm
Tốc độ không tải	*0 - 1,100 v/p*
Chiều cao đầu khoan	*84 mm*
Chiều cao mũi tâm	*23.5 mm*
Kích thước	*với BL1016/BL1021B: 313x68x95 mm*
	với BL1041B: 332x68x95 mm
Trọng lượng	*1.2 - 1.4 kg*

CXT

DA333DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
DA333DZ:	Không kèm pin, sạc

Móc treo, mũi vít.

ĐẦU KHOAN NHỎ GỌN

KHOAN NHANH HƠN ĐẾN 35%

Với lỗ khoan có độ sâu 30mm, đường kính 90mm với mũi khoan Auge

*So sánh với các dòng sản phẩm trước

DA332D

DA333D

Đầu gài không cần khóa mở (chỉ DA333D)

Máy Cắt Thạch Cao Dùng Pin/*Drywall Saw* 12Vmax

SD100DSYJ/SD100DZ

8,340,000 VND / 5,540,000 VND

Cơ chế quỹ đạo giúp tăng hiệu suất làm việc.

Khả năng	*Tường : 30 mm*
	Gỗ : 15 mm
Tốc độ cắt	*0 - 6,000 l/p*
Chiều dài cắt	*6 mm*
Kích thước	*239x79x266 mm*
Trọng lượng	*1.4 - 1.6 kg*

Lưỡi cắt cho máy cắt thạch cao

Dùng cho	Mã số
Thạch cao	B-49703
Gỗ	B-49719

CXT

SD100DSYJ:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah Máy kèm thùng Makpac
SD100DZ:	Không kèm pin, sạc

Lưỡi cắt thạch cao.

Thích hợp cho những công việc cắt thẳng trên cao

Như: lắp đặt đèn trần nhà hay lỗ thông khí,..

Đế bảo vệ

Bảo vệ bề mặt thạch cao khỏi trầy xước và giữ máy cân bằng trong suốt quá trình sử dụng.

Rãnh chữ V ở đế bảo vệ giúp dễ dàng quan sát đường cắt

Hộp chứa bụi

Hứng bụi đi qua đế bảo vệ

Bộ phận kết nối

Kết nối với máy hút bụi

Kiểm soát tốc độ bằng công tắc bóp giúp cắt dễ dàng hơn

Đèn LED làm việc

Chiếu sáng đường cắt giúp dễ dàng cắt trong môi trường thiếu ánh sáng.

Điều chỉnh độ cắt sâu

Thạch cao

- Độ sâu khi cắt có thể được điều chỉnh theo bề dày thạch cao.
- Ngăn ngừa hư hại do lưỡi cắt gây ra

Nắp bảo vệ lưỡi cắt

Kết nối được với máy hút bụi

Có thể mua thêm máy hút bụi đeo vai (DVC 260)

Máy Đa Năng Dùng Pin/*Multi Tool* 12Vmax

TM30DSYEX4/TM30DSYE/TM30DZ

5,550,000 VND / 5,140,000 VND / 2,960,000 VND

Phụ kiện đa dạng đáp ứng được nhiều chức năng khác nhau.

Dao động	*6,000 - 20,000 l/p*
Dao động góc	*Trái / Phải /Tổng: 1.6°/1.6°/3.2°*
Kích thước	*277x65x98 mm*
Trọng lượng	*1.1 - 1.3 kg*

Phụ kiện máy TM30DSYEX4

Lưỡi cắt

Đế chà nhám

Bộ giấy chà nhám (6 cái)

CXT

Tr. 110

TM30DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
TM30DSYEX4:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
TM30DZ:	Không kèm pin, sạc

Chỉ TM30DSYEX4 : Lưỡi cắt, bộ 6 giấy chà nhám(2 cái/ loại - cỡ hạt: 60, 120, 240), đế chà nhám.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Máy Cắt Đa Năng Dùng Pin/*Multi Cutter* 12Vmax

CP100DSY/CP100DZ

3,310,000 VND / 1,350,000 VND

Gọn nhẹ và cơ động. Đáp ứng đa dạng các nhu cầu chuyên nghiệp.

Khả năng cắt	*6 mm*
Tốc độ không tải	*300 v/p*
Kích thước	*BL1016/BL1021B: 272x66x120 mm*
	BL1041B: 291x66x121 mm
Trọng lượng	*0.72 - 0.88 kg*

Lưỡi cắt

Mã số : 198604-1

Túi đựng

Mã số : 198589-1

CP100DSY:	Sạc nhanh, pin 1.5Ah
CP100DZ:	Không kèm pin, sạc

Lưỡi cắt, túi đựng.

Bìa các tông

Thảm

Nỉ

Nhựa

Da

Cao su

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/*Impact Wrench* 12Vmax

TW140DSAE/TW140DSYE/TW140DSYEX/TW140DZ 9.5mm

Số lượng có hạn

4,190,000 VND/3,910,000 VND/ 3,910,000 VND / 1,320,000 VND

Nhỏ gọn và công suất cao. Cung cấp lực siết lên đến 140N.m.

Công suất	*125 W*
Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M8 - M16*
	Ốc đàn hồi cao: M6 - M12
Cốt	*9.5 mm*
Lực siết tối đa	*140 N.m*
Tốc độ không tải	*0 - 2,600 v/p*
Tốc độ đập	*0 - 3,200 l/p*
Kích thước	*BL1016/BL1021B: 161x66x205 mm*
	BL1041B: 161x66x224 mm
Trọng lượng	*1 - 1.2 kg*

TW140DSAE:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
TW140DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
TW140DSYEX:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
TW140DZ:	Không kèm pin, sạc

Móc treo, ốc.

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/*Impact Wrench* 12Vmax

TW060DSYE/TW060DZ 6.5mm

3,910,000 VND/ 1,320,000 VND

Nhỏ gọn và công suất cao. Cung cấp lực siết lên đến 60N.m.

new

Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M8 - M12*
	Ốc đàn hồi cao: M6 - M10
Cốt	*6.35 mm*
Lực siết tối đa	*60 N.m*
Tốc độ không tải	*0 - 2,600 v/p*
Tốc độ đập	*0 - 3,200 l/p*
Kích thước	*BL1016/BL1021B: 161x66x205 mm*
	BL1041B: 161x66x224 mm
Trọng lượng	*1 - 1.2 kg*

TW060DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
TW060DZ:	Không kèm pin, sạc

Móc treo

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Súng Bắn Silicon Dùng Pin/*Caulking Gun* 12Vmax

CG100DSYA/CG100DZB/CG100DZA

7,680,000 VND / 6,020,000 VND / 5,720,000 VND

Thiết kế gọn và nhẹ giúp vận hành thoải mái.

Lực đẩy tối đa	*5,000 N*
Tốc độ không tải	*0 - 28 mm/s*
Kích thước ống đỡ	*300, 600, 800 mL*
Kích thước	*404x108x259 mm*
Trọng lượng	*1.9 - 2.6 kg*

CG100DSYA:	Sạc nhanh, pin 1.5Ah
CG100DZA:	Không kèm pin sạc
CG100DZB:	Không kèm pin sạc

CG100DSYA/CG100DZA : Thanh đẩy, piston A, ống A, đầu bít ống A, kính bảo hộ.
CG100DZB : Thanh đẩy, piston A, B, C, ống B, đầu bít ống B, vòng đệm cao su, kính bảo hộ, vòi phun (3 cái).

Kiểm soát thay đổi tốc độ bằng công tắc bóp và thiết lập điện tử

Thiết lập tốc độ điện tử

Cho phép thiết lập tốc độ tối đa cò bóp giúp tối ưu hóa lượng keo cần bắn.

Công tắc cò bóp thay đổi tốc độ

Cho phép người dùng đạt được tốc độ phù hợp cho từng ứng dụng cụ thể.

Ống tay đỡ có thể xoay 360 độ

Dễ dàng trong công việc khi ở bất cứ góc làm việc nào, chỉ cần xoay ống tay đỡ.

Đèn cảnh báo quá tải

Đèn LED thông báo khi máy bị quá tải ngăn ngừa ống đựng silicon bị vỡ như sau:
- Nhấp nháy: Máy gần bị quá tải.
- Rực sáng: Máy đã bị quá tải, mạch bảo vệ quá tải sẽ ngừng cung cấp nguồn cho máy.

Đèn LED chiếu sáng

Chức năng sáng trước và Tắt sau.

Chức năng chống nhỏ giọt

Giảm áp khi công tắc bóp được nhả nhằm ngăn chặn việc bắn keo không chủ đích.

Tay cầm cao su chống trượt

Giúp sử dụng máy thoải mái và kiểm soát tốt hơn.

Cung cấp lực đẩy lên đến 5,000 N (1,100 lbs) đáp ứng các dạng silicon có độ đậm đặc cao nhất

Tối ưu hóa trọng tâm máy

cung cấp cân bằng lý tưởng cho máy giúp giảm thiểu áp lực lên cổ tay người dùng

Đèn LED chiếu sáng

chức năng sáng trước và tắt sau.

Dạng hộp

Kích thước ống 300ml

Ống A Mã số: 196351-8

- Ống A (dạng hộp)
- Đầu bít ống A
- Thanh đẩy 42
- Pít tông A

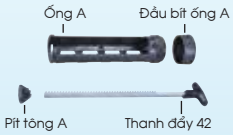

Kích thước tối đa của bình silicon

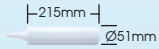

Dạng hộp[Pít tông A]

Dạng hộp / Dạng xúc xích /Dạng thùng lớn

Kích thước ống 600ml

Ống B Mã số: 196352-6

- Ống B
- Đầu bít ống B
- Vòng đệm cao su
- Đầu hút
- Thanh đẩy 64
- Pít tông A (dạng hộp)
- Pít tông B (dạng xúc xích)
- Pít tông C (dạng thùng lớn)

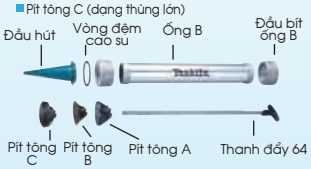

Kích thước tối đa của bình silicon

Dạng hộp[Pít tông A]

Dạng xúc xích [Pít tông B]

Dạng thùng lớn [Pít tông C]

Máy Cưa Kiếm Dùng Pin/*Recipro Saw* 12Vmax

JR105DSAE/JR105DSYE/JR105DZ

4,710,000 VND / 4,400,000 VND / 2,110,000 VND

2 công tắc ở 2 vị trí khác nhau trên tay cầm cho hoạt động dễ dàng hơn.

Công suất	*210 W*
Khả năng cắt	*Ống: 50 mm*
	Gỗ: 50 mm
Độ xọc	*13 mm*
Nhịp cắt	*0 - 3,300 l/p*
Kích thước	*376x66x186 mm*
Trọng lượng	*1.3 - 1.5 kg*

JR105DSAE:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
JR105DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
JR105DZ:	Không kèm pin, sạc.

Lưỡi cưa kiếm, khóa lục giác.

Máy Cưa Đĩa Dùng Pin/*Circular Saw* 12Vmax

HS301DSAE/HS301DSYE/HS301DZ 85mm

4,930,000 VND / 4,620,000 VND / 2,500,000 VND

Công suất cao và cắt hiệu quả.

Công suất	*160 W*
Khả năng cắt tối đa	*Góc 90°: 25.5 mm*
	Góc 45°: 16.5 mm
Đường kính lưỡi cắt	*85 mm*
Tốc độ không tải	*1,500 v/p*
Kích thước	*313x170x155 mm*
Trọng lượng	*1.6 - 1.7 kg*

HS301DSAE:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
HS301DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
HS301DZ:	Không kèm pin, sạc.

Lưỡi cưa hợp kim, khóa lục giác.

Máy Cắt Dùng Pin/*Cutter* 12Vmax

CC301DSYE/CC301DZ 85mm

5,000,000 VND / 2,940,000 VND

Cắt mượt và mạnh mẽ.

Khả năng cắt tối đa	*90°: 25.5 mm*
	45°: 16.5 mm
Đường kính lưỡi cắt	*85 mm*
Tốc độ không tải	*1,600 v/p*
Bình chứa	*Nước: 0.5 L*
Kích thước	*313x170x125 mm*
Trọng lượng	*1.9 kg*

CC301DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
CC301DZ:	Không kèm pin, sạc

Khóa lục giác, bình chứa nước, đai lưng.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Máy Bắn Đinh Dùng Pin/*Pin Nailer* 12Vmax

PT354DSAJ/PT354DSYJ/PT354DZ

12,510,000 VND / 12,190,000 VND / 9,390,000 VND

Thao tác nhẹ nhàng, đinh được bắn dễ dàng và tránh bề mặt vật liệu khỏi hư hại.

Khả năng	*Dài : 15, 18, 25, 30, 35 mm*
	Đường kính : 0.6 mm
	Cỡ đinh : 23 Ga
Khả năng chứa	*120 cái*
Kích thước	*231x66x226 mm*
Trọng lượng	*1.8 - 2.0 kg*
PT354DSAJ:	Sạc nhanh, 2 pin 2.0Ah
	Máy kèm thùng Makpac
PT354DSYJ:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
	Máy kèm thùng Makpac
PT354DZ:	Không kèm pin, sạc

Kính bảo hộ.

Dễ dàng thấy được đầu mũi

Bắn được cả chiều dọc và chiều ngang

Có thể bắn đinh trên đường rãnh của bề mặt gỗ

Khả năng dùng trong góc hẹp cực tốt

Vị trí bu lông được thiết kế cho phép bắn gần sát tường

Máy Hút Bụi Dùng Pin/*Cleaner* 12Vmax

CL106FDSYW/CL106FDWYW/CL106FDSY/CL106FDWY/CL106FDZW/CL106FDZ

3,990,000 VND/vui lòng liên hệ về giá/ 3,990,000 VND/vui lòng liên hệ về giá/ 1,420,000 VND /1,420,000 VND

Lực hút mạnh mẽ giúp làm sạch nhanh và hiệu quả hơn.

CL106FDWYW — Sạc, pin 1.5 Ah
CL106FDSYW — Sạc nhanh, pin 1.5 Ah
CL106FDZW — Không kèm pin, sạc

CL106FDWY — Sạc, pin 1.5 Ah
CL106FDSY — Sạc nhanh, pin 1.5 Ah
CL106FDZ — Không kèm pin, sạc

Công suất hút	*19 W*
Khả năng chứa	*600 mL*
Thời gian sử dụng liên tục	*16 phút (BL1016)*
Lưu lượng khí tối đa	*1.3 m³/phút*
Lưu lượng hút tối đa	*3.1 kPa*
Kích thước	*958x100x150 mm*
Trọng lượng	*0.98 kg*
CL106FDSYW/ CL106FDWYW/ CL106FDZW:	***Phiên bản màu trắng***
CL106FDSY/ CL106FDWY/ CL106FDZ:	***Phiên bản màu xanh***

Tr. 58-59

Đầu hút T, đầu hút khe, túi lọc, bộ lọc trước

Máy Hút Bụi Dùng Pin/*Cleaner* 12Vmax

CL107FDSYW/CL107FDWYW/CL107FDSY/CL107FDWY/CL107FDZW/CL107FDZ

4,390,000 VND/vui lòng liên hệ về giá/ 4,390,000 VND /vui lòng liên hệ về giá/1,840,000 VND/ 1,840,000 VND

Lực hút mạnh mẽ giúp làm sạch nhanh và hiệu quả hơn.

CL107FDWYW — Sạc, pin 1.5 Ah
CL107FDSYW — Sạc nhanh, pin 1.5 Ah
CL107FDZW — Không kèm pin, sạc

CL107FDWY — Sạc, pin 1.5 Ah
CL107FDSY — Sạc nhanh, pin 1.5 Ah
CL107FDZ — Không kèm pin, sạc

Công suất hút	*Mạnh nhất/Mạnh/Tiêu chuẩn: 32 / 20 / 5 W*
Khả năng chứa	*Túi vải / Túi giấy : 500 / 330 mL*
Thời gian sử dụng liên tục	*Mạnh nhất/Mạnh/Tiêu chuẩn: 10 / 12 / 25 phút (BL1016)*
Lưu lượng khí tối đa	*1.4 m³/phút*
Lưu lượng hút tối đa	*5.0 kPa*
Kích thước	*960x112x150 mm*
Trọng lượng	*1.1 kg*
CL107FDSYW/ CL107FDWYW/ CL107FDZW:	***Phiên bản màu trắng***
CL107FDSY/ CL107FDWY/ CL107FDZ:	***Phiên bản màu xanh***

Tr. 58-59

Đầu hút T, đầu hút khe, túi bụi vải, túi bụi giấy (5 cái).

Máy Hút Bụi Dùng Pin/*Cleaner* 12Vmax

CL108FDSYW/CL108FDSY/CL108FDZW/CL108FDZ

4,850,000 VND / 2,230,000 VND

Lực hút mạnh mẽ giúp làm sạch nhanh và hiệu quả hơn.

new

CL108FDSYW — Sạc nhanh, pin 1.5 Ah
CL108FDZW — Không kèm pin, sạc

CL108FDSY — Sạc nhanh, pin 1.5 Ah
CL108FDZ — Không kèm pin, sạc

Công suất hút	*Mạnh nhất/Mạnh/Tiêu chuẩn: 32 / 20 / 5 W*
Khả năng chứa	*600 mL*
Thời gian sử dụng liên tục	*Mạnh nhất/Mạnh/Tiêu chuẩn: 10 / 12 / 25 phút (BL1016)*
Lưu lượng khí tối đa	*1.2 m³/phút*
Lưu lượng hút tối đa	*4.4 kPa*
Kích thước	*960x110x150 mm*
Trọng lượng	*1.0 - 1.2 kg*
CL108FDSYW/ CL108FDZW:	***Phiên bản màu trắng***
CL108FDSY/ CL108FDZ:	***Phiên bản màu xanh***

Tr. 58-59

Đầu hút T, đầu hút khe, bộ lọc trước

Đèn LED

Chiếu sáng vùng làm việc

Đèn hiện thị mức pin (chỉ CL107D)

Đầu hút T với tính linh hoạt cao

Khớp nối luôn luôn giữ cho đầu hút áp sát mặt sàn ngay cả khi dọn dẹp những nơi kín và chật hẹp như gầm ghế sô pha, cho hiệu quả làm sạch tốt nhất

Trọng lượng nhẹ với lực hút mạnh mẽ

	Lực hút	Trọng lượng với BL1016	22 phút
CL106FD	19 W	1.0 kg	
CL107FD/ CL108FD	Tối đa / Cao / Trung bình 32 / 20/ 5 W	1.1 kg	

CL106FD/CL108FD KHOANG CHỨA KIỂU CON NHỘNG

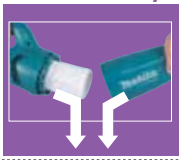

Chỉ cần vặn và tháo rời để đổ rác

Không cần túi giấy. Tiết kiệm chi phí khi sử dụng lại

CÔNG TẮC BÓP

Tắt / mở nhanh chóng

Tránh lãng phí pin

CÔNG TẮC BẤM

Chỉ CL108FD

KHOANG CHỨA KIỂU TÚI CL107FD

Dùng được cả túi bụi giấy dùng 1 lần và túi vải

Có thể xử lý bụi sạch và đơn giản hơn với túi giấy dùng 1 lần

CÔNG TẮC BẤM

Trang bị chế độ 3 tốc độ

2: Tốc độ cao

3: Tốc độ tối đa

1: Tốc độ trung bình

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Máy Bơm Hơi Dùng Pin/*Inflator* 12Vmax

MP100DZ

1,850,000 VND

new

Áp suất khí tối đa	*830 kPa*
Khả năng bơm tối đa	*10 L/phút*
Kích thước	*BL1016/BL1021B: 235x74x173 mm*
	BL1041B: 255x74x173 mm
Trọng lượng	*1.2 - 1.3 kg*

MP100DZ : Không kèm pin, sạc

Ống bơm kèm van bơm, đầu chuyển đổi van bơm xe đạp

Khả năng bơm tối đa

10 L/phút

Trọng lượng (BL1016)

1.2 kg

Đèn Led chiếu sáng

Đèn báo chỉ số áp suất giúp dễ nhìn

Nơi cất giữ vòi bơm

Bộ điều hợp van đi kèm

Bộ điều hợp van

Hình dạng van	Xe hơi/ xe máy	Xe đạp	Xe đạp đua	Bóng	Bóng chơi trên biển / phao bơi
Bộ chuyển đổi	Mỹ (Phụ kiện kèm theo)	Anh (Phụ kiện kèm theo) Mã số: TE00000346	Pháp Mã số: TE00000334	Dùng cho bóng Mã số: TE00000335	Dùng cho phao bơi/ bóng chơi trên biển Mã số: TE00000333
Áp suất khí tối đa: kPa	(Khoảng) **250**	(Khoảng) **300**	(Khoảng) **700**	**100 và thấp hơn**	**50 và thấp hơn**
Khả năng bơm tối đa: L/ phút	**10**	**9**	**4**	**11**	**11.5**
1 pin sạc đầy: Số lần (với pin BL1016)	Vỏ xe hơi (215/60R16) **2**	Vỏ xe đạp (Kích thước-26inch) **46**	Vỏ xe đạp đua (700x23c) **20**	Bóng (Kích thước-5) **63**	Bóng chơi trên biển (đường kính 30cm) **54**

Quạt Dùng Pin Và Điện/*Fan* 12Vmax AC

CF100DZ

1,450,000 VND

Linh động và dễ dàng lắp đặt ở những không gian chật hẹp.

Thời gian sử dụng liên tục		*12V max*		
		4.0Ah	*2.0Ah*	*1.5Ah*
	Cao:	*275*	*135*	*105*
	Vừa:	*380*	*190*	*145*
	Thấp:	*630*	*315*	*240*
Kích thước	*148x260x252 mm*			
Trọng lượng	*1.2 - 1.4 kg*			

CF100DZ : Không kèm pin, sạc

Bộ chuyển đổi AC.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Quạt Dùng Pin Và Điện/*Fan* 12Vmax AC

CF101DZ

2,020,000 VND

Linh động và dễ dàng lắp đặt ở những không gian chật hẹp.

Thời gian sử dụng liên tục		12V max		
		4.0Ah	2.0Ah	1.5Ah
	Cao:	275	135	105
	Vừa:	380	190	145
	Thấp:	630	315	240
Lưu lượng khí	Cao/Vừa/Thấp: 4.6 / 3.8 / 3.0 L/phút			
Kích thước	185x260x284 mm			
Trọng lượng	1.3 - 1.7 kg			

CXT

CF101DZ : Không kèm pin, sạc

Bộ chuyển đổi AC

CF101D

Tự động xoay 45° trái, phải

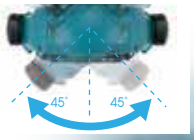

Kích thước nhỏ gọn, dễ dàng sử dụng ngay cả trong không gian chật hẹp

Quạt quay tự động

Quạt nghiêng lên/xuống

Có thể điều chỉnh quạt quay sang 2 bên, xoay lên trên hoặc xuống dưới

Đèn LED Dùng Pin/*LED Flashlight* 12Vmax

ML105

1,210,000 VND

Nhỏ gọn và tiện lợi. Đèn LED đơn với độ chiếu sáng cao.

Thời gian sử dụng	Lên tới: 14 giờ
Độ chiếu sáng	Cách nguồn sáng 1m: 5,500 lx
Quang thông	190 lm
Kích thước	Với BL1016/BL1021B: 249x66x93 mm Với BL1041B: 268x66x93 mm
Trọng lượng	0.53 - 0.70 kg

CXT

Móc treo. (Pin và sạc bán riêng).

Đèn LED Dùng Pin/*LED Flashlight* 12Vmax

ML104

2,040,000 VND

Chống thấm nước và bụi nhờ công nghệ XPT.

Thời gian sử dụng	Lên tới: 19 giờ
Nguồn sáng chính	Độ chiếu sáng: 340 lx Quang thông:710 lm
Nguồn sáng phụ	Độ chiếu sáng: 1,900 lx Quang thông: 130 lm
Kích thước	414x66x132 mm
Trọng lượng	0.61 - 0.78 kg

XPT CXT

Pin và sạc bán riêng.

Đèn LED đơn 4.9W với quang thông lên tới 190 lumen

Phản xạ đa mặt
Kiểm soát hướng và độ rộng của chùm sáng

12 vị trí xoay đèn pin

Móc đeo
Lắp đặt vị trí tùy theo cách sử dụng

Công tắc với 3 cấp độ sáng giúp chiếu sáng trên diện rộng

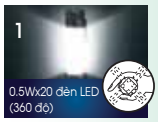

Sáng hoàn toàn với 20 đèn LED (mỗi bên 5 đèn LED, gồm 4 bên)

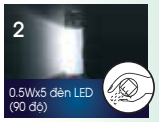

Sáng 1 nửa với 5 đèn LED (1 bên 5 đèn LED)

với phản xạ đa mặt giúp phản chiếu ánh sáng mạnh

Đèn LED Dùng Pin/*LED Flashlight* 12Vmax

ML103

690,000 VND

Gọn, nhẹ và vừa vặn với tay cầm một cách hoàn hảo.

Thời gian sử dụng	Lên tới: 28 giờ
Kích thước	Với BL1016/BL1021B: 87x64x54 mm Với BL1041B: 87x64x73 mm
Trọng lượng	0.27 - 0.43 kg

CXT

Pin và sạc bán riêng.

Đèn LED Dùng Pin/*LED Flashlight* 12Vmax

ML106

1,460,000 VND

Phản xạ đa mặt giúp chiếu sáng đồng đều và chức năng mở rộng chùm sáng.

Thời gian sử dụng	Lên tới: 12 giờ
Độ chiếu sáng	Cách nguồn sáng 1m: 170 - 4,500 lx
Quang thông	190 lm
Kích thước	Với BL1016/BL1021B: 271x66x93 mm Với BL1041B: 290x66x93 mm
Trọng lượng	0.61 - 0.78 kg

CXT

Pin và sạc bán riêng.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Áo Khoác Làm Mát/*Fan Jacket* 18V 12Vmax

FJ202DZ(M/L/LL/3L)/FJ203DZ(M/L/LL)

3,810,000 VND / 4,070,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ vừa/ cao: 34 / 25 / 14 giờ*
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp: 1.4 / 1.2 / 1.0 / 0.8 m³/phút*
Số túi	*5 túi*
Kích cỡ	*FJ202D: L/LL/3L; FJ203D: M/L/LL*
Trọng lượng	*1.5 - 1.9 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT Tr. 51

FJ202DZ(M/L/LL/3L): Không kèm pin, sạc
FJ203DZ(M/L/LL): Không kèm pin, sạc

Pin và sạc bán riêng.

Áo Khoác Làm Mát/*Fan Jacket* 18V 12Vmax

FJ300DZ(M/L/LL/3L)/FJ301DZ(M/L/LL/3L)

4,020,000 VND / 4,280,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ vừa/ cao: 34 / 25 / 14 giờ*
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp: 1.4 / 1.2 / 1.0 / 0.8 m³/phút*
Số túi	*5 túi*
Kích cỡ	*M / L / LL / 3L*
Trọng lượng	*1.5 - 1.9 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT Tr. 51

FJ300DZ(M/L/LL/3L): Không kèm pin, sạc
FJ301DZ(M/L/LL/3L): Không kèm pin, sạc

Pin và sạc bán riêng.

Áo Khoác Làm Mát/*Fan Jacket* 18V 12Vmax

FJ400DZ(L/LL/3L)/FJ401DZ(M/L/LL/3L)

4,900,000 VND / 5,160,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ vừa/ cao: 34 / 25 / 14 giờ*
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp: 1.4 / 1.2 / 1.0 / 0.8 m³/phút*
Số túi	*5 túi*
Kích cỡ	*FJ400DZ: L / LL / 3L; FJ401DZ: M / L / LL / 3L*
Trọng lượng	*1.5 - 1.9 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT Tr. 51

FJ400DZ(L/LL/3L): Không kèm pin, sạc
FJ401DZ(M/L/LL/3L): Không kèm pin, sạc

Pin và sạc bán riêng.

Áo Khoác Làm Mát Dùng Pin/*Fan Jacket* 18V 12Vmax

DFJ212Z(M/L)

5,030,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ vừa/ cao: 33/24.5/13.5 giờ*
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp: 2.2 / 2.1 / 1.7 / 1.5 m³/phút*
Số túi	*5 túi*
Kích cỡ	*M / L*
Trọng lượng	*0.43 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT BL MOTOR Tr. 51

DFJ212Z(M/L): Không kèm pin, sạc

Quạt rời (2 cái), dây cáp nối.

Áo Khoác Làm Mát Dùng Pin/*Fan Jacket* 18V 12Vmax

DFJ213Z(M/L)

4,580,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ vừa/ cao: 33/24.5/ 3.5 giờ*
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp: 2.2 / 2.1 / 1.7 / 1.5 m³/phút*
Số túi	*5 túi*
Kích cỡ	*M / L*
Trọng lượng	*0.54 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT BL MOTOR Tr. 51

DFJ213Z(M/L): Không kèm pin, sạc

Quạt rời (2 cái), dây cáp nối.

Áo Khoác Làm Mát Dùng Pin/*Fan Jacket* 18V 12Vmax

DFJ214Z(M/L)

5,590,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ vừa/ cao: 33/24.5/13.5 giờ*
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp: 2.2 / 2.1 / 1.7 / 1.5 m³/phút*
Số túi	*5 túi*
Kích cỡ	*M / L*
Trọng lượng	*0.43 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT BL MOTOR Tr. 52

DFJ214Z(M/L): Không kèm pin, sạc

Quạt rời (2 cái), dây cáp nối.

Áo Vest Làm Mát Dùng Pin/*Fan Vest* 18V 12Vmax

DFV210Z(M/L)

4,270,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max. Giữ cơ thể luôn mát mẻ.

Thời gian sử dụng	*Với pin BL1860(B): Thấp/ vừa/ cao: 33/24.5/13.5 giờ*
Chế độ khí	*Turbo / Cao / Vừa / Thấp*
Lượng khí	*Turbo/ cao/ vừa/ thấp: 2.2 / 2.1 / 1.7 / 1.5 m³/phút*
Số túi	*3 túi*
Kích cỡ	*M / L*
Trọng lượng	*0.38 kg*

Trọng lượng: áo size L + quạt

CXT LXT BL MOTOR Tr. 52

DFV210Z(M/L): Không kèm pin, sạc

Quạt rời (2 cái), dây cáp nối.

Thông tin kích thước áo

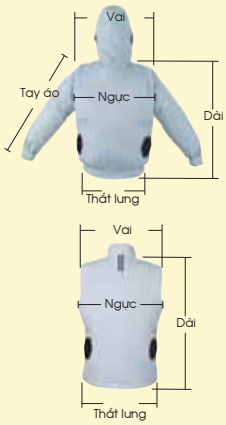

	Kích thước (cm)	S	M	L	XL	2XL	3XL
DFJ212	Dài	66	68	70	71	72	73
	Vai	44	46	48	50	52	54
	Tay áo	65	67	69	70	71	72
	Ngực	117	122	127	132	137	142
	Thắt lưng	111	116	121	126	131	136
DFJ213	Dài	65	67	69	70	71	72
	Vai	47	49	51	53	55	57
	Tay áo	62	64	66	67	68	69
	Ngực	117	122	127	132	137	142
	Thắt lưng	103 ~ 111	108 ~ 116	113 ~ 121	118 ~ 126	123 ~ 131	128 ~ 136
DFJ214	Dài	68	70	72	73	74	75
	Vai	47	49	51	53	55	57
	Tay áo	62	64	66	67	68	69
	Ngực	117	122	127	132	137	142
	Thắt lưng	103 ~ 111	108 ~ 116	113 ~ 121	118 ~ 126	123 ~ 131	128 ~ 136
DFV210	Dài	67	69	71	72	73	74
	Vai	43	45	47	49	51	53
	Ngực	113	118	123	128	133	138
	Thắt lưng	107	112	117	122	127	132

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Áo Khoác Làm Ấm Dùng Pin/*Heated Jacket* 18V 12Vmax

DCJ205YL/DCJ205YXL

4,160,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max.

new

Thời gian sử dụng	Với pin BL1860(B): Thấp/ Vừa / Cao: 35 / 14 / 8.5 giờ
Điểm làm ấm	Cả áo/ Ngực/Lưng: 5 / 2 / 3
Cài đặt nhiệt	Cao/ vừa/ thấp
Nhiệt	Cao/ vừa/ thấp:11.5 /7/2.3W
Số túi	6 túi
Kích cỡ	L /X L
Trọng lượng	1.2 kg

Trọng lượng: áo size L + pin + bộ giữ pin

CXT LXT

Tr. 52

DCJ205YL/DCJ205YXL: Không kèm pin, sạc

Dây cáp nối

Áo Khoác Làm Ấm Dùng Pin/*Heated Jacket* 18V 12Vmax

DCJ206YL/DCJ206YXL

4,960,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max.

new

Thời gian sử dụng	Với pin BL1860(B): Thấp/ Vừa / Cao: 35 / 14 / 8.5 giờ
Điểm làm ấm	Cả áo/ Ngực/Lưng: 5 / 2 / 3
Cài đặt nhiệt	Cao/ vừa/ thấp
Nhiệt	Cao/ vừa/ thấp:11.5 /7/2.3W
Số túi	6 túi
Kích cỡ	L /X L
Trọng lượng	1.2 kg

Trọng lượng: áo size L + pin + bộ giữ pin

CXT LXT

Tr. 52

DCJ206YL/DCJ206YXL: Không kèm pin, sạc

Dây cáp nối

Áo Vest Làm Ấm Dùng Pin/*Heated Vest* 18V 12Vmax

DCV202YL/DCV202YXL

3,250,000 VND

Sử dụng pin 18V, 14.4V, 12V max.

new

Thời gian sử dụng	Với pin BL1860(B): Thấp/ Vừa / Cao: 35 / 20 / 10 giờ
Điểm làm ấm	Cả áo/ Ngực/Lưng: 4 / 2 / 2
Cài đặt nhiệt	Cao/ vừa/ thấp
Nhiệt	Cao/ vừa/ thấp: 9.5 /4.5/2.3W
Số túi	4 túi
Kích cỡ	L /X L
Trọng lượng	0.5 kg

Trọng lượng: áo size L + pin + bộ giữ pin

CXT LXT

Tr. 52

DCV202YL/DCV202YXL: Không kèm pin, sạc

Dây cáp nối

Thông tin kích thước đo

Kích thước cm		S	M	L	XL	2XL	3XL
DCJ205 / DCJ206	Chiều dài	68	69	71	75	78	82
	Vai áo	50.5	52.5	54.5	55.5	56.5	57.5
	Tay áo	63	64.5	66	67	68	69
	Ngực	108	118	128	138	146	156
	Thắt lưng	102	112	122	132	140	150
DCV202	Chiều dài	72	73	74	75	76	77
	Vai áo	47.5	49.5	51.5	53.5	55.5	57.5
	Ngực	114	120	126	132	138	144
	Thắt lưng	116	122	128	134	140	146

Áo Vest Làm Ấm Dùng Pin/*Heated Vest* 18V 12Vmax

CV101DZ (S/M/L/XL)

5,640,000 VND

Áo vest làm ấm loại không tay, linh hoạt và tiện dụng.

Thời gian sử dụng	Với pin BL1041B: Thấp/ Vừa/ Cao: 14 / 7.5 / 4 giờ
Khu vực làm ấm	Vai : 1, Lưng : 1
Chế độ làm ấm	Thấp / Vừa / Cao
Kích cỡ	S / M / L / XL
Số túi	4 túi
Trọng lượng	700 g

Trọng lượng: áo size L + pin + bộ giữ pin

CXT

LXT

CV101DZ(S/M/L/XL): Không kèm pin, sạc

Pin và sạc bán riêng.

Bộ Chuyển Đổi Cho USB/*Adapter For USB* 12Vmax

ADP06

500,000 VND

Bộ chuyển đổi nhỏ gọn cho các thiết bị tương thích USB.

Cổng USB	1 (loại A cho ổ cắm DC5V/ 2.1A)
Kích Thước	80x53x38mm (không gồm pin)
Trọng lượng	BL1040B: 0.44kg BL1015: 0.28kg

CXT

Pin và sạc bán riêng.

ÁO VEST LÀM ẤM (LOẠI KHÔNG TAY)

+10°C

Túi đựng điện thoại

Thiết bị di động có thể được sạc khi mở nguồn áo khoác

Túi đựng pin bên trái

Có thể chứa pin BL1013 và bộ giữ pin

Công tắc điều khiển bằng cách nhấn/ giữ nút với 3 mức làm ấm và đèn hiển thị tương ứng với từng mức

Thời gian sử dụng liên tục với 1 pin sạc đầy (BL1041B) CXT

Cao	Trung bình	Thấp
4h	7.5h	14h

Hỗ trợ cổng USB đầu ra

- Có thể dùng sạc cho điện thoại
- Cổng USB dạng A với đầu chụp cao su, đầu ra DC5V/ 2.1A

Móc đeo thắt lưng

Giữ pin an toàn ở thắt lưng

Hơi ôm nhưng linh hoạt

Thiết kế mỏng cho phép người dùng có thể khoác thêm áo bên ngoài

Cả 2 loại được làm từ vải Polyester đàn hồi giúp áo mỏng và ôm sát cơ thể hơn, cho người dùng cảm giác ấm và linh hoạt hơn

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Bộ Chuyển Đổi Cho USB/*Adapter For USB* 12Vmax

ADP08

500,000 VND

Dùng như pin dự phòng cho điện thoại, máy tính bảng...

Cổng USB	*Loại A cho ổ cắm DC5V/2.1A*
Kích thước	*80x53x28 mm (với BL1016/BL1021B)*
Trọng lượng	*0.06 kg*

CXT

Loa Công Trường Dùng Pin Và Điện/*Job Site Speaker* 18V 12Vmax

DMR200 18V/12V max/AC

3,980,000 VND

Công suất tối đa	*18V: 10 W*
	12V max: 3.5 W
	AC: 4 W
Âm lượng	*Âm trầm: Ø101.6 mm*
	Âm cao: Ø36 mm
Bluetooth	*Phiên bản: 4.0*
	Biên dạng:
	A2DP / SCMS-T / AVRCP
	Phạm vi phát tối đa:10 m
Kích thước	*211x203x286 mm*
Trọng lượng	*2.9 - 3.4 kg*

LXT CXT Bluetooth Tr. 47

Pin, sạc bán riêng.

Loa Công Trường Dùng Pin Và Điện/*Job Site Speaker* 18V 12Vmax

DMR202 18V/12V max/AC

4,120,000 VND

Công suất tối đa	*18V: 10 W*
	12V max: 3 W
	AC: 3W
Âm lượng	*Âm trầm: Ø101.6 mm*
	Âm cao: Ø36 mm
Bluetooth	*Phiên bản: 4.0*
	Biên dạng:
	A2DP / SCMS-T / AVRCP
	Phạm vi phát tối đa:10 m
Kích thước	*211x206x199 mm*
Trọng lượng	*2.7 - 3.3 kg*

LXT CXT Bluetooth Tr. 47

Pin, sạc bán riêng.

Radio Công Trường Dùng Pin/*Job Site Radio* 12Vmax

MR052

1,720,000 VND

Thiết kế nhỏ gọn và linh động.

Thời gian sử dụng liên tục	*30 giờ*
Tần số	*AM: 522 - 1,710 kHz*
	FM: 87.5 - 108 MHz
Kích thước	*169x73x74 mm*
Trọng lượng	*0.56 - 0.72 kg*

CXT

Pin và sạc bán riêng.

Radio Công Trường Dùng Pin Và Điện/*Job Site Radio* 18V 12Vmax

DMR108 18V/14.4V/12V max/7.2V/AC

6,840,000 VND

Công suất tối đa	*18V: 3.5 W x 2*
	14.4V: 2.2 W x 2
	12V max: 1.2 W x 2
	7.2 V: 0.5 W x 2
Băng tần	*M / AM: 87.5 - 108 MHz / 522 - 1,710 kHz*
Âm lượng	*Âm trầm: Ø89 mm x 2*
Bluetooth	*Phiên bản: 4.0*
	Biên dạng: A2DP / SCMS-T
	Phạm vi phát tối đa:10 m
Kích thước	*262x163x431 mm*
Trọng lượng	*4.4 kg*

LXT CXT Bluetooth Tr. 48

2 pin 1.5V/AA, sạc.

Máy Cân Mực Tia Đỏ Laser Dùng Pin/ *Rechargeable Red Cross Line Laser* 12Vmax

SK105DZ

5,190,000 VND

new

Phạm vi đo	*Lên đến: 25 m*
Phạm vi đo với máy dò	*Lên đến: 80 m*
Vùng hiển thị phương thẳng đứng	*±4˚*
Số đường Laser	*2 đường*
Thời gian sử dụng	*15 - 40 giờ*
Vùng nhiệt độ sử dụng	*−10˚C đến +50˚C*
Kích thước	*138x64x102 mm (với BL1016/BL1021B)*
Trọng lượng	*0.67 - 0.84 kg*

XPT CXT Tr. 139

SK105DZ: Không kèm pin, sạc

Túi đựng, bệ máy có nam châm, đĩa CD, thước

Máy Cân Mực Tia Xanh Laser Dùng Pin/ *Rechargeable Green Cross Line Laser* 12Vmax

SK105GDZ

9,790,000 VND

Tia Laser xanh với độ tương phản cao.

new

Phạm vi đo	*Lên đến: 35 m*
Phạm vi đo với máy dò	*Lên đến: 80 m*
Vùng hiển thị phương thẳng đứng	*±4˚*
Số đường Laser	*2 đường*
Thời gian sử dụng	*7 - 20 giờ*
Vùng nhiệt độ sử dụng	*−10˚C đến +50˚C*
Kích thước	*138x64x102 mm (với BL1016/BL1021B)*
Trọng lượng	*0.67 - 0.84 kg*

XPT CXT Tr. 139

SK105GDZ: Không kèm pin, sạc

Túi đựng, bệ máy có nam châm, đĩa CD, thước

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Máy Cân Mực Tia Đỏ Laser Dùng Pin/ Rechargeable Red Cross Line Laser 12Vmax

SK106DZ

8,810,000 VND

new

Phạm vi đo	Lên đến: 25 m
Phạm vi đo với máy dò	Lên đến: 80 m
Vùng hiển thị phương thẳng đứng	±4°
Số đường Laser	2 đường
Thời gian sử dụng	15 - 40 giờ
Vùng nhiệt độ sử dụng	−10°C đến +50°C
Kích thước	138x64x102 mm (với BL1016/BL1021B)
Trọng lượng	0.69 - 0.85 kg

XPT CXT

Tr. 139

SK106DZ: Không kèm pin, sạc

Túi đựng, bệ máy có nam châm, đĩa CD, thước

Máy Cân Mực Tia Xanh Laser Dùng Pin/ Rechargeable Green Cross Line Laser 12Vmax

SK106GDZ

14,240,000 VND

Tia Laser xanh với độ tương phản cao.

new

Phạm vi đo	Lên đến: 35 m
Phạm vi đo với máy dò	Lên đến: 80 m
Vùng hiển thị phương thẳng đứng	±4°
Số đường Laser	2 đường
Thời gian sử dụng	7 - 20 giờ
Vùng nhiệt độ sử dụng	−10°C đến +50°C
Kích thước	138x64x102 mm (với BL1016/BL1021B)
Trọng lượng	0.69 - 0.85 kg

XPT CXT

Tr. 139

SK106GDZ: Không kèm pin, sạc

Túi đựng, bệ máy có nam châm, đĩa CD, thước

Máy Cân Mực Laser Tia Xanh Dùng Pin/ Green Multi Line Laser 12Vmax

SK209GDZ

26,810,000 VND

Tia Laser xanh với độ tương phản cao.

Công suất đầu ra	1mW hoặc thấp hơn
Bước sóng	515 nm
Độ rộng	2.5 tại 10 m
Vùng hiển thị phương thẳng đứng	±2°
Số đường Laser	3 đường
Mức bảo vệ	IP54
Thời gian sử dụng	15 - 40 giờ
Vùng nhiệt độ sử dụng	−10°C đến +40°C
Kích thước	122x110x225 mm (với BL1016/BL1021B)
Trọng lượng	1.5 - 1.6 kg

XPT CXT

Tr. 139

SK209GDZ: Không kèm pin, sạc

Hộp đựng đồ, kính bảo hộ, dây đeo vai.

Máy Cân Mực Laser Tia Xanh Dùng Pin/ Green Multi Line Laser 12Vmax

SK312GDZ

32,000,000 VND

Tia Laser xanh với độ tương phản cao.

Công suất đầu ra	1mW hoặc thấp hơn
Bước sóng	515 nm
Độ rộng	2.5 tại 10 m
Vùng hiển thị phương thẳng đứng	±2°
Số đường Laser	3 đường
Mức bảo vệ	IP54
Thời gian sử dụng	10 - 28 giờ
Vùng nhiệt độ sử dụng	−10°C đến +40°C
Kích thước	122x110x225 mm (với BL1016/BL1021B)
Trọng lượng	1.5 - 1.6 kg

XPT CXT

Tr. 139

SK312GDZ: Không kèm pin, sạc

Hộp đựng đồ, kính bảo hộ, dây đeo vai.

Dòng Cân Mực Laser Tia Xanh

Tia Laser xanh giúp quan sát dễ dàng ở nơi nhiều ánh sáng

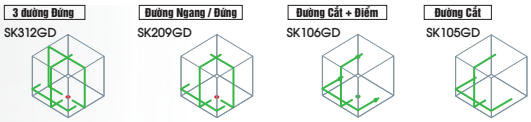

Thời gian hoạt động lâu dài

	SK312GD	SK209GD	SK105GD/ SK106GD
BL1016 (1.5Ah)	10 giờ	15 giờ	7 giờ
BL1021B (2.0Ah)	14 giờ	20 giờ	10 giờ
BL1041B (4.0Ah)	28 giờ	40 giờ	20 giờ

hoạt động ở công suất tối đa

Tia Laser xanh
tăng khả năng nhận biết ở nơi sáng

Tay cầm lớn
tránh tình trạng máy bị rớt

Nút tinh chỉnh
tinh chỉnh từ 2 bên bằng nút xoay

Điều chỉnh chân vít
có thể điều chỉnh phương ngang ở bất cứ vị trí nào mong muốn

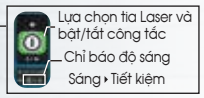

Bệ máy có nam châm

Dùng cho SK105GD/ SK105D

Dùng cho SK106GD/ SK106D

Phụ kiện máy cân mực Laser tia xanh dùng pin SK209GD/SK312GD

Hình dạng	Mã số
Chân máy mini	TK0LM1001F
Chân máy 1800	TK0LM4001F
Chân máy 2900	TK0LM5030F
Dây cáp	199006-4
Dây đeo	199007-2
Bệ máy	TK000ET03F
Máy thu LDG-3	TK0LDG301F
Máy thu LDX1 SK106GD / SK105GD SK106D / SK105D	LE00855702
Bệ máy SK106GD / SK105GD SK106D / SK105D	LE00855706

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/*Hedge Trimmer* 12Vmax

UH353DSY/UH353DZ 350mm

4,360,000 VND / 2,470,000 VND

Trọng lượng nhẹ, độ rung thấp, độ ồn thấp

new

Công suất	*170W*
Chiều dài lưỡi cắt	*350 mm*
Nhịp cắt	*3,300 l/p*
Kích thước	*BL1016/BL1021B: 693x175x165 mm*
	BL1041B: 11x175x165 mm
Trọng lượng	*2.0 - 2.1 kg*

CXT XPT

Tr. 149

UH353DSY:	Sạc nhanh, pin 1.5Ah
UH353DZ:	Không kèm pin, sạc

Vui lòng liên hệ phòng dịch vụ để biết thêm chi tiết

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/*Hedge Trimmer* 12Vmax

UH201DSY/UH201DZ 200mm

3,120,000 VND / 1,800,000 VND

Có thể thay lưỡi cắt tỉa với lưỡi tỉa hàng rào, đáp ứng đa dạng về công việc.

Chiều dài lưỡi cắt	*200 mm*
Nhịp cắt	*2,500 l/p*
Kích thước	*504x120x131 mm*
Trọng lượng	*1.3 - 1.5 kg*

Mã số lưỡi cắt: 198409-9

2in1

CXT

Tr. 149

UH201DSY:	Sạc nhanh, pin 1.5Ah
UH201DZ:	Không kèm pin, sạc

Hộp chứa cỏ, tấm chắn bảo vệ, bộ bảo vệ lưỡi (Máy kèm lưỡi cắt).

Máy Tỉa Cỏ Dùng Pin/*Grass Shear* 12Vmax

UM600DSYE/UM600DZ 160mm

4,980,000 VND / 2,160,000 VND

Có thể thay lưỡi tỉa cỏ với lưỡi tỉa hàng rào, đáp ứng đa dạng về công việc.

Chiều dài lưỡi cắt	*160 mm*
Độ sâu cắt	*15, 20, 25 mm*
Nhịp cắt	*2,500 l/p*
Kích thước	*329x177x131 mm*
Trọng lượng	*1.3 - 1.5 kg*

Mã số lưỡi cắt: 195267-4

2in1

CXT

Tr. 149

UM600DSYE:	Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
UM600DZ:	Không kèm pin, sạc

Tấm chắn bảo vệ, bộ bảo vệ lưỡi (Máy kèm lưỡi cắt).

Hệ thống thay lưỡi không cần dụng cụ

- Lưỡi tỉa cỏ được tháo / lắp mà không cần dụng cụ
- Lưỡi cắt tỉa hàng rào được tháo / lắp chỉ bằng việc sử dụng đồng xu để nới lỏng hoặc siết chặt 2 ốc

Máy Cắt Cỏ Dùng Pin/ *Grass Trimmer* 12Vmax

UR100DWYE/UR100DZ

5,480,000 VND / 2,920,000 VND

Thiết kế cân bằng tốt và chức năng điều chỉnh đáp ứng phù hợp với người dùng.

Độ rộng cắt	*Lưỡi cước: 260 mm*
	Lưỡi nhựa: 230 mm
Tốc độ không tải	*Lưỡi cước: 9,000 v/p*
	Lưỡi nhựa: 10,000 v/p
Kích cỡ trục	*M8 x 1.25 LH*
Kích thước	*835-1,185x267x 210-315 mm*
Trọng lượng	*2.1 - 2.3 kg*

CXT XPT

Tr. 141

UR100DWYE:	Sạc, 2 pin 1.5Ah
UR100DZ:	Không kèm pin, sạc

Tấm chắn bảo vệ, vành bảo vệ bằng kim loại, khóa lục giác, lưỡi cước thay thế, túi đựng phụ kiện.

Chiều dài trục máy có thể điều chỉnh từ 845mm tới 1,195mm

(với lưỡi cước)

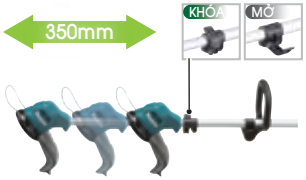

Tay cầm dạng vòng giúp tăng tính cơ động

- Dễ dàng điều khiển trên mặt đất
- Tháo, lắp không cần phụ kiện
- Có thể lắp đặt tay cầm ở những vị trí mong muốn mà không cần dụng cụ

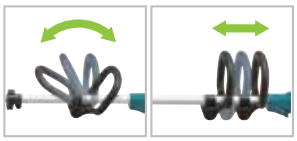

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr 09

Dụng cụ dùng pin

10.8V LITHIUM-ION

Máy Siết Bu Lông Dùng Pin/*Impact Wrench* 10.8V

TW100DWE/TW100DZ 9.5mm

3,710,000 VND / 1,160,000 VND

Thiết kế chắc chắn và gọn nhẹ.

Khả năng	*Ốc tiêu chuẩn: M8 - M12*
	Ốc đàn hồi cao: M6 - M10
	Tua vít 4 cạnh: 9.5 mm
Tốc độ đập	*0 - 3,000 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 2,300 v/p*
Lực siết tối đa	*110 N.m*
Kích thước	*163x54x178 mm*
Trọng lượng	*0.95 kg*

TW100DWE: Sạc, 2 pin 1.3Ah
TW100DZ: Không kèm pin, sạc

Máy không kèm đầu tuýp.

Máy Vặn Vít Dùng Pin/*Impact Driver* 10.8V

TD090DWE

4,100,000 VND

Trọng lượng nhẹ chỉ có 0.92kg.

Khả năng	*Ốc máy: M4 - M8mm*
	Ốc tiêu chuẩn: M5 - M12
	Ốc đàn hồi cao: M5 - M10
	Ren thô (ren dài): 22 - 90mm
Tốc độ đập	*0 - 3,000 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 2,400 v/p*
Lực siết tối đa	*90N.m*
Kích thước	*155x54x178mm*
Trọng lượng	*0.92kg*

TD090DWE: Sạc, 2 pin 1.3Ah

Túi đựng máy, mũi vít.

Máy Vặn Vít Dùng Pin/*Impact Driver* 10.8V

TD091DZ

2,080,000 VND

Khả năng	*Ốc máy: M4 - M8*
	Ốc tiêu chuẩn: M5 - M12
	Ốc đàn hồi cao: M5 - M10
	Ren thô (ren dài): 22 - 90mm
Tốc độ đập	*0 - 3,000 l/p*
Tốc độ không tải	*0 - 2,400 v/p*
Lực vặn tối đa	*90N.m*
Kích thước	*134x54x200mm*
Trọng lượng	*0.86kg*

440 W

TD091DZ: Không kèm pin, sạc

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/*driver Drill* 10.8V

DF030DWE/DF030DZ 10mm

3,840,000 VND / 1,390,000 VND

Hoạt động có hiệu suất cao với pin Li-ion 10.8V.

Khả năng khoan	*Thép: 10mm*
	Gỗ: 21mm
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 1,300 v/p*
	Thấp: 0 - 350 v/p
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 24 /14N.m*
Kích thước	*157x53x183mm*
Trọng lượng	*0.89kg*

DF030DWE: Sạc, 2 pin 1.3Ah
DF030DZ: Không kèm pin, sạc

Mũi phi-lip, túi đựng máy, hộp đựng vít.

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/*Driver Drill* 10.8V

DF330DWE/DF330DZ 10mm

4,150,000 VND / 1,560,000 VND

Hoạt động có hiệu suất cao với pin Li-ion 10.8V.

Khả năng khoan	*Thép: 10mm*
	Gỗ: 21mm
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 1,300 v/p*
	Thấp: 0 - 350 v/p
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 24 /14N.m*
Kích thước	*189x53x183mm*
Trọng lượng	*1.0kg*

DF330DWE: Sạc, 2 pin 1.3Ah
DF330DZ: Không kèm pin, sạc

Mũi phi-lip, túi đựng máy, hộp đựng vít.

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin/*Hammer Driver Drill* 10.8V

HP330DWE/HP330DZ 10mm

4,310,000 VND / 1,510,000 VND

Chức năng khoan búa.

Khả năng khoan	*Thép: 10mm*
	Gỗ: 21mm
	Tường: 8mm
Tốc độ đập	*Cao: 0 - 22,500 l/p*
	Thấp: 0 - 6,000 l/p
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 1,500 v/p*
	Thấp: 0 - 400 v/p
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 24 /12N.m*
Kích thước	*201x53x183mm*
Trọng lượng	*1.1kg*

HP330DWE: Sạc, 2 pin 1.3Ah
HP330DZ: Không kèm pin, sạc

Mũi philip, túi đựng máy.

Máy Khoan Góc Dùng Pin/*Angle Drill* 10.8V

DA331DWE/DA331DZ 10mm

5,120,000 VND / 1,960,000 VND

Đầu góc chắc chắn và chiều cao mũi tâm nhỏ.

Khả năng khoan	*Thép: 10mm*
	Gỗ: 12mm
Tốc độ không tải	*0 - 800 v/p*
Kích thước	*310x52x88mm*
Trọng lượng	*1.1kg*

DA331DWE: Sạc, 2 pin 1.3Ah
DA331DZ: Không kèm pin, sạc

Mũi 2-50 (+)(-).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Máy Cắt Dùng Pin/*Cutter* 10.8V

CC300DWE/CC300DZ 85mm

5,710,000 VND / 3,010,000 VND

Cắt mạnh và êm ở tốc độ cao.

Khả năng cắt tối đa	90°: 25.5 mm 45°: 16.5 mm
Đường kính lưỡi	85 mm
Tốc độ không tải	1,400 v/p
Bình chứa	Nước: 0.5 L
Kích thước	300x170x154 mm
Trọng lượng	1.7 kg

CC300DWE: Sạc, 2 pin 1.3Ah
CC300DZ: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cắt kim cương, khóa lục giác, bình nước hỗ trợ.

Máy Cưa Đĩa Dùng Pin/*Circular Saw* 10.8V

HS300DZ 85mm

2,500,000 VND

Thiết kế nhẹ và gọn.

Khả năng cắt tối đa	90°: 25.5 mm 45°: 16.5 mm
Đường kính lưỡi	85 mm
Tốc độ không tải	1,400 v/p
Kích thước	300x170x154 mm
Trọng lượng	1.5 kg

HS300DZ: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa T.C.T, khóa lục giác.

Máy Cưa Lọng Dùng Pin/*Jig Saw* 10.8V

JV100DZ

1,980,000 VND

Tay cầm thuận tiện, giảm thiểu tối đa mỏi và đau tay.

Khả năng cắt	Gỗ: 65 mm Nhôm: 4 mm Thép: 2 mm
Độ xọc	18 mm
Nhịp cắt	0 - 2,400 l/p
Kích thước	231x76x196 mm
Trọng lượng	1.7 kg

JV100DZ: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa lọng (B-10), khóa lục giác.

Máy Cưa Kiếm Dùng Pin/*Recipro Saw* 10.8V

JR102DZ

2,110,000 VND

Hai nấc công tắc điều chỉnh tốc độ.

Khả năng cắt	Ống: 50 mm Gỗ: 50 mm
Độ xọc	13 mm
Nhịp cắt	0 - 3,300 l/p
Kích thước	355x63x146 mm
Trọng lượng	1.2 kg

JR102DZ: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa kiếm, khóa lục giác.

Máy Hút Bụi Dùng Pin/*Cleaner* 10.8V

CL100DZ

1,060,000 VND

Loại bỏ bụi dễ dàng.

Công suất hút	14 W
Khả năng chứa bụi	600 mL
Thời gian sử dụng liên tục	12 phút
Lưu lượng khí tối đa	1.3m³/ phút
Lưu lượng hút tối đa	1.8 kPa
Độ ồn động cơ	71 dB
Kích thước	966x103x150 mm
Trọng lượng	0.88 kg

CL100DZ: Không kèm pin, sạc.

Bộ ống hút bụi, đầu hút khe, ống, (khuôn của nhà máy).

Máy Hút Bụi Dùng Pin/*Cleaner* 10.8V

CL104DWR/CL104DWY/CL104DWYX

3,060,000 VND / 3,060,000 VND / 3,060,000 VND

Pin li-ion 10.8V/1.5Ah được cố định sẵn trong máy.

Công suất hút	Mạnh nhất/Mạnh/Tiêu chuẩn: 23 / 14 / 5 W
Khả năng chứa bụi	Túi vải / Túi giấy : 500 / 330 mL
Thời gian sử dụng liên tục	Mạnh nhất/Mạnh/Tiêu chuẩn: 8 / 12 / 23 phút
Lưu lượng khí tối đa	1.3 m³/ phút
Lưu lượng hút tối đa	3.2 kPa
Kích thước	983x113x136 mm
Trọng lượng	1.0 kg

Tr. 59

Sạc DC1001, đầu hút T, đầu hút khe, cài đầu hút khe, ống dài, túi bụi vải, túi bụi giấy.

Máy Hút Bụi Dùng Pin/*Cleaner* 10.8V

CL111DWR/CL111DWI

4,320,000 VND / 4,320,000 VND

Pin li-ion 10.8V/1.5Ah được cố định sẵn trong máy.

Công suất hút	21 W
Khả năng chứa bụi	560 mL
Lưu lượng khí tối đa	1.4 m³/ phút
Thời gian sử dụng liên tục	10 phút
Lưu lượng hút tối đa	3.4 kPa
Độ ồn động cơ	68 dB
Kích thước	906x102x109 mm
Trọng lượng	0.93 kg

Tr. 52

Sạc DC1001, đầu hút T, đầu hút khe, ống dài.

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

Đèn LED Xách Tay Dùng Pin / Rechargeable LED Lantern 10.8V 7.2V

ML102

760,000 VND

Phản xạ ánh sáng hình nón giúp chiếu sáng 360˚.

Thời gian sử dụng	Lên tới: 8 giờ
Kích thước	65x65x180 mm
Trọng lượng	0.32 - 0.38 kg

Trọng lượng: không bao gồm pin

ML102
được hiển thị trên hóa đơn là
DEAML102

Pin và sạc bán riêng.

Đèn Dùng Pin / Rechargeable Grab Light 10.8V

ML101

610,000 VND

Có thể đặt ở nhiều vị trí và góc độ khác nhau với chân mềm.

Thời gian sử dụng	Lên tới: 540 phút
Kích thước	119x52x55 mm
Trọng lượng	0.25 - 0.32 kg

Kích thước: không bao gồm chân mềm

ML101
được hiển thị trên hóa đơn là
STEXML101

Pin và sạc bán riêng.

Radio Dùng Pin/Rechargeable Battery Cordless Radio 10.8V

MR051

1,350,000 VND

Thiết kế nhỏ gọn với đầu cắm AUX-IN và đầu cắm tai nghe.

Thời gian sử dụng	2.5 giờ
Tần số	FM / AM: 87.5 - 108 MHz / 522 - 1,620 kHz
Kích thước	169x83x74 mm
Trọng lượng	0.49 kg

Không kèm pin, sạc.

7.2-4.8V 3.6V

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/Driver Drill 7.2V

DF012DSE

3,910,000 VND

Thiết kế gọn, nhẹ và nâng cao khối lượng công việc.

Khả năng	Thép: 5 mm Gỗ: 6 mm
Tốc độ không tải	Cao: 650 v/p Thấp: 200 v/p
Lực vặn tối đa	Cứng / Mềm: 5.6 / 3.6 N.m
Lực siết tối đa	8.0 N.m
Kích thước	Dạng súng: 218x44x142 mm Dạng thẳng: 273x44 mm
Trọng lượng	0.53 kg

DF012DSE: Sạc, pin 1.5Ah

Mũi vít 2 đầu.

Máy Vặn Vít Dùng Pin/Impact Driver 7.2V

TD022DSE

4,110,000 VND

An toàn, điều chỉnh đa tốc độ đáp ứng nhiều ứng dụng khác nhau.

Khả năng	Ốc máy: M3 - M8 Ốc tiêu chuẩn: M3 - M8 Ốc đàn hồi cao: M3 - M6 Ren thô: 22 - 45 mm
Tốc độ đập	0 - 3,000 l/p
Tốc độ không tải	0 - 2,450 v/p
Lực vặn tối đa	25 N.m
Kích thước	Dạng súng: 227x42x142 mm Dạng thẳng: 282x42x52 mm
Trọng lượng	0.55 - 0.56 kg

TD022DSE: Sạc, 2 pin 1.5Ah

Mũi vít (1 cái).

Máy Vặn Vít Dùng Pin/Screwdriver 4.8V

6723DW

1,060,000 VND

Linh hoạt cho nhiều vị trí và góc độ làm việc khác nhau.

Tốc độ không tải	220 v/p
Lực siết tối đa	4.5 N.m
Kích thước	292x49x60 mm
Trọng lượng	0.42 kg

Tr. 52

Bộ phụ kiện, sạc.

Máy Vặn Vít Dùng Pin/In-Line Cordless Screwdriver 3.6V

DF001DW

1,350,000 VND

Linh hoạt cho nhiều vị trí và góc độ làm việc khác nhau.

Khả năng	Vặn vít gỗ: ø3.8 x 32 mm
Tốc độ không tải	220 v/p
Lực siết tối đa	Cứng/mềm: 4.0 / 3.0 N.m
Lực siết khóa tối đa	6.0 N.m
Kích thước	Dạng súng: 205x47x51 mm Dạng thẳng: 287x47x51 mm
Trọng lượng	0.36 kg

Bộ phụ kiện, adapter ADP07, dây cáp.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

18V Lithium-ion & 14.4V Lithium-ion

Loại tiết kiệm
không có tính năng nạp điện tối ưu

BL1815G (198186-3)
18V - 1.5Ah

Dùng cho máy:
DF457DWE, HP457DWE, JV183DZ

BL1415G (198192-8)
14.4V - 1.5Ah

Dùng cho máy:
DF347DWE, HP347DWE, JV143DZ

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 18V

DF457DWE/DF457DZ 13mm
3,280,000 VND/ 1,390,000 VND

Khả năng	*Thép: 13 mm*
	Gỗ: 36 mm
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 1,400 v/p*
	Thấp: 0 - 400 v/p
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 42 / 24 N.m*
Lực siết khóa tối đa	*38 N.m*
Kích thước	*221x83x240 mm*
Trọng lượng	*1.7 kg*

Tr. 33

DF457DWE: Sạc, 2 pin 1.5Ah
DF457DZ: Không kèm pin, sạc

Mũi (+)(-).

Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin/ *Driver Drill* 14.4V

DF347DWE/DF347DZ 10mm
2,950,000 VND / 1,320,000 VND

Khả năng	*Thép: 10 mm*
	Gỗ: 25 mm
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 1,400 v/p*
	Thấp: 0 - 400 v/p
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 30 / 15 N.m*
Lực siết khóa tối đa	*23 N.m*
Kích thước	*198x83x235 mm*
Trọng lượng	*1.4 kg*

DF347DWE: Sạc, 2 pin 1.5Ah
DF347DZ: Không kèm pin, sạc

Mũi (+)(-).

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin/ *Hammer Driver Drill* 18V

HP457DWE/HP457DZ 13mm
3,490,000 VND / 1,640,000 VND

Khả năng	*Thép: 13 mm*
	Gỗ: 36 mm
	Tường: 13 mm
Tốc độ đập	*Cao: 0 - 21,000 l/p*
	Thấp: 0 - 6,000 l/p
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 1,400 v/p*
	Thấp: 0 - 400 v/p
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 42 / 24 N.m*
Lực siết khóa tối đa	*38 N.m*
Kích thước	*239x83x240 mm*
Trọng lượng	*1.7 kg*

Tr. 35

HP457DWE: Sạc, 2 pin 1.5Ah
HP457DZ: Không kèm pin, sạc

Mũi (+)(-).

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin/ *Hammer Driver Drill* 14.4V

HP347DWE/HP347DZ 10mm
3,140,000 VND/ Vui lòng liên hệ về giá

Khả năng	*Thép: 10 mm*
	Gỗ: 25 mm
	Tường: 10 mm
Tốc độ đập	*Cao: 0 - 21,000 l/p*
	Thấp: 0 - 6,000 l/p
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 1,400 v/p*
	Thấp: 0 - 400 v/p
Lực siết tối đa	*Cứng / Mềm: 30 / 15 N.m*
Lực siết khóa tối đa	*23 N.m*
Kích thước	*216x83x235 mm*
Trọng lượng	*1.4 kg*

HP347DWE: Sạc, 2 pin 1.5Ah
HP347DZ: Không kèm pin, sạc

Mũi (+)(-).

Máy Cưa Lọng Dùng Pin/ *Jig Saw* 18V

JV183DZ
2,040,000 VND
Có 3 chế độ cắt quỹ đạo và 1 chế độ cắt thẳng.

Khả năng	*Gỗ: 65 mm*
	Thép: 6 mm
Độ xọc	*18 mm*
Nhịp cắt	*0 - 2,900 l/p*
Kích thước	*248x76x196 mm*
Trọng lượng	*2.0 kg*

JV183DZ: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa lọng B-10, khóa lục giác, thước canh.

Máy Cưa Lọng Dùng Pin/ *Jig Saw* 14.4V

JV143DZ
2,010,000 VND
Có 3 chế độ cắt quỹ đạo và 1 chế độ cắt thẳng.

Khả năng	*Gỗ: 65 mm*
	Thép: 6 mm
Độ xọc	*18 mm*
Nhịp cắt	*0 - 2,900 l/p*
Kích thước	*245x76x196 mm*
Trọng lượng	*2.0 kg*

JV143DZ: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cưa lọng B-10, khóa lục giác, thước canh.

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Dụng cụ dùng pin

36V LITHIUM-ION

36V Lithium-ion

Hệ thống nạp điện nhanh

2.6Ah

BL3626
(194873-2)
8,110,000 VND

cho BL3626
DC36RA
(194869-3)
3,720,000 VND

Thời gian sạc 22phút

BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN — 18V x 2

BCV01 (mua thêm)
(195510-1)

Đối với người sử dụng có 2 bộ pin 18V (BL1830) thì có thể sử dụng các máy dùng pin 36V bằng BCV01, BCV02 hoặc BCV03

Cho những công cụ được cấp nguồn bằng 2 pin 18V

BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN — 18V x 2

BCV02 (mua thêm)
(195848-4)

BCV03 (mua thêm)
(196809-7)

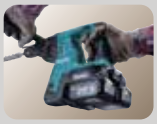

Không thể dùng cho máy BBC231U / BBC300L

Ổ CẮM PIN — 36V

BAP36N (mua thêm)
(195310-9)

Cho phép tách pin khỏi máy để giảm trọng lượng máy giúp giảm mỏi tay

Cho các dụng cụ được cấp nguồn bằng 1 pin 36V

Không thể dùng cho máy BBC231U / BBC300L

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/*Hedge Trimmer* 36V

UH650DWB 650mm
13,910,000 VND

Công suất	*0.32 kW*
Chiều dài lưỡi cắt	*650 mm*
Nhịp cắt	*2,000 - 3,600 l/p*
Kích thước	*1,150x220x190 mm*
Trọng lượng	*5.2 - 5.3 kg*

442

Tr. 149

UH650DWB: Sạc , pin 2.2Ah

Vỏ bảo vệ lưỡi.

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/*Hedge Trimmer* 36V

BUH550Z 550mm
4,580,000 VND
Khả năng cơ động cao và thân thiện với môi trường.

Công suất	*0.32kW*
Chiều dài lưỡi cắt	*550mm*
Nhịp cắt	*2,000 - 3,600 l/p*
Kích thước	*1,070x220x190mm*
Trọng lượng	*5.1 kg*

442

Tr. 149

BUH550Z: Không kèm pin, sạc

Vỏ bảo vệ lưỡi.

Máy Cắt Cỏ Dạng Cước Dùng Pin/*String Trimmer* 36V

BBC300LRDE
26,120,000 VND
Độ rung và tiếng ồn cực kỳ thấp.

Công suất	*0.5 kW*
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 6,600 v/p*
	Thấp: 0 - 4,900 v/p
Độ rộng lưỡi cắt	*Lưỡi cước: 300 mm*
Kích cỡ trục	*M10 x 1.25 LH*
Kích thước	*1,850x340x325 mm*
Trọng lượng	*5.9 kg*

BL MOTOR

Tr. 141

BBC300LRDE: Sạc nhanh, 2 pin 2.6Ah

Máy Thổi Dùng Pin/ *Blower* 36V

UB360DZ
3,740,000 VND
Độ ồn thấp.

Lượng khí	*Cao: 4.4 m³/phút*
	Thấp: 2.6 m³/phút
Tốc độ khí	*Cao: 93 m/s*
	Thấp: 57 m/s
Tốc độ không tải	*Cao: 17,000 v/p*
	Thấp: 10,000 v/p
Kích thước	*921x142x204 mm*
Trọng lượng	*3.1 - 3.2 kg*

430

Tr. 154

UB360DZ: Không kèm pin, sạc

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Bảng tham chiếu pin & thời gian sạc Tr.09

Máy khoan/Máy vặn vít, siết bu lông

MÁY KHOAN/ MÁY VẶN VÍT, SIẾT BU LÔNG

Máy Khoan Tốc Độ Cao/*High Speed Drill*

DP2010 6.5mm

Nhỏ gọn nhưng công suất và tốc độ khoan cao.

Công suất	*370 W*
Khả năng khoan	*Thép: 6.5 mm*
	Gỗ: 15 mm
Tốc độ không tải	*0 - 4,200 v/p*
Tổng chiều dài	*209 mm*
Trọng lượng	*1.0 kg*
Dây dẫn điện	*2.0 m*

419

Khóa đầu kẹp.

Máy Khoan Tốc Độ Cao/*High Speed Drill*

6501 6.5mm

Với thước canh độ sâu sẽ cho biết được chiều sâu của lỗ

Công suất	*230 W*
Khả năng khoan	*Thép: 6.5 mm*
	Gỗ: 9 mm
Tốc độ không tải	*4,500 v/p*
Tổng chiều dài	*206 mm*
Trọng lượng tịnh	*0.9 kg*
Dây dẫn điện	*2.0 m*

70

Khóa đầu kẹp, thanh cữ.

Máy Khoan/*Drill*

6411 10mm

Thiết kế nhỏ gọn và nhẹ, tuy nhiên công suất được đảm bảo.

Công suất	*450 W*
Khả năng khoan	*Thép: 10 mm*
	Gỗ: 25 mm
Tốc độ không tải	*3,400 v/p*
Kích thước	*228x64x183 mm*
Trọng lượng	*1.3 kg*
Dây dẫn điện	*2.0 m*

64

Khóa đầu kẹp.

Máy Khoan/*Drill*

6412 10mm

Thiết kế nhỏ gọn và nhẹ, tuy nhiên công suất vẫn được đảm bảo.

Công suất	*450 W*
Khả năng khoan	*Thép: 10 mm*
	Gỗ: 25 mm
Tốc độ không tải	*0 - 3,400 v/p*
Kích thước	*228x64x183 mm*
Trọng lượng	*1.3 kg*
Dây dẫn điện	*2.0 m*

64

Khóa đầu kẹp.

Máy Khoan/*Drill*

6413 10mm

Thiết kế nhỏ gọn và nhẹ, tuy nhiên công suất vẫn được đảm bảo.

Công suất	*450 W*
Khả năng khoan	*Thép: 10 mm*
	Gỗ: 25 mm
Tốc độ không tải	*0 - 3,400 v/p*
Kích thước	*234x64x183 mm*
Trọng lượng	*1.3 kg*
Dây dẫn điện	*2.0 m*

64

Máy Khoan/*Drill*

6307 13mm

Với khóa đầu kẹp.

Công suất	*530 W*
Khả năng khoan	*Thép: 13 mm*
	Gỗ: 25 mm
Tốc độ không tải	*0 - 2,500 v/p*
Tổng chiều dài	*261 mm*
Trọng lượng	*1.4 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

419

Khóa đầu kẹp.

Máy Khoan 2 Tốc Độ/*2-Speed Drill*

DP4010 13mm

Tốc độ cao và hiệu suất cao.

Công suất	*720 W*
Khả năng khoan	*Thép:*
	Cao/thấp: 8 /1 3 mm
	Gỗ:
	Cao/thấp: 25 / 40 mm
Tốc độ không tải	*Cao: 0 - 2,900 v/p*
	Thấp: 0 - 1,200 v/p
Kích thước	*347x70x220 mm*
Trọng lượng	*2.3 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

419

Thước canh độ sâu, tay cầm, khóa đầu kẹp.

Máy khoan/Máy vặn vít, siết bu lông

Máy Khoan/ *Drill*

DS4011 13mm

Thiết kế nhỏ gọn, hiệu suất cao.

Công suất	750 W
Khả năng khoan	Thép: 13 mm
	Gỗ: 36 mm
Tốc độ không tải	600 v/p
Kích thước	340x83x401 mm
Trọng lượng	2.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

411

Tay cầm, khóa đầu kẹp.

Máy Khoan/ *Drill*

DS5000 16mm

Thiết kế mới và đẹp.

Công suất	750 W
Khả năng khoan	Thép: 16 mm
	Gỗ: 36 mm
Tốc độ không tải	600 v/p
Kích thước	348x83x401 mm
Trọng lượng	3.0 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

411

Tay cầm, khóa đầu kẹp.

Máy Trộn Sơn/ *Mixer*

UT2204 220mm

Công suất mạnh và tốc độ trộn cao.

Công suất	850 W
Đường kính lưỡi	220 mm
Tốc độ không tải	550 v/p
Kích cỡ chuôi giữ dụng cụ	M12 hoặc M14
Kích thước	929x89x152 mm
Trọng lượng	3.4 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Lưỡi trộn sơn, cờ lê, tay cầm.

Máy Trộn Sơn/ *Mixer*

UT1305 165mm

Công suất mạnh và tốc độ trộn cao.

Công suất	850 W
Đường kính lưỡi	165 mm
Tốc độ không tải	1,300 v/p
Kích cỡ chuôi giữ dụng cụ	M12
Kích thước	942x87x152 mm
Trọng lượng	3.3 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Lưỡi trộn sơn, cờ lê, tay cầm.

Máy Khoan Góc/ *Angle Drill*

DA3010 10mm

Thiết kế nhỏ gọn và thân máy nhẹ chỉ có 1.6kg.

Công suất	450 W
Khả năng khoan	Thép: 10 mm
	Gỗ: 25 mm
Tốc độ không tải	0 - 2,400 v/p
Tổng chiều dài	270 mm
Trọng lượng	1.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

419

Khóa đầu kẹp S10.

Máy Vặn Vít/ *Impact Driver*

TD0100

Nhỏ gọn và trọng lượng nhẹ.

Công suất	230 W
Khả năng	Ốc máy: M4 - M8
	Ốc tiêu chuẩn: M5 - M14
	Ốc đàn hồi cao: M5 - M10
	Ren thô (ren dài): 22 - 90 mm
Mũi vặn vít chuôi lục giác	6.35 mm
Tốc độ đập	0 - 3,200 l/p
Tốc độ không tải	0 - 3,600 v/p
Lực vặn tối đa	100 N.m
Kích thước	218x60x180 mm
Trọng lượng	0.96 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

419

Mũi vặn vít.

Máy Vặn Vít/ *Impact Driver*

TD0101F / TD0101

Thiết kế nhỏ gọn lý tưởng cho công việc.

Công suất	230 W
Khả năng	Ốc máy: M4 - M8
	Ốc tiêu chuẩn: M5 - M14
	Ốc đàn hồi cao: M5 - M10
	Ren thô (ren dài): 22 - 90 mm
Mũi vặn vít chuôi lục giác	6.35 mm
Tốc độ đập	0 - 3,200 l/p
Tốc độ không tải	0 - 3,600 v/p
Lực vặn tối đa	100 N.m
Kích thước	184x67x192 mm
Trọng lượng	0.99 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

411 ▼TD0101F

Mũi vặn vít.

Máy Vặn Vít/ *Impact Driver*

6951

Hệ thống đập hiệu quả cho việc siết nhanh hơn và càng mạnh hơn.

Công suất	300 W
Khả năng	Vít gỗ: 30 - 120 mm
	Ốc tiêu chuẩn: M6 - M12
Tốc độ đập	0 - 3,000 l/p
Tốc độ không tải	0 - 2,200 v/p
Lực vặn tối đa	98 N.m
Tổng chiều dài	239 mm
Trọng lượng	1.3 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

411

Mũi vặn vít.

Máy khoan/Máy vặn vít, siết bu lông

Máy Vặn Vít/ *Drywall Screwdriver*

FS2500

Thân máy thích hợp nhất cho vặn vít.

Công suất	570 W
Khả năng	Mũi vít thạch cao: 5 mm
	Mũi vít tự khoan: 6 mm
Mũi vặn vít chuôi lục giác	6.35 mm
Tốc độ không tải	0 - 2,500 v/p
Kích thước	280x70x207 mm
Trọng lượng	1.5 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

419

Mũi vít nam châm.

Máy Vặn Vít/ *Drywall Screwdriver*

FS4000

Thân máy thích hợp nhất cho bắt vít.

Công suất	570 W
Khả năng	Mũi vít thạch cao: 5 mm
	Mũi vít tự khoan: 6 mm
Mũi vặn vít chuôi lục giác	6.35 mm
Tốc độ không tải	0 - 4,000 v/p
Kích thước	269x65x207 mm
Trọng lượng	1.3 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

419

Mũi vặn vít gài , mũi vít nam châm.

Máy Vặn Vít/ *Drywall Screwdriver*

FS6300

Thân máy thích hợp nhất cho vặn vít.

Công suất	570 W
Khả năng	Mũi vít thạch cao: 4 mm
Mũi vặn vít chuôi lục giác	6.35 mm
Tốc độ không tải	0 - 6,000 v/p
Kích thước	279x65x207 mm
Trọng lượng	1.4 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

419

Mũi vặn vít gài, mũi vít nam châm.

Máy Siết Bu Lông/ *Impact Wrench*

TW0200 12.7mm (1/2")

Kích thước của thân máy nhỏ: 251mm.

Công suất	380 W
Khả năng	Ốc tiêu chuẩn: M10 - M16
	Ốc đàn hồi cao: M10 - M12
	Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	0 - 2,200 l/p
Tốc độ không tải	0 - 2,200 v/p
Lực vặn tối đa	200 N.m
Tổng chiều dài	251 mm
Trọng lượng	2.2 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

411

Tuýp mở bu lông.

Máy Siết Bu Lông/ *Impact Wrench*

TW0350 12.7mm (1/2")

Lực siết cao đến 350N.m.

Công suất	400 W
Khả năng	Ốc tiêu chuẩn: M12 - M22
	Ốc đàn hồi cao: M12 - M16
	Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	2,000 l/p
Tốc độ không tải	2,000 v/p
Lực vặn tối đa	350 N.m
Tổng chiều dài	283 mm
Trọng lượng	3.0 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

411

Tuýp mở bu lông.

Máy Siết Bu Lông/ *Impact Wrench*

6905B 12.7mm (1/2")

Hộp búa bằng nhôm có độ bền cao.

Công suất	440 W
Khả năng	Ốc tiêu chuẩn: M12 - M20
	Ốc đàn hồi cao: M12 - M16
	Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	2,000 l/p
Tốc độ không tải	1,700 v/p
Lực vặn tối đa	294 N.m
Tổng chiều dài	270 mm
Trọng lượng	2.8 kg
Dây dẫn	2.5 m

65

Tuýp mở bu lông.

Máy Siết Bu Lông/ *Impact Wrench*

6905H 12.7mm (1/2")

Lực siết mạnh lên đến 294N.m, thân máy nhẹ và cân bằng tốt.

Công suất	470 W
Khả năng	Ốc tiêu chuẩn: M12 - M20
	Ốc đàn hồi cao: M12 - M16
	Cốt: 12.7 mm
Tốc độ đập	2,600 l/p
Tốc độ không tải	2,200 v/p
Lực vặn tối đa	294 N.m
Tổng chiều dài	275 mm
Trọng lượng	2.3 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

415

Tuýp mở bu lông.

Máy Siết Bu Lông/ *Impact Wrench*

6906 19mm (3/4")

Tay cầm có thể xoay 360 độ nên thích hợp cho các vị trí ở mọi góc độ làm việc.

Công suất	850 W
Khả năng	Ốc tiêu chuẩn: M16 - M22
	Ốc đàn hồi cao: M16 - M20
	Cốt: 19 mm
Tốc độ đập	1,600 l/p
Tốc độ không tải	1,700 v/p
Lực vặn tối đa	588 N.m
Tổng chiều dài	327 mm
Trọng lượng	5.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

100

Tay cầm, tuýp mở bu lông.

Máy khoan/Máy vặn vít, siết bu lông

Máy Siết Bu Lông/*Impact Wrench*

TW1000 25.4mm (1")

Có cản cao su để bảo vệ thân máy.

Công suất	1,200 W
Khả năng	Ốc tiêu chuẩn: M24 - M30
	Ốc đàn hồi cao: M22 - M24
	Cốt: 25.4 mm
Tốc độ đập	1,500 l/p
Tốc độ không tải	1,400 v/p
Lực vặn tối đa	1,000 N.m
Tổng chiều dài	382 mm
Trọng lượng	8.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

153

Tuýp mở bu lông 41, tay cầm.

Máy Siết Cắt Bu Lông/*Shear Wrench*

6922NB M16 (5/8"), M20 (3/4"), M22 (7/8")

Nhỏ gọn và trọng lượng nhẹ.

Công suất	1,330 W
Khả năng	Bu lông: M16, M20, M22
Tốc độ không tải	18 v/p
Lực vặn tối đa	803 N.m
Kích thước	249x84x252 mm
Trọng lượng	4.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

411

Măng sông trong (20-38,22-39), măng sông ngoài (20-37, 22-39), tua vít (-).

Máy Siết Cắt Bu Lông/*Shear Wrench*

6924N M22(7/8"), M24(1"), SHTB22

Có cản bảo vệ thân máy.

Công suất	1,050 W
Khả năng	Bu lông: M22, M24
	Ốc đàn hồi cao: M22
Tốc độ không tải	19 v/p
Lực vặn tối đa	1,100 N.m
Kích thước	330x104x257 mm
Trọng lượng	7.5 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Măng sông ngoài (M24), măng sông trong (M24), tua vít (-).

Máy Khoan Búa/*Hammer Drill*

NHP1300S 13mm

Cơ động và độ cân bằng tốt.

Công suất	430 W
Khả năng khoan	Bê tông mềm: 13 mm
	Thép: 13 mm
Tốc độ đập	0 - 29,700 l/p
Tốc độ không tải	0 - 2,700 v/p
Tổng chiều dài	278 mm
Trọng lượng	1.7 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

415

Khóa đầu kẹp, tay cầm.

Máy Khoan Búa/*Hammer Drill*

HP1630 16mm

Máy khoan 2 chức năng: Khoan Khoan búa

Công suất	710 W
Khả năng khoan	Bê tông mềm: 16 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 30 mm
Tốc độ đập	0 - 48,000 l/p
Tốc độ không tải	0 - 3,200 v/p
Kích thước	296x75x204 mm
Trọng lượng	2.1 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

85

Khóa đầu kẹp, tay cầm.

Máy Khoan Búa 2 Tốc Độ/*2-Speed Hammer Drill*

HP2050 20mm

Máy khoan 2 chức năng: Khoan Khoan búa

Công suất	720 W
Khả năng khoan	Bê tông mềm: 20 mm
	Thép cứng: 8 mm
	Thép mềm: 13 mm
	Gỗ cứng: 25 mm
	Gỗ mềm: 40 mm
Tốc độ đập	Cao: 0 - 58,000 l/p
	Thấp: 0 - 24,000 l/p
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 2,900 v/p
	Thấp: 0 - 1,200 v/p
Tổng chiều dài	362 mm
Trọng lượng	2.5 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

419

Khóa đầu kẹp, tay cầm, thước canh độ sâu.

Máy Khoan Búa 2 Tốc Độ/*2-Speed Hammer Drill*

HP2051 20mm

Máy khoan 2 chức năng: Khoan Khoan búa

Công suất	720 W
Khả năng khoan	Bê tông mềm: 20 mm
	Thép cứng: 8 mm
	Thép mềm: 13 mm
	Gỗ cứng: 25 mm
	Gỗ mềm: 40 mm
Tốc độ đập	Cao: 0 - 58,000 l/p
	Thấp: 0 - 24,000 l/p
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 2,900 v/p
	Thấp: 0 - 1,200 v/p
Tổng chiều dài	364 mm
Trọng lượng	2.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

419

Tay cầm, thước canh độ sâu.

Máy Khoan Búa 2 Tốc Độ/*2-Speed Hammer Drill*

HP2070 20mm

Máy khoan 2 chức năng: Khoan Khoan búa

Công suất	1,010 W
Khả năng khoan	Bê tông mềm: 20 mm
	Thép cứng: 8 mm
	Thép mềm: 16 mm
	Gỗ cứng: 25 mm
	Gỗ mềm: 40 mm
Tốc độ đập	Cao: 0 - 58,000 l/p
	Thấp: 0 - 24,000 l/p
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 2,900 v/p
	Thấp: 0 - 1,200 v/p
Tổng chiều dài	362 mm
Trọng lượng	2.5 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

419

Khóa đầu kẹp, tay cầm, thước canh độ sâu.

Máy khoan/Máy đục bê tông

Không bụi với LY CHỨA BỤI MAKITA

- Thi công trên cao : bụi và vữa bê tông sẽ rơi vào mặt người sử dụng
- Thi công theo phương ngang : bụi và vữa bê tông sẽ rơi xuống sàn
- Thi công theo chiều hướng xuống : sẽ có bụi và vữa bê tông xung quanh lỗ khoan.

- Ly thu bụi sẽ hút toàn bộ bụi và vữa bê tông rơi xuống , bảo vệ mặt người sử dụng.
- Hút sạch bụi và vữa bê tông- hiệu quả khi thi công quá đầu hay khoan hướng xuống
- Dễ quan sát đầu mũi khoan do phần miệng ly bằng nhựa trong suốt

	2 chức năng (khoan, khoan búa)				3 chức năng (khoan, khoan búa, đục)					2 & 3 chức năng (dùng pin Li-ion)	
Đường kính lỗ khoan	Máy	Đảo chiều	AVT	Đèn	Máy	Đảo chiều	AVT	Đèn	Thay đầu cặp nhanh	Máy	Điện áp
40mm										(3 chức năng) DHR400 (Tr. 16)	
28mm										(3 chức năng) DHR280/DHR282 (Tr. 15)	
26mm	HR2601 (Tr. 95)	●	●		HR2631F (Tr. 94)	●	●	●		(3 chức năng) DHR263 (Tr. 15)	
	HR2600 (Tr. 95)	●			HR2630T (Tr. 94)	●			●		
					HR2630 (Tr. 93)	●					
					HR2650 (Tr. 94)	●					
					HR2651 (Tr. 94)	●	●				
					HR2651T (Tr. 94)	●	●		●		
24mm	HR2460F (Tr. 93)	●		●	HR2470F (Tr. 93)	●		●		(3 chức năng) DHR242 (Tr. 37)	18V LITHIUM-ION
	HR2460 (Tr. 93)	●			HR2470 (Tr. 93)	●					
23mm	HR2300 (Tr. 93)	●									
22mm	HR2230 (Tr. 93)	●									18V LITHIUM-ION
20mm										(3 chức năng) DHR241 (Tr. 37)	18V LITHIUM-ION
										(3 chức năng) DHR202 (Tr. 37)	
18mm	HR1830 (Tr. 93)	●									
	HR1840J (Tr. 93)	●									
	HR1841FJ (Tr. 93)	●		●							
17mm										(2 chức năng) DHR171 (Tr. 38)	18V LITHIUM-ION
16mm										(2 chức năng) DHR165 (Tr. 38)	18V LITHIUM-ION
										(2 chức năng) HR166D (Tr. 69)	12V max
14mm										(2 chức năng) HR140D (Tr. 69)	12V max

Máy khoan/Máy đục bê tông

MŨI KHOAN TCT CHO MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC CHUÔI GÀI SDS-PLUS

Sản phẩm	Loại tiêu chuẩn	Mũi khoan bê tông hợp kim	NEMESIS II
Hạng	★★	★★★	★★★★★
Cacbua			
Đầu	2 cạnh cắt	Đầu định tâm 2 cạnh cắt	4 cạnh cắt
Rãnh	Tiêu chuẩn 2 rãnh	Tiêu chuẩn 2 rãnh	Độ bền cao 4 rãnh
Biểu đồ A - Tốc độ B - Tuổi thọ C - Dễ dàng định vị D - Độ chính xác E - Chống kẹt khi khoan thép	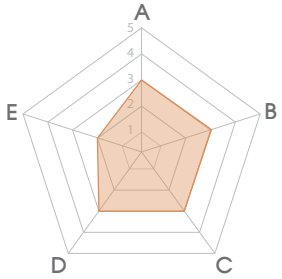	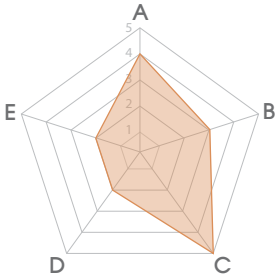	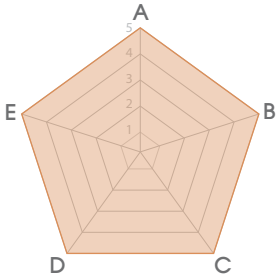

NEMESIS II

MỚI

Mũi khoan NEMESIS II

cho máy khoan động lực chuôi gài SDS-PLUS

Với đầu cacbua cứng

Tuổi thọ cao hơn 50% khi khoan thép

Tuổi thọ (khoan cốt thép bê tông)

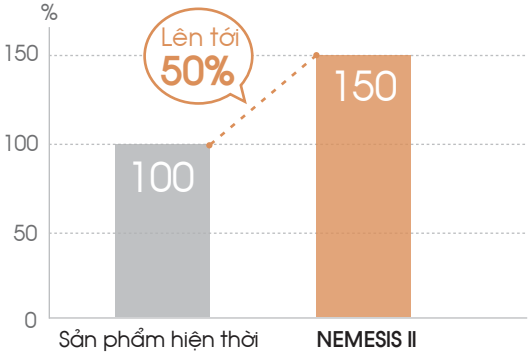

Lợi ích

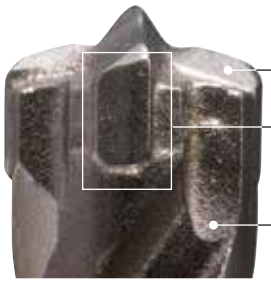

Đánh dấu sự mài mòn
Là chỉ số đánh giá sự ổn định của các lỗ khoan

Hình dạng rãnh cải tiến
Cho tốc độ khoan nhanh

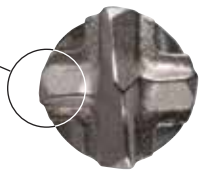

Độ vát
Giảm sốc khi khoan mạnh

4 cạnh cắt đối xứng 90 độ giúp mũi khoan không bị kẹt.

SDS-PLUS

Đầu nhọn định tâm giúp khoan chính xác.

MŨI SDS-MAX

Điểm trung tâm với góc 130 độ đảm bảo khoan chính xác.

Đánh dấu mài mòn là chỉ số để đánh giá sự ổn định của lỗ khoan.

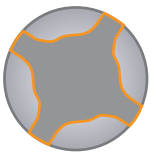

4 rãnh đối xứng đảm bảo ít hao mòn và đồng bộ.

Tối ưu hóa sức mạnh lõi, đảm bảo khoan giảm rung và chống gãy đặc biệt.

Cấu tạo nhiều đường rãnh, đảm bảo di chuyển những mảnh đá vụn ra khỏi lỗ khoan nhanh.

Máy khoan/Máy đục bê tông

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR1830 18mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 2 chức năng: Khoan, Khoan búa

Công suất	440 W
Lực đập	1.2 J
Khả năng	Bê tông (mũi hợp kim): 18 mm
	Bê tông (mũi kim cương): 65 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 24 mm
Tốc độ đập	0 - 5,000 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,500 v/p
Kích thước	279x66x208 mm
Trọng lượng	1.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

419

Tay cầm, thước canh độ sâu (Máy không kèm mũi).

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR1840J/HR1841FJ 18mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 2 chức năng: Khoan, Khoan búa

Công suất	470 W
Lực đập	1.4 J
Khả năng	Bê tông: 18 mm
	Mũi định tâm: 35 mm
	Mũi định tâm kim cương (loại khô) : 65 mm
	Thép : 13 mm
	Gỗ: 24 mm
Tốc độ đập	0 - 4,800 l/p
Tốc độ không tải	0 - 2,100 v/p
Kích thước	285x75x208 mm
Trọng lượng	2.0 - 2.5 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

459

▼HR1841FJ▼

HR1840J: Máy kèm thùng Makpac
HR1841FJ: Máy kèm thùng Makpac

Tay cầm, thước canh độ sâu (Máy không kèm mũi).

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR2230 22mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 2 chức năng : Khoan, Khoan búa

Công suất	710 W
Lực đập	2.3 J
Khả năng khoan	Bê tông: 22 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,050 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,050 v/p
Kích thước	357x84x214 mm
Trọng lượng	2.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Tay cầm, thước canh độ sâu (Máy không kèm mũi).

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR2300 23mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 2 chức năng: Khoan, Khoan búa

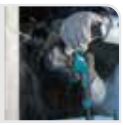

Công suất	720 W
Lực đập	2.6 J
Khả năng khoan	Bê tông: 23 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,600 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,200 v/p
Kích thước	356x77x209 mm
Trọng lượng	2.7 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Tay cầm, thước canh độ sâu (Máy không kèm mũi).

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR2460F/HR2460 24mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 2 chức năng: Khoan, Khoan búa

Công suất	780 W
Lực đập	2.7 J
Khả năng khoan	Bê tông: 24 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,500 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,100 v/p
Kích thước	362x84x214 mm
Trọng lượng	2.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

▼HR2460F

Tay cầm, thước canh độ sâu. (Máy không kèm mũi).

Máy Khoan Đa Năng/*Combination Hammer*

HR2470F/HR2470 24mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 3 chức năng: Khoan, Khoan búa, Đục

Công suất	780 W
Lực đập	2.7 J
Khả năng khoan	Bê tông: 24 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,500 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,100 v/p
Kích thước	370x84x214 mm
Trọng lượng	2.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

▼HR2470F

Tay cầm, thước canh độ sâu. (Máy không kèm mũi).

Máy Khoan Đa Năng/*Combination Hammer*

HR2630 26mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 3 chức năng: Khoan, Khoan búa, Đục

Công suất	800 W
Lực đập	2.9 J
Khả năng	Bê tông: 26 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,600 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,200 v/p
Kích thước	361x77x209 mm
Trọng lượng	2.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Tay cầm, thước canh độ sâu (máy không kèm mũi).

Máy khoan/Máy đục bê tông

Máy Khoan Đa Năng/ *Combination Hammer*

HR2630T 26mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 3 chức năng: Khoan, Khoan búa, Đục

Thay đầu gài nhanh

Công suất	800 W
Lực đập	2.9 J
Khả năng	Bê tông: 26 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,600 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,200 v/p
Kích thước	385x77x209 mm
Trọng lượng	2.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Tay cầm, thước canh độ sâu (máy không kèm mũi và đầu gài).

Máy Khoan Đa Năng/ *Combination Hammer*

HR2631FX5 26mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 3 chức năng: Khoan, Khoan búa, Đục

AVT

Công suất	800 W
Lực đập	2.9 J
Khả năng	Bê tông: 26 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,600 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,200 v/p
Kích thước	361x77x209 mm
Trọng lượng	2.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

Bộ phụ kiện máy HR2631FX5

Bộ mũi khoan bê tông (5 cái/bộ) | Đầu khoan (1 cái) | Mũi đục nhọn 250mm (1 cái)

325

Bộ 5 mũi khoan bê tông, đầu khoan (1 cái), mũi đục nhọn 250mm (1 cái).

Máy Khoan Đa Năng Với Hệ Thống Hút Bụi/ *Combination Hammer With Self Dust Collection*

HR2650 26mm

Chuôi gài SDS PLUS. Máy khoan 3 chức năng : Khoan, Khoan búa, Đục

Công suất đầu vào	800 W
Lực đập	2.2 J
Khả năng	Bê tông : 26 mm
	Mũi định tâm : 68 mm
	Mũi định tâm kim cương (loại khô) : 80 mm
	Thép : 13 mm
	Gỗ : 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,600 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,200 v/p
Kích thước	604x89x228 mm
Trọng lượng	3.0 - 4.1 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Tay cầm, thước canh độ sâu, nắp chắn bụi (5 cái).

Máy Khoan Đa Năng Với Hệ Thống Hút Bụi/ *Combination Hammer With Self Dust Collection*

HR2651 26mm

Chuôi gài SDS PLUS. Máy khoan 3 chức năng : Khoan, Khoan búa, Đục

AVT

Công suất đầu vào	800 W
Lực đập	2.2 J
Khả năng	Bê tông : 26 mm
	Mũi định tâm : 68 mm
	Mũi định tâm kim cương (loại khô) : 80 mm
	Thép : 13 mm
	Gỗ : 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,600 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,200 v/p
Kích thước	604x89x228 mm
Trọng lượng	3.1 - 4.2 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Tay cầm, thước canh độ sâu, nắp chắn bụi (5 cái).

Máy Khoan Đa Năng Với Hệ Thống Hút Bụi/ *Combination Hammer With Self Dust Collection*

HR2651T 26mm

Chuôi gài SDS PLUS. Máy khoan 3 chức năng : Khoan, Khoan búa, Đục

AVT

Thay đầu gài nhanh

Công suất đầu vào	800 W
Lực đập	2.2 J
Khả năng	Bê tông : 26 mm
	Mũi định tâm : 68 mm
	Mũi định tâm kim cương (loại khô) : 80 mm
	Thép : 13 mm
	Gỗ : 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,600 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,200 v/p
Kích thước	630x89x228 mm
Trọng lượng	3.2 - 4.4 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Đầu gài, tay cầm, thước canh độ sâu, nắp chắn bụi (5 cái).

Máy khoan đa năng với hệ thống tự hút bụi

Khả năng hút bụi cao cho các ứng dụng trên cao

Tỷ lệ hút bụi khi sử dụng máy trên cao

Kết nối an toàn

Giữa phần chứa bụi và ống thu bụi giúp lượng bụi thoát ra ở mức thấp nhất

Dễ dàng loại bỏ bụi và làm sạch túi bụi

- Hộp chứa bụi dễ dàng được mở/đóng chỉ với 1 thao tác đơn giản trên nút khóa
- Hộp chứa bụi được mở rộng

Hệ thống hút bụi trang bị màng lọc HEPA

loại bỏ bụi nhỏ tới 99.75% từ không khí đi qua màng lọc

HEPA filter

Màng lọc
Mã số: 196164-7

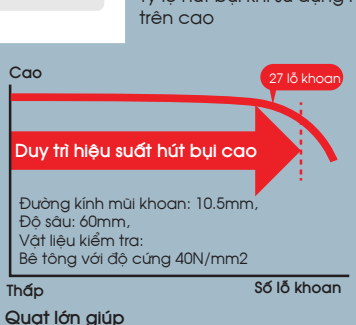

Quạt lớn giúp tăng lực hút bụi

Máy khoan/Máy đục bê tông

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR2600 26mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 2 chức năng: Khoan, Khoan búa

Công suất	800 W
Lực đập	2.9 J
Khả năng khoan	Bê tông: 26 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,600 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,200 v/p
Kích thước	361x77x209 mm
Trọng lượng	2.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Tay cầm, thước canh (Máy không kèm mũi).

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR2601 26mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 2 chức năng: Khoan, Khoan búa

Công suất	800 W
Lực đập	2.9 J
Khả năng khoan	Bê tông: 26 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,600 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,200 v/p
Kích thước	361x77x209 mm
Trọng lượng	2.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325 AVT

Tay cầm, thước canh. (Máy không kèm mũi)

Máy Khoan Đa Năng/*Combination Hammer*

HR2810 28mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 3 chức năng: Khoan, Khoan búa, Đục

Công suất	800 W
Lực đập	2.9 J
Khả năng	Bê tông (mũi kim cương): 28 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
Tốc độ đập	0 - 4,500 l/p
Tốc độ không tải	0 - 1,100 v/p
Kích thước	314x89x225 mm
Trọng lượng	3.4 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Thước canh độ sâu, tay cầm (máy không kèm mũi).

Máy Khoan Đa Năng/*Combination Hammer*

HR3200C 32mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 3 chức năng: Khoan, Khoan búa, Đục

Công suất	850 W
Lực đập	5.5 J
Khả năng	Bê tông (mũi kim cương): 32 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
Tốc độ đập	1,650 - 3,300 l/p
Tốc độ không tải	315 - 630 v/p
Kích thước	398x108x239 mm
Trọng lượng	4.8 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

350

Thước canh độ sâu, tay cầm, lọ mỡ (máy không kèm mũi).

Máy Khoan Đa Năng/*Combination Hammer*

HR3210C 32mm; Chuôi gài SDS-PLUS

Máy khoan 3 chức năng: Khoan, Khoan búa, Đục

Công suất	850 W
Lực đập	5.5 J
Khả năng	Bê tông (mũi hợp kim): 32 mm
	Thép: 13 mm
	Gỗ: 32 mm
	Bê tông (mũi kim cương): 90 mm
Tốc độ đập	1,650 - 3,300 l/p
Tốc độ không tải	315 - 630 v/p
Kích thước	398x114x239 mm
Trọng lượng	5.2 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

AVT

350

Thước canh độ sâu, tay cầm, lọ mỡ (máy không kèm mũi).

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR3530 35mm; Chuôi lục giác 17mm

Thiết kế nhỏ gọn và trọng lượng nhẹ.

Công suất	1,010 W
Lực đập	6.2 J
Khả năng	Bê tông (mũi hợp kim): 35 mm
	Bê tông (mũi kim cương): 105 mm
Tốc độ đập	3,100 l/p
Tốc độ không tải	760 v/p
Kích thước	374x100x243 mm
Trọng lượng	5.8 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

350

Tay cầm, thước canh độ sâu, (máy không kèm mũi).

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR4002 40mm; Chuôi gài SDS-MAX

Chỉ cần một động tác đẩy trượt thì có thể thay đổi mũi một cách dễ dàng.

Công suất	1,050 W
Lực đập	6.2 J
Khả năng	Bê tông (mũi hợp kim): 40 mm
	Bê tông (mũi kim cương): 105 mm
Tốc độ đập	2,500 l/p
Tốc độ không tải	680 v/p
Kích thước	458x114x256 mm
Trọng lượng	6.6 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

350

Tay cầm, lọ mỡ tra mũi, thước canh độ sâu (Máy không kèm mũi).

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR4030C 40mm; Chuôi lục giác 17mm

Chổi than tự động ngắt.

Công suất	1,100 W
Lực đập	9.2 J
Khả năng	Bê tông (mũi hợp kim): 40 mm
	Bê tông (mũi kim cương): 118 mm
Tốc độ đập	1,300 - 2,600 l/p
Tốc độ không tải	230 - 460 v/p
Kích thước	413x107x247 mm
Trọng lượng	6.9 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

350

Thước canh độ sâu, tay cầm (Máy không kèm mũi).

Máy khoan/Máy đục bê tông

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR4013C 40mm; Chuôi gài SDS-MAX

Hiệu quả cao và độ rung cực thấp.

Công suất	1,100 W
Lực đập	11.4 J
Khả năng tối đa	Bê tông (mũi hợp kim): 40 mm Bê tông (mũi kim cương): 105 mm
Tốc độ đập	1,450 - 2,900 l/p
Tốc độ không tải	250 - 500 v/p
Kích thước	479x112x263 mm
Trọng lượng	6.8 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

AVT ANTI VIBRATION TECHNOLOGY SOFT NO LOAD

350

Thước canh độ sâu, tay cầm bên, lọ mỡ (Máy không kèm mũi).

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR4511C 45mm; Chuôi gài SDS-MAX

Một lần đẩy trượt đầu khoan để có thể thay đổi mũi dễ dàng.

Công suất	1,350 W
Lực đập	12.5 J
Khả năng tối đa	Bê tông (mũi hợp kim): 45 mm Bê tông (mũi kim cương): 125 mm
Tốc độ đập	1,250 - 2,750 l/p
Tốc độ không tải	130 - 280 v/p
Kích thước	458x136x288 mm
Trọng lượng	8.5 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

AVT ANTI VIBRATION TECHNOLOGY

175

Tay cầm (D), tay cầm bên, thước canh độ sâu, lọ mỡ (Máy không kèm mũi).

Máy Khoan Động Lực/*Rotary Hammer*

HR5212C 52mm; Chuôi gài SDS-MAX

Hiệu suất cao và độ rung cực thấp.

Công suất	1,510 W
Lực đập	21 J
Khả năng phá bê tông	Mũi hợp kim: 52 mm Mũi kim cương: 160 mm
Tốc độ đập	1,100 - 2,250 l/p
Tốc độ không tải	150 - 310 v/p
Kích thước	599x140x287 mm
Trọng lượng	11.9 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

AVT ANTI VIBRATION TECHNOLOGY SOFT NO LOAD

175

Tay cầm D, tay cầm bên, thước canh độ sâu, lọ mỡ (Máy không kèm mũi)

Máy Đục Bê Tông/*Demolition Hammer*

HM0810/HM0810A Chuôi lục giác 17mm

Kết hợp hoàn hảo giữa sức mạnh, độ bền và độ rắn chắc.

Công suất	900 W
Lực đập	7.6 J
Tốc độ đập	2,900 l/p
Tổng chiều dài	410 mm
Trọng lượng tịnh	5.1 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

105

Mũi đục nhọn, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Đục Bê Tông/*Demolition Hammer*

HM0810T / HM0810TA Chuôi lục giác 17mm

Kết hợp hoàn hảo giữa sức mạnh, độ bền và thiết kế chắc chắn (với 2 thao tác trượt chuôi giữ mũi).

Công suất	900 W
Lực đập	7.6 J
Tốc độ đập	2,900 l/p
Tổng chiều dài	410 mm
Trọng lượng tịnh	5.5 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

105

Mũi đục nhọn, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Đục Bê Tông/*Demolition Hammer*

HM0870C Chuôi gài SDS-MAX

Độ bền cao và hiệu suất công phá tuyệt vời.

Công suất	1,100 W
Lực đập	11.4 J
Tốc độ đập	1,100 - 2,650 l/p
Kích thước	449x109x230 mm
Trọng lượng	5.1 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

350

Lọ mỡ tra mũi, tay cầm (Máy không kèm mũi đục nhọn).

Máy Đục Bê Tông/*Demolition Hammer*

HM0871C Chuôi gài SDS-MAX

Độ bền cao và hiệu suất công phá tuyệt vời.

Công suất	1,100 W
Lực đập	11.6 J
Tốc độ đập	1,100 - 2,650 l/p
Kích thước	466x116x230 mm
Trọng lượng	5.6 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

AVT ANTI VIBRATION TECHNOLOGY

350

Lọ mỡ tra mũi, tay cầm (Máy không kèm mũi đục nhọn).

Máy Đục Bê Tông/*Demolition Hammer*

HM1201 Chuôi lục giác 21mm

Công suất	1,130 W
Lực đập	13 J
Tốc độ đập	2,000 l/p
Tổng chiều dài	480 mm
Trọng lượng	9.1 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

155

Mũi đục nhọn, khóa lục giác, tay cầm.

Máy khoan/Máy đục bê tông

Máy Đục Bê Tông/*Demolition Hammer*

HM1203C Chuôi gài SDS - MAX

Độ bền cao và hiệu suất công phá tuyệt vời.

Công suất	1,510 W
Lực đập	25.5 J
Tốc độ đập	950 - 1,900 l/p
Kích thước	576x128x265 mm
Trọng lượng	9.7 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

175

Mũi đục nhọn, lọ mỡ tra mũi, tay cầm.

Máy Đục Bê Tông/*Demolition Hammer*

HM1213C Chuôi gài SDS-MAX

Một lần đẩy trượt đầu máy đục là có thể tháo lắp mũi dễ dàng.

Công suất	1,510 W
Lực đập	25.5 J
Tốc độ đập	950 - 1,900 l/p
Kích thước	576x149x265 mm
Trọng lượng	10.8 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

AVT ANTI VIBRATION TECHNOLOGY

175

Mũi đục nhọn, lọ mỡ tra mũi, tay cầm.

Máy Đục Bê Tông/*Demolition Hammer*

HM1214C Chuôi gài SDS-MAX

Một lần đẩy trượt đầu máy đục là có thể tháo lắp mũi dễ dàng.

Công suất	1,510 W
Lực đập	26 J
Tốc độ đập	950 - 1,900 l/p
Kích thước	700x129x265 mm
Trọng lượng	12.3 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

AVT ANTI VIBRATION TECHNOLOGY

175

Mũi đục nhọn, lọ mỡ tra mũi, tay cầm.

Máy Đục Bê Tông/*Electric Breaker*

HM1306 Chuôi lục giác 30mm

Độ bền cao.

Công suất	1,510 W
Lực đập	28.8 J
Tốc độ đập	1,450 l/p
Kích thước	6 52x121x231 mm
Trọng lượng	15.1 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

204

Mũi đục nhọn, cờ lê, tay cầm, lọ dầu 100mL.

Máy Đục Bê Tông/*Electric Breaker*

HM1307C Chuôi lục giác 30mm

Độ bền cao và hiệu suất công phá tuyệt vời.

Công suất	1,510 W
Lực đập	33.8 J
Tốc độ đập	730 - 1,450 l/p
Kích thước	715x129x266 mm
Trọng lượng	15.3 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

175

Tay cầm (máy không kèm mũi).

Máy Đục Bê Tông/*Electric Breaker*

HM1317C Chuôi lục giác 30mm

Độ bền cao và hiệu suất công phá tuyệt vời.

Công suất	1,510 W
Lực đập	33.8 J
Tốc độ đập	730 - 1,450 l/p
Kích thước	715x129x266 mm
Trọng lượng	17.0 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

AVT ANTI VIBRATION TECHNOLOGY

175

Tay cầm (Máy không kèm mũi).

Máy Đục Bê Tông/*Electric Breaker*

HM1810 Chuôi lục giác 28.6mm

Tất cả ưu điểm như HM1801.

Công suất	2,000 W
Lực đập	63 J
Tốc độ đập	1,100 l/p
Kích thước	824x146x633 mm
Trọng lượng	32 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

AVT ANTI VIBRATION TECHNOLOGY

204

Khóa lục giác (Máy không kèm mũi).

Máy Đục Bê Tông/*Electric Breaker*

HM1812 Chuôi lục giác 28.6mm

Máy đục bê tông mạnh mẽ nhất với công nghệ chống rung AVT.

Công suất	2,000 W
Lực đập	62 J
Tốc độ đập	870 l/p
Kích thước	843x210x608 mm
Trọng lượng	31.3 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

AVT ANTI VIBRATION TECHNOLOGY

Mũi đục nhọn, khóa lục giác.

Bảng so sánh máy khoan/máy đục

Mã máy	Loại	Khả năng khoan (mm)	Công suất (W)	Lực đập (J)	Trọng lượng (kg)	AVT	Chạy không tải êm	Có đèn	Thay đầu gài nhanh
Chuôi gài SDS-PLUS									
HR1830	Động lực	18	440	1.2	1.9				
HR1841F/HR1840	Động lực	18	470	1.4	2.0 - 2.5	•/-		•/-	
HR2230	Động lực	22	710	2.2	2.6 - 3.1				
HR2300	Động lực	23	720	2.3	2.7 - 3.1				
HR2470F/HR2470	Động lực	24	780	2.4	2.9 - 3.3			•/-	
HR2460F/HR2460	Động lực	24	780	2.4	2.8 - 3.2			•/-	
HR2651T	Đa năng	26	800	2.2	3.2 - 4.4	•			•
HR2651	Đa năng	26	800	2.2	3.1 - 4.2	•			
HR2650	Đa năng	26	800	2.2	3.0 - 4.1				
HR2630T	Đa năng	26	800	2.4	3.0 - 3.5				•
HR2630	Đa năng	26	800	2.4	2.8 - 3.3				
HR2601	Động lực	26	800	2.4	3.1 - 3.6	•			
HR2600	Động lực	26	800	2.4	3.0 - 3.4				
HR2810	Đa năng	28	800	2.8	3.4 - 3.8				
HR3210C	Đa năng	32	850	5	5.2 - 5.6	•			
HR3200C	Đa năng	32	850	5.1	4.8 - 5.2				
Chuôi lục giác17mm									
HR3530	Động lực	35	1,010	-	5.8				
Chuôi gài SDS-MAX									
HR4013C	Động lực	40	1,100	8	6.8 - 6.9	•	•		
HR4003C	Động lực	40	1,100	8.3	6.2 - 6.4				
HR4002	Động lực	40	1,350	6.1	6.6 - 6.8				
HR4511C	Động lực	45	1,050	9.4	9.0 - 9.1	•			
HR5212C	Động lực	52	1,510	20	11.9 - 12.0	•	•		

Mã máy	Công suất (W)	Lực đập (J)	Trọng lượng (kg)	AVT	Chạy không tải êm
Máy đục bê tông					
Chuôi lục giác 17mm					
HM0810/A	900	7.6	6.7	•	
HM0810T/TA	900	7.2	6.3		
Chuôi lục giác 21mm					
HM1201	1,130	13.0	9.1		
Chuôi gài SDS-MAX					
HM0871C	1,100	8.1	5.6 - 5.8	•	•
HM0870C	1,100	7.6	5.1 - 5.3		
HM1213C	1,510	18.6	10.8	•	•
HM1201	1,510	19.1	9.7		
HM1214C	1,510	19.9	12.3	•	•
Chuôi lục giác 30mm					
HM1306	1,510	12.7	15.1		
HM1317C	1,510	25	17.0	•	•
HM1307C	1,510	25.5	15.3		
Chuôi lục giác 28.6mm					
HM1812	2,000	72.8	31.3	•	•
HM1810	2,000	63	32	•	

Máy cắt (Kim loại)

MÁY CẮT
(Kim loại/ vật liệu mới, bê tông)

Máy cắt/*Dustless Cutter*

4100KB 125mm

Khả năng hút bụi cao

Công suất	*1,400 W*
Đường kính lưỡi	*125 mm*
Khả năng cắt tối đa	*40 mm*
Tốc độ không tải	*12,200 v/p*
Độ ồn do áp suất	*96 dB*
Độ ồn động cơ	*107 dB*
Kích thước	*231x220x179 mm*
Trọng lượng	*3.0 kg*
Dây nguồn	*2.5 m*

Lưỡi cắt, túi chứa bụi, khóa lục giác.

Máy Cưa Vòng Di Động/*Portable Band Saw*

2107FK

Kích thước rộng tối đa 120x120mm với độ cân bằng tốt.

Công suất	*710 W*
Khả năng	*Gia công tròn:120 mm*
	Gia công góc vuông: 120x120 mm
Tốc độ lưỡi	*60m - 105 m/phút*
Kích thước	*508x188x256 mm*
Trọng lượng	*6.3 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

303

Lưỡi cưa bằng thép gió (18 răng / inch), khóa lục giác, tay cầm.

KHẢ NĂNG CẮT TỐI ĐA

40mm

Công suất động cơ

1,400 W

với số vòng quay

12,200 vòng/phút

Công tắc bóp với lớp bảo vệ khỏi bụi

Đầu hút bụi có thể quay 360°

Cho phép đầu hút của máy hút bụi và túi bụi kết nối dễ dàng

Tương thích với thanh ray trượt

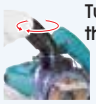

Máy Cắt Kim Loại/*Metal Cutter*

4131 185mm

Không có bụi, tốc độ cắt cao.

Công suất	*1,100 W*
Đường kính lưỡi	*185 mm*
Khả năng cắt tối đa	*63 mm*
Tốc độ không tải	*3,500 v/p*
Tổng chiều dài	*358 mm*
Trọng lượng	*4.8 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

303

Lưỡi cưa hợp kim, khóa lục giác, kính bảo hộ.

Máy Cắt Sắt/*Portable Cut-off*

2416S 405mm

Lưỡi 405mm khả năng cắt nhiều hơn.

Công suất	*1,430 W*
Đường kính lưỡi cắt	*405 mm*
Đường kính lỗ	*25.4 mm*
Tốc độ không tải	*2,300 v/p*
Kích thước	*610x265x535 mm*
Trọng lượng	*19.2 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

153

Đá cắt, tuýp mở ốc.

Máy Cắt Kim Loại Thẳng/*Straight Metal Shear*

JS1601 1.6mm

Với thiết kế khéo léo và thẩm mỹ giúp điều khiển dễ dàng và linh hoạt hơn.

Công suất	*380 W*
Khả năng cắt	*Thép chịu lực: 400N/mm²: 1.6 mm*
	Thép chịu lực 600N/mm²: 1.2 mm
	Thép chịu lực 800N/mm²: 0.8 mm
	Nhôm chịu lực 200N/mm²: 2.5 mm
Bán kính cắt tối thiểu	*250 mm*
Nhịp cắt	*4,500 l/p*
Kích thước	*320x70x78 mm*
Trọng lượng	*1.4 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

459

Khóa lục giác, thước canh.

Máy Cắt Rãnh Hợp Kim Nhôm/*Aluminium Groove Cutter*

CA5000X 118mm

Được phát triển để cắt rãnh trên vật liệu nhôm.

Công suất	*1300 W*
Khả năng cắt tối đa	*Lưỡi cắt thường: 11 mm*
	Lưỡi TCT: 36 mm
Đường kính lưỡi	*118 mm*
Tốc độ không tải	*2,200 - 6,400 v/p*
Kích thước	*346x250x250 mm*
Trọng lượng	*4.7 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

303

Máy kèm lưỡi cắt.

Máy cắt (Kim loại)

Máy Cắt Kim Loại/ *Metal Cutting Saw*

LC1230 305mm

Cắt nhanh ống kim loại, thép V, thép hộp, thép ống tròn, xả gỗ, ...

Công suất	*1,750 W*
Khả năng cắt tối đa	*90° : Ø115 mm*
	90°: 75x150 mm
	45°: Ø90 mm
	45°: 85x85 mm
Tốc độ không tải	*1,300 v/p*
Kích thước	*516x306x603 mm*
Trọng lượng	*19.3 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

203

Lưỡi cắt kim loại dành cho thép mềm, tuýp mở ốc, kính bảo hộ.

Lưỡi cắt kim loại hợp kim C-T (Carbide-Tipped) của Makita cắt sạch hơn

Dạng ống vuông và chữ nhật

Lưỡi C-T của Makita — Lưỡi cắt bằng đá

Dạng ống tròn

Lưỡi C-T của Makita — Lưỡi cắt bằng đá

Dạng có ren

Lưỡi C-T của Makita — Lưỡi cắt bằng đá

Dạng góc

Lưỡi C-T của Makita — Lưỡi cắt bằng đá

Lưỡi cắt kim loại hợp kim C-T (Carbide-Tipped) dùng cho nhiều công việc

Ứng dụng
- ◎ Rất tốt
- ○ Tốt
- △ Khá tốt
- ✕ Không thể

Loại lưỡi	Độ dày răng	Mã số	Độ dày vật liệu cắt 45°/90°	Dạng góc		Dạng ống vuông & chữ nhật		Dạng rãnh		Dạng ống tròn	Inox dạng góc	Inox dạng vuông 30x30
				4.2mm / 6.0mm	3.1mm / 4.5mm	2.1mm / 3.0mm	3.1mm / 4.5mm	2.0mm / 2.3mm	2.2mm / 3.2mm	2.6mm / 3.8mm	2.8mm / 4.0mm	1.1mm / 1.5mm
305 x 60T (Thép mềm)	2.1 mm	A-87242	○	○	○	△	✕	◎	◎	✕	✕
305 x 60T (Thép mềm)	2.5 mm	A-81860	○	○	◎	○	✕	◎	◎	✕	✕
305 x 60T (Thép mềm Giảm ồn)	2.4 mm	A-86723	◎	◎	◎	○	✕	◎	◎	✕	✕
305 x 78T (Thép mỏng)	2.3 mm	A-87127	△	△	△	✕	○	△	△	✕	✕
305 x 76T (Nhiều vật liệu)	1.95 mm	A-87579	○	○	△	✕	◎	△	◎	○	○
305 x 100T (Inox mỏng)	1.95 mm	B-23151	△	△	✕	✕	○	✕	△	◎	◎

Quá trình sử dụng lưỡi cắt kim loại hợp kim C-T (Carbide-Tipped)

① Đảm bảo vật liệu kim loại được đặt chắc chắn trên đế máy cắt

② Giữ chặt tay cầm và đợi cho đến khi máy cưa đạt được tốc độ tối đa

③ Hạ nhẹ tay cầm để đẩy lưỡi cưa lại gần tấm kim loại

④ Lưỡi dao tiếp xúc nhẹ nhàng với vật liệu (nhằm giảm áp suất nếu xuất hiện tia lửa)

⑤ Sau khi hoàn tất khâu cắt, tắt máy và chờ đến khi lưỡi cưa ngừng quay hẳn mới nâng tay cầm lên lại

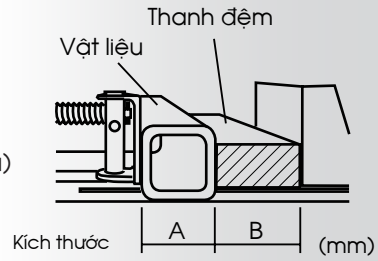

⑥ Đối với vật liệu dạng hộp khi cắt nên sử dụng thanh đệm (A + B =150mm); Trường hợp A≥150mm không dùng thanh đệm

Quá trình cắt kim loại

Dạng ống vuông và chữ nhật

Dạng góc

Dạng ống tròn

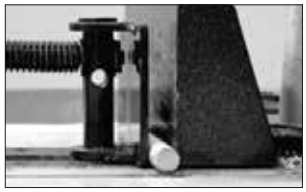

Dạng có ren

Máy cắt (Kim loại/Vật liệu mới,bê tông)

Máy Cắt Sắt/ *Portable Cut-off*

LW1400 355mm

Máy cắt 355mm động cơ mạnh mẽ 2,200W, thay lưỡi cắt không cần dụng cụ.

Công suất	2,200 W
Đường kính đĩa	355 mm
Tốc độ không tải	3,800 v/p
Khả năng	(90°) Ống tròn: 127 mm
	Ống chữ nhật: 115x130 mm
	Ống vuông: 119x119 mm
	Ống tam giác: 137x137x10 mm
	(45°): Ống tròn: 127 mm
	Ống chữ nhật: 115x103 mm
	Ống vuông: 106x106 mm
	Ống tam giác: 100x100x10 mm
Kích thước	530x295x640 mm
Trọng lượng	18.7 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

203

Đá cắt.

Máy Cắt Sắt/ *Portable Cut-off*

LW1401 355mm

Máy cắt 355mm động cơ mạnh mẽ 2,200W.

Công suất	2,200 W
Đường kính đĩa	355 mm
Tốc độ không tải	3,800 v/p
Khả năng	(90°):Ống tròn: 127 mm
	Ống chữ nhật: 115x130 mm
	Ống vuông: 119x119 mm
	Ống tam giác: 137x137x10 mm
	(45°): Ống tròn: 127 mm
	Ống chữ nhật: 115x103 mm
	Ống vuông: 106x106 mm
	Góc tam giác: 100x100x10 mm
Kích thước	500x295x640 mm
Trọng lượng	18.3 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

203

Đá cắt, tuýp mở ốc.

Máy Cắt Kim Loại/ *Metal Shear*

JS1602 1.6mm

Thân máy thon gọn và tính cơ động cao.

Công suất	380 W
Khả năng cắt	Thép chịu lực: 400N/mm2: 1.6 mm
	Thép chịu lực 600 N/mm²: 1.2 mm
	Thép chịu lực 800 N/mm²: 0.8 mm
	Nhôm chịu lực 200 N/mm²: 2.5 mm
Bán kính cắt tối thiểu	30 mm
Nhịp cắt	4,000 l/p
Kích thước	255x74x146 mm
Trọng lượng	1.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

459

Lưỡi cắt, khóa lục giác.

Máy Cắt Kim Loại/ *Metal Shear*

JS3201 3.2mm

Thiết kế mạnh mẽ với tay cầm được bao phủ lớp đàn hồi giúp dễ thao tác.

Công suất	710 W
Khả năng cắt	Thép chịu lực 400 N/ mm²: 3.2 mm
	Thép chịu lực 600 N/ mm²: 2.5 mm
	Thép chịu lực 800 N/ mm²: 1.5 mm
	Nhôm lchịu lực 200 N/ mm²: 4.0 mm
Bán kính cắt tối thiểu	50 mm
Nhịp cắt	1600 l/p
Tổng chiều dài	213 mm
Trọng lượng	3.4 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Khóa lục giác, thước canh.

Máy Cắt Tôn/ *Nibbler*

JN1601 1.6mm

Khuôn đột xoay 360 độ, chu kỳ chuyển động lớn 6mm.

Công suất	550 W
Khả năng cắt	Thép chịu lực 400N/mm²: 1.6 mm
	Thép chịu lực 600N/mm²: 1.2 mm
	Thép chịu lực 800N/mm²: 0.8 mm
	Nhôm chịu lực 200N/mm²: 2.5 mm
Bán kính cắt tối thiểu	Cạnh ngoài: 50 mm
	Cạnh trong: 45 mm
Nhịp cắt	2,200 l/p
Tổng chiều dài	261 mm
Trọng lượng	1.6 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

411

Khóa lục giác, cờ lê, mũi đột, khuôn đột.

Máy Cắt Tôn/ *Nibbler*

JN3201 3.2mm

Thiết kế mạnh mẽ với tay cầm được bao phủ lớp đàn hồi giúp dễ thao tác.

Công suất	710 W
Khả năng cắt	Thép chịu lực 400 N/mm²: 3.2 mm
	Thép chịu lực 600 N/mm²: 2.5 mm
	Thép chịu lực 800 N/mm²: 1.0 mm
	Nhôm chịu lực 200 N/mm²: 3,5 mm
Bán kính cắt tối thiểu	Cạnh ngoài: 128 mm
	Cạnh trong: 120 mm
Nhịp cắt	1300 l/p
Tổng chiều dài	225 mm
Trọng lượng	3.4 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Khóa lục giác, cờ lê móc, vòng đệm.

Máy Cắt/ *Cutter*

4100NB 110mm

Điều chỉnh dòng nước chảy dễ dàng.

1

Công suất	860 W
Khả năng cắt	34 mm
Đường kính lưỡi	110 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Tổng chiều dài	218 mm
Trọng lượng	2.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

253

Cờ lê, tuýp mở ốc, vòi nước & ống. (Máy không kèm lưỡi kim cương).

Máy Cắt/ *Cutter*

4100NH 110mm

Có thể sử dụng với lưỡi cắt khô hoặc ướt.

3

Công suất	1,300 W
Khả năng cắt	90°: 34 mm
Đường kính lưỡi	110 mm
Tốc độ không tải	14,500 v/p
Tổng chiều dài	234 mm
Trọng lượng	2.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Cờ lê, tuýp mở ốc, ống & vòi nước. (Máy không đi kèm lưỡi cắt kim cương).

Máy cắt (Vật liệu mới,bê tông)

Máy Cắt/ *Cutter*

4100NH2 110mm /125mm

Cắt xiên lên đến 45°.

4

Công suất	1,400 W
Khả năng cắt tối đa	90°: 32.5 mm
	45°: 21.5 mm
Đường kính lưỡi	110 - 125 mm
Tốc độ không tải	12.200 v/p
Kích thước	238x214x169 mm
Trọng lượng	3.0 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Cờ lê, khóa lục giác, dây ống nước.

Máy Cắt/ *Cutter*

4100NH3 110mm

Được thiết kế cải tiến với rãnh chống trượt.

5

Công suất	1,300 W
Khả năng cắt tối đa	90°: 32 mm
Đường kính lưỡi	110 mm
Tốc độ không tải	13,800 v/p
Kích thước	227x209x166 mm
Trọng lượng	2.9 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

303

Cờ lê, khóa lục giác.

STT	Máy	Đường kính lưỡi *(mm)*	Công suất *(W)*	Khả năng cắt tối đa *(mm)*	Tốc độ không tải *(v/p)*
1	4100NB	110	860	34	11,000
2	4140	110	1,050	90° : 34 45° : 21	11,000
3	4100NH	110	1,300	34	14,500
4	4100NH2	110 -125	1,400	90° : 32.5 45° : 21.5	12,200
5	4100NH3	110	1,300	32	13,800

Máy Cắt/ *Cutter*

4107R 180mm

Cắt nhanh và sạch.

Công suất	1,400 W
Khả năng cắt	60 mm
Đường kính lưỡi	180 mm
Tốc độ không tải	5,000 v/p
Tổng chiều dài	370 mm
Trọng lượng	6.3 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

153

Cờ lê tuýp, cờ lê hình chữ S, ống & vòi nước.

Máy Cắt Góc/ *Angle Cutter*

4112HS 305mm

Cắt êm và thoải mái.

Công suất	2,400 W
Khả năng cắt	100 mm
Đường kính lưỡi	305 mm
Tốc độ không tải	5,000 v/p
Tổng chiều dài	648 mm
Trọng lượng	10.4 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

204

SUPER JOINT SYSTEM SJS

Cờ lê mở ốc. (Máy không kèm lưỡi cắt kim cương).

Máy Cắt Góc/ *Angle Cutter*

4114S 355mm

Đế lớn giúp quá trình cắt ổn định.

Công suất	2,400 W
Khả năng cắt	125 mm
Đường kính lưỡi cắt	355 mm
Đường kính lỗ	25.4 mm
Tốc độ không tải	3,500 v/p
Kích thước	673x240x329 mm
Trọng lượng	10.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

204

SUPER JOINT SYSTEM SJS

Cờ lê mở ốc. (Máy không kèm lưỡi cắt kim cương).

Máy Cắt Tường/ *Wall Chaser*

SG1251J 125mm

Cắt sạch, gọn và tiện lợi.

Công suất	1,400 W
Khả năng cắt	Sâu: 0 - 30 mm
	Rộng: 6 - 30 mm
Đường kính lưỡi	125 mm
Tốc độ không tải	10,000 v/p
Kích thước	350x151x178 mm
Trọng lượng	4.3 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

318

SUPER JOINT SYSTEM SJS

Lưỡi cắt kim cương (2cái), khóa lục giác, cờ lê mở ốc.

PHÂN LOẠI DÒNG MÁY MÀI GÓC 100MM

Công suất	CÔNG TẮC TRƯỢT	CÔNG TẮC ĐUÔI	CÔNG TẮC BÓP
570W		N9500N	
		9500NB	
710W	9553NB	9553B	
720W	GA4030	GA4031	GA4034
	GA4030R	GA4032	
840W	9556HN	9556HB	9556HP
1,100W	SJS II SUPER JOINT SYSTEM GA4040		
1,140W	Chức năng chống khởi động lại SJS II SUPER JOINT SYSTEM GA4040C		

Máy mài/Máy chà nhám

Máy Mài Góc/ *Angle Grinder*

N9500N 100mm

Công suất	570 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	12,000 v/p
Tổng chiều dài	245 mm
Trọng lượng	1.6 - 1.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

411

Đá mài, khóa lục giác, tua vít, thẻ canh lề.

Máy Mài Góc/ *Angle Grinder*

9500NB 100mm

Công suất	570 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	12,000 v/p
Tổng chiều dài	253 mm
Trọng lượng	1.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

411

Đá mài, khóa lục giác, cản bảo vệ.

Máy Mài Góc/ *Angle Grinder*

9553NB 100mm

Công suất	710 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Kích thước	258x118x97 mm
Trọng lượng	1.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm, cản bảo vệ.

Máy Mài Góc/ *Angle Grinder*

9553B 100mm

Công suất	710 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Kích thước	258x118x97 mm
Trọng lượng	1.5 - 1.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Đá mài, khóa lục giác.

Máy Mài Góc/ *Angle Grinder*

GA4030/GA4030R 100mm

Công suất	720 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Kích thước	266x117x95 mm
Trọng lượng	1.73 - 2.02 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

459

GA4030R

Chức năng chống khởi động lại

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm, cản bảo vệ.

Máy Mài Góc/ *Angle Grinder*

GA4031 100mm

Công suất	720 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Kích thước	259x118x104 mm
Trọng lượng	1.71 - 2.0 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

459

Đá mài, khóa lục giác.

Máy Mài Góc/ *Angle Grinder*

GA4032 100mm

Công suất	720 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	9,000 v/p
Kích thước	259x118x104 mm
Trọng lượng	1.67 - 1.96 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

459

Đá mài, khóa lục giác, cản bảo vệ.

Máy Mài Góc/ *Angle Grinder*

GA4034 100mm

Công suất	720 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Kích thước	265x118x95 mm
Trọng lượng	1.77 - 2.0 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

459

Đá mài, tay cầm, cản bảo vệ.

Máy mài/Máy chà nhám

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

9556HN 100mm

Công suất	840 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Kích thước	271x118x97 mm
Trọng lượng	1.6 - 2.0 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

9556HB 100mm

Công suất	840 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Kích thước	271x118x97 mm
Trọng lượng	1.6 - 2.0 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

9556HP 100mm

Công suất	840 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Kích thước	273x118x97 mm
Trọng lượng	1.7 - 2.0 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA4040 100mm

Công suất	1,100 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Kích thước	303x117x111 mm
Trọng lượng	2.2 - 2.5 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

SJS II

325

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA4040C 100mm

Công suất	1,400 W
Đường kính đá mài	100 mm
Tốc độ không tải	2,800 - 11,000 v/p
Kích thước	303x117x111 mm
Trọng lượng	2.3 - 2.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

SJS II

318

Chức năng chống khởi động lại

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA5030R 125mm

Thân máy nhỏ gọn và tay cầm được thiết kế công thái học giúp dễ dàng điều khiển.

Công suất	720 W
Đường kính đá mài	125 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Kích thước	266x140x108 mm
Trọng lượng	1.91 - 3.06 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

459

Chức năng chống khởi động lại

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm, mặt bích trong, cờ lê.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

9558HN 125mm

Khóa trục để thay đổi đá mài dễ dàng.

Công suất	840 W
Đường kính đá mài	125 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Kích thước	271x139x106 mm
Trọng lượng	1.7 - 3.0 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Khóa lục giác, tay cầm.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

9565PZ 125mm

Công tắc kiểu mái chèo dễ vận hành,an toàn.

Công suất	1,100 W
Đường kính đá mài	125 mm
Tốc độ không tải	12,000 v/p
Kích thước	307x139x103 mm
Trọng lượng	2.4 - 2.7 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

SUPER JOINT SYSTEM SJS

Khóa lục giác, tay cầm.

Máy mài/Máy chà nhám

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

9565CVR 125mm

Động cơ chống bụi công suất cao trong chu vi thân tay cầm nhỏ.

Công suất	*1,400 W*
Đường kính đá mài	*125 mm*
Tốc độ không tải	*2,800 - 12,000 v/p*
Kích thước	*299x139x103 mm*
Trọng lượng	*2.4 - 3.5 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

318 SUPER JOINT SYSTEM SJS

Chức năng chống khởi động lại

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

9015B 125mm

Đầu máy mài có thể lắp khớp tại mọi góc 90˚.

Công suất	*1,050 W*
Đường kính đá mài	*125 mm*
Tốc độ không tải	*10,000 v/p*
Tổng chiều dài	*381 mm*
Trọng lượng	*2.4 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

303

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA7060 180mm

Được phát triển để sử dụng trong công nghiệp.

Công suất	*2,200 W*
Đường kính đá mài	*180 mm*
Tốc độ không tải	*8,500 v/p*
Kích thước	*450x200x144 mm*
Trọng lượng	*5.38 - 5.89 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

Khóa lục giác, tay cầm. (Máy không kèm đá mài).

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA7061R 180mm

Được phát triển để sử dụng trong công nghiệp.

Công suất	*2,200 W*
Đường kính đá mài	*180 mm*
Tốc độ không tải	*8,500 v/p*
Kích thước	*450x200x145 mm*
Trọng lượng	*5.57 - 6.08 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

SJSII SUPER JOINT SYSTEM

218

Chức năng chống khởi động lại

Khóa lục giác, tay cầm. (Máy không kèm đá mài).

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA7030/GA7030R 180mm

Độ rung ở tay cầm sau thấp với tay cầm mềm dẻo nên dễ điều khiển và thoải mái hơn. Đầu máy mài có thể đặt vào tại mọi vị trí góc 90 độ.

Công suất	*2,400 W*
Đường kính đá mài	*180 mm*
Tốc độ không tải	*8,500 v/p*
Kích thước	*511x200x140 mm*
Trọng lượng	*6.06 - 6.56 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

204 *GA7030R*

Chức năng chống khởi động lại

Khóa lục giác, tay cầm (máy không kèm đá mài).

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA9050 230mm

Trọng lượng nhẹ.

Công suất	*2,000 W*
Đường kính đá mài	*230 mm*
Tốc độ không tải	*6,600 v/p*
Kích thước	*432x250x132 mm*
Trọng lượng	*4.64 - 6.94 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

204

Khóa lục giác, tay cầm. (Máy không kèm đá mài).

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

9069 230mm

Bền hơn và chống bụi với mô tơ 2000W.

Công suất	*2,000 W*
Đường kính đá mài	*230 mm*
Tốc độ không tải	*6,600 v/p*
Tổng chiều dài	*458 mm*
Trọng lượng	*4.2 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

204

Khóa lục giác, tay cầm. (Máy không kèm đá mài).

Máy mài/Máy chà nhám

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA5010 125mm

Thân máy nhỏ gọn và độ bền cao.

Công suất	1,050 W
Đường kính đá mài	125 mm
Tốc độ không tải	12,000 v/p
Kích thước	356x139x112 mm
Trọng lượng	2.6 - 3.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA5020 125mm

Thân máy nhỏ gọn và độ bền cao.

Công suất	1,050 W
Đường kính đá mài	125 mm
Tốc độ không tải	12,000 v/p
Kích thước	356x139x120 mm
Trọng lượng	2.7 - 3.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

SUPER JOINT SYSTEM SJS

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA6010 150mm

Trọng lượng nhẹ chỉ có 2.7kg.

Công suất	1,050 W
Đường kính đá mài	150 mm
Tốc độ không tải	10,000 v/p
Kích thước	356x169x112 mm
Trọng lượng	2.7 - 3.1 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA6020 150mm

Thân máy nhỏ gọn và độ bền cao.

Công suất	1,050 W
Đường kính đá mài	150 mm
Tốc độ không tải	10,000 v/p
Kích thước	356x169x120 mm
Trọng lượng	2.8 - 3.2 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

SUPER JOINT SYSTEM SJS

Đá mài, khóa lục giác, tay cầm.

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA7050 180mm

Trọng lượng nhẹ.

Công suất	2,000 W
Đường kính đá mài	180 mm
Tốc độ không tải	8,500 v/p
Kích thước	432x200x132 mm
Trọng lượng	3.98 - 5.0 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

204

Khóa lục giác, tay cầm (máy không kèm đá mài).

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

9067 180mm

Bền hơn và chống bụi với mô tơ 2,000W.

Công suất	2,000 W
Đường kính đá mài	180 mm
Tốc độ không tải	8,500 v/p
Tổng chiều dài	458 mm
Trọng lượng	4.2 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

204

Khóa lục giác, tay cầm (máy không kèm đá mài).

Máy Mài Góc/*Angle Grinder*

GA7020R01 180mm

Kết cấu chống bụi lý tưởng.

Công suất	2,200 W
Đường kính đá mài	180 mm
Tốc độ không tải	8,500 v/p
Kích thước	473x200x140 mm
Trọng lượng	5.66 - 6.16 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

204

Chức năng chống khởi động lại

GA7020R01: Tay cầm chống rung

Khóa lục giác, tay cầm (máy không kèm đá mài), cản bảo vệ.

Máy mài/Máy chà nhám

Máy Mài Góc/ *Angle Grinder*

GA9060 230mm

Được phát triển để sử dụng trong công nghiệp.

Công suất	*2,200 W*
Đường kính đá mài	*230 mm*
Tốc độ không tải	*6,600 v/p*
Kích thước	*450x250x144 mm*
Trọng lượng	*5.5 - 7.86 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

218

Khóa lục giác, tay cầm. (Máy không kèm đá mài).

Máy Mài Góc/ *Angle Grinder*

GA9061R 230mm

Được phát triển để sử dụng trong công nghiệp.

Công suất	*2,200 W*
Đường kính đá mài	*230 mm*
Tốc độ không tải	*6,600 v/p*
Kích thước	*450x250x145 mm*
Trọng lượng	*5.68 - 8.04 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

SJS II SUPER JOINT SYSTEM

218

Chức năng chống khởi động lại

Khóa lục giác, tay cầm. (Máy không kèm đá mài).

Máy Mài Góc/ *Angle Grinder*

GA9020R01 230mm

Độ bền vượt trội.

Công suất	*2,200 W*
Đường kính đá mài	*230 mm*
Tốc độ không tải	*6,600 v/p*
Kích thước	*473x250x140 mm*
Trọng lượng	*5.8 - 8.09 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

204

Chức năng chống khởi động lại

GA9020R01: Tay cầm chống rung

Khóa lục giác, tay cầm (Máy không kèm đá mài).

Máy Mài Góc/ *Angle Grinder*

GA9030/GA9030R 230mm

Động cơ khỏe với độ bền vượt trội.

Công suất	*2,400 W*
Đường kính đá mài	*230 mm*
Tốc độ không tải	*6,600 v/p*
Kích thước	*503x250x140 mm*
Trọng lượng	*GA9030: 6.26 - 8.55 kg*
	GA9030R: 6.36 - 8.65 kg
Dây dẫn điện	*2.5 m*

204 *GA9030R*

Chức năng chống khởi động lại

Khóa lục giác, tay cầm (Máy không kèm đá mài).

MÁY MÀI GÓC HIỆU SUẤT CAO

Vỏ động cơ làm từ vật liệu cứng

Tuổi thọ rôto được cải thiện đáng kể

Hộp chổi than thiết kế mới

Lò xo thay đổi từ dạng cơ bản sang dạng xoắn ốc mà không làm mất đi hình dạng nhỏ gọn, đồng thời vẫn kéo dài được tuổi thọ cho chổi than

Nắp bảo vệ công tắc và tấm cao su mềm

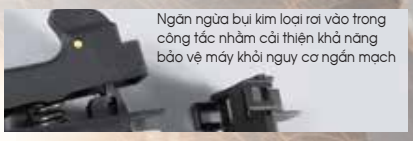

Ngăn ngừa bụi kim loại rơi vào trong công tắc nhằm cải thiện khả năng bảo vệ máy khỏi nguy cơ ngắn mạch

180mm
GA7060
GA7061R

230mm
GA9060
GA9061R

Công suất
2,200W

Tay cầm chống rung với công nghệ AVT
Mã số: 194290-6

Chụp bảo vệ hút bụi
Mã số: 194044-1

SJS II SUPER JOINT SYSTEM
GA7061R, GA9061R

Bảng so sánh máy mài góc

Máy			Công suất	Loại công tắc	Chức năng chống khởi động lại	SJS	SJS II	Nhiều tốc độ	Ổn định tốc độ	Khởi động êm
100mm	125mm	150mm								
GA4040C			1,400	Trượt	•		•	•	•	•
	9565CVR		1,400	Trượt	•	•		•	•	•
GA4040			1,400	Trượt			•			
	9565PZ		1,100	Bóp		•				
	GA5010/GA5020	GA6010/GA6020	1,050	Bóp		•/-				
	9015B		1,050	Bóp						
9556HN	9558HN		840	Trượt						
9556HP			840	Bóp						
9556HB			840	Đuôi						
GA4031/GA4032			720	Đuôi						
GA4030R	GA5030R		720	Trượt	•					•
GA4030			720	Trượt						
GA4034			720	Bóp						
9553B	9553B		710	Đuôi						
9553NB			710	Trượt						
9500NB/N9500N			710	Đuôi						

Máy		Công suất	Loại công tắc	Chức năng chống khởi động lại	SJS2	Cơ cấu giới hạn lực mô-men xoắn	Khởi động êm
180mm	230mm						
GA7030R	GA9030R	2,400	Bóp	•		•	•
GA7030	GA9030	2,400	Bóp			•	•
GA7061R	GA9061R	2,200	Bóp	•	•		•
GA7060	GA9060	2,000	Bóp				
GA7020R	GA9020R	2,000	Bóp	•			•
GA7050	GA9050	2,000	Bóp				
9067	9069	2,000	Bóp				

Máy đa năng

Máy đa năng DTM51/TM30D/TM3000C/TM3010C

Hệ thống khóa kiểu cần gạt cho phép tháo lắp phụ kiện nhanh chóng.

Thay thế phụ kiện không cần dụng cụ
(DTM51, TM3010C)

OIS — Phù hợp với tất cả các phụ kiện OIS (Hệ thống lưỡi rung)

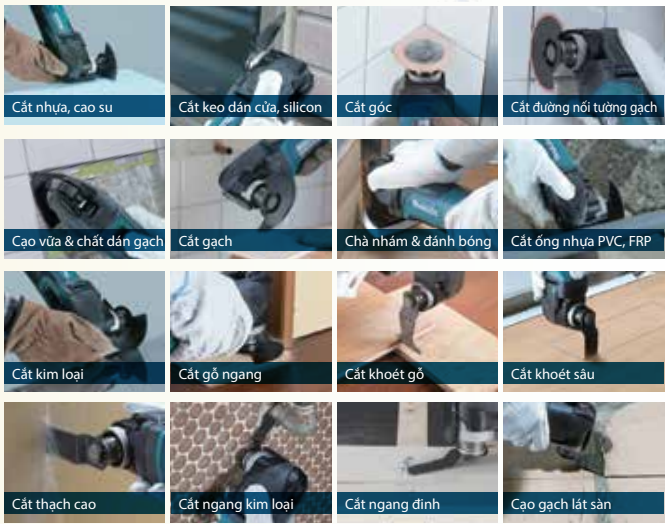

Thiết lập nhiều góc độ

Cài đặt đa góc 360˚ cho phép định vị 12 góc cài đặt khác nhau (mỗi góc 30˚) để có thể thực hiện nhiều ứng dụng khác nhau, đặc biệt tối ưu ở những không gian chật hẹp

Tay cầm linh hoạt

- Tay cầm thiết kế thoải mái đáp ứng nhiều ứng dụng khác nhau với các phụ kiện khác nhau
- Công tắc trượt Tắt/Mở ở vị trí thuận tiện, giúp điều khiển dễ dàng hơn

Máy Đa Năng Dùng Pin/ *Multi Tool* — 18V

DTM51RFE10

10,500,000 VND

Cơ chế thay lưỡi không cần dụng cụ.

Dao động	*6,000 - 20,000*
Dao động góc	*Trái / Phải / Tổng:1.6˚/ 1.6 ˚/ 3.2˚*
Kích thước	*340x80x122 mm*
Trọng lượng	*2.0 - 2.4 kg*

Phụ kiện máy DTM51RFE10

Lưỡi cắt — Đế chà nhám — Bộ giấy chà nhám (6 cái)

Tr. 42

DTM51RFE10: Sạc nhanh, 2 pin 3.0Ah

Lưỡi cắt, bộ 6 giấy chà nhám (2 cái/ loại - cỡ hạt: 60, 120, 240), đế chà nhám.

Máy Đa Năng Dùng Pin/ *Multi Tool* — 12Vmax

TM30DSYE/TM30DSYEX4/TM30DZ

5,140,000 VND / 5,550,000 VND / 2,960,000 VND

Phụ kiện đa dạng đáp ứng được nhiều chức năng khác nhau.

Dao động	*6,000 - 20,000 l/p*
Dao động góc	*Trái / Phải / Tổng:1.6˚ / 1.6˚ / 3.2˚*
Kích thước	*277x65x98 mm*
Trọng lượng	*1.1 - 1.3 kg*

Phụ kiện máy TM30DSYEX4

Lưỡi cắt — Đế chà nhám — Bộ giấy chà nhám (6 cái)

CXT

Tr. 71

TM30DSYE: Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
TM30DSYEX4: Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
TM30DZ: Không kèm pin, sạc

Chỉ TM30DSYEX4 : Lưỡi cắt, bộ 6 giấy chà nhám(2 cái/ loại - cỡ hạt: 60, 120, 240), đế chà nhám.

Máy Đa Năng/ *Multi Tool*

TM3010CX14

Cơ chế thay lưỡi không cần dụng cụ.

Công suất	*320 W*
Nhịp rung	*6,000 - 20,000 l/p*
Kích thước	*283x68x87 mm*
Trọng lượng	*1.6 - 1.7 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

Phụ kiện máy TM3010CX14

Lưỡi cắt — Đế chà nhám — Bộ giấy chà nhám (6 cái)

459

Lưỡi cắt, bộ 6 giấy chà nhám (2 cái/ loại - cỡ hạt: 60, 120, 240), đế chà nhám.

Máy Đa Năng/ *Multi Tool*

TM3000C

Phụ kiện đa dạng đáp ứng được các chức năng khác nhau.

Công suất	*320 W*
Nhịp rung	*6,000 - 20,000 l/p*
Kích thước	*275x64x92 mm*
Trọng lượng	*1.4 kg*
Dây dẫn điện	*5.0 m*

459

Khóa lục giác (Bộ phụ kiện bán riêng).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Phụ kiện máy đa năng
(tùy chọn)

Phù hợp với tất cả phụ kiện OIS (Hệ thống lưỡi rung)

OIS

Kích thước: W= Dài (mm), L= Rộng (mm)

Mã số	Hình	Ứng dụng/ Khuyến cáo sử dụng	Đường kính (mm)	Vật liệu của lưỡi
Cưa		**Lưỡi cưa tròn và phân đoạn**		
B-21272		Kim loại màu, FRP, PVC Phù hợp cắt góc	85	BiM-TiN
B-21288		Kim loại màu, FRP, PVC	65	BiM-TiN
B-21294		Kim loại màu, FRP, PVC	85	BiM-TiN
B-21303		Kim loại màu, FRP, PVC	65	BiM-TiN
B-21319		Gỗ, kim loại Phù hợp cắt sâu	100	Bi-Metal
B-21325		Gỗ, kim loại Phù hợp cắt ngang	85	Bi-Metal
B-21331		Gỗ Phù hợp cắt ngang	85	HCS
Lưỡi cắt rung				
B-21347		Gỗ và đinh Phù hợp cho cắt khoét		
B-21353		Gỗ và đinh Phù hợp cho cắt khoét sâu trong gỗ		
B-21369		Gỗ cứng		
B-21381		Gỗ		
B-21397		Gỗ		
B-21406		Gỗ		
B-21412		Phù hợp cho cắt ngang đinh, ống đồng		
B-21428		Phù hợp cho cắt ngang đinh, ống đồng		
B-21434		Phù hợp cho cắt ngang đinh, và tấm thạch cao		

Lưỡi cắt sâu

Mã số	Hình ảnh	Loại	Kích thước (mm)
B-39213		Thanh HM, kim loại	32 x 40
B-39229		Thanh HM, kim loại	20 x 30
B-39235		Thanh HCS, gỗ	32 x 40
B-39241		BiM, gỗ cứng	32 x 40
B-39257		BiM, gỗ và kim loại	32 x 50

Lưỡi cắt sâu HM20

Mã số		Loại	Kích thước (mm)
B-34811		Hạt HM 50	

Lưỡi cưa phân đoạn RIFF

Mã số	Hình	Ứng dụng/ Khuyến cáo sử dụng	Kích thước (W x L)	Vật liệu của lưỡi
B-21490		Cắt đường nối trên tường gạch	85	Đá HM #30
B-21509		Cắt đường nối trên tường gạch Dùng cho đường nối mỏng hơn 1.6mm	65	Đá HM #50
B-21521		Cắt đường nối trên tường gạch Dùng cắt gạch tường mềm và FRP	85	Đá kim cương #40
Lóc		**Lưỡi lóc**		
B-21440		Cạo vữa hay chất dán gạch	52.26	HCS
B-21456		Lóc thảm mềm hay chỗ nối silicon	52 X 45	HCS
Cắt		**Lưỡi cắt**		
B-21462		Nhựa, cao su Phù hợp cho vật liệu cách nhiệt	100 (mm)	BiM
B-21478		Cắt keo cửa sổ hay silicon	28 x 50	HCS
Đế nhám				
B-46202		Cạo vữa hay chất dán gạch	94	Gai và xù

Bộ lưỡi đa năng

Mã số	Hình ảnh	Ứng dụng
B-30586		Lưỡi cưa 20 TMA016 Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA023 Đế chà nhám 78 TMA025
B-30592		Lưỡi cưa 20 TMA016 Lưỡi cắt 52 cứng TMA018 Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA023 Đế chà nhám 78 TMA025
B-30601		Lưỡi cưa phân đoạn 100 TMA005 Lưỡi cưa phân đoạn 85TMA006 Lưỡi lóc 52 mềm TMA019
B-30617		Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA006 Lưỡi cưa 65 TMA008 Lưỡi cưa 32 TMA012 Lưỡi lóc 52 mềm TMA019
B-30639		Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA006 Lưỡi cưa 28 TMA009 Lưỡi cưa 32 TMA010 Đế nhám x 2 cái
B-30623		Lưỡi cưa 28 TMA009 Lưỡi cưa 32 TMA010 Lưỡi cưa 20 TMA016 Lưỡi cưa phân đoạn 85 TMA006

Chà nhám — **Lưỡi chà RIFF**

Mã số	Hình	Ứng dụng/ Khuyến cáo sử dụng	Kích thước (W x L)	Vật liệu của lưỡi
B-21484		Cạo vữa hay chất kết dính Cắt các đường nối trên gạch sàn	70	Đá HM #40
Đế chà nhám RIFF				
B-21515		Cạo vữa hay chất dán gạch	78	Đá HM #30

Đế đánh bóng
Phù hợp cho việc đánh bề mặt xước và dơ.

Mã số	Độ cứng	Cái/hộp	Kích cỡ (mm)
B-21820	cao	1	93

Giấy chà gỗ / Độ bền cao
Phù hợp cho chà nhám gỗ, gỗ cứng, ván, ván cốt pha và kim loại.

Mã số	Hạt	Cái/hộp	Kích cỡ (mm)
B-21565	60	10	93
B-21571	80	10	93
B-21587	100	10	93
B-21593	120	10	93
B-21602	180	10	93
B-22931	240	10	93
B-21559	60,80,100,120,180	10 (2cái/loại)	93

Giấy chà gỗ
Phù hợp cho chà nhám gỗ và vật liệu làm bằng gỗ.

B-21624	60	10	93
B-21630	80	10	93
B-22947	100	10	93
B-21646	120	10	93
B-22953	150	10	93
B-21652	180	10	93
B-21668	240	10	93
B-21618	60,80,120,180,240	10 (2cái/loại)	93

Giấy chà sơn
Phù hợp cho chà nhám sơn, vec-ni, lớp hồ tô ở ngoài.

B-21680	60	10	93
B-21696	80	10	93
B-21705	100	10	93
B-22969	120	10	93
B-21711	240	10	93
B-21727	320	10	93
B-21674	60,80,100,240,320	10 (2cái/loại)	93

Giấy chà đá
Phù hợp cho việc chà nhám thô đến bóng của vật liệu cứng như đá và kính.

B-21749	120	10	93
B-21755	240	10	93
B-21761	400	10	93
B-21777	600	10	93
B-21783	1200	10	93
B-21733	120,240,400,600,1200	10 (2cái/loại)	93

Đế lông thú
Phù hợp cho việc đánh gỉ sắt và bụi gỗ.

B-21799	100	1	93
B-21808	280	1	93
B-21814	không hạt	1	93

Máy mài, máy chà nhám

Máy Mài Khuôn/ *Die Grinder*

GD0603 6mm

Máy mài khuôn thiết kế thẩm mỹ và dễ sử dụng.

Công suất	240 W
Khả năng	Chấu bóp: 6 mm
Đường kính mũi mài	19 mm
Tốc độ không tải	28,000 v/p
Kích thước	289x64x67 mm
Trọng lượng	0.98 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

64

Bộ mũi mài, cờ lê 10 (2 cái).

Máy Mài Khuôn/ *Die Grinder*

906H 6mm

Tùy theo yêu cầu công việc, có thể được sử dụng với nhiều loại đá mài.

Công suất	290 W
Khả năng	Chấu bóp: 3,6 mm
Tốc độ không tải	25,000 v/p
Tổng chiều dài	355 mm
Trọng lượng	1.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

65

Mũi mài kèm trục 19-60 (loại phẳng/ hình nón) mỗi loại 1 chiếc, cờ lê 10 và 17 mỗi loại 1 chiếc, mũi mài.

Máy Mài Khuôn/ *Die Grinder*

GD0600 6mm

Lớp cao su chống trượt nên cầm nắm dễ dàng.

Công suất	400 W
Khả năng	Chấu bóp: 3,6 mm
Đường kính mũi mài	38 mm
Tốc độ không tải	25,000 v/p
Kích thước	358x82x82 mm
Trọng lượng	1.71 - 1.87 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Cờ lê (máy không kèm mũi mài).

Máy Mài Khuôn/ *Die Grinder*

GD0601 6mm

Lớp cao su chống trượt nên cầm nắm dễ dàng.

Công suất	400 W
Khả năng	Chấu bóp: 3,6 mm
Đường kính mũi mài	38 mm
Tốc độ không tải	25,000 v/p
Kích thước	359x82x82 mm
Trọng lượng	1.68 - 1.84 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Cờ lê (máy không kèm mũi mài).

Máy Mài Khuôn/ *Die Grinder*

GD0602 6mm

Thân máy nhỏ gọn với đầu mũi ngắn.

Công suất	400 W
Khả năng	Chấu bóp: 3, 6, 8 mm
Đường kính mũi mài	38 mm
Tốc độ không tải	25,000 v/p
Kích thước	264x82x82 mm
Trọng lượng	1.41 - 1.57 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

325

Cờ lê (máy không kèm mũi mài).

Máy Mài Khuôn/ *Die Grinder*

GD0800C 6mm

Tay cầm (bán riêng) có thể được gắn vào.

Công suất	750 W
Khả năng	Chấu bóp: 3, 6, 8 mm
Đường kính mũi mài	25 mm
Tốc độ không tải	7,000 - 28,000 v/p
Kích thước	371x75x75 mm
Trọng lượng	1.88 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

318

SUPER JOINT SYSTEM SJS

Cờ lê (máy không kèm mũi mài).

Máy Mài Khuôn/ *Die Grinder*

GD0801C 6mm

Công tắc kiểu mái chèo dễ bật/tắt.

Công suất	750 W
Khả năng	Chấu bóp: 3, 6, 8 mm
Đường kính mũi mài	25 mm
Tốc độ không tải	7,000 - 29,000 v/p
Kích thước	390x75x88 mm
Trọng lượng	1.96 - 1.97 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

318

SUPER JOINT SYSTEM SJS

Cờ lê (2cái), (máy không kèm mũi mài).

Máy Mài Khuôn/ *Die Grinder*

GD0810C 6mm

Máy mài tốc độ cao với chấu bóp 8mm.

Công suất	750 W
Khả năng	Chấu bóp: 3, 6, 8 mm
Đường kính mũi mài	50 mm
Tốc độ không tải	1,800 - 7,000 v/p
Tổng chiều dài	371 mm
Trọng lượng	1.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

318

SUPER JOINT SYSTEM SJS

Cờ lê (2 cái), (máy không kèm mũi mài).

Máy mài, máy chà nhám

Máy Mài Thẳng/ *Straight Grinder*

GS5000 125mm

Máy mài thẳng cách điện kép 125mm.

Công suất	750 W
Đường kính đá mài	125 mm
Đường kính lỗ	12.7mm, 20 mm
Tốc độ không tải	5,600 v/p
Kích thước	590x189x116 mm
Trọng lượng	5.0 - 5.2 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

204

Cờ lê, khoá lục giác (Máy không kèm đá mài).

Máy Bào Bê Tông/ *Concrete Planer*

PC5000C 125mm

Công suất	1,400 W
Đường kính lưỡi cắt	125 mm
Đường kính lỗ	22.23 mm
Tốc độ không tải	10,000 v/p
Kích thước	437x235x195 mm
Trọng lượng	4.0 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

253

Lưỡi hợp kim, cờ lê lục giác, cần mở ốc, túi đựng bụi, bộ bàn chải.

Máy Bào Bê Tông/ *Concrete Planer*

PC5010C 125mm

Công suất	1,400 W
Đường kính lưỡi cắt	125 mm
Đường kính lỗ	22.23 mm
Tốc độ không tải	4,000 - 9,000 v/p
Kích thước	350x231x179 mm
Trọng lượng	2.5 - 3.6 kg
Dây dẫn điện	4.0 m

Vui lòng liên hệ phòng dịch vụ để biết thêm chi tiết.

Máy Mài 2 Đá/ *Bench Grinder*

GB602 150mm

Vận hành êm, độ cân bằng tốt.

Công suất	250 W
Đường kính đá cắt	150 mm
Độ rộng lưỡi cắt	16 mm
Đường kính lỗ	12.7 mm
Tốc độ không tải	2,850 / 3,450 v/p
Kích thước	375x205x286 mm
Trọng lượng	9.31 - 9.08 kg

Tấm che mắt, kính bảo hộ.

Máy Mài 2 Đá/ *Bench Grinder*

GB801 205mm

Vận hành êm, độ cân bằng tốt.

Công suất	550 W
Đường kính lưỡi cắt	205 mm
Độ rộng lưỡi cắt	19 mm
Đường kính lỗ	15.88 mm
Tốc độ không tải	2,850 / 3,450 v/p
Kích thước	395x265x333 mm
Trọng lượng	20.5 kg

Tấm che mắt, kính bảo hộ.

Máy Chà Nhám Đĩa/ *Disc Sander*

GV6010 150mm

Mô tơ mạnh.

Công suất	440 W
Đường kính đĩa nhám	150 mm
Khả năng	Giấy nhám: 120 mm
Tốc độ không tải	4,500 v/p
Kích thước	200x74x181 mm
Trọng lượng	1.2 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

64

Đĩa chà nhám, tấm đệm nhựa, tay cầm, vít lục giác, vòng đệm, ốc đầu.

Máy Chà Nhám Đĩa/ *Disc Sander*

GV7000 180mm

Nút khóa để sử dụng liên tục.

Công suất	550 W
Đường kính đĩa nhám	180 mm
Khả năng	Giấy nhám: 180 mm
Tốc độ không tải	4,700 v/p
Tổng chiều dài	210 mm
Trọng lượng	2.1 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Đĩa chà nhám, đệm cao su, khóa lục giác, cờ lê, tay cầm.

Máy Chà Nhám Đĩa/ *Disc Sander*

GV7000C 180mm

Nút khóa để sử dụng liên tục.

Công suất	900 W
Đường kính đĩa nhám	180 mm
Khả năng	Giấy nhám: 180 mm
Tốc độ không tải	2,500 - 4,700 v/p
Tổng chiều dài	210 mm
Trọng lượng	2.1 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Đĩa chà nhám, đệm cao su, khóa lục giác, cờ lê, tay cầm.

Máy mài, máy chà nhám

Máy Đánh Bóng Quỹ Đạo/ *Random Orbit Polisher*

PO5000C 125mm

Máy đánh bóng quỹ đạo 125mm với công suất 900W.

Công suất	*900 W*
Kích thước đế nhám	*125 mm*
Quỹ đạo/phút	*0 - 6,800 v/p*
Tốc độ đập	*0 - 13,600 l/p*
Đường kính quỹ đạo	*5.5 mm*
Tốc độ không tải	*0 - 780 v/p*
Kích thước	*451x123x134 mm*
Trọng lượng	*2.8 - 3.0 kg*
Dây dẫn điện	*4.0 m*

318

Khóa lục giác.

Một thiết bị đa năng cho các công đoạn đánh bóng

Từ loại bỏ vết trầy xước đến làm đẹp bề mặt

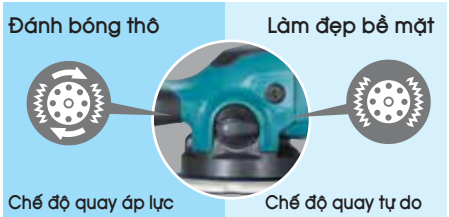

Chế độ quay áp lực

Quay quỹ đạo dưới áp lực quay của tấm đế cho đánh bóng thô, chẳng hạn như loại bỏ vết trầy xước

Chế độ quay tự do

Quay quỹ đạo dưới vòng quay tự do của tấm đế giúp làm đẹp bề mặt

Phụ kiện

Tấm đế
(dạng gai và xù)

Kích thước	Mã số
125mm	197922-4

Đế bọt biển
(dạng gai và xù)
(phủ lớp sáp)

Kích thước	Mã số
125mm	794558-6

Đệm lông cừu
(dạng gai và xù)
(cho độ bóng cao)

Kích thước	Mã số
125mm	197920-8

Đế nỉ
(dạng gai và xù)
(phủ lớp sáp)

Kích thước	Mã số
125mm	196152-4

Đế bọt biển
(dạng phẳng và dạng sóng)

Kích thước : 125mm

Dạng	Ứng dụng	Mã số
Phẳng	Thô (Cam)	D-62511
	Thường (Xanh)	D-62549
	Mịn (Đen)	D-62577
Sóng	Thô (Cam)	D-62608
	Thường (Xanh)	D-62636
	Mịn (Đen)	D-62664

Khả năng điều chỉnh tùy theo ứng dụng

Tay cầm trước + Tay cầm chính

Tay cầm bên + Tay cầm chính

Đánh bóng bề mặt xe hơi mà không lo trầy xước

Máy có tấm đệm lót đàn hồi

Có thể để thân máy nằm ngửa lên mà không làm hư bề mặt xe hơi nhờ tấm đệm lót đàn hồi

Dây nguồn

Nắp đậy lỗ thông hơi bằng cao su, có thể tháo rời ngăn các sợi len rớt vào trong máy

Máy Đánh Bóng/ *Polisher*

PV7001C 180mm

Tốc độ điện tử ổn định.

Công suất	*900 W*
Đường kính đĩa nhám	*180 mm*
Khả năng	*Tấm đệm: 180 mm*
Tốc độ không tải	*600 - 2,000 v/p*
Tổng chiều dài	*210 mm*
Trọng lượng	*2.1 - 2.2 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

303

Đệm, cờ lê, tay cầm, khóa lục giác, tấm đệm.

Máy Đánh Bóng/ *Polisher*

9237C 180mm

Tay cầm vòng bọc cao su mềm.

Công suất	*1,200 W*
Đường kính đế	*180 mm*
Tốc độ không tải	*0 - 3,200 v/p*
Kích thước	*431x198x187 mm*
Trọng lượng	*3.2 - 3.4 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

Tay cầm phụ, khóa lục giác, bộ phụ kiện.

Phụ kiện dùng chung cho máy đánh bóng PV7001C và 9237C

Đệm lông cừu (180mm)

Mã số	192629-7

Đế lông cừu dạng chụp (180mm)

Mã số	794176-0

Đế lông cừu 2 mặt (230mm)

Mã số	D-57146

Dùng cho hoàn thiện đánh bóng

Đầu nối cho đế lông cừu 2 mặt (loại 230mm)

Kích thước chuôi	Mã số
M14	D-56960

Đế bọt biển (190mm)
(Dạng gai và xù)

Mã số	193470-1

Tấm đỡ
(Dạng gai và xù)
Sử dụng với đệm lông cừu và măng sông 18 hoặc đế bọt biển)

Vòng xuyên	Mã số
M14 x 2 (DIN)	743053-3
M16	743054-1

Máy mài, máy chà nhám

Máy Chà Nhám Đánh Bóng/ *Sander-Polisher*

9207SPB 180mm

2 tốc độ (2,000 vòng/phút & 3,800 vòng/phút) để sử dụng cho chà nhám và đánh bóng.

Công suất	700 W
Đường kính đế	180 mm
Tốc độ không tải	2,000 / 3,800 v/p
Tổng chiều dài	455 mm
Trọng lượng	3.1 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

100

Đĩa chà nhám, đệm cao su, mũ dạ, khóa lục giác, cờ lê, tay cầm.

Máy Chà Nhám Băng/ *Belt Sander*

9032 9mmx533mm

Chà nhám sâu tối đa 110mm.

Công suất	500 W
Kích thước băng nhám	9 x 533 mm
Tốc độ băng nhám	300 - 1,700 m/phút
Chà nhám sâu tối đa	110 mm
Tổng chiều dài	420 mm
Trọng lượng	1.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

411

Tấm che mắt, kính bảo hộ.

Máy Chà Nhám Băng/ *Belt Sander*

9910 76mmx457mm

Nhỏ gọn và cân bằng tốt để thao tác máy dễ dàng.

Công suất	650 W
Kích cỡ dây cua roa	76 x 457 mm
Tốc độ dây cua roa	270 m/phút
Tổng chiều dài	262 mm
Trọng lượng	2.7 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

411

Giấy nhám cuộn, túi chứa bụi.

Máy Chà Nhám Băng/ *Belt Sander*

9924DB 76mm x 610mm

Dễ dàng điều chỉnh để thay đổi giấy nhám.

Công suất	850 W
Kích cỡ dây cua roa	76 x 610, 620 mm
Tốc độ dây cua roa	400 m/phút
Tổng chiều dài	355 mm
Trọng lượng	4.8 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

100

Giấy nhám cuộn, tấm đệm các-bon, túi chứa bụi.

Máy Chà Nhám Băng/ *Belt Sander*

9403 100mm x 610mm

Mô tơ công suất cao nên hiệu quả sử dụng cao.

Công suất	1,200 W
Kích cỡ dây cua roa	100 x 610 mm
Tốc độ dây cua roa	500 m/phút
Tổng chiều dài	353 mm
Trọng lượng	5.7 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

303

Giấy nhám cuộn, túi chứa bụi.

Máy Chà Nhám/ *Wheel Sander*

9741 100x120mm

Giải pháp chà nhám nhanh cho nhiều loại vật liệu.

Công suất	860 W
Đường kính chổi nhám	100 x 120 mm
Tốc độ không tải	3,500 v/p
Kích thước	310 mm
Trọng lượng	4.2 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

100

Khóa lục giác, bộ nối dùng cho máy hút bụi Makita (Máy không kèm chổi đánh ni-lông).

Máy Chà Nhám Quỹ Đạo/ *Random Orbit Sander*

BO5041 125mm

Công suất và độ bền cao.

Công suất	300 W
Đường kính đế nhám	123 mm
Đường kính giấy nhám	125 mm
Vòng quay	4,000 - 12,000 v/p
Kích thước	218x123x153 mm
Trọng lượng	1.4 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

64

Giấy chà nhám (hạt 120), túi chứa bụi, tay cầm.

Tay cầm thoải mái, hiệu quả công việc cao

Tay cầm phía trước có thể xoay 300°

Công suất 300W

Phụ kiện

Đệm lông cừu (140mm)

Mã số 794560-9

Đế nỉ (125mm)
(Loại gai và xù)
Dùng loại bỏ sáp

Mã số 196152-4

Đế bọt biển (125mm)
(Dạng gai và xù)

Mã số 794558-6

Đế cao su (123mm)
Dùng với giấy nhám đã đục lỗ

Mã số 743081-8

ĐỘNG CƠ NÂNG CẤP MẠNH MẼ ĐÁP ỨNG CÁC CÔNG VIỆC NẶNG

Máy mài, máy chà nhám

Máy Chà Nhám Quỹ Đạo/ *Random Orbit Sander*

BO6030 150mm

Hiệu quả công việc cao.

Công suất	*310 W*
Đường kính đế nhám	*150 mm*
Đường kính giấy nhám	*150 mm*
Vòng quay	*4,000 - 10,000 v/p*
Tổng chiều dài	*309 mm*
Đường kính quỹ đạo	*3.0 mm*
Trọng lượng	*2.4 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

419

Đế nhám, khóa lục giác, túi chứa bụi.

Phụ kiện máy chà nhám quỹ đạo BO6030

Đệm lông cừu (150mm)

Mã số	794619-2

Đế nỉ (150mm)
(Loại gai và xù)
Dùng loại bỏ sáp

Mã số	193288-0

Đế cao su (150mm)
Dùng với giấy nhám đã đục lỗ

Mã số	A-87812

Đế bọt biển (150mm)
(Dạng gai và xù)

Mã số	197914-3

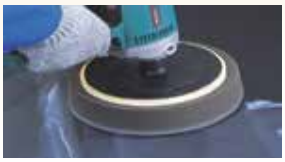

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

BO4540

Trọng lượng nhẹ giúp giảm thiểu mỏi và đau tay khi làm việc.

Công suất	*160 W*
Kích thước đế nhám	*110 x 100 mm*
Kích thước giấy nhám	*114 x 140 mm*
Vòng quay	*14,000 v/p*
Tổng chiều dài	*115 mm*
Trọng lượng	*0.92 kg*
Dây dẫn điện	*2.0 m*

64

Giấy nhám.

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

BO4510H

Tay cầm dễ điều khiển, giảm mỏi và đau tay.

Công suất	*170 W*
Kích thước đế nhám	*110 x 100 mm*
Kích thước giấy nhám	*114 x 140 mm*
Vòng quay	*12,000 v/p*
Kích thước	*116x110x129 mm*
Trọng lượng	*1.1 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

Giấy nhám (6 tấm).

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

BO4557

Cầm nắm dễ dàng từ nhiều góc độ khác nhau.

Công suất	*180 W*
Kích thước đế nhám	*112 x 102 mm*
Kích thước giấy nhám	*114 x 140 mm*
Vòng quay	*14,000 v/p*
Kích thước	*131x112x137 mm*
Trọng lượng	*1.0 kg*
Dây dẫn điện	*2.0 m*

419

Giấy nhám, túi chứa bụi, tấm đục lỗ.

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

BO4558

Mô tơ mạnh, độ rung thấp, độ ồn thấp.

Công suất	*200 W*
Kích thước đế nhám	*112 x 102 mm*
Kích thước giấy nhám	*114 x 140 mm*
Vòng quay	*14,000 v/p*
Kích thước	*131x112x141 mm*
Trọng lượng	*1.2 kg*
Dây dẫn điện	*2.0 m*

419

Giấy nhám, túi chứa bụi, tấm đục lỗ.

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

BO4556

Mô tơ mạnh, độ rung thấp, độ ồn thấp.

Công suất	*200 W*
Kích thước đế nhám	*112 x 102 mm*
Kích thước giấy nhám	*114 x 140 mm*
Vòng quay	*14,000 v/p*
Kích thước	*131x112x141 mm*
Trọng lượng	*1.1 kg*
Dây dẫn điện	*2.0 m*

419

Giấy nhám, túi chứa bụi, tấm đục lỗ.

Máy mài, máy chà nhám

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

BO4555

Công suất	200 W
Kích thước đế nhám	112 x 102 mm
Kích thước giấy nhám	114 x 102 mm
Vòng quay	14,000 v/p
Kích thước	131x112x141 mm
Trọng lượng	1.1 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

419

Giấy nhám, túi chứa bụi, tấm đục lỗ.

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

BO4565 122x190mm

Công suất	200 W
Kích thước đế nhám	112 x 190 mm
Kích thước giấy nhám	114 x 102 mm
Thước tam giác	96 mm
Vòng quay	14,000 v/p
Kích thước	219x112x139 mm
Trọng lượng	1.2 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

419

Giấy nhám, túi chứa bụi.

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

BO4566 100x164mm

Công suất	200 W
Kích thước đế nhám	100 x 164 mm
Kích thước giấy nhám	102 x 166 mm
Vòng quay	14,000 v/p
Kích thước	197x100x137 mm
Trọng lượng	1.2 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

419

Túi chứa bụi.

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

9035H

Công suất	180 W
Kích thước đế nhám	93 x 185 mm
Kích thước giấy nhám	93 x 228 mm
Vòng quay	11,000 v/p
Kích thước	236x93x146 mm
Trọng lượng	1.5 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

407

Giấy nhám 6.

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

BO3711

Công suất	190 W
Kích thước đế nhám	93 x 185 mm
Kích thước giấy nhám	93 x 228 mm
Vòng quay	4,000 - 11,000 v/p
Kích thước	253x92x154 mm
Trọng lượng	1.6 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

64

Giấy nhám, tấm đục lỗ, túi chứa bụi.

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

BO3710

Công suất	190 W
Kích thước đế nhám	93 x 185 mm
Kích thước giấy nhám	93 x 228 mm
Tốc độ đập	22,000 l/p
Vòng quay	11,000 v/p
Kích thước	253x92x154 mm
Trọng lượng	1.6 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

64

Giấy nhám, tấm đục lỗ, túi chứa bụi.

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

BO4901

Công suất	330 W
Kích thước đế nhám	115 x 229 mm
Kích thước giấy nhám	115 x 280 mm
Vòng quay	10,000 v/p
Tổng chiều dài	289 mm
Trọng lượng	2.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

419

Giấy nhám.

Máy Chà Nhám Rung/ *Finishing Sander*

9045B 114mm

Công suất	520 W
Kích thước đế nhám	114 x 234 mm
Kích thước giấy nhám	114 x 280 mm
Vòng quay	10,000 v/p
Đường kính quỹ đạo	2.4 mm
Tổng chiều dài	240 mm
Trọng lượng	2.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

100

Giấy nhám.

Máy cưa

MÁY CƯA

Máy Cưa Đa Góc Trượt/ *Slide Compound Miter Saw*

LS0815FL 216mm

Máy cưa đa góc trượt 216mm tiết kiệm chi phí.

Công suất	1,400 W
Khả năng tối đa	90° : 65x305 mm
	45° : 65x215 mm
Đường lính lưỡi	216 mm
Tốc độ không tải	5,000 v/p
Kích thước	755x450x488 mm
Trọng lượng	14.1 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

JM23500117

Lưỡi cưa hợp kim, khóa lục giác, túi chứa bụi, bộ giá đỡ, bộ kẹp, thước tam giác.

Máy Cưa Đa Góc Trượt/ *Slide Compound Saw*

LS1018L 255mm - 260mm

Cắt nghiêng tới 45 độ trái và phải.

Công suất	1,430 W
Khả năng cắt tối đa	90° : 91x305 mm
	45° : 91x215 mm
Đường kính lưỡi	255 - 260 mm
Tốc độ không tải	4,300 v/p
Kích thước	825x536x633 mm
Trọng lượng	20.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

JM23000123

Lưỡi cưa cac-bua, bộ kẹp, tuýp mở ốc, thước tam giác, túi chứa bụi.

Máy Cưa Đa Góc Trượt/ *Slide Compound Miter Saw*

LS1016 260mm

Khả năng cắt lớn.

Công suất	1,510 W
Khả năng cắt tối đa	90° : 91x279 mm
	45° : 91x197 mm
Đường kính lưỡi	255 - 260 mm
Tốc độ không tải	3,200 v/p
Kích thước	718x640x671 mm
Trọng lượng	24.1 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

153

Bộ kẹp, tuýp mở ốc, thước tam giác, túi chứa bụi.

Máy Cưa Đa Góc Trượt/ *Slide Compound Miter Saw*

LS1019L 260mm

Công suất	1.510 W
Khả năng cắt tối đa	Vát 90°: 91 x 279 mm
	Vát 90° : 68 x 310 mm
	Vát 45° trái, phải: 91 x 197 mm
	Vát 45° trái, phải: 68 x 218 mm
Đường kính lưỡi	260 mm
Tốc độ không tải	3,200 v/p
Kích thước	805x644x660 mm
Trọng lượng	26.3 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

153

Tuýp mở ốc, thước tam giác, túi chứa bụi, ống thu bụi.

Máy Cưa Đa Góc/ *Miter Saw*

LS1030N 260mm

Hoạt động êm.

Công suất	1,650 W
Khả năng cắt tối đa	90° : 90.5x95 mm
	45° : 90.5x67 mm
Đường kính lưỡi	260 mm
Tốc độ không tải	4,600 v/p
Kích thước	530x476x532 mm
Trọng lượng	12.1 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

153

Tuýp mở ốc, túi chứa bụi, thước tam giác (máy không kèm lưỡi cưa).

Máy Cưa Đa Góc/ *Compound Miter Saw*

LS1040 260mm

Cắt nghiêng tới 45 độ trái.

Công suất	1,650 W
Khả năng cắt tối đa	90° : 90.5x95 mm
	45° : 90.5x67 mm
Đường kính lưỡi	260 mm
Tốc độ không tải	4,600 v/p
Kích thước	530x476x532 mm
Trọng lượng	12.4 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

153

Tuýp mở ốc, túi chứa bụi, bộ giữ 2, bộ kẹp, thước tam giác (máy không kèm lưỡi cưa).

Máy Cưa Đa Góc Trượt/ *Slide Compound Miter Saw*

LS1216 305mm

Khả năng cắt mạnh mẽ.

Công suất	1,650 W
Khả năng cắt tối đa	90° : 107x363 mm
	45° : 107x255 mm
Đường kính lưỡi	305 mm
Tốc độ không tải	3,200 v/p
Kích thước	721x640x806 mm
Trọng lượng	26.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

153

Bộ kẹp, tuýp mở ốc, thước tam giác, túi chứa bụi.

Máy cưa

Máy Cưa Đa Góc Trượt/*Slide Compound Miter Saw*

LS1219L 305mm

Công suất	*1,800 W*
Khả năng cắt tối đa	*90°: 107 x 363 mm*
	45°: 107 x 255 mm
Đường kính lưỡi	*305 mm*
Tốc độ không tải	*3,200 v/p*
Kích thước	*898x664x725 mm*
Trọng lượng	*29.5 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

153

Lưỡi cưa, túi chứa bụi, ống thu bụi, thước tam giác, núm điều chỉnh.

Máy cưa đa góc trượt LS1019L(260mm) & LS1219L(305mm)

Thiết kế đường ray chuyển tiếp cho phép tối đa hóa không gian làm việc

Máy có thể đặt gần tường do đầu động cơ trượt trên các đường ống cố định mà không cần mở rộng ra mép sau của máy

Máy thường
không đặt gần sát tường

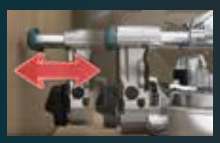

LS1019L
có thể đặt gần sát tường

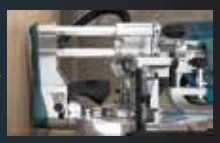

Hệ thống thu bụi hiệu quả

Khi cắt trên bề mặt làm việc có chiều cao thấp, hệ thống thu bụi làm việc hiệu quả hơn máy hiện thời nhờ cổng thu bụi được cải tiến

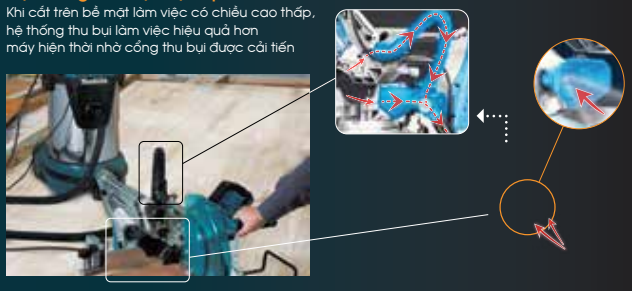

Đường cưa chính xác cao

Đường kính của ống dẫn trượt được thay đổi từ 25mm tới 30mm. Hơn nữa,việc thiết kế lại hình của tay cầm, độ chính xác khi cắt góc nghiêng được tăng lên

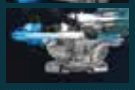

Sự kết hợp giữa lá chắn thanh dẫn và lá chắn thấp cho độ cứng cao hơn so với cấu trúc phân ly

Đế xoay lớn

Giúp bề mặt làm việc vững chắc và ổn định

Dễ dàng mở khóa góc

Khóa góc có thể được mở bằng cách xoay ngược chiều kim đồng hồ trong khi đẩy chốt khóa

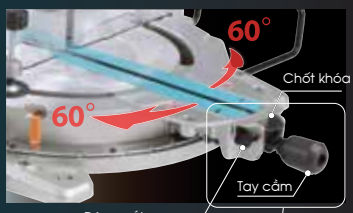

Khi đòn ngắt được gạt xuống
- Đế xoay có thể được di chuyển mà không cần đẩy chốt khóa.
- Hoạt động êm ái, mượt mà hơn do các điểm dừng được giải phóng.
- Cắt vát trái và phải từ 0°-60°, với điểm dừng tại 0°, 15°, 22.5°, 31.6°, 45° và 60° (trái và phải)

Máy Cưa Bàn Đa Góc/*Table Top Miter Saw*

LH1040 260mm

Linh hoạt và di chuyển dễ dàng nhờ trọng lượng nhẹ.

Công suất	*1,650 W*
Khả năng cắt tối đa	*90° : 93x95 mm*
	45° : 53x95 mm
Đường kính lưỡi	*260 mm*
Tốc độ không tải	*4,800 v/p*
Kích thước	*530x476x535 mm*
Trọng lượng	*14.3 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

153

Thanh dẫn hướng, tấm cữ, bảo vệ lưỡi, thanh trượt, cờ lê mở ốc, thước tam giác, thanh phụ, túi chứa bụi.

Máy Cưa Bàn/ *Table Saw*

2704 260mm

Chắc chắn và độ chính xác cao.

Công suất	*1,650 W*
Khả năng cắt tối đa	*90° : 93 mm*
	45° : 64 mm
Đường kính lưỡi	*260 mm*
Tốc độ không tải	*4,800 v/p*
Khả năng cắt nghiêng	*-0.5° - 45.5°*
Kích thước	*665x766x344 mm*
Trọng lượng	*35.6 - 37.3 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

153

Cữ điều chỉnh cắt xiên, gậy đẩy, thanh cữ, lắp bảo vệ, cờ lê (2 cái). (Máy kèm lưỡi hợp kim).

Máy Cưa Bàn/ *Table Saw*

MLT100 260mm

Công suất	*1,500 W*
Khả năng cắt tối đa	*90° : 91 mm*
	45° : 63 mm
Đường kính lưỡi	*260 mm*
Tốc độ không tải	*4,300 v/p*
Kích thước	*726x984x333 mm*
Trọng lượng	*34.1 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

Lưỡi cưa TCT, thanh dẫn hướng, thước vuông góc, cờ lê, thanh trượt.

Máy Cưa Đĩa Cắt Sâu/*Plunge Cut Circular Saw*

SP6000 165mm

Góc cắt nghiêng từ 1 đến 48°.

Công suất	*1,300 W*
Khả năng cắt tối đa	*90° : 56 mm*
	45° : 40 mm
	48° : 38 mm
Đường kính lưỡi	*165 mm*
Tốc độ không tải	*2,000 - 5,800 v/p*
Kích thước	*341x225x250 mm*
Trọng lượng	*4.1 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

303

Lưỡi cưa.

Máy cưa

Máy Cưa Đĩa/ *Circular Saw*

HS6600 165mm

Nhỏ gọn và trọng lượng nhẹ hơn với thiết kế vỏ máy mới.

Công suất	1,050 W
Khả năng cắt tối đa	90° : 54.5 mm
	45° : 37.5 mm
Đường kính lưỡi cắt	165 mm
Tốc độ không tải	5,200 v/p
Kích thước	296x230x243 mm
Trọng lượng	3.5 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Lưỡi cưa hợp kim, khóa lục giác, thước dẫn.

Máy Cưa Đĩa/ *Circular Saw*

HS7600 185mm

Thiết kế đẹp hơn với tay cầm bọc cao su mềm.

Công suất	1,200 W
Khả năng cắt tối đa	90° : 64 mm
	45° : 42 mm
Đường kính lưỡi cắt	185 mm
Tốc độ không tải	5,200 v/p
Kích thước	309x234x255 mm
Trọng lượng	3.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Lưỡi cưa hợp kim, khóa lục giác, thước dẫn.

Máy Cưa Đĩa/ *Circular Saw*

HS7010 185/190 mm

Bền hơn, mạnh mẽ hơn.

Công suất	1,600 W
Đường kính lưỡi cắt	185 / 190 mm
Khả năng cắt tối đa	90°: 65 / 67 mm
	45°: 44 / 45 mm
Tốc độ không tải	5,500 v/p
Kích thước	300x240x261 mm
Trọng lượng	4.0 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

Lưỡi cưa hợp kim, khóa lục giác, thước dẫn.

Máy Cưa Đĩa/ *Circular Saw*

5806B 185mm

Mô tơ mạnh hoạt động êm ngay cả khi cắt vật cứng.

Công suất	1,050 W
Khả năng cắt tối đa	90° : 66 mm
	45° : 44 mm
Đường kính lưỡi	185 mm
Tốc độ không tải	5,200 v/p
Tổng chiều dài	282 mm
Trọng lượng	3.5 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Lưỡi cưa hợp kim, khóa lục giác, thước dẫn.

Máy Cưa Đĩa/ *Circular Saw*

N5900B 235mm

Vỏ máy có đáy phẳng nên thay lưỡi dễ dàng.

Công suất	2,000 W
Khả năng cắt tối đa	90° : 85 mm
	45° : 60 mm
	50° : 53 mm
Đường kính lưỡi	235 mm
Tốc độ không tải	4,100 v/p
Tổng chiều dài	380 mm
Trọng lượng	6.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

153

Lưỡi cưa hợp kim 235mm, thước dẫn, cờ lê 13, tay cầm.

Máy Cưa Đĩa/ *Circular Saw*

HS0600 260-270mm

Công suất	2,000 W
Khả năng cắt tối đa	90° : 97/101 mm
	45° : 68/71 mm
	50° : 61/63 mm
Đường kính lưỡi	260 - 270 mm
Tốc độ không tải	4,300 v/p
Kích thước	418x273x324 mm
Trọng lượng	6.9 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

153

Lưỡi cưa, thước dẫn, tay cầm, khóa lục giác.

Tốc độ không tải
4,100 v/p

- *Vỏ máy thiết kế phẳng, giúp tăng tính ổn định khi thay lưỡi*
- *Tương thích với thanh dẫn hướng*

Đế máy thiết kế phù hợp cho việc cài đặt thanh dẫn hướng

Máy cưa

Máy Cưa Đĩa/ *Circular Saw*

5201N 260mm

Lý tưởng cho cắt gỗ có đường kính lớn dễ dàng và chính xác trong 1 lần cắt.

Công suất	1,750 W
Khả năng cắt tối đa	90° : 97 mm
	45° : 64 mm
Đường kính lưỡi	260 mm
Tốc độ không tải	3,700 v/p
Tổng chiều dài	445 mm
Trọng lượng	7.9 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

153

Lưỡi cưa hợp kim, cờ lê, khóa lục giác, thước dẫn, tay cầm.

Máy Cưa Đĩa/ *Circular Saw*

5103N 335mm

Bền bỉ và mạnh mẽ.

Công suất	1,750 W
Khả năng cắt tối đa	90° : 128 mm
	45° : 91 mm
Đường kính lưỡi	335 mm
Tốc độ không tải	2,900 v/p
Tổng chiều dài	505 mm
Trọng lượng	8.9 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

153

Lưỡi cưa hợp kim, cờ lê, tuýp mở ốc, thước dẫn.

Máy Cưa Kiếm/ *Recipro Saw*

JR3050T

Hiệu suất cắt cao nhờ động cơ mạnh.

Công suất	1,010 W
Khả năng	Ống: 130 mm
	Gỗ: 255 mm
Độ xọc	28 mm
Nhịp cắt	0 - 2,800 l/p
Tổng chiều dài	452 mm
Trọng lượng	3.3 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Lưỡi cưa kiếm.

Máy Cưa Kiếm/ *Recipro Saw*

JR3060T

Thân máy vững chắc đáp ứng những công việc nặng.

Công suất	1,250 W
Khả năng	Ống: 130 mm
	Gỗ: 255 mm
Độ xọc	32 mm
Nhịp cắt	0 - 2,800 l/p
Tổng chiều dài	485 mm
Trọng lượng	4.4 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Lưỡi cưa kiếm.

Máy Cưa Kiếm/ *Recipro Saw*

JR3070CT

Thêm công suất và giảm độ rung.

Công suất	1,510 W
Khả năng	Ống: 130 mm
	Gỗ: 255 mm
Độ xọc	32 mm
Nhịp cắt	0 - 2,800 l/p
Tổng chiều dài	485 mm
Trọng lượng	4.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

AVT ANTI VIBRATION TECHNOLOGY

303

Lưỡi cưa kiếm.

Hiệu suất

Hệ thống cân bằng và ly hợp giúp giảm rung động tới 2 lần

Mạnh mẽ

Mạnh mẽ, điều khiển tốc độ bằng điện tử giúp ổn định tốc độ khi tải

Hiệu quả

6 chế độ cài đặt và chế độ cắt quỹ đạo giúp cắt nhanh hơn tới 45%

Bền bỉ

Bộ ly hợp bảo vệ nhông

Máy Cưa Lọng/ *Jig Saw*

4326

Gọn và nhẹ.

Công suất	450 W
Khả năng	Gỗ: 65 mm
	Thép: 6 mm
Độ xọc	18 mm
Nhịp cắt	3,100 l/p
Kích thước	224x77x197 mm
Trọng lượng	1.9 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

64

Lưỡi cưa lọng, khóa lục giác

Máy Cưa Lọng/ *Jig Saw*

4327

Điều chỉnh nhiều tốc độ bằng điện tử.

Công suất	450 W
Khả năng	Gỗ: 65 mm
	Thép: 6 mm
Độ xọc	18 mm
Nhịp cắt	500 - 3,100 l/p
Kích thước	224x77x197 mm
Trọng lượng	1.9 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

64

Lưỡi cưa lọng, khóa lục giác

Máy cưa/Máy bào

Máy Cưa Lọng/ *Jig Saw*

4328

Gọn và nhẹ.

Công suất	*450 W*
Khả năng	*Gỗ: 65 mm*
	Thép: 6 mm
Độ xọc	*18 mm*
Nhịp cắt	*500 - 3,100 l/p*
Kích thước	*217x77x197 mm*
Trọng lượng	*1.8 kg*
Dây dẫn điện	*2.0 m*

64

Lưỡi cưa lọng, khóa lục giác.

Máy Cưa Lọng/ *Jig Saw*

JV0600K

Thân máy chắc chắn, thay lưỡi nhanh.

Công suất	*650 W*
Khả năng	*Gỗ: 90 mm*
	Thép: 10 mm
Độ xọc	*23 mm*
Nhịp cắt	*500 - 3,100 l/p*
Kích thước	*236x77x199 mm*
Trọng lượng	*2.4 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

64

Lưỡi cưa lọng, khóa lục giác.

Máy Cưa Lọng/ *Jig Saw*

4304

Điều chỉnh nhiều tốc độ bằng điện tử.

Công suất	*600 W*
Khả năng	*Gỗ: 135 mm*
	Thép: 10 mm
Độ xọc	*26 mm*
Nhịp cắt	*500 - 3,000 l/p*
Tổng chiều dài	*249 mm*
Trọng lượng	*2.3 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

419

Dùng với lưỡi (B-16L mua thêm) cho phép cắt lên đến độ dày 135mm

Bộ lưỡi cưa lọng, khóa lục giác, tấm đế thép, tấm đế nhựa, dụng cụ chống bong tróc.

Máy Cưa Lọng/ *Jig Saw*

4350CT

Độ rung và độ ồn thấp.

Công suất	*720 W*
Khả năng	*Gỗ: 135 mm*
	Thép: 10 mm
Độ xọc	*26 mm*
Nhịp cắt	*800 - 2,800 l/p*
Kích thước	*236x73x207 mm*
Trọng lượng	*2.7 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

419

Bộ lưỡi cưa lọng, khóa lục giác, tấm bảo vệ.

Máy	Công suất (W)	Khả năng cắt (Gỗ/thép) (mm)	Nhịp cắt (l/p)	Độ xọc (mm)	Nhiều tốc độ	Thay lưỡi không cần dụng cụ
4326	450	65 / 6	500 - 3,100	18	—	—
4327	450	65 / 6	500 - 3,100	18	✓	—
4328	450	65 / 6	500 - 3,100	18	✓	—
4304	600	135 / 10	500 - 3,000	26	✓	—
JV0600K	650	90 / 10	500 - 3,100	23	✓	✓
4350CT	720	135 / 10	800 - 2,800	26	✓	✓

MÁY BÀO/ MÁY PHAY

Máy Bào/ *Power Planer*

KP0800X 82mm

Khả năng bào sâu 2.5mm.

Công suất	*620 W*
Bề rộng đường bào	*82 mm*
Độ sâu đường bào	*2.5 mm*
Tốc độ không tải	*17,000 v/p*
Kích thước	*285x158x158 mm*
Trọng lượng	*2.8 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

411

Thanh giữ lưỡi, thước dẫn, lưỡi bào, khóa lục giác.

Máy bào/Máy phay

Máy Bào/ *Power Planer*

N1900B 82mm

Công suất	580 W
Bề rộng đường bào	82 mm
Độ sâu đường bào	1 mm
Tốc độ không tải	16,000 v/p
Tổng chiều dài	290 mm
Trọng lượng	2.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

51

Bệ mài lưỡi bào, thanh giữ lưỡi, tuýp mở ốc, lưỡi bào, thước dẫn.

Máy Bào/ *Power Planer*

1911B 110mm

Công suất	840 W
Bề rộng đường bào	110 mm
Độ sâu đường bào	2 mm
Tốc độ không tải	16,000 v/p
Tổng chiều dài	355 mm
Trọng lượng	4.1 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

106

Bệ mài lưỡi bào, thanh giữ lưỡi, khóa lục giác, lưỡi bào.

Máy Bào/ *Power Planer*

1804N 136mm

Công suất	960 W
Bề rộng đường bào	136 mm
Độ sâu đường bào	3 mm
Tốc độ không tải	16,000 v/p
Tổng chiều dài	445 mm
Trọng lượng	7.9 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

153

Bệ mài lưỡi bào, thanh giữ lưỡi, tuýp mở ốc, lưỡi bào, đá mài, thanh cữ.

Máy Bào/ *Power Planer*

1805N 155mm

Độ rộng bào lên đến 155mm và chiều sâu 2mm trong một lần bào.

Công suất	1,140 W
Bề rộng đường bào	155 mm
Độ sâu đường bào	2 mm
Tốc độ không tải	15,000 v/p
Tổng chiều dài	445 mm
Trọng lượng	7.9 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

153

Bệ mài lưỡi bào, thanh giữ lưỡi, khóa lục giác, lưỡi bào.

Máy Bào Bàn/ *Planer*

2012NB 304mm

Nhỏ gọn và trọng lượng máy nhẹ nên di chuyển dễ dàng.

Công suất	1,650 W
Độ rộng đường bào	304 mm
Độ sâu đường bào	Bào rộng 0 - 150mm: 3 mm
	Bào rộng 150 - 240mm: 1.5 mm
Tốc độ cấp	8.5 m/phút
Kích thước	304 x 771 mm
Tốc độ không tải	8,500 v/p
Kích thước	483x771x401 mm
Trọng lượng	27.1 - 27.6 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

153

Tuýp mở ốc, khóa lục giác, lưỡi bào, thanh đẩy.

Máy Ghép Mộng/ *Plate Joiner*

PJ7000

Thiết kế chắc chắn, có trọng lượng nhẹ với tính thẩm mỹ cao và dễ sử dụng.

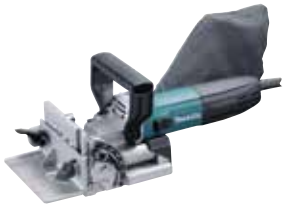

Công suất	701 W
Đường kính lưỡi	100 mm
Tốc độ không tải	11,000 v/p
Kích thước	302x139x145 mm
Trọng lượng	2.8 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

459

Lưỡi cắt, thanh dẫn góc, túi đựng bụi, khóa lục giác.

Máy Đánh Cạnh/ *Trimmer*

RT0700C 6mm (1/4"), 8mm (3/8")

Đế và khung bằng nhôm nên cho độ chính xác và hiệu quả cao.

Công suất	710 W
Khả năng	Chấu bóp: 1/4", 3/8"
Tốc độ không tải	10,000 - 30,000 v/p
Kích thước	89x89x200 mm
Trọng lượng	1.8 - 2.7 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

411

Đế phay lắp ráp, thước canh thẳng, chấu bóp 1/4" và 3/8", cờ lê (2 cái), ống nối hút bụi.

Có sẵn các sự kết hợp khác nhau để làm tăng tính đa năng
(Phụ kiện bán riêng)

+

Đế tỉa mép
(196612-6)

Đế nghiêng
(195561-4)

Đế soi rãnh
(195563-0)

Đế lệch tâm
(195562-2)

Máy bào/Máy phay

Máy Đánh Cạnh/ *Trimmer*

N3701 6mm (1/4")

Đế mi ca trong suốt nên nhìn rõ khu vực cắt và ngắm đường cắt thẳng hơn.

Công suất	*440 W*
Khả năng	*Chấu bóp: 6 mm (1/4")*
Tốc độ không tải	*30,000 v/p*
Tổng chiều cao	*181 mm*
Trọng lượng	*1.6 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

51

Bộ dẫn cắt mép, thước dẫn thẳng, khuôn dẫn, mũi thẳng (bọc hợp kim), cờ lê.

Máy Đánh Cạnh/ *Trimmer*

3709 6mm (1/4")

Đế nhựa trong suốt nên nhìn được đường cắt rõ ràng.

Công suất	*530 W*
Khả năng	*Chấu bóp: 6 mm (1/4")*
Tốc độ không tải	*30,000 v/p*
Kích thước	*82x90x199 mm*
Trọng lượng	*1.5 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

411

Bộ dẫn cắt mép, thước dẫn thẳng, khuôn dẫn, mũi thẳng, cờ lê , chấu bóp 1/4", chíp điện tử.

Máy Phay/ *Router (Plunge Type)*

RP0900 6mm (1/4"), 8mm (3/8")

Độ bền cao và thiết kế tốt cho phay.

Công suất	*900 W*
Khả năng	*Chấu bóp: 6 mm (1/4")*
	hoặc 8 mm (3/8")
Tốc độ không tải	*27,000 v/p*
Kích thước	*110x256x217 mm*
Trọng lượng	*2.7 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

106

Thanh dẫn thẳng, chấu bóp.

Máy Phay/ *Router (Plunge type)*

3612BR 12mm (1/2")

Phay nhanh hơn, chính xác hơn, và khỏe hơn.

Công suất	*1,600 W*
Khả năng	*Chấu bóp: 12 mm (1/2")*
Phay sâu	*0 - 65 mm*
Đường kính đế	*160 mm*
Tốc độ không tải	*23,000 v/p*
Kích thước	*160x276x287 mm*
Trọng lượng	*5.5 kg*
Dây dẫn điện	*2.5 m*

153

Bộ dẫn cắt mép, thanh dẫn thẳng, khuôn dẫn, cữ dẫn hướng, chấu bóp 1/4" và 3/8", cờ lê (2 chiếc), lưỡi cắt thẳng (bọc hợp kim).

Máy Phay/ *Router*

3600H 12mm (1/2")

Điều chỉnh chính xác chiều sâu từng micromet.

Công suất	*1,500 W*
Khả năng	*Chấu bóp: 12 mm (1/2")*
Đường kính đế	*160 mm*
Tốc độ không tải	*24,000 v/p*
Tổng chiều cao	*210 mm*
Trọng lượng tịnh	*4.4 kg*
Dây dẫn điện	*5.0 m*

153

Bộ dẫn cắt mép, thước dẫn thẳng, khuôn dẫn, chấu bóp 1/4" và 3/8", cờ lê, lưỡi cắt thẳng (bọc hợp kim).

Máy Phay/ *Router (Plunge type)*

RP1800 12mm (1/2")

Điều chỉnh độ cắt sâu chính xác.

Công suất	*1,850 W*
Khả năng	*Chấu bóp: 12 mm (1/2")*
Phay sâu	*0 - 70 mm*
Đường kính đế	*170 mm*
Tốc độ không tải	*22,000 v/p*
Kích thước	*155x294x312 mm*
Trọng lượng	*6.0 kg*
Dây dẫn điện	*4.0 m*

203

Thước dẫn thẳng, côn soi, cờ lê, tua vít M6x135.

Máy Phay/ *Router (Plunge type)*

RP1801 12mm (1/2")

Điều chỉnh độ cắt sâu chính xác.

Công suất	*1,650 W*
Khả năng	*Chấu bóp: 12 mm (1/2")*
Phay sâu	*0 - 70 mm*
Đường kính đế	*170 mm*
Tốc độ không tải	*22,000 v/p*
Kích thước	*155x294x312 mm*
Trọng lượng	*6.0 kg*
Dây dẫn điện	*4.0 m*

203

Thước dẫn thẳng, chấu bóp 1/4" và 3/8", dao phay, thanh cữ.

Máy Phay/ *Router (Plunge type)*

RP2301FC 12mm (1/2")

Điều chỉnh độ cắt sâu chính xác.

Công suất	*2,100 W*
Khả năng	*Chấu bóp: 12 mm (1/2")*
Phay sâu	*0 - 70 mm*
Tốc độ không tải	*9,000 - 22,000 v/p*
Kích thước	*155x294x312 mm*
Trọng lượng	*6.1 kg*
Dây dẫn điện	*4.0 m*

203

Thước dẫn thẳng, chấu bóp 1/4", dao phay.

Máy hút bụi

Máy Hút Bụi Đeo Vai Dùng Pin/ Backpack Vacuum Cleaner 18V

DVC260Z/DVC260ZX5

11,080,000 VND / 11,660,000 VND

Máy hút bụi đeo vai dùng 2 pin Li-ion 18V.

DVC260ZX5
Bộ 10 túi bụi giấy

Công suất hút	45 / 25 W
Khả năng chứa	Túi lọc/túi giấy/túi vải: 2.0 / 2.0 / 1.5 L
Thời gian sử dụng liên tục	Cao / Thấp: 60 /90 phút (với 2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	1.5 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	7.1 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB
Kích thước	230x152x373 mm
Trọng lượng	3.8 - 4.3 kg

DVC260Z: Không kèm pin, sạc
DVC260ZX5: Không kèm pin, sạc
Bộ túi bụi giấy (10 cái)

Tr. 21

Ống thẳng, ống mềm, ống hút khe, đầu hút T, khớp nối, bộ túi bụi giấy (10 cái - chỉ DVC260ZX5).

Máy Hút Bụi Đeo Vai Dùng Pin/ Backpack Vacuum Cleaner 18V

DVC260ZX

10,920,000 VND

Chuyên kết nối với các dụng cụ cầm tay.

Công suất hút	45 / 25 W
Khả năng chứa	Túi lọc/túi giấy/túi vải: 2.0 / 2.0 / 1.5 L
Thời gian sử dụng liên tục	Cao / Thấp: 60 /90 phút (với 2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	1.5 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	7.1 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB
Kích thước	230x152x373 mm
Trọng lượng	3.8 - 4.3 kg

DVC260ZX: Không kèm pin, sạc

Tr. 21

Ống mềm, đầu nối.

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ Backpack Vacuum Cleaner 18V

DVC261Z

11,310,000 VND

Máy hút bụi đeo vai dùng 2 pin Li-ion 18V

Xem thêm sơ đồ hệ thống (Tr. 128)

new

Công suất hút	Cao nhất/ Cao/ Vừa 85/45/ 25W Với ống 28-1.5
Khả năng chứa	Túi giấy/ túi vải: 2.0 / 1.5L
Thời gian sử dụng liên tục	Cao nhất/ Cao/ Vừa : 40 / 75 / 140 phút (với pin BL1860B)
Lưu lượng khí tối đa	Ống 28-1.5 /ống 28-1.0: 1.8 m³/phút/ 2.0 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	9.8 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB hoặc thấp hơn
Kích thước	230x152x373 mm
Trọng lượng	3.8 - 4.5 kg

DVC261Z: Không kèm pin, sạc

Tr. 22

Đầu hút T, ống mềm, ống thẳng, đầu hút khe, khớp nối, túi bụi vải

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ Backpack Vacuum Cleaner 18V

DVC265ZX

11,150,000 VND

Tự động kết nối với dụng cụ cầm tay nhờ hệ thống tự khởi động không dây AWS.

Xem thêm sơ đồ hệ thống (Tr. 128)

new

Công suất hút	Cao/ Vừa: 85/45W Với ống 28-1.5
Khả năng chứa	Túi giấy/ túi vải: 2.0 / 1.5L
Thời gian sử dụng liên tục	Cao/ Vừa : 40 / 75 phút (với pin BL1860B)
Lưu lượng khí tối đa	Ống 28-1.5 /ống 28-1.0: 1.8 m³/phút/ 2.0 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	9.8 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB hoặc thấp hơn
Kích thước	230x152x373 mm
Trọng lượng	3.9 - 4.5 kg

DVC265ZX: Không kèm pin, sạc

Tr. 22

Ống mềm, khớp nối, túi bụi vải

HEPA filter

Lọc sạch không khí nhờ màng lọc Hepa

Màng lọc Hepa được dùng làm bộ lọc chính để ngăn bụi một cách hiệu quả

Có thể ngăn 99.97% các hạt bụi nhỏ 0.3-1μm

AWS Hệ thống tự kết nối không dây Chỉ máy DVC265

Tính năng kết nối không dây giúp vận hành sạch và thoải mái hơn. Chỉ bằng việc thiết lập kết nối Bluetooth giữa máy hút bụi và dụng cụ cầm tay, máy hút bụi có thể tự động vận hành khi dụng cụ cầm tay hoạt động.

Bluetooth AWS kết nối với máy hút bụi bằng Bluetooth

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ Vacuum Cleaner 18V

DVC864LZX

16,240,000 VND

Tự động kết nối với dụng cụ cầm tay nhờ hệ thống tự khởi động không dây AWS.

Công suất hút	90 W
Khả năng chứa	Bụi : 8 L
Thời gian sử dụng liên tục	40 phút (với 2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	2.1 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	9.8 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB
Kích thước	366x334x368 mm
Trọng lượng	7.7 - 8.4 kg

DVC864LZ: Không kèm pin, sạc

Tr. 22

Vui lòng liên hệ phòng dịch vụ để biết thêm chi tiết.

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ Vacuum Cleaner 18V

DVC863LRT2/DVC863LZ

24,980,000 VND / 15,980,000 VND

Lượng khí và tốc độ khí cao.

Công suất hút	90 W
Khả năng chứa	Bụi : 8 L
Thời gian sử dụng liên tục	40 phút (với 2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	2.1 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	9.8 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB
Kích thước	366x334x368 mm
Trọng lượng	7.7 - 8.4 kg

DVC863LRT2: Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
DVC863LZ: Không kèm pin, sạc

Tr. 23

Đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, ống cong, ống thẳng, ống mềm, hộp đựng phụ kiện, túi chứa bụi (10 cái).

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ Vacuum Cleaner 18V

DVC863LZX

14,370,000 VND

Chuyên kết nối với các dụng cụ cầm tay.

Công suất hút	90 W
Khả năng chứa	Bụi : 8 L
Thời gian sử dụng liên tục	40 phút (với 2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	2.1 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	9.8 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB
Kích thước	366x334x368 mm
Trọng lượng	7.7 - 8.4 kg

DVC863LZX: Không kèm pin, sạc

Tr. 23

Ống mềm, khớp nối, bộ túi chứa bụi (10 cái).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Máy hút bụi

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ Vacuum Cleaner (Wet & Dry) 18V

DVC862LRT2/DVC862LZ

22,360,000 VND / 13,200,000 VND

Lượng khí và tốc độ khí cao. Hút bụi khô & ướt.

Công suất hút	90 W
Khả năng chứa	Bụi / Nước : 8 / 6 L
Thời gian sử dụng liên tục	40 phút (với 2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	2.1 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	9.8 kPa
Độ ồn động cơ	70 dB
Kích thước	366x334x368 mm
Trọng lượng	7.0 - 7.6 kg

Tr. 24

DVC862LRT2: Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah
DVC862LZ: Không kèm pin, sạc

Đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, ống cong, ống thẳng, ống mềm, hộp đựng phụ kiện, túi chứa bụi (10 cái).

Máy Hút Bụi Dùng Pin Và Điện/ Corded and Cordless Vacuum Cleaner 18V

DVC861LZ

23,330,000 VND

Máy hút bụi sử dụng nguồn điện và 2 pin Li-ion 18V.

Công suất hút	AC / DC: 320 / 25 - 70W
Khả năng chứa	Bụi : 8 L
Thời gian sử dụng liên tục	65 phút (2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	AC / DC: 3.6 / 2.1 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	AC / DC: 24 / 9.0 kPa
Độ ồn động cơ	75 dB
Kích thước	366x334x368 mm
Trọng lượng	9.3 -9.9 kg

Tr. 24

DVC861LZ: Không kèm pin, sạc

Đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, ống cong, ống thẳng, ống mềm, dây điện hộp đựng phụ kiện, túi chứa bụi (10 cái).

Máy Hút Bụi Dùng Pin Và Điện/ Vacuum Cleaner (Wet & Dry) 18V

DVC860LZ 18Vx2/AC

18,150,000 VND

Máy hút bụi sử dụng nguồn điện và 2 pin Li-ion 18V. Hút bụi khô & ướt.

Công suất hút	AC/DC: 320 / 25 - 70 W
Khả năng chứa	Bụi/ Nước : 8 / 6 L
Thời gian sử dụng liên tục	65 phút (với 2 pin BL1850B)
Lưu lượng khí tối đa	AC/DC: 3.6 / 2.1 m³ /phút
Lưu lượng hút tối đa	AC/DC: 24 / 9.0 kPa
Độ ồn động cơ	75 dB
Kích thước	366x334x368 mm
Trọng lượng	8.6 - 9.2 kg

Tr. 24

DVC860LZ: Không kèm pin, sạc

Đầu hút T, đầu hút khe, khớp nối, ống cong, ống thẳng, ống mềm, dây điện hộp đựng phụ kiện, túi chứa bụi (10 cái).

Máy Hút Bụi Rô Bốt Dùng Pin/ Robotic Cleaner 18V

DRC200Z

31,810,000 VND

Máy hút bụi rô bốt dùng cho nghiệp vụ vệ sinh công nghiệp.

Thời gian sử dụng liên tục (với 2 pin BL1850B)	200 phút
Khu vực vệ sinh tối đa	500 m²
Tốc độ tối đa	0.3 m/ giây
Khả năng chứa bụi	2.5 L
Kích thước	460x460x180 mm
Trọng lượng	7.8 kg

Tr. 49

DRC200Z: Không kèm pin, sạc

Bộ điều khiển không dây, chổi bên hông, băng keo cảm ứng.

Máy Hút Bụi Dùng Pin/ Portable Vacuum Cleaner 18V

DVC750LZ

6,990,000 VND

Nhỏ gọn, di động và dễ sử dụng.

new

Khả năng chứa	Bụi/ Nước : 7.5 / 4.5 L
Thời gian sử dụng liên tục	BL1860B (Cao) : 35 BL1860B (Thấp) : 70
Lưu lượng khí tối đa	1.6 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	6.7 kPa
Công suất	Cao/ Thấp : 50 / 25 W
Kích thước	418x251x278 mm
Trọng lượng	4.3 - 4.6 kg

DVC750LZ : Không kèm pin, sạc

Đầu hút T, đầu hút khe, ống mềm

Máy Hút Bụi (Ướt & Khô)/ Vacuum Cleaner (Wet & Dry)

VC1310LX1

Thích ứng cho loại bụi cấp độ L.

Công suất	1,050 W
Lưu lượng khí tối đa	2.0m³ / phút
Lưu lượng hút tối đa	22.0 kPa
Bình chứa	Bụi: 13 L Nước: 7 L
Kích thước	366x334x420 mm
Trọng lượng	9.6 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

173

Ống mềm 28mm & 38mm, vòng bít trước, đầu hút T, đầu hút khe, ống cong,ống thẳng, bộ 10 túi bụi nhựa.

Máy Hút Bụi (Ướt & Khô)/ Vacuum Cleaner (Wet & Dry)

VC2510LX1

Thích hợp cho loại bụi cấp độ L.

Công suất	1,050 W
Lưu lượng khí tối đa	2.0 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	22.0 kPa
Bình chứa	Bụi: 25 L Nước: 14 L
Kích thước	432x416x451 mm
Trọng lượng	10.5 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

173

Ống mềm 28mm & 38mm, vòng bít trước, đầu hút T, đầu hút khe, ống cong, ống thẳng, bộ 10 túi bụi nhựa.

Máy Hút Bụi (Ướt & Khô)/ Vacuum Cleaner (Wet & Dry)

VC3210LX1

Thích hợp cho bụi cấp độ L.

Công suất	1,050 W
Lưu lượng khí tối đa	2.0 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	22.0 kPa
Bình chứa	Bụi: 32 L Nước: 27 L
Kích thước	552x398x685 mm
Trọng lượng	14.5 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

173

Ống mềm 28mm & 38mm, vòng bít trước, đầu hút T, đầu hút khe, ống cong, ống thẳng, bộ 10 túi bụi nhựa.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Máy hút bụi

MÁY HÚT BỤI VC1310L, VC2510L, VC3210L

Bộ lọc làm sạch tự động (VC1310L, VC2510L, VC3210L)

Đạt được nhờ cấu trúc bộ lọc ba phần gồm có :Bộ lọc bụi + Bộ giảm âm + Bộ lọc sơ bộ

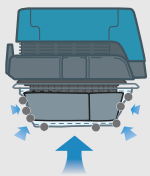

Khi bật công tắc nguồn điện thì bộ lọc sơ bộ sẽ sụp xuống để ép bộ giảm âm và làm gắn khớp hoàn toàn với bộ giảm âm và bộ lọc bụi.

Khi tắt nguồn điện thì bộ giảm âm sẽ giãn ra như trạng thái kích cỡ ban đầu và tự động tống tất cả bụi từ bộ lọc sơ bộ bằng công suất giãn nở của nó.

Chốt bánh lái
Tránh tình trạng máy tự nhiên di chuyển ngoài ý muốn

Sử dụng túi ni-lông đựng bụi, cho phép:
Xử lý bụi nhanh chóng, dễ dàng với chi phí thấp

Lợi ích : Công suất hút cao và liên tục.
Dễ dàng làm sạch bộ lọc bằng cách đập nhẹ cho bụi ra khỏi bộ lọc sơ bộ.
Làm sạch một cách nhẹ nhàng vì bộ giảm âm và bộ lọc sơ bộ không gây tiếng ồn.

Lưu lượng khí tối đa **2.0m³/phút**
Lưu lượng hút tối đa **22.0kPa**

Máy Hút Bụi (Ướt & Khô)/ *Vacuum Cleaner (Wet & Dry)*

VC3211M

Thích hợp cho bụi cấp độ M.

Công suất	1,050 W
Lưu lượng khí tối đa	2.0 m³/phút
Lưu lượng hút tối đa	22.0 kPa
Bình chứa	Bụi: 32 L
	Nước: 27 L
Kích thước	552x398x685 mm
Trọng lượng	16.9 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

173

Bộ túi nhựa (10 cái), ống mềm, khớp nối, đai ống mềm (3 cái).

Kết nối dễ dàng

Máy hút bụi Ướt và Khô thích hợp cho bụi cấp độ L* theo tiêu chuẩn Châu Âu
* Bụi cấp độ L : là các loại bụi độc hại, bụi khô, không cháy, có trọng lượng lớn hơn 0.1 mg/m³ với mức độ bụi xâm nhập là 1%

Máy hút bụi tự động bật/tắt khi thiết bị kết nối với máy hút bụi khởi động hoặc tắt

Điều chỉnh lượng hút bằng nút quay
Sức hút có thể điều chỉnh cho phù hợp với các công cụ kết nối.

Thuận tiện cho việc cất giữ dụng cụ cầm tay
Máy cất dụng cụ được bán riêng

Khả năng chứa bụi (Hút bụi khô) **32L**

Máy hút bụi Ướt và Khô thích hợp cho bụi cấp độ M* theo tiêu chuẩn Châu Âu
* Bụi cấp độ M: là các loại bụi độc hại, bụi khô, không cháy, có trọng lượng lớn hơn 0.1 mg/m³ với mức độ bụi xâm nhập chỉ 0.1%

Tính tiện dụng và khả năng cơ động cao

Dễ dàng kết nối với dụng cụ cầm tay Makita
Khi kết nối với dụng cụ cầm tay, máy hút bụi tự động tắt/mở khi điều chỉnh công tắc tắt/mở trên dụng cụ cầm tay

Hệ thống tự làm sạch mới bằng việc trang bị bộ lọc đôi

Cứ sau 10 giây, bụi lại được loại bỏ khỏi bộ lọc trước một lần, cho công suất hút mạnh mẽ trong suốt quá trình hoạt động

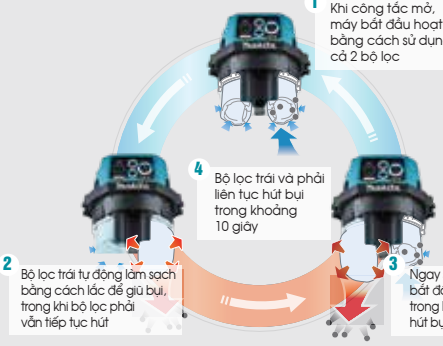

Công suất cao và lực hút ổn định

Bụi được loại bỏ khỏi bộ lọc trong khi máy hoạt động

	VC3211M GYUPPA! Twin Filter	VC3210LX1 GYUPPA!	VC2510LX1 GYUPPA!	VC1310LX1 GYUPPA!	DVC864L DVC864LZX HEPA Filter AWS	DVC863L/ DVC863LZX HEPA Filter	DVC862L	DVC861L HEPA Filter	DVC860L
Công suất hút (W)	1,050	1,050	1,050	1,050	Chỉ dùng pin: 90	Chỉ dùng pin: 90	Chỉ dùng pin: 90	Điện / pin: 320 / 25-70	Điện / pin: 320 / 25-70
Khả năng chứa (L)	Bụi / nước: 32 / 27	Bụi / nước: 32 / 27	Bụi / nước: 25 / 14	Bụi / nước: 13 / 7	Bụi : 8	Bụi : 8	Bụi / nước : 8 / 6	Bụi : 8	Bụi / nước : 8 / 6
Lưu lượng hút tối đa (kPA)	22.0	22.0	22.0	22.0	Chỉ dùng pin: 9.8	Chỉ dùng pin: 9.8	Chỉ dùng pin: 9.8	Điện / pin: 24 / 9.0	Điện / pin: 24 / 9.0
Lưu lượng khí tối đa (m³/phút)	2.0	2.0	2.0	2.0	Chỉ dùng pin: 2.1	Chỉ dùng pin: 2.1	Chỉ dùng pin: 2.1	Điện / pin: 3.6 / 2.1	Điện / pin: 3.6 / 2.1

Sơ đồ hệ thống

Ống nối 28mm | Ống nối 38mm | Ống nối 32mm

Cho máy hút bụi

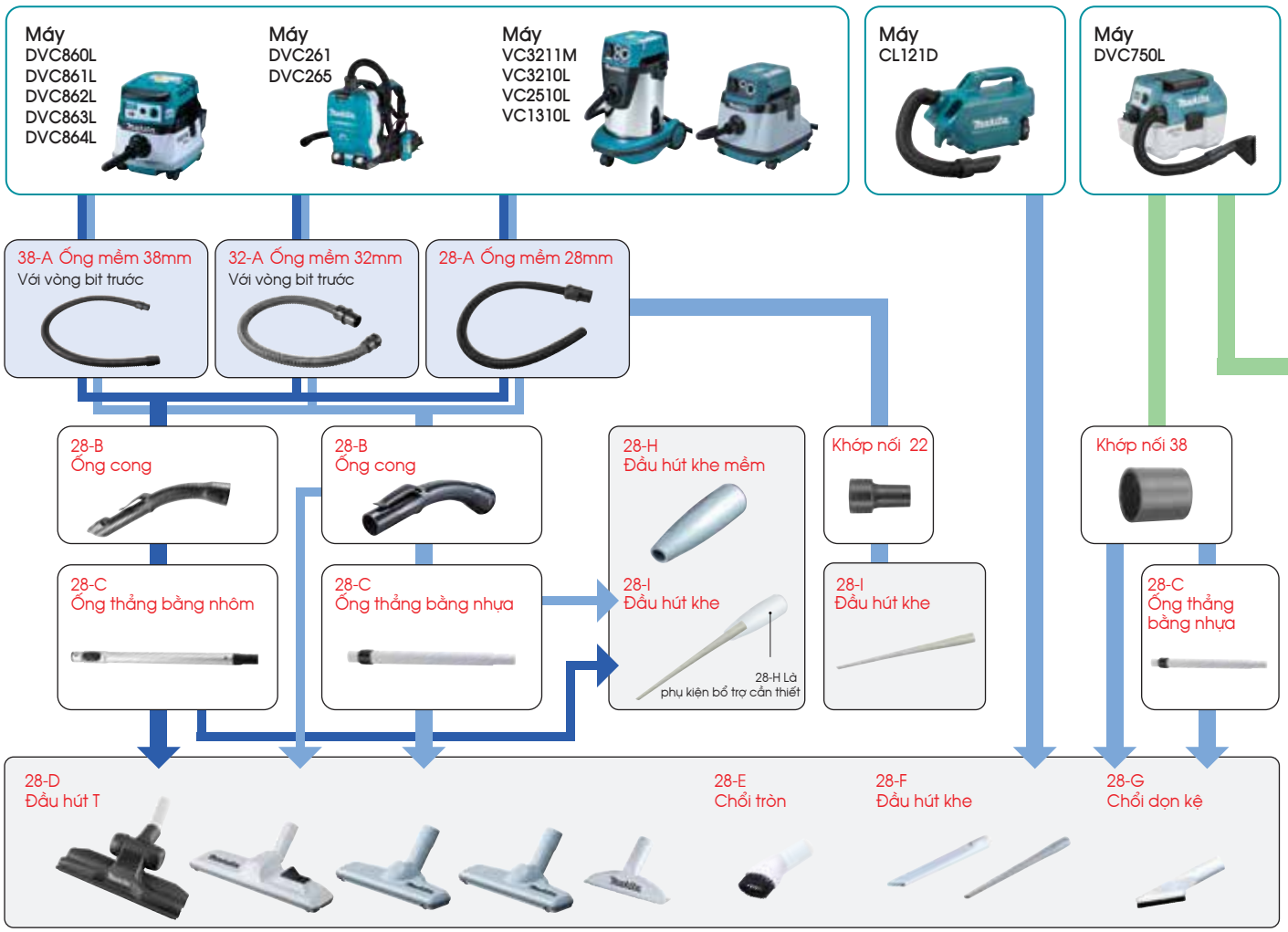

Cho hệ thống hút bụi

Máy
DVC860L
DVC861L
DVC862L
DVC863L
DVC864L

Máy
DVC261
DVC265

Máy
VC3211M
VC3210L
VC2510L
VC1310L

Máy
CL121D

Máy
DVC750L

38-A Ống mềm 38mm

32-B Ống mềm 32mm

38-B
Ống cong

38-C
Ống thẳng

32-C
Ống cong

32-D
Ống thẳng

38-D
Đầu hút T

38-E
Chổi tròn

38-F
Đầu hút khe

32-E
Đầu hút T

32-F
Đầu hút khe

Vòng bít trước, khớp nối & ống nối

28-A Ống mềm 28mm

Áp dụng cho cả khớp nối 22 và 38

Đầu nối (tự do)

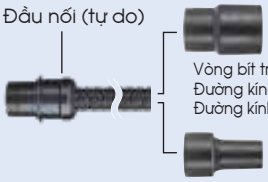

Vòng bít trước 38:
Đường kính trong: 38.0mm,
Đường kính ngoài: 44.2mm

Vòng bít trước 22:
Đường kính trong: 22.4mm,
Đường kính ngoài: 25.0mm

38-A Ống mềm 38mm

Vòng bít trước 38

Đầu nối (tự do)

Vòng bít trước 38:
Đường kính trong: 38.0mm,
Đường kính ngoài: 44.2mm

Mối liên hệ giữa vòng bít trước 38, 22 và 24

28-A
Ống mềm 28
với vòng bít trước 22

28-A
Ống mềm 28
với vòng bít trước 38

38-A
Ống mềm 38
với vòng bít trước 38

Vòng bít trước 24

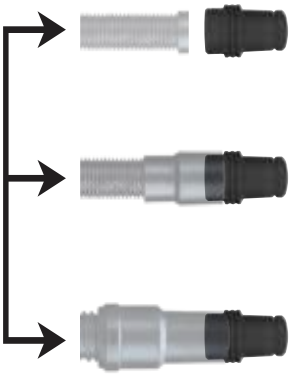

Ống nối

28-A Ống nối 28 với vòng bít trước 38

28-A Vòng bít sau ống 28

38-A Ống nối 38 với vòng bít trước 38

38-A Vòng bít sau ống 38

Khớp nối 22-38

38-A
Ống mềm với vòng bít trước 38

Khớp nối 22-38

Kích thước:
Đường kính trong: 22.4mm,
Đường kính ngoài: 25.0mm

Sơ đồ hệ thống

A

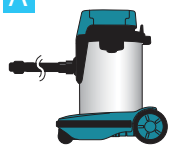

với ống mềm
Ø28mm

Máy
VC3210L
VC3211M

Vòng bít trước

38 24 22

B

với ống mềm
Ø28mm

Máy
VC2510L
VC1310L
DVC861L
DVC863L
DVC864L

Vòng bít trước

38 24 22

C

với ống mềm
Ø38mm

Máy
DVC860L
DVC861L
DVC862L
DVC863L
DVC750L

Khớp nối 22-38

D

với ống mềm
Ø28mm

Máy
DVC260
DVC261
DVC265

Vòng bít trước

38 24 22

Dùng cho máy	Hệ thống thu bụi và mã số

Máy khoan động lực, Máy đục bê tông

Chuôi gài SDS-MAX, 17mm (11/16")
Mũi đục nhọn có chiều dài lớn hơn 280mm
Mũi đục nguội có chiều dài lớn hơn 280mm

Bộ phụ kiện hút bụi
(chỉ chức năng đục)
196571-4 (có ống mềm)
196568-3
(có/không có ống mềm)

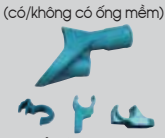

có thể kết nối trực tiếp với ống nối ø28mm

Chỉ chuôi gài SDS-MAX:
Mũi đục dẹp (dùng cho gạch, ngói),
Phụ kiện kết nối
Chiều dài mũi đục dẹp

Chuôi gài 19mm (3/4")
Mũi đục dẹp

Chuôi gài 17mm(11/16"):
HR4030C

Chuôi gài SDS-MAX:
DHR400,
HR4002,
HR4511C,
HM0870C,
HM0871C,
HM1203C,
HM1213C, HM1214C
HR4511C,

Chuôi gài 19mm(3/4"):
HR4041C

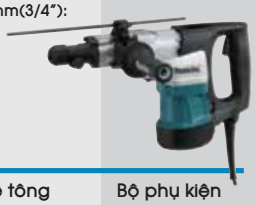

Máy đục bê tông

HM1306,
HM1317C, HM1307C,
HM1810, HM1812

Bộ phụ kiện hút bụi

197168-2
(có/không có ống mềm)
197148-8
(có ống mềm)

có thể kết nối trực tiếp với ống nối ø28mm

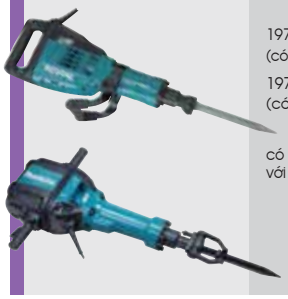

A

Kết nối trực tiếp

B

Kết nối trực tiếp

C

Kết nối trực tiếp

D

Kết nối trực tiếp

Dùng cho máy	Hệ thống thu bụi và mã số

Máy khoan động lực, Máy khoan đa năng

Ly chứa bụi

DHR242, HR2300, HR2600,HR2601, HR2630, DHR280, DHR282, HR2650, HR2651 — 195048-6

HR2630T, HR2651T — 195132-7

DHR165, DHR171, DHR202, DHR241, DHR263, HR140D, HR166D, HR1840, HR1841F, HR1830, HR2460/F, HR2470/F, HR2810 — 198362-9 dùng với bộ đế kẹp

Máy khoan động lực, Máy khoan đa năng

DHR165, DHR202, DHR263

Phụ kiện hút bụi
193472-7

Dòng máy
HR2470

Máy khoan động lực

HR4002, HR4511C — **Phụ kiện hút bụi** 195866-2

(Đường kính mũi tối đa 40mm)

DHR400 — 199142-6
HR5212C — 196858-4

A

Vòng bít trước 22

B

Vòng bít trước 22

C

Khớp nối 22-38
194548-6

D

Vòng bít trước 22

Sơ đồ hệ thống

Dùng cho máy	Hệ thống thu bụi và mã số
Máy cắt góc 4112HS 4114S	**Khớp nối 32** 192613-2
Máy cắt 4100KB	
Máy cắt tường SG1251	
Máy bào bê tông PC5000C	
Máy mài góc	**Chụp bảo vệ hút bụi** cho đá cắt kim cương

Cho máy mài 125mm

Rãnh đơn — Không có kí hiệu xuất xứ 195237-3

Ba rãnh —
Không có ký hiệu xuất xứ cho IEC 195239-9
Có ký hiệu xuất xứ cho IEC 195238-1

Cho máy mài góc 180,230mm

Có ký hiệu xuất xứ cho IEC 195384-0
Không có ký hiệu xuất xứ cho IEC 195385-8

Towin notches —
Có ký hiệu xuất xứ cho IEC 195387-4
Không có ký hiệu xuất xứ cho IEC 195388-2

Máy mài góc	Chụp bảo vệ hút bụi
Cho máy mài góc 125mm	196845-3 196846-1
Cho máy mài góc 180,230mm	198379-2 198380-7

A — Vòng bít trước 38

B — Vòng bít trước 38

C

D — Vòng bít trước 38

Dùng cho máy	Hệ thống thu bụi và mã số
Máy mài góc	**Chụp bảo vệ hút bụi**
Cho máy mài 125mm	192968-5 193794-5 (loại tiết kiệm)
Cho máy mài 180mm	194303-3
Cho máy mài 230mm	194044-1
Máy chà nhám băng 9924DB	**Khớp nối 32** 192518-6
Máy chà nhám băng 9910	
Máy chà nhám băng 9403	**Khớp nối 32** 192349-3
Máy chà nhám 9741	**Khớp nối** 410899-9

A — Vòng bít trước 38

B — Vòng bít trước 38

C

D — Vòng bít trước 38

Sơ đồ hệ thống

Dùng cho máy	Hệ thống hút bụi và mã số
Máy mài góc N9500N, 9500NB	**Chụp bảo vệ hút bụi** 192212-0 + **Khớp nối cao su** 192202-3
Máy mài góc	**Chụp bảo vệ hút bụi**
Máy mài góc 100mm	Bộ hút bụi Bộ 100C — 198413-8
	Bộ hút bụi Bộ 100CD — 198414-6
Máy mài góc 125mm	198415-4
Máy chà nhám băng 9032	**Khớp nối** 122652-8
Máy chà nhám rung BO3710, BO3711, BO4901, BO4555, BO4556, BO4565, BO4566, BO4557, BO4558	
Máy chà nhám quỹ đạo BO6030, DBO180	
Máy đa năng	**Ống nối dẹp cho máy hút bụi**
TM3000C	196022-7
TM3010C	196550-2
DTM51	196765-1
Máy cưa đĩa HS301D	**Khớp nối** 195334-5
Máy cưa lọng JV100D, JV143D, JV183D, 4326, 4327, 4328, JV0600	
Máy cưa lọng 4350CT	**Ống nối** 417853-4

- A — Vòng bít trước 22
- B — Vòng bít trước 22
- C — Khớp nối 22-38 195548-6
- D — Vòng bít trước 22

Dùng cho máy	Hệ thống hút bụi và mã số
Máy cưa đĩa	**Khớp nối**
DHS710, HS6600, HS7010, HS7600	196520-1
HS6600, HS7600	196843-7 (với cần gạt)
HS0600	198263-1
	198265-7 (với cần gạt)
DHS680	196961-1
	196952-2 (với cần gạt)
HS7600	196520-1
	197221-4 (với cần gạt)
	+ **Vòng bít trước 24** 195546-0
Máy cưa đĩa cắt sâu SP6000	**Vòng bít trước 24** 195546-0
Máy cưa đĩa cắt sâu DSP600, DSP601	
Máy cắt rãnh hợp kim nhôm CA5000	
Máy cưa lọng	**Ống hút bụi**
JV103D	457801-1
	+ **Vòng bít trước 24** 195546-0
Máy cưa đa góc LS1019L, LS1219L	**Vòng bít trước 24** 195546-0
Máy cưa đa góc trượt DLS111	

- A — Vòng bít trước 22
- B — Vòng bít trước 22
- C — Khớp nối 22-38 195548-6
- D — Vòng bít trước 22

Sơ đồ hệ thống

Dùng cho máy	Hệ thống thu bụi và mã số
Máy cưa đa góc trượt LS0815F LS1018L LS1216	
Máy cưa đa góc LS1030N	
Máy cưa đa góc LS1040	
Máy cưa đa góc dùng pin DLS600	

Dùng cho máy	Hệ thống thu bụi và mã số
Máy cưa bàn đa góc LH1040	
Máy cưa bàn 2704	Khớp nối 419093-0
Máy cưa bàn MLT100	Khớp nối JM27000090 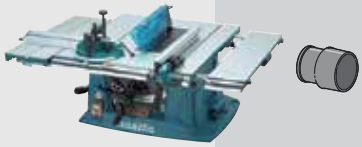

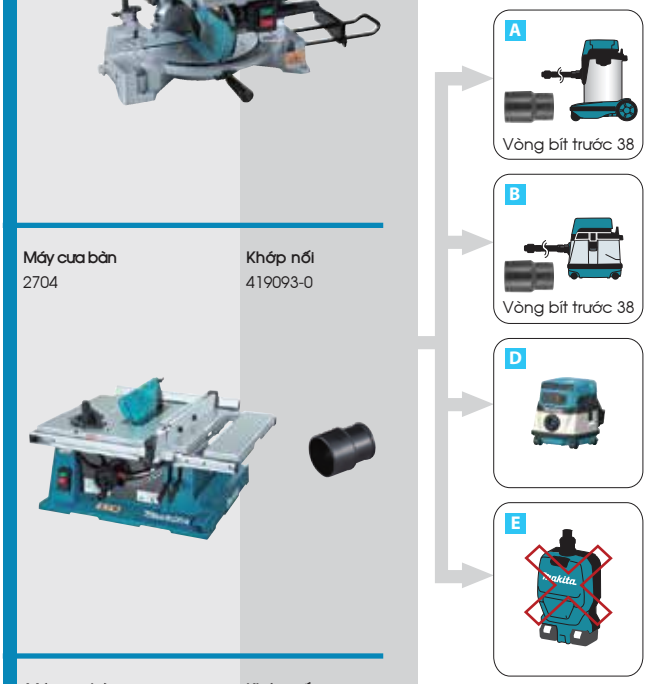

Sơ đồ hệ thống

Dùng cho máy	Hệ thống thu bụi và mã số
Máy bào KP0800	Ống thu bụi 451329-1
1805N	JPA122277
Máy bào 1911B	Ống thu bụi 192082-7
Máy bào N1900B, KP0800, 1804N,1805N	

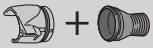

Ống thu bụi

Khớp nối

*Hình ống khuỷu

Máy	Mã số
N1900B	181572-5
KP0800	451329-1
1804N	JPA122278 (122278-6)
1805N	JPA122277 (122277-6)
1806B	122397-8

Máy	Mã số
N1900B	JPA122275 (122275-2)
KP0800	*416368-8
1804N, 1805N	181575-9

Dùng cho máy	Hệ thống thu bụi và mã số
Máy ghép mộng PJ7000	
Máy cắt thạch cao DSD180, SD100D	

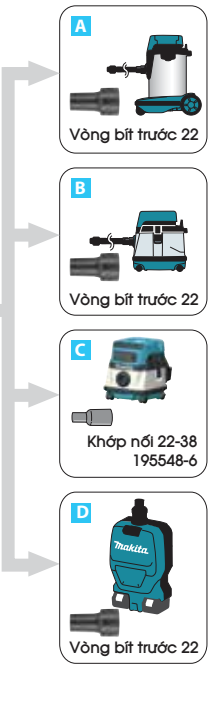

Dùng cho máy	Hệ thống thu bụi và mã số
Máy phay RP1801 RP1800 RP2301FC	Vòng hút bụi 194934-8
Máy phay RP0900, ***RT0700C, DRT50	Vòng hút bụi 194733-8
Máy đánh cạnh DRT50	
Máy đánh cạnh RT0700C	Vòng hút bụi 195559-1
Máy đánh cạnh DRT50	

*** Dùng với đế phay chìm

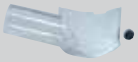

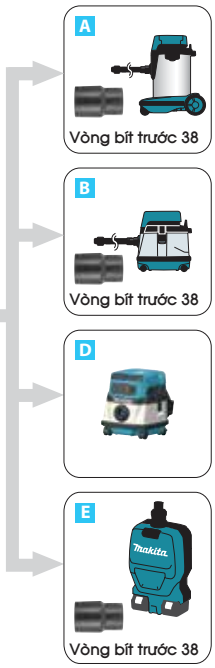

Bộ lọc & túi bụi

Tương thích với túi bụi nhựa hoặc bộ lọc giấy, cho phép:

- Hút bụi nhanh và đổ bụi dễ dàng
- Chi phí thấp hơn so với tụi bụi giấy

	DVC862L DVC860L (khô & ướt)	DVC864L DVC863L DVC861L (Khô)	VC3211M (khô & ướt)	VC3210L (khô & ướt)	VC2510L (khô & ướt)	VC1310L (khô & ướt)
Bộ lọc bụi nhỏ chỉ dùng cho hút bụi khô *màng lọc HEPA	*197166-6	*197166-6	196252-0	195441-4	195441-4	195438-3
Bộ lọc trước	195553-3	195553-3	196253-8	195612-3	195554-1	195553-3
Bộ lọc vải	140248-3					
Bộ giảm rung	195552-5	195552-5	196254-6	195552-5	195552-5	195552-5
Bộ lọc nước chỉ dùng cho hút bụi ướt	195555-9			195611-5	195556-7	195555-9
Bộ lọc giấy dùng cho hút bụi khô ngoại trừ bụi nhỏ	194556-4 (A-48430)	194556-4 (A-48430)				194556-4 (A-48430)
Bộ lọc giấy 7L (5 cái/bộ) dùng cho hút bụi khô	194719-2 (A-49541)	194719-2 (A-49541)				194719-2 (A-49541)
Bộ lọc 15L (5 cái/bộ) dùng cho hút bột khô	195557-5	195557-5			195557-5	195557-5
Bộ lọc 25L (5 cái/bộ) dùng cho hút bụi khô			195558-3	195558-3		
Bộ túi bụi nhựa (10 cái/bộ)	195432-5	195432-5	195440-6	195440-6	195440-6	195432-5

Các loại máy khác

Máy Bắn Đinh Cuộn Pallet Dùng Hơi/ *Pneumatic Pallet Coil Nailer*

AN560

Độ bền cao khi đóng / sửa chữa palet hoặc đóng kiện hàng.

Khả năng	*Chiều dài: 27 - 50 mm*
	Dây: 2.1 mm
Khả năng chứa	*350 - 400 cái*
Áp lực vận hành	*0.49 - 0.78 MPa*
Kích thước	*300x127x280 mm*
Trọng lượng	*2.1 kg*

Dầu bôi trơn, kính bảo hộ, khóa lục giác.

Máy Bắn Đinh Cuộn Pallet Dùng Hơi/ *Pneumatic Pallet Coil Nailer*

AN760

Độ bền cao khi làm / sửa chữa palet hoặc đóng kiện hàng.

Khả năng	*Chiều dài: 45 - 75 mm*
	Dây: 2.3 - 3.3 mm
Khả năng chứa	*200 - 300 cái*
Áp lực vận hành	*0.49 - 0.83 MPa*
Kích thước	*312x131x331 mm*
Trọng lượng	*3.2 kg*

Dầu bôi trơn, kính bảo hộ, khóa lục giác.

Máy Bắn Đinh Công Nghiệp/ *Construction Coil Nailer*

AN902

Khả năng truyền động với công suất cao dễ dàng đóng đinh sâu đến 90mm.

Khả năng	*Chiều dài: 45 - 90 mm*
	Dây: 2.5 - 3.8 mm
Khả năng chứa	*150 - 300 cái*
Áp lực vận hành	*0.49 - 0.83 MPa*
Kích thước	*318x128x378 mm*
Trọng lượng	*3.5 kg*

Kính bảo hộ, dầu bôi trơn, khóa lục giác.

Máy Bắn Đinh Nhỏ Dùng Hơi/ *Pin Nailer*

AF201Z

Có thể ứng dụng cho công việc hoàn thiện giai đoạn cuối.

Khả năng	*Chiều dài: 12 - 25 mm*
Khả năng chứa	*100 cái*
Áp lực vận hành	*0.44 - 0.86 MPa*
Kích thước	*240x45x170 mm*
Trọng lượng	*0.9 kg*

AF201Z: *Đinh thẳng*

Dầu bôi trơn, khóa lục giác.

Máy Bắn Đinh Dùng Hơi/ *Pneumatic Pin Nailer*

AF353

Súng bắn đinh dùng hơi 35mm cỡ đinh 23Ga.

Khả năng	*Chiều dài: 15-35 mm*
	Cỡ đinh: 23 Ga
Áp lực vận hành	*0.45 - 0.69 MPa*
Kích thước	*208x66x191 mm*
Trọng lượng	*0.9 kg*

AF353: *Đinh thẳng*

Kính bảo hộ, dầu bôi trơn

Máy Bắn Đinh Dùng Hơi/ *Brad Nailer*

AF301Z

Ứng dụng: Trang trí nội thất, làm khung tranh, làm giày, lắp ráp tranh vẽ.

Khả năng	*Chiều dài: 10 - 30 mm*
	Dây: 1.05 mm
	Cỡ đinh: 18 Ga
Áp lực vận hành	*0.39 - 0.69 MPa*
Kích thước	*250x55x195 mm*
Trọng lượng	*1.3 kg*

AF301Z: *Đinh thẳng*

Dầu bôi trơn, khóa lục giác.

Máy Bắn Đinh Dùng Hơi/ *Pneumatic Brad Nailer*

AF504Z

Có thể ứng dụng cho các thao tác hoàn thiện ở giai đoạn cuối.

Khả năng	*Chiều dài: 15 - 50 mm*
	Cỡ đinh: 18 Ga
Áp lực vận hành	*0.41 - 0.69 MPa*
Kích thước	*253x52x225 mm*
Trọng lượng	*1.5 kg*

AF504Z: *Đinh thẳng*

Dầu bôi trơn, khóa lục giác.

Máy Bắn Ghim Dùng Hơi/ *Pneumatic Stapler*

AT422AZ

Ứng dụng cho các công việc: Làm đồ gỗ mỹ thuật, dụng cụ của thợ vẽ, bọc nệm, trang trí nội thất.

Khả năng	*Chiều dài: 10 - 22 mm*
	Rộng: 1.1 mm
	Dây: 0.58 mm
	Cỡ đinh: 20 Ga
Áp lực vận hành	*60 - 100 MPa*
Kích thước	*250x55x180 mm*
Trọng lượng	*1.3 kg*

AT422AZ: *Đinh chữ U*

Dầu bôi trơn, khóa lục giác.

Các loại máy khác

Máy Bắn Ghim Dùng Hơi/*Pneumatic Stapler*

AT1022AZ

Bền và trọng lượng nhẹ.

Khả năng	Chiều dài: 10 - 22 mm Cỡ đinh: 18 Ga
Áp lực vận hành	0.45 MPa
Kích thước	250x55x180 mm
Trọng lượng	1.3 kg

AT422AZ: Đinh chữ U

Dầu bôi trơn, khóa lục giác.

Máy Thổi/ *Blower*

UB1103

Công suất	600 W
Lượng khí	0 - 4.1 m³/phút
Áp lực khí	0 - 5.7 kPa
Tốc độ không tải	0 - 16,000 v/p
Kích thước	479x185x178 mm
Trọng lượng	2.0 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303

Vòi thổi, túi chứa bụi (2L).

Máy Thổi Nóng/ *Heat Gun*

HG5030K

Phụ kiện đa dạng, đáp ứng nhiều công việc khác nhau.

Công suất	1,600W
Nhiệt độ khí	Công tắc 1: 350 / 300 Công tắc 2: 500 / 500
Kích thước	233x80x208 mm
Trọng lượng	0.56 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

Máy Thổi Nóng/ *Heat Gun*

HG6030K

Phụ kiện đa dạng, đáp ứng nhiều công việc khác nhau.

new

Công suất	1,800W
Nhiệt độ khí	Công tắc 1: 50 / 250 Công tắc 2: 300 / 250 Công tắc 2: 600 / 500
Kích thước	233x80x208 mm
Trọng lượng	0.56 kg
Dây dẫn điện	2.0 m

Sử dụng đa dạng cho nhiều ứng dụng khác nhau

Phụ kiện đa dạng

Đầu thổi bảo vệ kính

Mã số
PR00000028

Đầu thổi rộng

Mã số
PR00000029

Đầu dạng phản xạ nhiệt

Mã số
PR00000030

Đầu thổi giảm

Mã số
PR00000031

Đầu hàn chồng mí (dạng dẹp)

Mã số
PR00000032

Đầu hàn dạng rãnh

Mã số
PR00000033

Đầu hàn (dạng tròn)

Mã số
PR00000034

Con lăn ép

Mã số
PR00000035

Que hàn

ABS
PR00000036

HDPE
PR00000037

PP
PR00000038

Đầu hàn tốc độ cao cho que hàn nhựa

Mã số
PR00000039

Dao sủi

Mã số
PR00000040

Bộ dao cạo

Mã số
PR00000041

Dao cạo

Mã số
PR00000042

Các loại máy khác

Máy Thổi Nóng/ *Heat Gun*

HG6500

Bền hơn và mạnh hơn.

Công suất	2,000 W
Nhiệt độ khí	70 - 650 °C
Kích thước	262x80x190 mm
Trọng lượng	0.92 kg

Bộ phụ kiện.

Máy Thổi Nóng/ *Heat Gun*

HG6003

Bền hơn và mạnh hơn.

Công suất	1,800 W
Nhiệt độ khí	600 °C
Kích thước	262x80x190 mm
Trọng lượng	0.92 kg

Vòi thổi lệch, vòi thổi tụ họp.

Máy Đo Khoảng Cách Laser/ *Laser Distance Measure*

LD080P 80m

Tiện dụng, nhỏ gọn và chính xác.

Phạm vi đo	0.05 - 80 m
Nhiệt độ hoạt động	-10˚C - 50˚C
Nhiệt độ cất giữ	-25˚C - 70˚C
Dung sai đo thông thường	+-1.5 mm / 10 m
Dung sai đo tối đa	+-2.5 mm / 10 m
Đường kính điểm laser	6 mm / 50 mm
Loại laser	635 nm
Nguồn	Pin AAA 1.5V x 2pin
Kích thước	117x57x32 mm
Trọng lượng	0.14 kg

Pin, túi đựng, bản mục tiêu.

Máy Đo Khoảng Cách Laser/ *Laser Distance Measure*

LD050P 50m

Tiện dụng, nhỏ gọn và chính xác.

Phạm vi đo	0.05 - 50 m
Nhiệt độ hoạt động	0˚C - 40˚C
Nhiệt độ cất giữ	-25˚C - 70˚C
Dung sai đo thông thường	+-2.0 mm / 10 m
Dung sai đo tối đa	+-3.0 mm / 10 m
Đường kính điểm laser	6 mm / 30 mm
Loại laser	635 nm
Nguồn	Pin AAA 1.5V x 2pin
Kích thước	116x45x29 mm
Trọng lượng	0.1 kg

Pin, túi đựng, bản mục tiêu.

Máy Đo Khoảng Cách Laser/ *Laser Distance Measure*

LD030P 30m

Nhỏ gọn, tiện dụng và thiết kế đặc biệt để làm việc trong nhà.

Phạm vi đo	0.2 - 30 m
Nhiệt độ hoạt động	0˚C - 40˚C
Nhiệt độ bảo quản	-25˚C - 70˚C
Dung sai đo thông thường	+-2.0 mm / 10 m
Dung sai đo tối đa	+-3.0 mm / 10 m
Đường kính điểm laser	6 mm / 10 m
Loại laser	635 nm
Nguồn	Pin AAA 1.5V x 2pin
Kích thước	117x53x25 mm
Trọng lượng	0.1 kg

Pin (2 pin AAA 1.5V), túi đựng.

Máy	Phạm vi đo (m)	Nhiệt độ hoạt động (˚)	Dung sai đo thông thường	Dung sai đo tối đa	Đường kính điểm Laze	Loại Laze (nm)
LP080P	0.05 - 80	-10 -> 50	+-1.5mm/10m	+-2.5mm/10m	6mm / 50mm	635nm
LD050P	0.05 - 50	0 -> 40	+-2.0mm/10m	+-3.0mm/10m	6mm / 30mm	635nm
LD030P	0.2 - 30	0 -> 40	+-2.0mm/10m	+-3.0mm/10m	6mm / 10m	635nm

Máy đo khoảng cách laser

Đo chính xác lên tới 30m (chỉ LD030P)

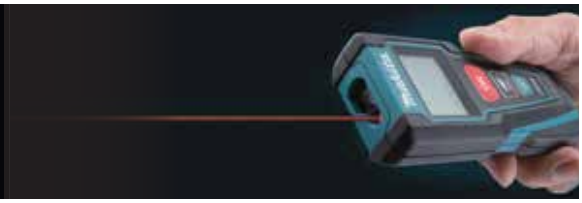

Các loại máy khác

Máy Cân Mực Tia Đỏ Laser Dùng Pin/ Rechargeable Red Cross Line Laser 12Vmax

SK105DZ

5,190,000 VND

new

Phạm vi đo	Lên đến: 25 m
Phạm vi đo với máy dò	Lên đến: 80 m
Vùng hiển thị phương thẳng đứng	±4°
Số đường Laser	2 đường
Thời gian sử dụng	15 - 40 giờ
Vùng nhiệt độ sử dụng	−10°C đến +50°C
Kích thước	138x64x102 mm (với BL1016/BL1021B)
Trọng lượng	0.67 - 0.84 kg

XPT CXT

Tr. 79

SK105DZ: Không kèm pin, sạc

Túi đựng đồ, bệ máy có nam châm, đĩa CD, thước

Máy Cân Mực Tia Xanh Laser Dùng Pin/ Rechargeable Green Cross Line Laser 12Vmax

SK105GDZ

9,790,000 VND

Tia Laser xanh với độ tương phản cao.

new

Phạm vi đo	Lên đến: 35 m
Phạm vi đo với máy dò	Lên đến: 80 m
Vùng hiển thị phương thẳng đứng	±4°
Số đường Laser	2 đường
Thời gian sử dụng	7 - 20 giờ
Vùng nhiệt độ sử dụng	−10°C đến +50°C
Kích thước	138x64x102 mm (với BL1016/BL1021B)
Trọng lượng	0.67 - 0.84 kg

XPT CXT

Tr. 79

SK105GDZ: Không kèm pin, sạc

Túi đựng đồ, bệ máy có nam châm, đĩa CD, thước

Máy Cân Mực Tia Đỏ Laser Dùng Pin/ Rechargeable Red Cross Line Laser 12Vmax

SK106DZ

8,810,000 VND

new

Phạm vi đo	Lên đến: 25 m
Phạm vi đo với máy dò	Lên đến: 80 m
Vùng hiển thị phương thẳng đứng	±4°
Số đường Laser	2 đường
Thời gian sử dụng	15 - 40 giờ
Vùng nhiệt độ sử dụng	−10°C đến +50°C
Kích thước	138x64x102 mm (với BL1016/BL1021B)
Trọng lượng	0.69 - 0.85 kg

XPT CXT

Tr. 80

SK106DZ: Không kèm pin, sạc

Túi đựng đồ, bệ máy có nam châm, đĩa CD, thước

Máy Cân Mực Tia Xanh Laser Dùng Pin/ Rechargeable Green Cross Line Laser 12Vmax

SK106GDZ

14,240,000 VND

Tia Laser xanh với độ tương phản cao.

new

Phạm vi đo	Lên đến: 35 m
Phạm vi đo với máy dò	Lên đến: 80 m
Vùng hiển thị phương thẳng đứng	±4°
Số đường Laser	2 đường
Thời gian sử dụng	7 - 20 giờ
Vùng nhiệt độ sử dụng	−10°C đến +50°C
Kích thước	138x64x102 mm (với BL1016/BL1021B)
Trọng lượng	0.69 - 0.85 kg

XPT CXT

Tr. 80

SK106GDZ: Không kèm pin, sạc

Túi đựng đồ, bệ máy có nam châm, đĩa CD, thước

Máy Cân Mực Laser Tia Xanh Dùng Pin/ Green Multi Line Laser 12Vmax

SK209GDZ

26,810,000 VND

Tia Laser xanh với độ tương phản cao.

Công suất đầu ra	1mW hoặc thấp hơn
Bước sóng	515 nm
Độ rộng	2.5 tại 10 m
Vùng hiển thị phương thẳng đứng	±2°
Số đường Laser	3 đường
Mức bảo vệ	IP54
Thời gian sử dụng	15 - 40 giờ
Vùng nhiệt độ sử dụng	−10°C đến +40°C
Kích thước	122x110x225 mm (với BL1016/BL1021B)
Trọng lượng	1.5 - 1.6 kg

XPT CXT

Tr. 80

SK209GDZ: Không kèm pin, sạc

Hộp đựng đồ, kính bảo hộ, dây đeo vai.

Máy Cân Mực Laser Tia Xanh Dùng Pin/ Green Multi Line Laser 12Vmax

SK312GDZ

32,000,000 VND

Tia Laser xanh với độ tương phản cao.

Công suất đầu ra	1mW hoặc thấp hơn
Bước sóng	515 nm
Độ rộng	2.5 tại 10 m
Vùng hiển thị phương thẳng đứng	±2°
Số đường Laser	3 đường
Mức bảo vệ	IP54
Thời gian sử dụng	10 - 28 giờ
Vùng nhiệt độ sử dụng	−10°C đến +40°C
Kích thước	122x110x225 mm (với BL1016/BL1021B)
Trọng lượng	1.5 - 1.6 kg

XPT CXT

Tr. 80

SK312GDZ: Không kèm pin, sạc

Hộp đựng đồ, kính bảo hộ, dây đeo vai.

Máy Cân Mực Laser/ Laser Level

SK102Z

Tấm lót laser thiết kế mạnh mẽ, tiện dụng.

Phạm vi đo	Lên đến 15 m Với máy dò: 30 m
Phạm vi cân mực chính xác	+-3 mm / 10 m
Phạm vi tự cân bằng	4 +-1°
Loại laser	635 nm
Nhiệt độ hoạt động	-10° - 40°
Nhiệt độ bảo quản	-25° - 70°
Giá 3 chân	6.35 mm
Lớp bảo vệ	IP54
Trọng lượng	0.32 kg

Túi xốp, pin, bản mục tiêu.

Máy Cân Mực Laser/ Line-point Laser

SK103PZ

3 thiết lập: đo thẳng, đo ngang hoặc đo chéo.

Phạm vi đo	Lên đến 15 m Với máy dò: 60 m
Phạm vi cân mực chính xác	+-3 mm / 10 m
Phạm vi tự cân bằng	4 +-1°
Góc quạt ngang	180°
Góc quạt đứng	180°
Số điểm tia laser	4 điểm
Số đường laser	2 đường
Loại laser	635 nm
Nhiệt độ hoạt động	-10°C - 40°C
Nhiệt độ bảo quản	-25°C - 70°C
Giá 3 chân	6.35 mm
Lớp bảo vệ	IP54
Trọng lượng	0.53 kg

Túi có dây đeo, pin AA 1.5Ah, bản mục tiêu, bộ chỉnh lưu.

Các loại máy khác

Máy Cân Mực Laser/ *Cross Line Laser*

SK104Z

3 thiết lập: đo thẳng, đo ngang hoặc đo chéo.

Phạm vi đo	*Lên đến 15 m*
	Với máy dò: 60 m
Phạm vi cân mực chính xác	*+-3 mm / 10 m*
Phạm vi tự cân bằng	*4 +-1˚*
Góc quạt ngang	*180˚*
Góc quạt đứng	*180˚*
Số điểm tia laser	*4 điểm*
Số đường laser	*2 đường*
Loại laser	*635 nm*
Nhiệt độ hoạt động	*-10˚C - 40˚C*
Nhiệt độ bảo quản	*-25˚C - 70˚C*
Giá 3 chân	*6.35 mm*
Lớp bảo vệ	*IP54*
Trọng lượng	*0.53 kg*

Pin AA 1.5Ah (3 pin), bản mục tiêu, bộ chỉnh lưu, túi có dây đeo.

SK103PZ/SK104Z

Với 2 góc quạt ngang 180˚

giúp công việc chính xác hơn

- Góc quạt đứng & góc quạt ngang với chức năng tự đo
- 4 điểm laser thêm tính linh hoạt (chỉ SK103PZ)
- Khả năng nhìn được bằng mắt thường cao
- Thiết kế gọn nhẹ và thuận tiện
- Khóa quả lắc cho khả năng đo chéo
- Chống bụi và thấm nước (nhờ lớp bảo vệ IP54)

Hình ảnh: SK103PZ
với bộ chỉnh lưu nam châm

Máy	Phạm vi đo	Phạm vi cân mực chính xác	Phạm vi tự cân bằng	Góc quạt (ngang/ đứng)	Loại Laser (nm)	Số điểm tia Laser (điểm)	Số đường Laze (đường)	Giá 3 chân	Lớp bảo vệ IP54 (Chống thấm bụi và nước)
SK209GDZ	—	+-1mm/10m	+-2˚	110˚ 130˚	515nm	—	3	15.875mm (5/8")	✓
SK312GDZ	—	+-1mm/10m	+-2˚	110˚ 130˚	515nm	—	3	15.875mm (5/8")	✓
SK105DZ SK105GDZ	Lên đến 25m (SK105D) /35m (SK105GD) Với máy dò: 80m	+-3mm/10m	+-4˚	160˚ 180˚	515nm (SK105GD) 635nm (SK105D)	—	2	15.875mm (5/8")	✓
SK106DZ SK106GDZ	Lên đến 25m (SK106D) /35m (SK106GD) Với máy dò: 80m	+-3mm/10m	+-4˚	170˚ 180˚	515nm (SK106GD) 635nm (SK106D)	4	2	15.875mm (5/8")	✓
SK102Z	Lên đến 15m Với máy dò: 30m	+-3mm/10m	4+-1˚	—	635nm	—	—	6.35mm (1/4")	✓
SK103Z	Lên đến 15m Với máy dò: 60m	+-3mm/10m	4+-1˚	180˚ 180˚	635nm	4	2	6.35mm (1/4")	✓
SK104Z	Lên đến 15m Với máy dò: 60m	+-3mm/10m	4+-1˚	180˚ 180˚	635nm	4	2	6.35mm (1/4")	✓

MÁY CẮT CỎ

- DC — Máy dùng PIN
- 4st — Động cơ 4 thì MM4
- 2st — Động cơ 2 thì

Máy Cắt Cỏ Dùng Pin/ *Grass Trimmer* 18V

DUR365UZ

7,860,000 VND

Năng suất cao và lượng công việc nhiều hơn nhờ 2 pin Li-ion 18V.

18Vx2

Tốc độ không tải	*Cao / Vừa / Thấp:*
	6,500 / 5,300 / 3,500 v/p
Độ rộng lưỡi cắt	*Lưỡi kim loại: 230 mm*
	Lưỡi cước: 350 mm
	Lưỡi nhựa: 255 mm
Kích cỡ trục	*M10 x 1.25 LH*
Kích thước	*1,754x610x460 mm*
Trọng lượng	*4.3 - 5.0 kg*

Tr. 20

DUR365UZ: Không kèm pin, sạc

Lưỡi cắt nhựa, lưỡi cắt nhựa để thay thế (12 cái), tấm chắn bảo vệ, dây đeo vai, cờ lê.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Máy sử dụng ngoài trời

Máy Đa Năng Dùng Pin/ *Multi Function Power Head* 18V

DUX60Z

6,950,000 VND

Phụ kiện đa dạng, đáp ứng nhiều công việc khác nhau.

18Vx2

Công suất	600 W
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 9,700 v/p
	Vừa: 0 - 8,200 v/p
	Thấp: 0 - 5,700 v/p
Kích thước	1,011x320x216 mm
Trọng lượng	4.1 - 8.7 kg

BL MOTOR AFT XPT

Tr. 20

DUX60Z: Không kèm pin, sạc

Dây đeo vai, bộ tay cầm, khóa lục giác, túi đựng phụ kiện.

Thanh nối kéo dài
LE400MP
(196031-6)
Dùng cho
phụ kiện cưa cành,
tỉa hàng rào
& hái cà phê

THUẬN TIỆN HƠN CHO CÔNG VIỆC TRÊN CAO

Có thể cưa cành trên cao
từ khoảng 4.5m đến 5.0m
khi kết hợp với phụ kiện nối dài

Hái cà phê
EJ400MP
(195726-8)

Tỉa sát đất
EN420MP
(198061-3)

Cưa cành
EY401MP
(199925-4)

Xới đất
KR400MP
(195707-2) *160mm*
KR401MP
(199185-8) *220mm*

Cắt cạnh
EE400MP
(196751-2)

Cắt cỏ
EM403MP
(198760-7)

Chổi quét
BR400MP
(199323-2)

Chổi quét nước
SW400MP
(199344-4)

Tỉa hàng rào
EN400MP (195740-4) *1,500mm(59") Có thể điều chỉnh góc*
EN401MP (196302-1) *1,624mm(64") Có thể điều chỉnh góc*
EN410MP (197742-6) *Dạng thẳng*

Sự kết hợp linh hoạt giữa đầu máy và các phụ kiện lý tưởng cho việc mở rộng nhiều ứng dụng khác nhau

Hệ thống dụng cụ đa năng

Máy Cắt Cỏ Dùng Pin/ *Grass Trimmer* 18V

DUR187URF/DUR187UZ

8,120,000 VND / 4,960,000 VND

Thân máy gọn, nhẹ, giảm thiểu mệt mỏi khi vận hành.

18V

Tốc độ không tải	Cao/Vừa/Thấp/Chế độ ADT: 6,000 / 5,000 / 4,000 / 4,000 - 6,000 v/p
Cắt với	Lưỡi cước: 300 mm
	Lưỡi nhựa: 255 mm
Kích cỡ trục	M8 x 1.25 LH
Kích thước	1,791x600x472 mm
Trọng lượng	3.2 - 3.5 kg

BL MOTOR XPT ADT

Tr. 55

DUR187URF: Sạc nhanh, pin 3.0Ah
DUR187UZ: Không kèm pin, sạc

Bát cước, bộ dụng cụ, dây đeo, dây thép bảo vệ.

Máy Cắt Cỏ Dùng Pin/ *Grass Trimmer* 18V

DUR189Z

5,000,000 VND

Thân máy gọn, nhẹ, giảm thiểu mệt mỏi khi vận hành.

18V

Công suất	240 W
Tốc độ không tải	Cao/Vừa/Thấp/chế độ ADT: 6,000 / 5,000 / 4,000 / 4,000 - 6,000 v/p
Cắt với	Lưỡi cước: 300 mm
	Lưỡi nhựa: 255 mm
Kích cỡ trục	M8 x 1.25 RH
Thời gian sử dụng tối đa (BL1860B)	Lưỡi cắt cước: 168 phút
	Lưỡi cắt nhựa: 219 phút
Kích thước	1,518-1,618x258x396 mm
Trọng lượng	3.0 - 3.3 kg

BL MOTOR XPT ADT

Tr. 55

DUR189Z: Không kèm pin, sạc

Vui lòng liên hệ phòng dịch vụ để biết thêm chi tiết.

Máy Cắt Cỏ Dùng Pin/ *Grass Trimmer* 12Vmax

UR100DWYE/UR100DZ

5,480,000 VND / 2,920,000 VND

Thiết kế cân bằng tốt và chức năng điều chỉnh đáp ứng phù hợp với người dùng.

12V max

Độ rộng cắt	Lưỡi cước: 260 mm
	Lưỡi nhựa: 230 mm
Tốc độ không tải	Lưỡi cước: 9,000 v/p
	Lưỡi nhựa: 10,000 v/p
Kích cỡ trục	M8 x 1.25 LH
Kích thước	835-1,185x267x210-315 mm
Trọng lượng	2.1 - 2.3 kg

CXT XPT

Tr. 81

UR100DWYE: Sạc, 2 pin 1.5Ah
UR100DZ: Không kèm pin, sạc

Tấm chắn bảo vệ, vành bảo vệ bằng kim loại, khóa lục giác, lưỡi cước thay thế, túi đựng phụ kiện.

Máy Cắt Cỏ Dạng Cước Dùng Pin/ *String Trimmer* 36V

BBC300LRDE

26,120,000 VND

Độ rung và tiếng ồn cực kỳ thấp.

36V

Công suất	0.5 kW
Tốc độ không tải	Cao: 0 - 6,600 v/p
	Thấp: 0 - 4,900 v/p
Độ rộng lưỡi cắt	Lưỡi cước: 300 mm
Kích cỡ trục	M10 x 1.25 LH
Kích thước	1,850x340x325 mm
Trọng lượng	5.9 kg

BL MOTOR

Tr. 86

BBC300LRDE: Sạc nhanh, 2 pin 2.6Ah

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Máy sử dụng ngoài trời

Máy cắt cỏ chạy xăng/ *Petrol Brushcutter*

EM2550UH 24.5mL - 4 thì

4st

Dung tích	24.5 mL
Độ rộng lưỡi cắt	230 mm
Công suất động cơ	0.71 kw
Bình chứa nhiên liệu	0.8 L
Kích cỡ trục	M8 x 1,25 LH
Kích thước	1,770x595x370 mm
Trọng lượng	5,2 kg

MM4

Tấm chắn cỏ, bộ dụng cụ.

Máy Cắt Cỏ Chạy Xăng/ *Petrol Brushcutter*

EBH340U 33.5mL - 4 thì

Đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn về môi trường.

4st

Dung tích	33.5 mL
Độ rộng lưỡi cắt	305 mm
Công suất động cơ	1.07 kW
Bình chứa nhiên liệu	0.65 L
Kích cỡ trục	M10 x 1.25 LH
Kích thước	1,900x645x510 mm
Trọng lượng	7.5 kg

Trọng lượng: không bao gồm lưỡi, dây đeo và nhiên liệu

MM4

Lưỡi cắt hợp kim TCT, bộ dụng cụ, dây đeo.

Máy Tỉa Mép Chạy Xăng/ *Petrol Edger*

EE2650H 25.4mL - 4 thì

Thân thiện với môi trường và tiết kiệm chi phí. Động cơ 4 thì 25.4mL với hệ thống bôi trơn.

4st

Dung tích	25.4 mL
Công suất động cơ	0.77 kW
Bình chứa nhiên liệu	0.6 L
Kích thước	1,773x242x315 mm
Trọng lượng	6.6 kg

Trọng lượng: không bao gồm dây đeo và nhiên liệu

MM4

Bình dầu, lưỡi cắt, bộ dụng cụ.

Máy đa năng chạy xăng/ *Multi Function Power Head*

EX2650LH 25mL - 4 thì

Thân thiện môi trường và tiết kiệm chi phí với động cơ 4 thì 25.4mL.

4st

Dung tích	25.4 mL
Công suất động cơ	0.77 kW
Bình chứa nhiên liệu	0.6 L
Kích cỡ trục	M10 x 1.25 LH
Kích thước	975x323x241 mm
Trọng lượng	4.6 kg

MM4

Bộ dụng cụ.

Hệ thống dụng cụ đa năng

Có thể đáp ứng được hàng loạt các nhu cầu với hệ thống phụ kiện đa năng

Cắt cỏ **EM400MP** (195660-2)

Lưỡi cắt dạng cước **ER400MP** (195530-5)

Cưa cành **EY401MP** (196100-3)

Tỉa cành

EN400MP (195740-4) *1,500mm(59")*

EN401MP (196302-1) *1,624mm(64")*

Có thể điều chỉnh góc

EN410MP (197742-6) *Dạng thẳng*

Tỉa sát đất **EN420MP** (198061-3)

Xới đất **KR400MP** (195707-2) *160mm*

KR401MP (199185-8) *220mm*

Cắt cạnh **EE400MP** (196751-2)

Hái cà phê **EJ400MP** (195726-8)

Thanh nối kéo dài **LE400MP** (196031-6)

Chiều dài: 1,080mm

Dùng cho phụ kiện cưa cành, tỉa hàng rào & hái cà phê

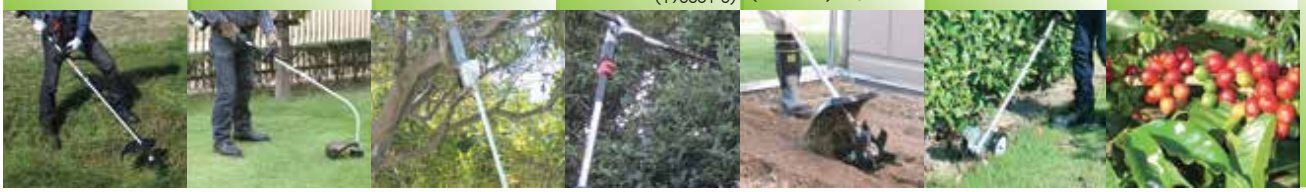

Máy Hái Cà Phê/ *Coffee Harvester*

EJ2651WHG 25.4mL- 4 thì

Công cụ tối ưu cho việc hái cà phê.

4st

Dung tích	25.4 mL
Công suất động cơ	0.77 kW
Bình chứa nhiên liệu	0.6 L
Kích thước	1,535x350x241 mm
Trọng lượng	5.6 kg

Trọng lượng: không bao gồm nhiên liệu

MM4

Dây đeo, khóa đầu ống, khóa lục giác, cờ lê, bình châm dầu.

Máy Cắt Cỏ Chạy Xăng, Đeo Vai/ *Backpack Petrol Brushcutter*

EBH340R 33.5mL - 4 thì

Đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn về môi trường.

4st

Dung tích	33.5 mL
Độ rộng lưỡi cắt	255 mm
Công suất động cơ	1.07 kW
Bình chứa nhiên liệu	0.65 L
Kích cỡ trục	M10 x 1.25 LH
Kích thước	400x325x395 mm
Trọng lượng	9.8 kg

Có thể kết hợp phụ kiện hái cà phê **197163-2** với máy cắt cỏ **EBH340R** để sử dụng cho việc thu hoạch cà phê

Trọng lượng: không bao gồm lưỡi, dây đeo và nhiên liệu

MM4

Lưỡi cắt, bộ dụng cụ.

Máy sử dụng ngoài trời

Máy Cắt Cỏ Chạy Xăng/ *Petrol Brushcutter*

EM2500U 24.5mL

2st

Dung tích	24.5 mL
Độ rộng lưỡi cắt	230 mm
Công suất động cơ	0.73 kW
Bình chứa nhiên liệu	0.4 L
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	50 : 1
Kích cỡ trục	M8 x 1.25 LH
Kích thước	1,770x620x410 mm
Trọng lượng	4.5 kg

Trọng lượng: không bao gồm lưỡi, dây đeo và nhiên liệu

Lưỡi 4 cạnh, bát cước, tuýp lục giác, khóa lục giác, dây đeo vai, bảo vệ lưỡi.

Máy Cắt Cỏ Chạy Xăng/ *Petrol Brushcutter*

EM3400U 34mL

Trọng lượng nhẹ nhưng công suất mạnh mẽ 1.15kW.

2st

Dung tích	34.0 mL
Độ rộng lưỡi cắt	255 mm
Công suất động cơ	1.15 kW
Bình chứa nhiên liệu	0.75 L
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	50 : 1
Kích cỡ trục	M10 x 1.25 LH
Kích thước	1,815x650x435 mm
Trọng lượng	6.4 kg

Trọng lượng: không bao gồm bảo vệ lưỡi, lưỡi cắt

Lưỡi 2 cạnh, giữ lưỡi, dây đeo đơn, bộ dụng cụ.

Máy Cắt Cỏ Chạy Xăng/ *Petrol Brushcutter*

RBC411U 40.2mL

Máy cắt cỏ Makita mạnh lý tưởng cho cắt cỏ chuyên nghiệp.

2st

Dung tích	40.2 mL
Độ rộng lưỡi cắt	305 mm
Công suất động cơ	1.40 kW
Bình chứa nhiên liệu	1.1 L
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	25 : 1
Kích cỡ trục	M10 x 1.25 LH
Kích thước	1,705x620x435 mm
Trọng lượng	7.3 kg

Trọng lượng: không bao gồm lưỡi, dây đeo và nhiên liệu

Lưỡi 2 cạnh, bảo vệ lưỡi , dụng cụ bảo hộ lao động, bộ dụng cụ, bát cước, bình pha nhiên liệu.

Máy Cắt Cỏ Chạy Xăng/ *Petrol Brushcutter*

RBC413U 40.2mL

Máy cắt cỏ Makita mạnh, lý tưởng cho cắt cỏ chuyên nghiệp.

2st

Dung tích	40.2 mL
Độ rộng lưỡi cắt	305 mm
Công suất động cơ	1.40 kW
Bình chứa nhiên liệu	1.1 L
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	25 : 1
Kích cỡ trục	M10 x 1.25 LH
Kích thước	1,710x650x435 mm
Trọng lượng	7.1 kg

Trọng lượng: không bao gồm lưỡi, dây đeo và nhiên liệu

Lưỡi 2 cạnh, bảo vệ lưỡi, dây đeo, bộ dụng cụ, lưỡi cắt mép.

Bảng so sánh máy cắt cỏ

Máy dùng pin *(V)*		Tốc độ không tải *(vòng / phút)*	Kích cỡ trục	Độ rộng lưỡi cắt *(mm)*	Trọng lượng *(kg)*
DUR365U	18Vx2	Cao/vừa/thấp: 6,500/5,300/3,500	M10 X 1.25LH	Lưỡi kim loại: 230 / Lưỡi cước: 350/ Lưỡi cao su: 255	7.7
DUR187U	18V	Cao/vừa/thấp/chế độ ADT: 6,000/5,000/4,000/4,000 - 6,000	M8 X 1.25LH	Lưỡi nhựa: 300 / Lưỡi cước: 255	3.6
DUR189U	18V	Cao/vừa/thấp/chế độ ADT: 6,000/5,000/4,000/4,000 - 6,000	M8 X 1.25LH	Lưỡi nhựa: 255 / Lưỡi cước: 300	3.0 - 3.3
UR100D	12V max	Lưỡi cước: 9,000 / Lưỡi nhựa: 10,000	M8 X 1.25LH	Lưỡi cước: 260 / Lưỡi nhựa: 230	2.1 - 2.3

Động cơ chạy xăng *(4 thì / 2 thì)*		Dung tích *(mL)*	Công suất động cơ *(kW)*	Bình chứa nhiên liệu *(L)*	Kích cỡ trục	Độ rộng lưỡi cắt *(mm)*	Trọng lượng *(kg)*
EM2550UH	4 thì	24.5	0.71	0.80	M8 X 1.25LH	230	5.2
EM2500U	2 thì	24.5	0.73	0.40	M8 X 1.25LH	230	4.5
EBH340U	4 thì	33.5	1.07	0.65	M10 X 1.25LH	305	7.5
EBH340R	4 thì	33.5	1.07	0.65	M10 X 1.25LH	255	9.8
EM3400U	2 thì	34.0	1.15	0.75	M10 X 1.25LH	255	6.4
RBC411U	2 thì	40.2	1.40	1.10	M10 X 1.25LH	305	7.3
RBC413U	2 thì	40.2	1.40	1.10	M10 X 1.25LH	305	7.1

Máy sử dụng ngoài trời

MÁY CƯA XÍCH

- DC Máy dùng PIN
- AC Máy dùng ĐIỆN
- 4st Động cơ 4 thì MM4
- 2st Động cơ 2 thì

Máy Cưa Xích Dùng Pin/ *Chain Saw* 18V

DUC353Z 350mm

7,940,000 VND

Máy cưa xích 350mm sử dụng 2 pin Lithium 18V.

18Vx2

Chiều dài lam	350 mm
Lưỡi cưa xích	Bước răng: 3/8"
	Bề dày mắt xích: 0,043" - 0,050"
Tốc độ xích	0 - 20 m/s
Bình cấp dầu cưa xích	200 mL
Kích thước	773x215x235 mm
Trọng lượng	4.6 - 5.5 kg

BL MOTOR XPT

Tr. 19

DUC353Z: Không kèm pin, sạc

Xích, lưỡi lam (350mm), vỏ lam, bình dầu.

Máy Cưa Xích Dùng Pin/ *Chain Saw* 18V

DUC254Z 250mm

6,710,000 VND

Hiệu suất cao tương đương máy cưa xích chạy xăng.

18V

Chiều dài lam	250 mm
Lưỡi cưa xích	Bước răng : 3/8"
	Bề dày mắt xích : 1.1 mm
Tốc độ xích	0 - 24 m/s
Bình cấp dầu cưa xích	140 mL
Kích thước	256x185x190 mm
Trọng lượng	2.8 - 3.3 kg

Tr. 55

DUC254Z: Không kèm pin, sạc

Lam, vỏ lam, xích, khóa mở bu-gi, túi đựng phụ kiện.

Máy Cưa Xích/ *Chain Saw*

5012B 300mm

Thiết kế nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ.

ĐIỆN

Công suất	1,140 W
Tốc độ xích	1.600 m
Chiều dài lam	300 mm
Lưỡi cưa xích	Bước răng: 3/8"
	Bề dày mắt xích 0.050"
Tổng chiều dài	560 mm
Trọng lượng	4.4 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

153

Xích, lưỡi lam (300mm), bình dầu, tua vít, dũa, tuýp 13.

Máy Cưa Xích/ *Chain Saw*

5016B 405mm

Thiết kế gọn nhẹ.

ĐIỆN

Công suất	1,300 W
Tốc độ xích/phút	400 m
Chiều dài lam	405 mm
Lưỡi cưa xích	Bước răng: 3/8"
	Bề dày mắt xích: 0.050"
Tổng chiều dài	750 mm
Trọng lượng	5.8 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

153

Xích, lưỡi lam (405mm), bình dầu, tua vít, dũa, tuýp 13.

Máy Cưa Xích/ *Chain Saw*

UC3041A 300mm

Cần điều chỉnh xích mới giúp tăng xích dễ dàng.
mà không cần dụng cụ; hệ thống bơm dầu được cải tiến.

ĐIỆN

Công suất	1,800 W
Tốc độ xích	870 m
Chiều dài lam	300 mm
Lưỡi cưa xích	Bước răng : 3/8"
	Bề dày mắt xích: 0.043"
Tổng chiều dài	455 mm
Trọng lượng	4.6 - 4.7 kg
Dây dẫn điện	3.0 m

132

Tổng chiều dài: không bao gồm lưỡi và lam

Xích, lưỡi lam (300mm).

Máy Cưa Xích/ *Chain Saw*

UC4041A 400mm

Cần điều chỉnh xích mới giúp tăng xích dễ dàng.
mà không cần dụng cụ; hệ thống bơm dầu được cải tiến.

ĐIỆN

Công suất	1,800 W
Tốc độ xích	870 m
Chiều dài lam	400 mm
Lưỡi cưa xích	Bước răng: 3/8"
	Bề dày mắt xích: 0.043"
Tổng chiều dài	455 mm
Trọng lượng	4.8 - 4.9 kg
Dây dẫn điện	3.0 m

132

Tổng chiều dài: không bao gồm lưỡi và lam

Xích, lưỡi lam (400mm).

Máy Cưa Xích/ *Chain Saw*

UC4051A 400mm

Cần điều chỉnh xích mới giúp tăng xích dễ dàng.
mà không cần dụng cụ; hệ thống bơm dầu được cải tiến.

ĐIỆN

Công suất	1,800 W
Tốc độ xích/phút	870 m
Chiều dài lam	400 mm
Lưỡi cưa xích	Bước răng : 3/8"
	Bề dày mắt xích : 0.050"
Tổng chiều dài	505 mm
Trọng lượng	5.6 kg
Dây dẫn điện	3.0 m

153

Tổng chiều dài: không bao gồm lưỡi và lam

Xích, lưỡi lam (400mm).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Máy sử dụng ngoài trời

Máy Cưa Xích/ *Chain Saw*

UC4551A 450mm

Cần điều chỉnh xích mới giúp tăng xích dễ dàng mà không cần dụng cụ; hệ thống bơm dầu được cải tiến.

ĐIỆN

Công suất	2,000 W
Tốc độ xích/phút	870 m
Chiều dài lam	450 mm
Lưỡi cưa xích	Bước răng : 3/8"
	Bề dày mắt xích : 0.050"
Tổng chiều dài	505 mm
Trọng lượng	5.7 kg
Dây dẫn điện	3.0 m

153

Tổng chiều dài: không bao gồm lưỡi và lam

Xích, lưỡi lam (450mm).

Máy Cưa Cành Trên Cao Chạy Xăng/ *Telescopic Petrol Pole Saw*

EY2650H25H 255mm (24.5ml - 4 thì)

4st

Lưỡi cưa xích	Bước răng: 3/8"
	Bề dày mắt xích:
	0.050"
Chiều dài lam	255 mm
Dung tích	25.4 mL
Công suất động cơ	0.77 kW
Bình chứa nhiên liệu	0.6 L
Kích thước	2,720x223x240 mm
Trọng lượng	7.2 kg

MM4

Bộ dụng cụ.

Máy Cưa Xích Chạy Xăng/ *Petrol Chain Saw*

DCS232T 250mm

Trọng lượng nhẹ và hệ thống khởi động dễ dàng.

2st

Lưỡi cưa xích	Bước răng : 3/8"
	Bề dày mắt xích:
	0.050"
Chiều dài lam	250 mm
Dung tích	22.2 mL
Công suất động cơ	0.74 kW
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	50 : 1
Bình chứa nhiên liệu	0.2 L
Bình cấp dầu cưa xích	0.19 L
Trọng lượng	2.5 kg

Trọng lượng : không bao gồm lam và xích

Xích, lưỡi lam (250mm), vỏ lam, cờ lê.

Máy Cưa Xích Chạy Xăng/ *Petrol Chain Saw*

EA3201S40B 300, 350,400mm

Hệ thống giảm rung.

2st

Lưỡi cưa xích	Bước răng: 3/8 "
	Bề dày mắt xích:
	0,043"/ 0,050"
Dung tích	32 mL
Công suất động cơ	1.35 kW
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	50 : 1
Bình chứa nhiên liệu	0.4 L
Bình cấp dầu cưa xích	0.28 L
Trọng lượng	4.2 kg

Trọng lượng : không bao gồm lam và xích

Xích, lưỡi lam (400mm), vỏ lam, tua vít, tuýp mở bu-gi.

Máy Cưa Xích Chạy Xăng/ *Petrol Chain Saw*

EA3503S40B 300/350/400mm

Cưa xích công suất cao dùng cho nhà và vườn.

2st

Lưỡi cưa xích	Bước răng: 3/8 "
	Bề dày mắt xích:
	0,043"/ 0,050"
Dung tích	35 mL
Công suất động cơ	1.7 kW
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	50 : 1
Bình chứa nhiên liệu	0.4 L
Bình cấp dầu cưa xích	0.29 L
Trọng lượng	4.5 kg

Trọng lượng : không bao gồm lam và xích

Lưỡi lam (400mm), vỏ lam, cờ lê.

Máy Cưa Xích Chạy Xăng/ *Petrol Chain Saw*

EA3601F40B 350, 400mm

Phù hợp với các quy định về khí thải nhờ động cơ làm sạch phân tầng.

2st

Lưỡi cưa xích	Bước răng: 3/8 "
	Bề dày mắt xích:
	0,050"
Dung tích	35.2 mL
Công suất động cơ	1.7 kW
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	50 : 1
Bình chứa nhiên liệu	0.31 L
Bình cấp dầu cưa xích	0.26 L
Trọng lượng	4.2 kg

Trọng lượng : không bao gồm lam và xích

Lưỡi lam (400mm), vỏ bảo vệ, cờ lê.

Máy Cưa Xích Chạy Xăng/ *Petrol Chain Saw*

EA4301F45B 330/380/400/450mm

Khởi động nhanh và tính cơ động cao.

2st

Lưỡi cưa xích	Bước răng:
	0.325" hoặc 3/8 "
	Bề dày mắt xích:
	0,050"
Dung tích	42.4 mL
Công suất động cơ	2.2 kW
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	50 : 1
Bình chứa nhiên liệu	0.48 L
Bình cấp dầu cưa xích	0.28 L
Trọng lượng	4.8 kg

Trọng lượng : không bao gồm lam và xích

Lưỡi lam (450mm), vỏ lam, cờ lê.

Máy Cưa Xích Chạy Xăng/ *Petrol Chain Saw*

EA5600F53EX 330/380/400/450mm

2st

Lưỡi cưa xích	Bước răng: 3/8 "
	Bề dày mắt xích:
	0,050"
Dung tích	55.7 mL
Công suất động cơ	3.0 kW
Bình chứa nhiên liệu	0.6 L
Bình cấp dầu cưa xích	0.3 L
Kích thước	430x237x297 mm
Trọng lượng	5.8 kg

Trọng lượng : không bao gồm lam và xích

Xích, lưỡi lam (450mm), vỏ lam, tua vít, tuýp mở bu-gi.

Máy sử dụng ngoài trời

Máy Cưa Xích Chạy Xăng/ *Petrol Chain Saw*

DCS6401 380/450/500mm

Phù hợp với các quy định về khí thải nhờ động cơ làm sạch phân tầng.

2st

Lưỡi cưa xích	Bước răng: 3/8" Bề dày mắt xích: 0.058"
Dung tích	64 mL
Công suất động cơ	3.5 kW
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	50 : 1
Bình chứa nhiên liệu	0.75 L
Bình cấp dầu cưa xích	0.42 L
Trọng lượng	6.3 kg

Tuýp mở ốc (Máy không kèm lưỡi lam và xích).

Bảng so sánh máy cưa xích

Máy dùng pin (V)		Chiều dài lam (mm)	Lưỡi cưa xích (") Bước răng	Lưỡi cưa xích (") Bề dày mắt xích	Bình cấp dầu cưa xích (L)	Trọng lượng (kg)
DUC353	18Vx2	350	3/8"	0.043" 0.050"	0.2	4.6 - 5.5
DUC254	18V	250	3/8"	0.043"	0.14	2.8 - 3.3

Máy dùng điện	Chiều dài lam (mm)	Lưỡi cưa xích (") Bước răng	Lưỡi cưa xích (") Bề dày mắt xích	Công suất (W)	Tốc độ xích/ phút (m)	Dây dẫn điện (m)	Trọng lượng (kg)
5012B	300	3/8"	0.050"	1,140	1,600	5.0	4.4
UC3041A	300	3/8"	0.043"	1,800	870	3.0	4.6
UC4041A	400	3/8"	0.043"	1,800	870	3.0	4.8
UC4051A	400	3/8"	0.050"	1,800	870	3.0	5.6
5016B	405	3/8"	0.050"	1,300	400	5.0	5.8
UC4551A	450	3/8"	0.050"	2,000	870	3.0	5.7

Động cơ chạy xăng (4 thì / 2 thì)		Chiều dài lam (mm)	Lưỡi cưa xích (") Bước răng	Lưỡi cưa xích (") Bề dày mắt xích	Công suất (W)	Dung tích (mL)	Bình chứa nhiên liệu (L)	Bình cấp dầu cưa xích (L)	Trọng lượng (kg)
DCS232T	2 thì	250	3/8"	0.050"	740	22.2	0.2	0.19	2.5
EA3201S	2 thì	300/350/400	3/8"	0.043"- 0.050"	1,350	32	0.4	0.28	4.2
EA3503S	2 thì	300/350/400	3/8"	0.043"- 0.050"	1,700	35	0.4	0.29	4.5
EA3601F	2 thì	350/400	3/8"	0.050"	1,700	35.2	0.31	0.26	4.2
EA4301F	2 thì	330/380 400/450	0.325" 3/8"	0.050"	2,200	42.4	0.48	0.28	4.8
EA5600F53EX	2 thì	330/380 400/450	3/8"	0.050"	3,000	55.7	0.6	0.3	5.8
DCS6401	2 thì	380/450/500	3/8"	0.058"	3,500	64	0.75	0.42	6.3
DCS7300	2 thì	380/450/ 500/600	3/8"	0.058"	4,200	72.6	0.75	0.42	6.3

Máy sử dụng ngoài trời

makita

MÁY CẮT

4st Động cơ 4 thì MM4

2st Động cơ 2 thì

Máy Cắt Bê Tông/ *Power Cutter*

EK7651H 355mm - 75.6mL

Động cơ 4 thì , thân thiện môi trường, tiết kiệm chi phí .

4st

Đường kính lưỡi cắt	355 mm
Động cơ	75.6 mL
Cắt sâu tối đa	122 mm
Tốc độ không tải	4,300 v/p
Tốc độ cắt	80 m/s
Công suất động cơ	3.0 kW
Bình chứa nhiên liệu	1.1 L
Kích thước	780x310x455mm
Trọng lượng	14.2 kg

Mã số lưỡi cắt: D-56998

MM4

Trọng lượng: không bao gồm lưỡi cắt và nhiên liệu

Bộ dụng cụ.

TĂNG HIỆU SUẤT MM4

CẢI TIẾN	THUẬN TIỆN	HIỆU SUẤT	ĐỘ BỀN
Bộ chế hòa khí áp lực cao làm giảm ứ đọng nhiên liệu.	Bộ bánh xe được thu lại khi không sử dụng.	Bơm nhiên liệu cho việc khởi động lạnh dễ dàng hơn.	Hệ thống lọc 5 tầng làm động cơ bền hơn.

Lợi ích của động cơ 4 thì

- Không phải trộn nhiên liệu, đơn giản hóa hoạt động và ngăn ngừa hỏng động cơ do pha hỗn hợp nhiên liệu không đúng tỷ lệ.
- Thiết kế hệ thống trữ dầu riêng biệt.
- Tiếng ồn thấp hơn 106.5dB và êm giúp vận hành liên tục.
- Tiết kiệm nhiên liệu.
- Giảm khí thải và lượng cacbon tích tụ cho tuổi thọ xilanh dài hơn.

PHỤ KIỆN LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG

Dành cho máy cắt bê tông 355mm & 405mm

Lưỡi cắt kim cương A-87317 — LOẠI TỐT HƠN
Sử dụng cho máy cắt bê tông 355mm

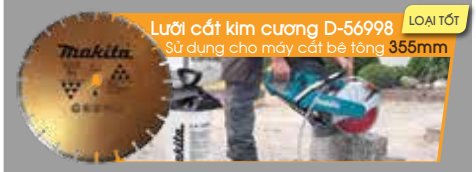

Lưỡi cắt kim cương D-56998 — LOẠI TỐT
Sử dụng cho máy cắt bê tông 355mm

Lưỡi cắt kim cương D-57009 — LOẠI TỐT
Sử dụng cho máy cắt bê tông 405mm

Máy Cắt Bê Tông/ *Power Cutter*

EK6101 355mm

Thiết kế nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ để cắt dễ dàng hơn ở bất kì vị trí nào.

2st

Đường kính lưỡi cắt	355 mm
Động cơ	61 mL
Cắt sâu tối đa	130 mm
Tốc độ không tải	4,400 v/p
Tốc độ cắt	80 m/s
Công suất động cơ	3.2 kW
Bình chứa nhiên liệu	0.7 L
Tổng chiều dài	730 mm
Trọng lượng	8.8 kg

Mã số lưỡi cắt: D-56998

2st

Trọng lượng: không bao gồm lưỡi cắt và nhiên liệu

Tuýp mở bu-gi, tua-vít.

Máy Cắt Bê Tông/ *Power Cutter*

EK8100WS 405mm

Dòng máy cắt nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ.

2st

Đường kính lưỡi cắt	405 mm
Động cơ	81 mL
Cắt sâu tối đa	147 mm
Tốc độ không tải	3,820 v/p
Tốc độ cắt	80 m/s
Công suất động cơ	4.2 kW
Bình chứa nhiên liệu	1.1 L
Tổng chiều dài	830 mm
Trọng lượng	10.6 kg

Mã số lưỡi cắt: D-57009

2st

Trọng lượng: không bao gồm lưỡi cắt và nhiên liệu

Tuýp mở bu-gi, tua-vít

Động cơ chạy xăng (4 thì / 2 thì)		Đường kính lưỡi cắt (mm)	Cắt sâu tối đa (mm)	Động cơ (mL)	Tốc độ không tải (vòng/phút)	Tốc độ cắt (m/s)	Công suất (kW)	Bình chứa nhiên liệu (L)	Trọng lượng (kg)
EK7651H	4 thì	355	122	75.6	4,300	80	3.0	1.1	14.2
EK6101	2 thì	355	130	61	4,400	80	3.2	0.7	8.8
EK8100WS	2 thì	405	147	81	3,820	80	4.2	1.1	10.6

Máy sử dụng ngoài trời

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 18V

DUH501Z *500 mm*

Vui lòng liên hệ về giá

Công suất cao, tốc độ cao

new 18V

Chiều dài lưỡi cắt	*500 mm*
Nhịp cắt	*Cao/ Vừa / Thấp*
	0 - 4,400 / 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p
Kích thước	*1,016x192x225 mm*
Trọng lượng	*3.8 - 4.2 kg*

Hình dạng lưỡi tối ưu để cắt mượt

Lưỡi cắt sắc bén :
Lưỡi dao trên cong xuống
Lưỡi dao dưới cong lên
Điểm kết nối là 2 đầu đỉnh

BL MOTOR

Tr. 56

DUH501Z: Không kèm pin, sạc

Bảo vệ lưỡi

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 18V

DUH502Z *500 mm*

7,790,000 VND

Công suất cao, tốc độ cao

new 18V

Chiều dài lưỡi cắt	*500 mm*
Nhịp cắt	*Cao/ Vừa / Thấp*
	0 - 4,400 / 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p
Kích thước	*1,016x192x225 mm*
Trọng lượng	*3.8 - 4.2 kg*

BL MOTOR

Tr. 56

DUH502Z: Không kèm pin, sạc

Bảo vệ lưỡi

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 18V

DUH601Z *600 mm*

9,170,000 VND

Công suất cao, tốc độ cao

new 18V

Chiều dài lưỡi cắt	*600 mm*
Nhịp cắt	*Cao/ Vừa / Thấp*
	0 - 4,400 / 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p
Kích thước	*1,121x192x225 mm*
Trọng lượng	*4.0 - 4.3 kg*

Hình dạng lưỡi tối ưu để cắt mượt

Lưỡi cắt sắc bén :
Lưỡi dao trên cong xuống
Lưỡi dao dưới cong lên
Điểm kết nối là 2 đầu đỉnh

BL MOTOR

Tr. 56

DUH601Z: Không kèm pin, sạc

Bảo vệ lưỡi

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 18V

DUH602RT/DUH602Z *600 mm*

Vui lòng liên hệ về giá/ 7,960,000 VND

Công suất cao, tốc độ cao

new 18V

Chiều dài lưỡi cắt	*600 mm*
Nhịp cắt	*Cao/ Vừa / Thấp*
	0 - 4,400 / 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p
Kích thước	*1,121x192x225 mm*
Trọng lượng	*3.9 - 4.3 kg*

BL MOTOR

Tr. 56

DUH602RT: Sạc nhanh, pin 5.0 Ah
DUH602Z: Không kèm pin, sạc

Bảo vệ lưỡi

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 18V

DUH751Z *750 mm*

9,550,000 VND

Công suất cao, tốc độ cao

new 18V

Chiều dài lưỡi cắt	*750 mm*
Nhịp cắt	*Cao/ Vừa / Thấp*
	0 - 4,400 / 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p
Kích thước	*1,261x192x225 mm*
Trọng lượng	*4.1 - 4.5 kg*

Hình dạng lưỡi tối ưu để cắt mượt

Lưỡi cắt sắc bén :
Lưỡi dao trên cong xuống
Lưỡi dao dưới cong lên
Điểm kết nối là 2 đầu đỉnh

BL MOTOR

Tr. 56

DUH751Z: Không kèm pin, sạc

Bảo vệ lưỡi

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 18V

DUH752RT/DUH752Z *750 mm*

Vui lòng liên hệ về giá/ 8,320,000 VND

Công suất cao, tốc độ cao

new 18V

Chiều dài lưỡi cắt	*750 mm*
Khả năng cắt	*21.5 mm*
Nhịp cắt	*Cao/ Vừa / Thấp*
	0 - 4,400 / 0 - 3,600 / 0 - 2,000 l/p
Kích thước	*1,261x192x225 mm*
Trọng lượng	*4.1 - 4.5 kg*

BL MOTOR

Tr. 56

DUH752RT: Sạc nhanh, pin 5.0 Ah
DUH752Z: Không kèm pin, sạc

Bảo vệ lưỡi

Máy Tỉa Cỏ Dùng Pin/ *Grass Shear* 18V

DUM604SY/DUM604Z 160mm

5,420,000 VND / 2,480,000 VND

Có thể thay lưỡi tỉa cỏ với lưỡi tỉa hàng rào, đáp ứng đa dạng về công việc.

18V

Chiều dài lưỡi cắt	*160 mm*
Điều chỉnh độ sâu	*15, 20, 25 mm*
Nhịp cắt	*2,500 l/p*
Kích thước	*337x177x131 mm*
Trọng lượng	*1.4 -1.8 kg*

Mã số lưỡi cắt: 195267-4

2in1

Tr. 57

DUM604SY: Sạc, pin 1.5Ah
DUM604Z: Không kèm pin, sạc

Tấm chắn bảo vệ, bộ bảo vệ lưỡi. (Máy kèm lưỡi cắt).

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Máy sử dụng ngoài trời

Máy Tỉa Cỏ Dùng Pin/ *Grass Shear* 12Vmax

UM600DSYE/UM600DZ 160mm

4,980,000 VND / 2,160,000 VND

Có thể thay lưỡi tỉa cỏ với lưỡi tỉa hàng rào, đáp ứng đa dạng về công việc.

12V max

Chiều dài lưỡi cắt	160 mm
Độ sâu cắt	15, 20, 25 mm
Nhịp cắt	2,500 l/p
Kích thước	329x177x131 mm
Trọng lượng	1.3 - 1.5 kg

Mã số lưỡi cắt: 195267-4

2in1 CXT XPT

Tr. 81

UM600DSYE: Sạc nhanh, 2 pin 1.5Ah
UM600DZ: Không kèm pin, sạc

Tấm chắn bảo vệ, bộ bảo vệ lưỡi (Máy kèm lưỡi cắt).

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 12Vmax

UH201DSY/UH201DZ 200mm

3,120,000 VND / 1,800,000 VND

Có thể thay lưỡi tỉa cỏ với lưỡi tỉa hàng rào, đáp ứng đa dạng về công việc.

12V max

Chiều dài lưỡi cắt	200 mm
Nhịp cắt	2,500 l/p
Kích thước	504x120x131 mm
Trọng lượng	1.3 - 1.5 kg

Mã số lưỡi cắt: 198409-9

2in1 CXT XPT

Tr. 81

UH201DSY: Sạc nhanh, pin 1.5Ah
UH201DZ: Không kèm pin, sạc

Hộp chứa cỏ, tấm chắn bảo vệ, bộ bảo vệ lưỡi (Máy kèm lưỡi cắt).

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 12Vmax

UH353DSY/UH353DZ 350mm

4,360,000 VND / 2,470,000 VND

Trọng lượng nhẹ, độ rung thấp, độ ồn thấp

new

Công suất	170W
Chiều dài lưỡi cắt	350 mm
Nhịp cắt	3,300 l/p
Kích thước	BL1016/BL1021B: 693x175x165 mm BL1041B: 11x175x165 mm
Trọng lượng	2.0 - 2.1 kg

CXT XPT

Tr. 81

UH353DSY: Sạc nhanh, pin 1.5Ah
UH353DZ: Không kèm pin, sạc

Vui lòng liên hệ phòng dịch vụ để biết thêm chi tiết

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 36V

UH650DWB 650mm

13,910,000 VND

36V

Công suất	0,3 2 kW
Chiều dài lưỡi cắt	650 mm
Nhịp cắt	2,000 - 3 ,600 l/p
Kích thước	1,150x220x190 mm
Trọng lượng	5.2 - 5.3 kg

442

Tr. 86

UH650DWB: Sạc , pin 2.2Ah

Vỏ bảo vệ lưỡi.

Máy Tỉa Hàng Rào Dùng Pin/ *Hedge Trimmer* 36V

BUH550Z 550mm

4,580,000 VND

Khả năng cơ động cao và thân thiện với môi trường.

Công suất	0.32kW
Chiều dài lưỡi cắt	550mm
Nhịp cắt	2,000-3,600 l/p
Kích thước	1,070x220x190mm
Trọng lượng	5.1 kg

442

Tr. 86

BUH550Z: Không kèm pin, sạc

Vỏ bảo vệ lưỡi.

Máy Tỉa Hàng Rào/ *Hedge Trimmer*

MUH355G 350mm

Với độ rung thấp nên cầm dễ dàng và khả năng cơ động cao.

ĐIỆN

Công suất	320 W
Chiều dài lưỡi cắt	350 mm
Nhịp cắt	1,700 l/p
Kích thước	660x175x165 mm
Trọng lượng	1.8 kg
Dây dẫn điện	3 m

64

Vỏ bảo vệ lưỡi, dây điện để nối dài 10m, bộ móc nối dây điện, thiết bị giữ dây điện.

Máy Tỉa Hàng Rào Chạy Xăng/ *Petrol Hedge Trimmer*

HTR7610 750mm

Động cơ 2 thì được thiết kế rất khỏe để làm những việc khó khăn hơn.

2st

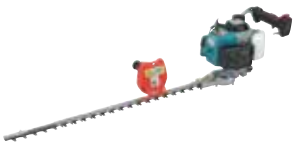

Chiều dài lưỡi cắt	750 mm
Nhịp cắt	3,600 l/p
Dung tích	24.5 mL
Công suất	0.73 kW
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	25 : 1
Bình chứa nhiên liệu	0.6 L
Kích thước	1,041x280x258 mm
Trọng lượng	5.4 kg

Trọng lượng: không bao gồm nhiên liệu

Vỏ bảo vệ lưỡi, bộ dụng cụ.

Máy Tỉa Hàng Rào Chạy Xăng/ *Petrol Hedge Trimmer*

EH6000W 600mm

Loại lưỡi đôi.

2st

Chiều dài lưỡi cắt	600 mm
Nhịp cắt	4,390 l/p
Dung tích	22.2 mL
Công suất động cơ	0.68 kW
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	25 : 1
Bình chứa nhiên liệu	0.4 L
Kích thước	1,119x262x216 mm
Trọng lượng	5.0 kg

Trọng lượng: không bao gồm nhiên liệu

Vỏ bảo vệ lưỡi, bộ dụng cụ.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Máy sử dụng ngoài trời

Máy Tỉa Hàng Rào Chạy Xăng/ *Petrol Hedge Trimmer*

EH7500S 750mm

Loại lưỡi đơn.

2st

Chiều dài lưỡi cắt	750 mm
Dung tích	22.2 mL
Công suất	0.68 kW
Nhịp cắt	4,390 l/p
Tỷ lệ pha chế nhiên liệu	25 : 1
Bình chứa nhiên liệu	0.4 L
Kích thước	1,150x323x212 mm
Trọng lượng	4.9 kg

Trọng lượng: không bao gồm nhiên liệu

Vỏ bảo vệ lưỡi, bộ dụng cụ.

MÁY XỊT RỬA ÁP LỰC CAO

Máy Xịt Rửa Áp Lực Cao/ *High Pressure Washer*

HW101

Máy xịt rửa dùng trong gia đình.

ĐIỆN

Công suất	1,300 W
Áp lực tối đa	10 MPa
Lưu lượng tối đa	360 L/h
Trọng lượng	6.5 kg

Dây dẫn, súng xịt, đầu nối, đầu xịt, bình chứa xà phòng.

Máy Xịt Rửa Áp Lực Cao/ *High Pressure Washer*

HW102

Máy xịt rửa dùng trong gia đình.

ĐIỆN

Công suất	1,300 W
Áp lực tối đa	10 MPa
Lưu lượng tối đa	360 L/h
Trọng lượng	5.8 kg

Dây dẫn, súng xịt, đầu nối, đầu nối nhanh, vòi xịt mở rộng, đầu xịt, đầu xịt thẳng-dẹt, bình chứa xà phòng,

Máy Xịt Rửa Áp Lực Cao/ *High Pressure Washer*

HW111

Máy xịt rửa dùng trong gia đình.

ĐIỆN

Công suất	1,700 W
Áp lực tối đa	11 MPa
Lưu lượng tối đa	370 L/h
Trọng lượng	7.4 kg

Dây dẫn, súng xịt, đầu nối, đầu nối nhanh, vòi xịt mở rộng, đầu xịt, đầu xịt thẳng-dẹt, vòi phun và bình chứa xà phòng.

Máy Xịt Rửa Áp Lực Cao/ *High Pressure Washer*

HW1200

Máy xịt rửa dùng trong gia đình.

ĐIỆN

Công suất	1,800 W
Áp lực tối đa	12 MPa
Lưu lượng tối đa	420 L/h
Kích thước	292x358x830 mm
Trọng lượng	11.0 kg
Dây dẫn điện	5.0 m

Dây dẫn, súng xịt, đầu nối, đầu nối nhanh, đầu xịt rửa, đầu xịt, bình chứa xà phòng.

Máy Xịt Rửa Áp Lực Cao/ *High Pressure Washer*

HW1300

Máy xịt rửa dùng trong gia đình.

ĐIỆN

Công suất	1,800 W
Áp lực tối đa	13 MPa
Lưu lượng tối đa	450 L/h
Kích thước	292x358x830 mm
Trọng lượng	12.7 kg
Dây dẫn	5.0 m

Dây dẫn, súng xịt, đầu nối, đầu nối nhanh, đầu xịt rửa, đầu xịt, bình chứa xà phòng.

Máy xịt rửa áp lực cao dùng hơi	Công suất (W)	Áp lực tối đa (MPa)	Lưu lượng tối đa (L/h)	Trọng lượng (kg)
HW101	1,300	10	360	6.5
HW102	1,300	10	360	5.8
HW111	1,700	11	370	7.4
HW1200	1,800	12	420	9.6
HW1300	1,800	13	420	10.3

Máy sử dụng ngoài trời

Loại chức năng cơ bản
HW1200

Áp suất tối đa	Lưu lượng tối đa cho phép
12 MPa (220-240V)	7.0 L/phút

Loại chức năng nâng cao
2 mức áp suất xịt / Bộ phận cuốn dây xịt
HW1300

Áp suất tối đa	Lưu lượng tối đa cho phép
13 MPa (220-240V)	7.5 L/phút

XỊT RỬA MẠNH MẼ

Thân thiện với môi trường do tiết kiệm nước
Dễ dàng điều chỉnh áp suất và chức năng tự mồi nước

Chức năng xịt độ ồn thấp

HW1300

Độ ồn thấp hơn khoảng 10% và tiết kiệm nước tới 20% so với chức năng áp suất cao.

Chức năng điều chỉnh áp suất

điều khiển dễ dàng và nhanh chóng bằng cách xoay tay cầm

HW1300 HW1200

Không chỉ sử dụng áp suất cao, mà còn dùng ở áp suất thấp cho việc lau rửa cửa, máy điều hòa không khí, xe hơi...

Chức năng tự mồi nước

Có khả năng hút nước ở độ cao 1m tính từ mặt nước đến đầu vào của máy

PHỤ KIỆN MÁY XỊT RỬA ÁP LỰC CAO

Phụ kiện máy xịt rửa áp lực cao HW1200 / HW1300

Đầu xịt dạng xoáy ●●
Nước phun và xoáy, giúp làm sạch mạnh mẽ

Mã phụ kiện
197824-4

Bàn chải
Ngăn nước khỏi bắn ra khi sử dụng chung với đầu xịt dạng xoáy

Mã phụ kiện
197864-2

Đầu xịt rửa ●●
Có thể điều chỉnh áp suất cao/thấp

Mã phụ kiện
197876-5

Bình đựng chất tẩy rửa ●●
Xà phòng được phun dưới dạng bọt, không bị rửa trôi

Mã phụ kiện
197866-2

Đầu xịt dạng bàn chải
Bụi bẩn được loại bỏ nhờ bàn chải và nước

Mã phụ kiện
197828-6

Đầu xịt thẳng, dẹt
Điều chỉnh phun nước rộng hoặc phun nước hẹp

Mã phụ kiện
197822-8

Bàn chải xoay
Bàn chải xoay theo áp suất nước, giúp làm sạch trên diện tích rộng, cửa sổ...

Mã phụ kiện
197831-7

Đầu xịt cong
Dùng rửa gầm xe, máy móc nông nghiệp, xây dựng...

Mã phụ kiện
198909-9

Vòi xịt làm sạch đường ống
Nước được bơm ở áp suất cao, đi qua đầu vòi và làm sạch đường ống nó đi qua

Loại	Mã phụ kiện
10m	197837-5
15m	197840-6

Phụ kiện vệ sinh ●●

Mã phụ kiện
197879-9

Phụ kiện dùng cho máy:
HW101
HW102
HW111

Đầu nối
Cũng có thể dùng cho HW101 / HW102 / HW111

Mã phụ kiện
197853-7

● Phụ kiện đi kèm của HW1300 ● Phụ kiện đi kèm của HW1200

Súng xịt ●●
Ống xịt có thể được gắn hoặc tháo rời mà không cần dụng cụ

Mã phụ kiện	197842-2

Dây áp suất cao
Ứng dụng cho phạm vi xịt rửa rộng hơn

Chiều dài tối đa có thể sử dụng: ≤ 20m

Loại	Mã phụ kiện
5m	197845-6
8m	197847-2
10m	197850-3

Bộ ống nối dài
Thuận tiện cho việc xịt rửa trên cao

Mã phụ kiện	197870-7

Dây dẫn ●

Loại	Mã phụ kiện
10m	123784-4

Đầu nối chống xoắn
(Có thể lắp ở cả 2 đầu dây) Đồng thời xoay đầu dây để không bị xoắn dây

Mã phụ kiện
197867-6

Kết nối với ổ cắm

Chiều dài ống: 10m

HW1200 HW1300

Ống hút nước
(tận dụng tính năng tự hút)

Máy có thể tự hút nước ở độ cao 1m tính từ mặt nước đến đầu vào của máy

Đầu hút nước Bộ lọc

Mã phụ kiện	197873-1

Đầu nối cấp nước

Đầu nối ●●

Mã phụ kiện	197881-2

Đầu nối nhanh ●●

Mã phụ kiện	197883-8

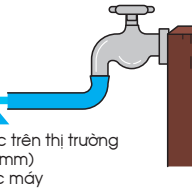

Dây chịu áp lực trên thị trường (đường kính 15mm) dùng cho nước máy

PHỤ KIỆN MÁY XỊT RỬA ÁP LỰC CAO

Phụ kiện máy xịt rửa áp lực cao HW102 / HW111

● Phụ kiện đi kèm của HW102 ● Phụ kiện đi kèm của HW111

Đầu xịt dạng xoáy ●●

Nước phun và xoáy, giúp làm sạch mạnh mẽ

Mã phụ kiện
3320120

Đầu xịt thẳng, dẹt ●●

Điều chỉnh phun nước rộng hoặc phun nước hẹp

Mã phụ kiện	Dùng cho máy
3640640	HW102
3640650	HW111

Bình đựng chất tẩy rửa (chỉ HW102) ●

Xịt chất tẩy rửa dễ dàng hơn

Mã phụ kiện
3640090

Vòi xịt chất tẩy rửa (chỉ HW111) ●

Phun chất tẩy rửa từ bình đựng

Mã phụ kiện
3640670

Bình đựng chất tẩy rửa (chỉ HW111) ●

Đựng chất tẩy rửa, sử dụng cùng với vòi phun

Mã phụ kiện
3640380

Bàn chải ●

Bụi bẩn được loại bỏ nhờ bàn chải và nước

Mã phụ kiện
3640950

Bàn chải rửa sàn

Rửa sàn nhà và tường mà không làm bắn nước

Mã phụ kiện
A-53176

Ống xịt mở rộng ●●

Mã phụ kiện	3320130

Súng xịt ●●

Ống xịt có thể được gắn hoặc tháo rời mà không cần dụng cụ

Mã phụ kiện	3320152

Dây dẫn ●●

Loại áp suất cao (chỉ HW111)
Ứng dụng cho phạm vi xịt rửa rộng hơn

3640630 3641590

Loại	Mã phụ kiện	Dùng cho máy
5m	3640630	HW102
5.5m	3641590	HW111

Kết nối với ổ cắm

Đầu nối cấp nước

Đầu nối ●●

Mã phụ kiện	3082130

Đầu nối nhanh ●●

Mã phụ kiện	3082661

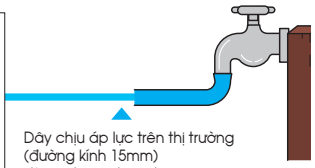

Dây chịu áp lực trên thị trường (đường kính 15mm) dùng cho nước máy

Phụ kiện máy xịt rửa cao áp HW101

● Phụ kiện đi kèm của HW101

Đầu xịt rửa ●

Mã phụ kiện
50955

Bình đựng chất tẩy rửa ●

Xà phòng được phun dưới dạng bọt, không bị rửa trôi

Mã phụ kiện
50954

Súng xịt ●

Mã phụ kiện	50956

Dây dẫn ●

Mã phụ kiện	3082290

Kết nối với ổ cắm

Đầu nối cấp nước

Đầu nối ●

Mã phụ kiện	3082130

Đầu nối nhanh

Mã phụ kiện	3082661

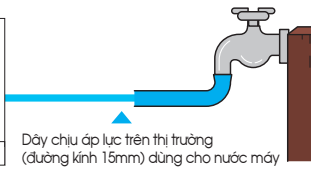

Dây chịu áp lực trên thị trường (đường kính 15mm) dùng cho nước máy

Máy sử dụng ngoài trời

Máy thổi dùng pin/ *Blower* 18V

DUB362Z

10,250,000 VND

Lượng khí và tốc độ khí cao.

18Vx2

Dây đeo vai
(phụ kiện bán riêng)
Mã số: 166094-6

Tr. 19

Lượng khí	13.4 m³/phút
Tốc độ khí	54 m/s
Tốc độ không tải	11,400 - 21,500 v/p
Độ ồn động cơ	79.1 dB
Độ rung	2.5 m/s²
Kích thước	830-880-930x205x295 mm
Trọng lượng	3.5 - 4.2 kg

DUB362Z: Không kèm pin, sạc

Ống thổi.

Máy Thổi Dùng Pin/ *Blower* 18V

DUB182Z

1,780,000 VND

Điều chỉnh 3 cấp độ lưu lượng khí: cao/vừa/thấp.

18V

Lượng khí	2.6 m³/phút
Tốc độ khí	80 m/s
Áp suất khí	5.4 kPa
Tốc độ không tải	0 - 18,000 v/p
Cường độ âm thanh	95 dB
Độ rung	2.5 m/s²
Kích thước	525x155x212 mm
Trọng lượng	1.7 kg

Tr. 57

DUB182Z: Không kèm pin, sạc

Ống thổi.

Máy Thổi Dùng Pin/ *Blower* 36V

UB360DZ

3,740,000 VND

Độ ồn thấp.

36V

Lượng khí	Cao: 4.4 m³/phút Thấp: 2.6 m³/phút
Tốc độ khí	Cao: 93 m/s Thấp: 57 m/s
Tốc độ không tải	Cao: 17,000 v/p Thấp: 10,000 v/p
Kích thước	921x142x204 mm
Trọng lượng	3.1 kg

430 MW

Tr. 86

UB360DZ: Không kèm pin, sạc

Máy Thổi/ *Blower*

UB1103

ĐIỆN

Công suất	600 W
Lượng khí	0 - 4.1 m³/phút
Áp lực khí	0 - 5.7 kPa
Tốc độ không tải	0 - 16,000 v/p
Kích thước	479x185x178 mm
Trọng lượng	1.9 - 2.2 kg
Dây dẫn điện	2.5 m

303 MW

Tr. 137

Vòi thổi, túi chứa bụi (2L).

Máy Thổi Chạy Xăng/ *Petrol Blower*

BHX2500 24.5mL - 4 thì

Nhỏ gọn và trọng lượng nhẹ.

4st

Công suất	0.81 kW
Dung tích	24.5 mL
Bình chứa nhiên liệu	0.52 L
Tốc độ không tải	3,500 - 7,800 v/p
Lượng khí tối đa	10.1 m³/phút
Tốc độ khí (không dùng ống thổi)	65 m/s
Kích thước	350x231x368 mm
Trọng lượng	4.5 kg

MM4

Trọng lượng: không bao gồm xăng và ống thổi,
Tổng chiều dài: không bao gồm ống thổi

Ống.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Máy sử dụng ngoài trời

Máy Thổi Chạy Xăng/ *Petrol Blower*

EB5300TH 52.5mL - 4 thì

Thiết kế cải tiến, chống rung động mạnh, giúp vận hành thoải mái trong suốt quá trình sử dụng.

4st

Dung tích	52.5 mL
Công suất	1.8 kW
Bình chứa nhiên liệu	1.8 L
Lượng khí tối đa	15 m³/phút
Tốc độ khí	98 m/s
Tốc độ không tải	2,800 - 6,400 v/p
Kích thước	320x450x475 mm
Trọng lượng	9.8 - 10.1 kg

MM4

Trọng lượng: không bao gồm xăng và ống thổi, Tổng chiều dài: không bao gồm ống thổi

Bình đựng dầu, túi đựng phụ kiện, ống mềm, ống kẹp, đầu phun, vòi phun, ống dài,cờ lê, tua vít.

Máy Thổi Chạy Xăng/ *Petrol Blower*

EB7660TH Động cơ 75.6mL - 4 thì

Máy thổi động cơ 4 thì 75.6 mL mạnh nhất của Makita, đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về khí thải.

4st

Dung tích	75.6 mL
Công suất	3.0 kW
Bình chứa nhiên liệu	1.9 L
Lượng khí tối đa	20 m³/phút
Tốc độ khí	92 m/s
Tốc độ không tải	2,800 - 7,200 v/p
Kích thước	332x460x480 mm
Trọng lượng	11.9 - 12.1 kg

MM4

Trọng lượng: không bao gồm xăng và ống thổi, Tổng chiều dài: không bao gồm ống thổi

Bình chứa dầu, hộp cờ lê, tua vít, vòng kẹp, ống mềm, ống xoay, đầu phun, vòi phun, ống dài.

MÁY THỔI CHẠY XĂNG ĐỘNG CƠ 4 THÌ

EB5300TH

Tay cầm dễ di chuyển

Tối ưu hóa trọng lực và mang lại cảm giác thoải mái cho tay người sử dụng

Cần gạt điều khiển trên ống thổi

Hình ảnh: EB7660TH

Dây đeo vai thoải mái

- Đế giảm sốc và dây đeo vai thoáng giúp thoát mồ hôi hiệu quả

- Dây đeo vai có thể tùy chỉnh cho vừa vặn với người sử dụng

Độ rung thấp

- Độ rung trên thân máy được giảm thiểu đáng kể nhờ 4 lò xo giảm chấn gắn giữa động cơ và phần ba lô đeo vai
- Độ rung cũng được giảm đáng kể nhờ hấp thụ các rung động truyền từ động cơ đến các vòi phun

EB7660TH

CÁC LOẠI MÁY KHÁC

Xe Vận Chuyển Hàng Hóa/ *Battery Powered Wheelbarrow* 18V

DCU180Z

21,960,000 VND

Lý tưởng khi sử dụng ở các công trường và trang trại.

18V

Thời gian sử dụng tối đa	120 phút (BL1860B)
Khả năng chịu tải tối đa	130 kg
Tốc độ di chuyển	Đi tiến : Cao / thấp: 0 - 3.5 / 0 - 1.5 km/h
	Đi lùi : 0 - 1 km/h
Khả năng leo dốc	12°
Kích thước	Khi gắn giá đỡ: 1,560x1,060x900 mm
	Khi gắn thùng đựng: 1,310x790x900 mm
Trọng lượng	39.3 - 44.8 kg

BL MOTOR

XPT

Tr. 57

DCU180Z: Không kèm pin, sạc

Chìa khóa.

Xe Cắt Cỏ Đẩy Dùng Pin/ *Lawn Mower* 18V

DLM380PM2 380mm

14,030,000 VND

Xe cắt cỏ đẩy dùng 2 pin Li-ion 18V.

new

Độ rộng đường cắt	380mm
Độ cao cắt	20-75mm
Tốc độ không tải	3,700 v/p
Diện tích cắt đề nghị	270 - 540m²
	Với 2 pin BL1830B
Dung tích hộp cỏ	40L
Kích thước	1,145x465x 1,023-1,070mm
Trọng lượng	14.5kg

XPT

Tr. 19

DLM380PM2: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah

Xe Cắt Cỏ Đẩy Dùng Pin/ *Lawn Mower* 18V

DLM431PT2/DLM431Z 430mm

17,270,000 VND / 8,650,000 VND

Xe cắt cỏ đẩy dùng 2 pin Li-ion 18V.

Độ rộng đường cắt	430mm
Độ cao cắt	20-75mm
Tốc độ không tải	3,600 v/p
Diện tích cắt đề nghị	475-950m²
	50L
Dung tích hộp cỏ	1,450-1,490x460x
Kích thước	950-1,020 mm
	17.8 - 18.4kg
Trọng lượng	

XPT

Tr. 19

DLM431PT2: Sạc nhanh 2 cổng, 2 pin 5.0Ah
DLM431Z: Không kèm pin, sạc

Tuýp mở.

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Máy sử dụng ngoài trời

Xe Cắt Cỏ Đẩy Dùng Pin/ *Lawn Mower* 18V

DLM460PT2/DLM460Z 460mm

21,900,000 VND / 14,130,000 VND

Xe cắt cỏ đẩy dùng 2 pin Li-ion 18V.

new

Độ rộng đường cắt	460mm
Độ cao cắt	20 - 75mm
Tốc độ không tải	2,500 - 3,300 v/p
Diện tích cắt đề nghị	800 - 1,600m²
	Với 2 pin BL1860B
Dung tích hộp cỏ	60L
Kích thước	11,319-1,518x532x
	879-1,138mm
Trọng lượng	25.3 - 27.6kg

BL MOTOR

Tr. 19

DLM460PT2: Sạc nhanh 2 cổng, 2 pin 5.0Ah
DLM460Z: Không kèm pin, sạc

Tuýp mở.

Xe Cắt Cỏ Đẩy/ *Petrol Lawn Mower*

PLM4631N2 460mm - 163mL, 4 thì

Chất lượng cao, di chuyển dễ dàng.

4st

Dung tích	163 mL
Khả năng chứa cỏ	60 L
Công suất	2.6 kW
Cắt chiều rộng	460 mm
Chiều cao cắt	25 - 70 mm
Tốc độ không tải	2,800 v/p
Tốc độ đẩy	3.6 km/h
Khu vực cắt đề nghị	1,400 m²
Hộp chứa cỏ	60 L
Kích thước	825x540x450 mm
Trọng lượng	32.5 kg

Tuýp mở, chốt khóa (2 cái).

Máy Cắt Cành Dùng Pin/ *Battery Powered Pruning Shears* 18V

DUP361RM2/ DUP361Z

37,330,000 VND / 30,200,000 VND

Máy cắt cành dùng 2 pin Li-ion 18V.

18Vx2

Công suất	200 W
Khả năng cắt tối đa	33 mm
Độ mở tối đa của lưỡi	54 mm
Kích thước	305x43x106 mm
Trọng lượng	0.8 kg

XPT

Tr. 18

DUP361RM2: Sạc nhanh, 2 pin 4.0Ah
DUP361Z: Không kèm pin, sạc

Bộ phụ kiện, bộ chuyển đổi, bao đựng máy, túi đeo, túi xách.

Bình Xịt/ *Sprayer*

EVH2000 24.5mL - 4 thì

Đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn về môi trường.

4st

Dung tích	24.5 mL
Bình chứa nhiên liệu	0.5 L
Áp lực tối đa	2.5 Mpa
Bình đựng hóa chất	20 L
Kích thước	380x420x635 mm
Trọng lượng	9.1 kg

MM4

Trọng lượng: không bao gồm nhiên liệu

Máy Xịt Côn Trùng/ *Mist Blower*

PM7650H 75.6mL - 4 thì

Sản phẩm chuyên dùng để vệ sinh môi trường và vì sức khỏe cộng đồng.

4st

Dung tích	75.6 mL
Bình chứa nhiên liệu	1.8 L
Lượng khí tối đa	14.1 m³/phút
Vận tốc gió	85 m/s
Cường độ âm thanh	110.7 dB
Áp suất âm thanh	98.3 dB
Độ rung	3.5 m/s²
Kích thước	420x440x595 mm
Trọng lượng	13.9 kg

MM4

Bộ dụng cụ, tuýp mở bu-gi, 3 béc phun (đường kính lỗ: 0.7Ø, 0.8Ø và 4.5Ø), lọ dầu.

Ứng dụng phun thuốc diệt muỗi để phòng chống bệnh sốt xuất huyết

Giá hiển thị trên đây là giá bán lẻ tham khảo

Máy sử dụng ngoài trời

BẢNG THÔNG TIN KỸ THUẬT MÁY OPE

Mã máy	Tên máy	Động cơ máy (thì)												
			cm³	ø mm	mm	kW	mm	Spark plug	mm	ø/ l = mm	L/H	1/phút	1/phút	cm³
DCS232T	Máy cưa xích	2	22.2	33	26	0.74	0.3	CMR-6A	0.6	3.0/840	X	3,000	10,000	200
EA3201S40B	Máy cưa xích	2	32	38	28.2	1.35	0.3	CMR-7A	0.5	3.0/900	2/4	2,800	12,800	400
EA3503S40B	Máy cưa xích	2	35	38	30.6	1.7	0.3	CMR-6A	0.5	3.0/900	1 1/2 - 2 1/4	2,800	13,100	400
EA3601F40B	Máy cưa xích	2	35.2	38	38	1.7	0.3	BPMR-8Y	0.5	3.0/900	1 1/4 - 1 1/4	2,900	13,500	310
EA4301F45B	Máy cưa xích	2	42.4	42	30.6	2.2	0.3	CMR-7A	0.5	3.0/900	1 1/2 - 2 1/4	2,800	13,500	480
EA5600F53EX	Máy cưa xích	2	55.7	45	35	3	0.3	BPMR-7A	0.5	3.0/980	1 1/2 - 1 1/2	2,600	13,800	570
DCS6401	Máy cưa xích	2	64	34	37	3.5	0.3	BPMR-7A	0.5	3.	1/1	2,500	13,500	750
EY2650H25H	Máy cưa cành trên cao	4	24.5	47		0.77	0.3	CMR-4A	0.7	4.0/1000		3,000	10,000	600
EK6101	Máy cắt bê tông	2	60.7	52	35	3.2	0.3	BPMR-7A	0.5	4.0/1000	1 1/2 - 2 1/2	2,600	9,850	700
EK8100WS	Máy cắt bê tông	2	81	51	38	4.2	0.3	BPMR-7A	0.5	4.0/1000	1 1/4 - 1	2,500	9,350	1100
EK7651H	Máy cắt bê tông	4	75.6	34	37	3	0.3	CMR-6H	0.5		2 1/4 - 2 3/8	3,000	9,100	1100
EM2550UH	Máy cắt cỏ	4	24.5	39		0.71	0.3	CMR-4A	0.7	3.5/900		3,000	8,500	600
EBH340U	Máy cắt cỏ	4	33.5	39		1.07	0.3	CMR-4A	0.7	3.5/900		3,000	10,000	650
EBH340R	Máy cắt cỏ	4	33.5	34		1.07	0.3	CMR-4A	0.7	3.0/850		3,000	10,000	650
EX2650LH	Máy đa năng	4	25.4	34		0.77	0.3	CMR-4A	0.7			3,000	8,500	600
EM2500U	Máy cắt cỏ	2	24.5	38		0.73	0.3	BPMR-7A	0.6	3.0/850		3,000	9,700	600
EM3400U	Máy cắt cỏ	2	34	39		1.15	0.3	BPMR-7A	0.6			2,800	10,000	750
RBC411U	Máy cắt cỏ	2	40.2	39		1.4	0.3	BPMR-7A	0.6			2,800	10,000	1100
RBC413U	Máy cắt cỏ	2	40.2	34		1.4	0.3	BPMR-7A	0.6			2,800	10,000	1100
EJ2650WHG	Máy hái cà phê	4	25.4	34		0.77	0.3	CMR-4A	0.7			3,000	10,000	600
EE2650H	Máy tỉa mép	4	25.4	34		0.77	0.3	CMR-4A	0.7			3,000	10,000	600
BHX2500	Máy thổi	4	24.5			0.81	0.3	CMR-6A	0.7			3,500	7,800	520
EB5300TH	Máy thổi	4	52.5			1.8	0.3	CMR-6H	0.7			2,800	6,400	1800
EB7660TH	Máy thổi	4	75.6	34		3	0.3	CMR-6H	0.7	3.0/850		2,800	7,200	1900
EVH2000	Bình xịt	4	24.5	55		0.73	0.3	CMR-6A	0.7					500
PM7650H	Máy xịt côn trùng	4	75.6	68		2.7	0.3	CMR-6A	0.7			2,800	7,200	1900
PLM4631N2	Xe cắt cỏ đẩy	4	190	34		2.5	0.3	BPMR-7A	0.7				2,800	1000
HTR7610	Máy tỉa hàng rào	2	24.5			0.73	0.3	BMR-7A	0.7			2,600	4,180	600
EH6000W	Máy tỉa hàng rào	2	22.2			0.68	0.3	CMR-6A	0.7			3,000	4,270	
EH7500S	Máy tỉa hàng rào	2	22.2			0.68	0.3	CMR-6A	0.7			3,000	4,390	

Bảng tóm tắt khả năng Máy khoan động lực

Tối ưu | Có thể

		Trọng lượng (kg)	0 10 20 30 40 50 60 70 80 90 100 110 120 130 140 150 160	Vật liệu khoan: Bê tông độ nén cao	Bê tông, đá granit, đá, gạch	Kim loại/ Gỗ	Hướng làm việc	Tỉ lệ khoan / đục
14mm	HR140D SDS-PLUS	1.9~2.6 (1.8/2.0)	3.2 -14; 3.2 -10; Mũi khoan rút lõi					
16mm	HR165D SDS-PLUS	1.2~3.0 (2.2)	3.2 -16; 3.2 -10; 35; Mũi khoan lỗ kim cương 32 kiểu khô					
	HR166D SDS-PLUS	1.8~2.4 (1.8/2.0)	3.2 -16; 3.2 -10; Mũi khoan rút lõi					
17mm	HR171D SDS-PLUS	2.1~2.8 (2.1/2.3)	3.2 -17; 3.2 -10; Mũi khoan rút lõi					
18mm	HR1830/F SDS-PLUS	– (1.9/1.9)	3.2 -18; 3.2 -10; 35; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~65 kiểu khô					
	HR1840/ HR1841F SDS-PLUS	2.0~2.5 (2.0/2.0)	3.2 -18; 3.2 -10; 35; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~65 kiểu khô					
20mm	DHR202 SDS-PLUS	3.2~4.0 (3.5)	3.2 -20; 4-12; 35-54; Mũi khoan lỗ kim cương 32 kiểu khô					
22mm	HR2230 SDS-PLUS	2.6~3.1 (2.6)	3.2 -22; 4-14; 35-54; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~65 kiểu khô					
	MT870 SDS-PLUS	2.5~2.9 (2.5)	3.2 -22; 4-14; 35-54; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~65 kiểu khô					
23mm	HR2300 SDS-PLUS	2.7~3.1 (2.7)	3.2 -23; 4-15; 35-68; Mũi khoan lỗ kim cương 32~70 kiểu khô					
24mm	HR2460 HR2460F SDS-PLUS	2.8~3.2 (2.8)	3.2 -24; 4-16; 35-54; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~65 kiểu khô					
	HR2470/F SDS-PLUS	2.9~3.3 (2.9)	3.2 -24; 4-16; 35-54; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~65 kiểu khô					
	DHR241 SDS-PLUS	3.2~4.0 (3.5)	3.2 -20; 4-12; 35-54; Mũi khoan lỗ kim cương 32 kiểu khô					
	HR242D SDS-PLUS	3.1~3.8 (3.3/3.4)	3.2 -24; 4-16; 35-54; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~65 kiểu khô					
26mm	DHR263 SDS-PLUS	4.1~5.1 (3.5)	3.2 -26; 4-18; 35-54; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~65 kiểu khô					
	Dòng máy HR2600 SDS-PLUS	3.0~3.6 (2.8~2.9)	3.2 -26; 4-18; 35-68; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~80 kiểu khô					
	Dòng máy HR2630 SDS-PLUS	2.8~3.5 (2.8~3.1)	3.2 -26; 4-18; 35-68; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~80 kiểu khô					
	Dòng máy HR2650 SDS-PLUS	– (3.0~3.2)	3.2 -26; 4-18; 35-68; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~80 kiểu khô					
28mm	Dòng máy HR2800 SDS-PLUS	3.4~3.9 (3.4~3.6)	3.2 -28; 6-20; 35-80; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~80 kiểu khô					
	Dòng máy DHR282 SDS-PLUS	3.9~5.0	3.2-28; 6-20; 35-54; Mũi khoan lỗ kim cương 32 ~65 kiểu khô					
32mm	HR3200C HR3210C SDS-PLUS	4.8~5.4	4-32; 10-22; 35-90; Mũi khoan lỗ kim cương 32~90 kiểu khô					
35mm	HR3530 17HEX	5.8 (5.8)	10-35; 12-25; 25-105					
40mm	HR4002 SDS-MAX	6.6~6.8 (6.6)	10-40; 16-32; 20-105					
	Dòng máy HR4013C SDS-MAX	6.2~6.9 (6.2~6.8)	10-40; 16-35; 20-105					
	DHR400 SDS-MAX	7.3~8.1	10-40; 16-35; 20-105					
	HR4030C 17HEX	6.9 (6.9)	10-40; 22-35; 25-118					
45mm	Dòng máy HR4511C SDS-MAX	8.9~9 (8.2~9.0)	10-45; 22-40; 20-125					
50mm	Dòng máy HR5212C SDS-MAX	11.0~12.0 (10.9~11.9)	19-52; 25-45; 20-160					

Xấp xỉ: 50% khoan 50% đục

Bảng tóm tắt chổi than cho máy Makita

Tên chổi than	Mã chổi than	Dùng cho máy							
CB-51A	B-80232	N1900B	N3701						
CB-64A	B-80254	906	4326	4327	4328	6411	6412	6413	BO5041
		BO3710	BO3711	BO4540	GV6010	GD0603	JV0600K	MUH355G	UH3501
CB-65A	B-80260	6905B	906H	JS1600					
CB-70A	B-80276	6501							
CB-85A	B-80282	HP1630							
CB-100A	B-80298	6906	9045B	9207SPB	9741	9924DB			
CB-105A	B-80307	HM0810	HM0810A	HM0810T	HM0810TA	HR2010			
CB-106	181410-1	1911B	RP0900						
CB-132	191972-1	UC3041A	UC4041A						
CB-153A	B-80329	2704	1804N	1805N	2012NB	2416S	3600H	3612BR	4107R
		5012B	5016B	5103N	5201N	LH1040	HS0600	LS1016	LS1030N
		LS1040	LS1216	N5900B	TW1000	UC4051A	UC4551A	LS1019L	LS1219L
CB-155A	B-80335	HM1201							
CB-171	194412-8	HM1203C	HM1213C	HM1214C	HM1307C	HM1317C	HR4511C	HR5212C	
CB-173	195489-6	HM1812	VC1310LX1	VC2510LX1	VC3210LX1	VC3211M			
CB-203A	B-80341	HW1200	HW1300	RP1800	RP1801	RP2301FC	LC1230		
CB-204A	B-80357	4112HS	4114S	9067	9069	GA7020	GA7020R01	GA7030	GA7030R
		GA7050	GA9020	GA9020R01	GA9030		GA9050	LW1400	LW1401
		GS5000	HM1306	HM1810					
CB-218	197128-4	GA7060	GA7061R	GA9060	GA9061R				GA9063R
CB-251	B-80363	4100NB	GA5021	GA6021	JR3020	PC5000C	PC5001C		
CB-253	194547-5	4100NB	PC5000C						
CB-303A	B-80379	2107F	4131	4140	4100NH	4100NH2	4100NH3	5806B	6924N
		9015B	9237C	9403	CA5000X	GA5010	GA5020	GA6010	UT2204
		GA6020	GV7000	GV7000C	HS6600	HS7600	JN3201	JR3050T	JR3060T
		JR3070CT	JS3201	PV7001C	SP6000	UB1103	UT1305	HS7010	4100KB
CB-318	194999-0	9565CVR	SG1251J	PO5000C	PC5010C				
CB-325	195001-2	9553B	9553NB	9556HN	9556HP	9556HB	9558HN	9565PZ	GA4040
		GA4040C	HR2630	GD0600	GD0601	GD0602	GD0800C	GD0801C	GD0810C
		HR2230	HR2300	HR2460	HR2460F	HR2470	HR2470F	HR2600	HR2810
		HR2601	HR2630T	HR2631F	HR2650	HR2651	HR2651T		
CB-350	195004-6	HM0870C	HM0871C	HR3200C	HR3210C	HR3530	HR4002	HR4030C	HR4013C
CB-353	197260-0	DVC860LZ	DVC861LZ						
CB-411A	B-80391	3709	6951	9032	9910	6922NB	9500NB	DS4011	JN1601
		KP0800X	N9500N	RT0700C	TD0101	TD0101F	TW0200	TW0350	DS5000
CB-415	B-80400	6905H	NHP1300S						
CB-419A	B-80422	4304	6307	4350CT	6821	HP2050	9035H	BO4510H	BO4555
		BO4556	BO4557	BO4558	BO4565	BO4566	BO4901	BO6030	DA3010
		DP2010	DP4010	FS2500	FS4000	FS6300	HP2070	HR1830	TD0100
		HP2051							
CB-430	191971-3	BCS550Z	DCS550	UB360D	DPB180RFE	DJS161Z	BUB360Z	DGA402RFE	DHR165RFE
CB440	194427-5	DDA340RFE	DTW251RFE	DDF482RAE	DHP482RAE	DJV180Z	DTD134RFE	DTW251RME	DTD152RAE
		DTW250RFE	DDA350Z						
CB-441	194435-6	DHR202SYE	DHR241RFE	DJR181RFE	DJR186RME	DTW450RME	DKP180Z		
CB-442	194928-3	UH650DWB	UC250DWBE	BUC250RDE	BUH550RDEP	DHR263RM2	DHS710RM2J		
CB-448	196854-2	DTD149Z	BTW074	DTW251					
CB-459	195026-6	GA4030	GA4031	GA4032	GA4034	JS1601	JS1602	PJ7000	TM3000C
		TM3010CX14	HR1840	HR1841F					
	JM23500117	LS0815FL							
CB500	JM23000123	LS1018L	MLT100						
	3082580	HW101	HW111						
	3641160	HW102							

Điều kiện bảo hành

ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH SẢN PHẨM ĐỘNG CƠ

» Chế độ bảo hành chỉ được áp dụng cho các sản phẩm động cơ (OPE) Makita được nhập và phân phối bằng con đường chính thức tại thị trường Việt Nam.
» Khi bảo hành phải xuất trình phiếu bảo hành. Kỳ hạn bảo hành cho một số phụ tùng có khác nhau tùy vào loại động cơ 2 thì hoặc 4 thì.

THỜI HẠN BẢO HÀNH:

• Động cơ 2 thì:
- Bộ phận cơ khí (piston, xilanh, bộ trục khuỷu, bộ chế hòa khí): 3 tháng
- IC (Ignition Coil): 6 tháng

• Động cơ 4 thì:
- Bộ phận cơ khí (piston, xilanh, bộ trục khuỷu, bộ chế hòa khí): 6 tháng
- IC (Ignition Coil): 12 tháng

KHÔNG ÁP DỤNG BẢO HÀNH ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP SAU:

• Những bộ phận hao mòn tự nhiên sẽ không được bảo hành: bugi, lọc xăng, lọc nhớt, lam, xích, ốp lam, nhông xích, dây giật, bơm nhớt, lưỡi cắt tỉa hàng rào, lưỡi cắt cỏ, vỏ máy, v.v.
• Không sử dụng máy theo đúng sổ tay hướng dẫn sử dụng đính kèm theo máy.
• Không tuân thủ theo nội dung hướng dẫn về cách sử dụng hỗn hợp nhiên liệu (tỉ lệ pha trộn xăng với dầu nhớt động cơ 2 thì, dầu bôi trơn động cơ 4 thì. Ví dụ: xi lanh, piston bị xước...)
• Sử dụng quá tính năng và công suất của máy như: sử dụng công suất tối đa máy, vận hành môi trường khắc nghiệt. Ví dụ: sử dụng lam, xích vượt quá thông số kỹ thuật cho phép.
• Khách hàng không điền đầy đủ thông tin cần thiết đã được in sẵn trên phiếu bảo hành và không chứng minh được ngày mua sản phẩm.
• Trường hợp sử dụng nhiên liệu bẩn gây hư hỏng bộ chế hòa khí, lọc xăng. Sử dụng môi trường ẩm thấp nhiều bụi bám vào lọc khí hoặc cánh tản nhiệt mà không thường xuyên vệ sinh chăm sóc: làm máy quá nhiệt dẫn đến giảm khả năng bôi trơn đến piston, xi lanh bị trầy xước.
• Phụ tùng đã được bảo hành một lần trong thời gian bảo hành.
• Hư hỏng do vận chuyển, do va chạm, do thiên tai, do hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan (bảo quản không đúng cách, vận chuyển không phù hợp).
• Những sản phẩm tự ý cải tạo mà không được Makita công nhận.
• Không thay thế linh kiện, phụ kiện chính hãng Makita trong quá trình sử dụng.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

1. Trước khi sử dụng máy phải đọc kỹ và hiểu rõ sổ tay hướng dẫn và quy định về bảo hành. Đặc biệt là hướng dẫn sử dụng hỗn hợp nhiên liệu và dầu bôi trơn.
2. Khi máy bị hư hãy mang máy đến trạm bảo hành đã được Makita Việt Nam ủy nhiệm để kiểm tra. Không được tự ý sửa chữa, tháo rời các bộ phận của máy trước khi mang đến trạm bảo hành.

ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH SẢN PHẨM DÙNG ĐIỆN & PIN

» Chế độ bảo hành chỉ được áp dụng cho các sản phẩm chính hãng Makita được nhập và phân phối bằng con đường chính thức tại thị trường Việt Nam.

» Tất cả các sản phẩm dụng cụ điện cầm tay Makita đều được bảo hành nếu máy hư hỏng do lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất.

» Chỉ có trung tâm bảo hành ủy nhiệm Makita mới có quyền sửa chữa bảo hành. Máy hư gửi đến trung tâm bảo hành phải còn nguyên vẹn chưa tháo ráp.

» Chế độ bảo hành sẽ được áp dụng cho tất cả các sản phẩm Makita - Maktec đã được cập nhật vào hệ thống quản lý bảo hành Makita bằng cách khách hàng gửi phiếu bảo hành liên 2 (câu hỏi thăm dò) có đầy đủ thông tin và chứng minh được ngày mua sản phẩm đến Makita.

THỜI HẠN BẢO HÀNH:

• Sản phẩm được bảo hành 6 tháng kể từ ngày mua. Sản phẩm AVT sẽ được bảo hành 12 tháng. Máy thổi hơi nóng bảo hành 3 tháng.

• Pin và sạc được bảo hành 06 tháng kể từ ngày mua sản phẩm

KHÔNG ÁP DỤNG BẢO HÀNH ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP SAU:

• Các bộ phận hao mòn tự nhiên: Bạc đạn, Công tắc, Chổi than, Ổ chổi than, Dây điện, Vỏ máy, Lò xo, Đai ốc, Đế máy, Vòng sin, Chắn gió, Vòng đệm, Piston, Thước dẫn máy bắn đinh, Đầu khoan, Trục máy, Cần gạt đảo chiều, Vỏ chứa nhông, Cụm giữ mũi khoan, Bộ kẹp lưỡi, Hộp chứa bạc đạn, Nút bật công tắc, Ốc vít, Chân nhôm, Dây curoa, Bộ Ốp lưỡi, Kẹp nhám, Súng xịt rửa,
Dây xịt rửa, Nhông bắt xích.

• Trường hợp lạm dụng máy, quá tải, cắm nhầm nguồn điện, máy bị rơi vỡ, va đập, máy bị hư hỏng do các loại vật lạ lọt vào máy, sử dụng trong môi trường nước.

• Tự ý sửa chữa, cải tạo trên máy.

• Không thay thế phụ kiện linh kiện chính hãng Makita trong quá trình sử dụng sản phẩm.

• Nứt vỡ do quá trình vận chuyển và sử dụng gây ra.

• Sử dụng sai quy cách, bất cẩn, hư hỏng do thiên tai hoặc bất kỳ tai nạn nào khác.

• Điện thế không ổn định, sử dụng dây dẫn dài và nhỏ.

• Không tuân thủ tài liệu hướng dẫn, sử dụng máy.

• Phụ tùng đã được bảo hành 01 lần trong thời gian bảo hành.

• Khách hàng không điền đầy đủ thông tin cần thiết đã được in sẵn trên phiếu bảo hành.

• Cố ý thay đổi nội dung của phiếu bảo hành hoặc sao chép mà không có sự chấp thuận của Makita.

CÁCH NHẬN DẠNG HÀNG CHÍNH HÃNG VÀ HÀNG GIẢ

1. Truy cập vào website: http://english.t3315.com
2. Bóc tem trên thân máy, nhập dãy số chống hàng giả dưới tem (16 chữ số) vào rồi nhấp chuột vào nút "CHECK". Nếu hiển thị kết quả "xxxx xxxx xxxx the result of querring is xxxxxx's products being search are authorized" thì là hàng chính hãng, ngược lại là hàng giả.

Quý khách vui lòng điền đầy đủ thông tin vào phiếu bảo hành (dựa theo mẫu bên dưới)

Phiếu bảo hành OPE

PHẦN KHÁCH HÀNG GIỮ

ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH

» Chế độ bảo hành chỉ được áp dụng cho các sản phẩm động cơ (OPE) Makita được nhập và phân phối bằng con đường chính thức tại thị trường Việt Nam.
» Khi bảo hành phải xuất trình phiếu bảo hành. Kỳ hạn bảo hành cho một số phụ tùng có khác nhau tùy vào loại động cơ 2 thì hoặc 4 thì.

THỜI GIAN BẢO HÀNH:
• Động cơ 2 thì:
- Bộ phận cơ khí (piston, xilanh, bộ trục khuỷu, bộ chế hòa khí): 3 tháng
- IC (Ignition Coil): 6 tháng
• Động cơ 4 thì:
- Bộ phận cơ khí (piston, xilanh, bộ trục khuỷu, bộ chế hòa khí): 6 tháng
- IC (Ignition Coil): 12 tháng

KHÔNG ÁP DỤNG BẢO HÀNH ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP SAU:
• Những bộ phận hao mòn tự nhiên sẽ không được bảo hành: bugi, lọc xăng, lọc nhớt, lam, xích, ốp lam, nhông xích, dây giật, bơm nhớt, lưỡi cắt tỉa hàng rào, lưỡi cắt cỏ, vô máy, v.v.
• Không sử dụng máy theo đúng sổ tay hướng dẫn sử dụng đính kèm theo máy.
• Không tuân thủ theo nội dung hướng dẫn về cách sử dụng hỗn hợp nhiên liệu (tỉ lệ pha trộn xăng với dầu nhớt động cơ 2 thì, dầu bôi trơn động cơ 4 thì. Ví dụ: xi lanh, piston bị xước...)
• Sử dụng quá tính năng và công suất của máy như: sử dụng công suất tối đa máy, vận hành môi trường khắc nghiệt. Ví dụ: sử dụng lam, xích vượt quá thông số kỹ thuật cho phép.
• Khách hàng không điền đầy đủ thông tin cần thiết đã được in sẵn trên phiếu bảo hành và không chứng minh được ngày mua sản phẩm.
• Trường hợp sử dụng nhiên liệu bẩn gây hư hỏng bộ chế hòa khí, lọc xăng. Sử dụng môi trường ẩm thấp nhiều bụi bám vào lọc khí hoặc cánh tản nhiệt mà không thường xuyên vệ sinh chăm sóc: làm máy quá nhiệt dẫn đến giảm khả năng bôi trơn đến piston, xi lanh bị trầy xước.
• Phụ tùng đã được bảo hành một lần trong thời gian bảo hành.
• Hư hỏng do vận chuyển, do va chạm, do thiên tai, do hỏa hoạn hoặc do các nguyên nhân khách quan (bảo quản không đúng cách, vận chuyển không phù hợp).
• Những sản phẩm tự ý cải tạo mà không được Makita công nhận.
• Không thay thế linh kiện, phụ kiện chính hãng Makita trong quá trình sử dụng.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG
1. Trước khi sử dụng máy phải đọc kỹ và hiểu rõ sổ tay hướng dẫn và quy định về bảo hành. Đặc biệt là hướng dẫn sử dụng hỗn hợp nhiên liệu và dầu bôi trơn.
2. Khi máy bị hư hãy mang máy đến trạm bảo hành đã được Makita Việt Nam ủy nhiệm để kiểm tra. Không được tự ý sửa chữa, tháo rời các bộ phận của máy trước khi mang đến trạm bảo hành.

Chú ý:
1. Khách hàng chịu chi phí vận chuyển máy được bảo hành (nếu có).
2. Nếu mất phiếu bảo hành Makita sẽ không cấp lại.

Liên Hệ: **CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM.**
Kho 06, Block 16, 18L1-2 Đường số 3, KCN VSIP II,
P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương.
Điện thoại: 0274-3628338 Fax: 0274-3628339
Website: www.makita.com.vn

PHIẾU BẢO HÀNH

CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM
Kho 06, Block 16, 18L1-2 Đường số 3, KCN VSIP II, Phường Hòa Phú,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 0274-3628338 - Ext: 103/104/105 Fax: 0274-3628339
Website: www.makita.com.vn

(Xin vui lòng gửi liên này cho cửa hàng để gửi về công ty Makita Việt Nam.)

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MAKITA VN TẠI MIỀN BẮC
Kho 5, số 1, đường số 6, Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP Bắc Ninh,
Xã Phù Chẩn, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
Điện thoại: 0222-3765942 - Ext: 111/112/114 Fax: 0222-3765941

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
102 Triệu Nữ Vương, Phường Hải Châu 2, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236-3525079 – 0236-3525179 Fax: 0236-3525479

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH CẦN THƠ
226 Võ Văn Kiệt, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292-3894358 Fax: 0292-3894359

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH BUÔN MA THUỘT
60 Y Jút, P.Thống Nhất, Tp.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Điện thoại: 0262-3554556 Fax: 0262-3554557

Công ty Makita Việt Nam xin chân thành cảm ơn Quý khách đã tín nhiệm, chọn mua sản phẩm Makita/Maktec.

Quý khách vui lòng điền đầy đủ, chính xác thông tin vào thẻ bảo hành và phiếu đăng ký thông tin bảo hành

886135A9

PHIẾU BẢO HÀNH *(PHẦN KHÁCH HÀNG GIỮ)*

❶

Mã số thành viên (*)	

Lưu ý:
Đối với KH là thành viên: ghi mục ❶❸
Đối với KH không là thành viên: ghi mục ❷❸

❷

Khách hàng/ Doanh nghiệp (*)	Công ty AAA	Ngành nghề	
Điện thoại (*)	0650 3746 123	Fax	0650 3746 124
Địa chỉ (*)	Hòa Lân-Thuận Giao-Thuận An-Bình Dương		
Người liên hệ	Nguyễn Văn A	Điện thoại	0903 123 567

❸

Mã số máy	EB7660TH	Chữ ký của Khách hàng
Số seri	0217643	Nguyễn Văn A
Ngày mua máy	...../...../ 2017	
Tên cửa hàng	Cửa hàng ABC	Chữ ký của cửa hàng *(Ký tên và đóng dấu)*
Địa chỉ cửa hàng	01 Đa Kao, Q.1, TP. HCM	CỬA HÀNG ABC

PHẦN ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

❶

Mã số thành viên (*)	

Lưu ý:
Đối với KH là thành viên: ghi mục ❶❸
Đối với KH không là thành viên: ghi mục ❷❸

❷

Khách hàng/Doanh nghiệp(*)	Công ty AAA	Ngành nghề	
Điện thoại (*)	0650 3746 123	Fax	0650 3746 124
Địa chỉ (*)	Hòa Lân-Thuận Giao-Thuận An-Bình Dương		
Người liên hệ	Nguyễn Văn A	Điện thoại	0903 123 567

❸

Mã số máy/Số seri	EB7660TH / 0217643	Ngày mua máy	...../...../ 2017
Tên cửa hàng	Cửa hàng ABC	Địa chỉ	01 Đa Kao, Q.1, TP. HCM

1. Quý khách biết đến nhãn hiệu Makita trong trường hợp nào?
a. Đại lý bán hàng giới thiệu b. Bạn bè giới thiệu c. Khác
2. Mức độ hài lòng của Quý khách hàng đối với sản phẩm Makita đã mua:
a. Hài lòng b. Bình thường c. Không hài lòng
3. Nếu ở câu 2, quý khách đánh giá " không hài lòng " vui lòng cho biết lý do :
.....
.....
4. Theo quý khách, đối với sản phẩm mà quý khách đang sử dụng có cần cải thiện hạng mục nào hay không ?
.....
.....

Vui lòng điền chính xác các thông tin có dấu (*)

Phiếu bảo hành dụng cụ điện cầm tay

PHẦN KHÁCH HÀNG GIỮ

ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH

» Chế độ bảo hành chỉ được áp dụng cho các sản phẩm chính hãng Makita được nhập và phân phối bằng con đường chính thức tại thị trường Việt Nam.
» Tất cả các sản phẩm dụng cụ điện cầm tay Makita đều được bảo hành nếu máy hư hỏng do lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất.
» Chỉ có trung tâm bảo hành ủy nhiệm Makita mới có quyền sửa chữa bảo hành. Máy hư gửi đến trung tâm bảo hành phải còn nguyên vẹn chưa tháo ráp.
» Chế độ bảo hành sẽ được áp dụng cho tất cả các sản phẩm Makita - Maktec đã được cập nhật vào hệ thống quản lý bảo hành Makita bằng cách khách hàng gửi phiếu bảo hành liên 2 (câu hỏi thăm dò) có đầy đủ thông tin và chứng minh được ngày mua sản phẩm đến Makita.

THỜI HẠN BẢO HÀNH:
Sản phẩm được bảo hành **6** tháng kể từ ngày mua. Sản phẩm **AVT** sẽ được bảo hành **12** tháng. Máy thổi hơi nóng bảo hành **3** tháng.

KHÔNG ÁP DỤNG BẢO HÀNH ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP SAU:
• Các bộ phận hao mòn tự nhiên: Bạc đạn, Công tắc, Chổi than, Ô chổi than, Dây điện, Vô máy, Lò xo, Đai ốc, Đế máy, Vòng sin, Chắn gió, Vòng đệm, Piston, Thước dẫn máy bắn đinh, Đầu khoan, Trục máy, Cần gạt đảo chiều, Vỏ chứa nhông, Cụm giữ mũi khoan, Bộ kẹp lưỡi, Hộp chứa bạc đạn, Nút bật công tắc, Óc vít, Chân nhôm, Dây curoa, Bộ Ốp lưỡi, Kẹp nhám, Súng xịt rửa, Dây xịt rửa, Nhông bắt xích.
• Trường hợp lạm dụng máy, quá tải, cắm nhầm nguồn điện, máy bị rơi vỡ, va đập, máy bị hư hỏng do các loại vật lạ lọt vào máy, sử dụng trong môi trường nước.
• Tự ý sửa chữa, cải tạo trên máy.
• Không thay thế phụ kiện linh kiện chính hãng Makita trong quá trình sử dụng sản phẩm.
• Nứt vỡ do quá trình vận chuyển và sử dụng gây ra.
• Sử dụng sai quy cách, bắt cần, hư hỏng do thiên tai hoặc bất kỳ tai nạn nào khác.
• Điện thế không ổn định, sử dụng dây dẫn dài và nhỏ.
• Không tuân thủ tài liệu hướng dẫn, sử dụng máy.
• Phụ tùng đã được bảo hành 01 lần trong thời gian bảo hành.
• Khách hàng không điền đầy đủ thông tin cần thiết đã được in sẵn trên phiếu bảo hành.
• Cố ý thay đổi nội dung của phiếu bảo hành hoặc sao chép mà không có sự chấp thuận của Makita.

Chú ý:
• *Khách hàng chịu chi phí vận chuyển máy được bảo hành (nếu có).*
• *Nếu mất phiếu bảo hành Makita sẽ không cấp lại.*

Liên Hệ
CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM.
Kho 06, Block 16, 18L1-2 Đường số 3, KCN VSIP II,
P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương.
Điện thoại: 0274-3628338 Fax: 0274-3628339
Website: www.makita.com.vn

PHIẾU BẢO HÀNH

CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM
Kho 06, Block 16, 18L1-2 Đường số 3, KCN VSIP II, Phường Hòa Phú,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 0274-3628338 - Ext: 103/104/105 Fax: 0274-3628339
Website: www.makita.com.vn

(Xin vui lòng gửi liên này cho cửa hàng để gửi về công ty Makita Việt Nam.)

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MAKITA VN TẠI MIỀN BẮC
Kho 5, số 1, đường số 6, Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP Bắc Ninh,
Xã Phù Chẩn, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
Điện thoại: 0222-3765942 - Ext: 111/112/114 Fax: 0222-3765941

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
102 Triệu Nữ Vương, Phường Hải Châu 2, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236-3525079 – 0236-3525179 Fax: 0236-3525479

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH CẦN THƠ
226 Võ Văn Kiệt, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292-3894358 Fax: 0292-3894359

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH BUÔN MA THUỘT
60 Y Jút, P.Thống Nhất, Tp.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Điện thoại: 0262-3554556 Fax: 0262-3554557

Công ty Makita Việt Nam xin chân thành cảm ơn Quý khách đã tín nhiệm,chọn mua sản phẩm Makita/Maktec. Mọi sản phẩm Quý khách đã mua đều được bảo hành trong vòng **6** tháng, đặc biệt đối với dòng sản phẩm **AVT** sẽ được bảo hành **12** tháng kể từ ngày mua, máy thổi hơi nóng bảo hành **3** tháng.

Quý khách vui lòng điền đầy đủ, chính xác thông tin vào thẻ bảo hành và phiếu đăng ký thông tin bảo hành

886108G2

PHIẾU BẢO HÀNH *(PHẦN KHÁCH HÀNG GIỮ)*

❶

Mã số thành viên (*)	

Lưu ý:
Đối với KH là thành viên: ghi mục ❶❸
Đối với KH không là thành viên: ghi mục ❷❸

❷

Khách hàng/ Doanh nghiệp (*)	Công ty AAA	Ngành nghề	
Điện thoại (*)	0650 3746 123	Fax	
Địa chỉ (*)	Hòa Lân-Thuận Giao-Thuận An-Bình Dương		
Người liên hệ	Nguyễn Văn A	Điện thoại	

❸

Mã số máy	6016	Chữ ký của Khách hàng
Số seri	0176898	Nguyễn Văn A
Ngày mua máy	...../...../ 2017	
Tên cửa hàng	Cửa hàng ABC	Chữ ký của cửa hàng *(Ký tên và đóng dấu)*
Địa chỉ cửa hàng	01 Đa Kao, Q.1, TP. HCM	CỬA HÀNG ABC

PHẦN ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

❶

Mã số thành viên (*)	

Lưu ý:
Đối với KH là thành viên: ghi mục ❶❸
Đối với KH không là thành viên: ghi mục ❷❸

❷

Khách hàng/Doanh nghiệp(*)	Công ty AAA	Ngành nghề	
Điện thoại (*)	0650 3746 123	Fax	0650 3746 124
Địa chỉ (*)	Hòa Lân-Thuận Giao-Thuận An-Bình Dương		
Người liên hệ	Nguyễn Văn A	Điện thoại	0903 123 567

❸

Mã số máy/Số seri	6016 / 0176898	Ngày mua máy	...../...../ 2017
Tên cửa hàng	Cửa hàng ABC	Địa chỉ	

1. Quý khách biết đến nhãn hiệu Makita trong trường hợp nào?
a. Đại lý bán hàng giới thiệu b. Bạn bè giới thiệu c. Khác
2. Mức độ hài lòng của Quý khách hàng đối với sản phẩm Makita đã mua:
a. Hài lòng b. Bình thường c. Không hài lòng
3. Nếu ở câu 2, quý khách đánh giá " không hài lòng " vui lòng cho biết lý do :
.....
.....
4. Theo quý khách, đối với sản phẩm mà quý khách đang sử dụng có cần cải thiện hạng mục nào hay không ?
.....
.....

Vui lòng điền chính xác các thông tin có dấu (*)

Thẻ thành viên MAKITA VIỆT NAM

Quý khách hàng có thể đăng ký thẻ thành viên trực tiếp tại website: **www.makita.com.vn/www.makitavn.com**

Điều kiện sử dụng thẻ:
Terms and Conditions

- ***Thẻ không chuyển nhượng. Makita Việt Nam có quyền xác minh danh tính chủ thẻ.***
  The card is not transferable. Makita Vietnam reserves the right to verify the card holder's identity for membership right.
- ***Thẻ chỉ áp dụng tại Việt Nam.***
  This card is only applicable in Vietnam.
- ***Nếu thẻ của bạn bị mất hoặc bị đánh cắp, vui lòng thông báo cho nhân viên Makita Việt Nam ngay lập tức.***
  If your card is lost or stolen, please inform Makita Vietnam staff immediately.
- ***Makita Việt Nam có toàn quyền thay đổi các điều khoản và điều kiện vào bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.***
  Makita Vietnam reserves the right to adjust the terms and conditions without prior notice.
- ***Quyết định của Makita Việt Nam là quyết định cuối cùng trong các vấn đề tranh chấp phát sinh.***
  All matters and disputes are subject to the final decision of Makita Vietnam.

Phone: 0650 362 8338
Website: www.makita.com.vn

Chữ ký chủ thẻ:
Signature

➤ Nhiều ưu đãi hấp dẫn

- Đối với khách hàng là thành viên, sẽ được giảm 50% tiền công sửa chữa khi mang máy tới sửa chữa tại TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG VÀ TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH CẦN THƠ
- Miễn phí hoàn toàn tiền công khi chỉ thay chổi than.

➤ Tiện lợi hơn

{không cần ghi thông tin khách hàng}

PHẦN KHÁCH HÀNG GIỮ

ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH

» Chế độ bảo hành chỉ được áp dụng cho các sản phẩm chính hãng Makita được nhập và phân phối bằng con đường chính thức tại thị trường Việt Nam.
» Tất cả các sản phẩm dụng cụ điện cầm tay Makita đều được bảo hành nếu máy hư hỏng do lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất.
» Chỉ có trung tâm bảo hành ủy nhiệm Makita mới có quyền sửa chữa bảo hành. Máy hư gửi đến trung tâm bảo hành phải còn nguyên vẹn chưa tháo ráp.
» Chế độ bảo hành sẽ được áp dụng cho tất cả các sản phẩm Makita - Maktec đã được cập nhật vào hệ thống quản lý bảo hành Makita bằng cách khách hàng gửi phiếu bảo hành liên 2 (câu hỏi thăm dò) có đầy đủ thông tin và chứng minh được ngày mua sản phẩm đến Makita.

THỜI HẠN BẢO HÀNH:
Sản phẩm được bảo hành **6** tháng kể từ ngày mua. Sản phẩm **AVT** sẽ được bảo hành **12** tháng. Máy thổi hơi nóng bảo hành **3** tháng.

KHÔNG ÁP DỤNG BẢO HÀNH ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP SAU:
• Các bộ phận hao mòn tự nhiên: Bạc đạn, Công tắc, Chổi than, Ô chổi than, Dây điện, Vỏ máy, Lò xo, Đai ốc, Đế máy, Vòng sin, Chắn gió, Vòng đệm, Piston, Thước dẫn máy bắn đinh, Đầu khoan, Trục máy, Cần gạt đảo chiều, Vỏ chứa nhông, Cụm giữ mũi khoan, Bộ kẹp lưỡi, Hộp chứa bạc đạn, Nút bật công tắc, Ốc vít, Chân nhôm, Dây curoa, Bộ Ốp lưỡi, Kẹp nhám, Súng xịt rửa, Dây xịt rửa, Nhông bắt xích.
• Trường hợp lạm dụng máy, quá tải, cắm nhầm nguồn điện, máy bị rơi vỡ, va đập, máy bị hư hỏng do các loại vật lạ lọt vào máy, sử dụng trong môi trường nước.
• Tự ý sửa chữa, cải tạo trên máy.
• Không thay thế phụ kiện linh kiện chính hãng Makita trong quá trình sử dụng sản phẩm.
• Nứt vỡ do quá trình vận chuyển và sử dụng gây ra.
• Sử dụng sai quy cách, bắt cắn, hư hỏng do thiên tai hoặc bất kỳ tai nạn nào khác.
• Điện thế không ổn định, sử dụng dây dẫn dài và nhỏ.
• Không tuân thủ tài liệu hướng dẫn, sử dụng máy.
• Phụ tùng đã được bảo hành 01 lần trong thời gian bảo hành.
• Khách hàng không điền đầy đủ thông tin cần thiết đã được in sẵn trên phiếu bảo hành.
• Cố ý thay đổi nội dung của phiếu bảo hành hoặc sao chép mà không có sự chấp thuận của Makita.

Chú ý:
• Khách hàng chịu chi phí vận chuyển máy được bảo hành (nếu có).
• Nếu mất phiếu bảo hành Makita sẽ không cấp lại.

Liên Hệ
CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM.
Kho 06, Block 16, 18L1-2 Đường số 3, KCN VSIP II,
P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương.
Điện thoại: 0274-3628338 Fax: 0274-3628339
Website: www.makita.com.vn

PHIẾU BẢO HÀNH

CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM
Kho 06, Block 16, 18L1-2 Đường số 3, KCN VSIP II, Phường Hòa Phú,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 0274-3628338 - Ext: 103/104/105 Fax: 0274-3628339
Website: www.makita.com.vn

(Xin vui lòng gửi liên này cho cửa hàng để gửi về công ty Makita Việt Nam.)

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MAKITA VN TẠI MIỀN BẮC
Kho 5, số 1, đường số 6, Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, Xã Phù Chẩn, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
Điện thoại: 0222-3765942 - Ext: 111/112/114 Fax: 0222-3765941

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
102 Triệu Nữ Vương, Phường Hải Châu 2, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236-3525079 – 0236-3525179 Fax: 0236-3525479

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH CẦN THƠ
226 Võ Văn Kiệt, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 0292-3894358 Fax: 0292-3894359

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH BUÔN MA THUỘT
60 Y Jút, P.Thống Nhất, Tp.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Điện thoại: 0262-3554556 Fax: 0262-3554557

Công ty Makita Việt Nam xin chân thành cảm ơn Quý khách đã tín nhiệm,chọn mua sản phẩm Makita/Maktec. Mọi sản phẩm Quý khách đã mua đều được bảo hành trong vòng **6** tháng, đặc biệt đối với dòng sản phẩm **AVT** sẽ được bảo hành **12** tháng kể từ ngày mua, máy thổi hơi nóng bảo hành **3** tháng.
Quý khách vui lòng điền đầy đủ, chính xác thông tin vào thẻ bảo hành và phiếu đăng ký thông tin bảo hành

886108G2

PHIẾU BẢO HÀNH *(PHẦN KHÁCH HÀNG GIỮ)*

Chỉ cần ghi Mã số Khách hàng

❶

Mã số thành viên (*)	000001

Lưu ý:
Đối với KH là thành viên: ghi mục ❶❸
Đối với KH không là thành viên: ghi mục ❷❸

❷

Khách hàng/ Doanh nghiệp (*)		Ngành nghề	
Điện thoại (*)		Fax	
Địa chỉ (*)			
Người liên hệ		Điện thoại	

❸

Mã số máy		Chữ ký của Khách hàng
Số seri		
Ngày mua máy		
Tên cửa hàng		Chữ ký của cửa hàng *(Ký tên và đóng dấu)*
Địa chỉ cửa hàng		

PHẦN ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

Chỉ cần ghi Mã số Khách hàng

❶

Mã số thành viên (*)	000001

Lưu ý:
Đối với KH là thành viên: ghi mục ❶❸
Đối với KH không là thành viên: ghi mục ❷❸

❷

Khách hàng/Doanh nghiệp(*)		Ngành nghề	
Điện thoại (*)		Fax	
Địa chỉ (*)			
Người liên hệ		Điện thoại	

❸

Mã số máy/Số seri	/	Ngày mua máy	
Tên cửa hàng		Địa chỉ	

1. Quý khách biết đến nhãn hiệu Makita trong trường hợp nào?
   a. Đại lý bán hàng giới thiệu b. Bạn bè giới thiệu c. Khác
2. Mức độ hài lòng của Quý khách hàng đối với sản phẩm Makita đã mua:
   a. Hài lòng b. Bình thường c. Không hài lòng
3. Nếu ở câu 2, quý khách đánh giá " không hài lòng " vui lòng cho biết lý do :
   .....
   .....
4. Theo quý khách, đối với sản phẩm mà quý khách đang sử dụng có cần cải thiện hạng mục nào hay không ?
   .....
   .....

Vui lòng điền chính xác các thông tin có dấu (*)

Trung tâm Bảo hành ủy nhiệm toàn quốc

Chúng tôi thường xuyên cập nhật thông tin các TTBH ủy nhiệm trên toàn quốc. Quý khách vui lòng xem thông tin mới nhất trên website: www.makita.com.vn

MIỀN BẮC

CHI NHÁNH CTY TNHH MAKITA VN TẠI MIỀN BẮC
Kho 05, Đường số 6, KCN - ĐT - DV VSIP Bắc Ninh,
X. Phù Chẩn, TX. Từ Sơn, T. Bắc Ninh.
ĐT: 0222 376 5942 Fax: 0222 376 5941

HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH MKT KHÁNH LINH
ĐC: Số 5, Ngõ 53 Nguyễn Khoái, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội.
ĐT: 024 3821 5620/0909 608 896 Fax: 024 3821 5620

CÔNG TY TNHH AN KHANG
ĐC: 206 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
ĐT: 024 3786 8088/024 3786 8089 Fax: 024 3786 8087

CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY VIỆT LINH
ĐC: Số 13 Yên Bái II, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
ĐT: 024 3821 2232/0903 281 007 Fax: 024 3976 4485

CÔNG TY TNHH TM SƠN LỆ
ĐC: Số 21 Phố Yên Bái II , P Phố Huế , Hai Bà Trưng , Hà Nội
ĐT: 0243 821 2179 / 0965 893 838 Fax: 0243 976 4304

CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG LIÊN
ĐC : Số 25 , Ngõ 85 , Đường Lĩnh Nam , P Mai Động , Q Hoàng Mai , Hà Nội
ĐT: 0243 633 0092

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY PHONG THU
ĐC: 91 Cống Giếng, ngã 3 Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội.
ĐT: 024 3367 2771/0943 979 575

CÔNG TY TNHH SX - TM - DV VIỆT HÙNG
ĐC: 115 Phố Ga, Thôn Đỗ Xá, Xã Vạn Điểm, Thường Tín , Hà Nội.
ĐT: 024 3385 4773/0972 293 678 Fax: 024 3378 3772

CÔNG TY TNHH XNK VÀ CÔNG NGHỆ HƯNG PHÁT
ĐC: Số 535 Minh Khai, Hai Bà Trưng , Hà Nội
ĐT: 0988 775 235 Fax: 0243 378 9912

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY BÌNH THÚY
ĐC: 135 Phố Ga, Thôn Đỗ Xá, Xã Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội.
ĐT: 024 3378 3832/0915 306 616 Fax: 024 3378 3832

CÔNG TY TNHH CỰ QUÂN
ĐC: 354 Quang Trung, La Khê, Hà Đông, Hà Nội.
ĐT: 024 382 7041/0968 379 888

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY LƯU HỒNG
ĐC: 90 Cống Giếng, Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội.
ĐT: 024 3392 9779/0912 354 512

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP WELDCOM
ĐC: 463 Ngô Gia Tự, P. Đức Giang, Q. Long Biên, Hà Nội.
ĐT: 0243 652 2752/0916 315 442

BẮC GIANG

CỬA HÀNG KÍM KHÍ ĐIỆN MÁY TRƯỜNG SƠN
ĐC: 22 Ngô Gia Tự, Trần Phú, TP. Bắc Giang.
ĐT: 0987 888 368 Fax: 0204 3824 578

TRUNG TÂM ĐIỆN MÁY PHƯƠNG ĐÔNG
ĐC: Thôn Đường Sơn, Xã Thường Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang.
ĐT: 0204 3873 196/0985 197 016 Fax: 0204 3873 196

BẮC KẠN

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY TOÀN OANH
ĐC: Tổ 6, P. Đức Xuân, TX. Bắc Kạn, Bắc Kạn.
ĐT: 0209 3870 229/0903 288 409

BẮC NINH

CÔNG TY TNHH PHƯƠNG HẢI
ĐC: Nội Trì, KP1, Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh.
ĐT: 0222 3835 513/0937 262 688/0934 212 007

CỬA HÀNG MINH ĐỨC
ĐC: Đường 286, X. Yên Phụ, H. Yên Phong, T. Bắc Ninh.
ĐT: 0985 018 684

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY PHÚ HẬU
ĐC: 302 Bình Than, T.T Gia Bình, Gia Bình, Bắc Ninh.
ĐT: 0222 3677 187/0912 932 605

CỬA HÀNG TRƯỜNG VINH
ĐC: Số 55, Phố chợ Giầu, Trần Phú, Đông Ngàn, Từ Sơn, Bắc Ninh.
ĐT: 0222 3831 025/0983 831 025

CAO BẰNG

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY HẢO NGUYÊN
ĐC: Ki ốt 58 chợ TT, TX. Cao Bằng, T. Cao Bằng.
ĐT: 0917 304 170 Fax: 0206 3855 296

ĐIỆN BIÊN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VŨ SOÁI ĐIỆN BIÊN
ĐC: Số 10, P. Nam Thanh, Điện Biên.
ĐT: 0215 3927 328/0972 786 688 Fax: 0215 3924 128

HÀ GIANG

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY HÙNG VÂN
ĐC: Tân Quang, Bắc Quang, Hà Giang.
ĐT: 0219 3827 405/0976 571 945 Fax: 0219 3827 405

HÀ NAM

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY TUẤN VÂN
ĐC: Thị Trấn Vĩnh Trụ, Tỉnh Hà Nam.
ĐT: 0226 3871 404/0912 065 034 Fax: 0226 3871 404

CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY HOÀNG ANH
ĐC: 238 Nguyễn Hữu Tiến, T. T. Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.
ĐT: 0915 428 900

HÀ TĨNH

CỬA HÀNG KIỀU VINH
ĐC: 57 Đường Hà Tôn Mục, Nam Hà, TP. Hà Tĩnh.
ĐT: 0239 3881 657/0915 166 836 Fax: 0239 3881 657

HẢI DƯƠNG

CÔNG TY TTHH MTV TB ĐIỆN MÁY THIÊN THANH
ĐC: 69 Trần Phú, TP. Hải Dương.
ĐT: 0220 3859 702/0912 117 733 Fax: 0220 3835 223

HÒA BÌNH

CỬA HÀNG DŨNG THƯƠNG
ĐC: 486 Bắc Hưng Đạo, TP. Hòa Bình.
ĐT: 0946 084 198

HƯNG YÊN

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY CẦN OANH
ĐC: Thị Trấn Bô Thời, Hồng Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên.
ĐT: 0983 270 098/0166 9966 199

LAI CHÂU

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY PHÚ MẠNH
ĐC: 192 Trần Phú, Thị xã Lai Châu, Tỉnh Lai Châu.
ĐT: 0213 3791 424/0915 910 424

LẠNG SƠN

CỬA HÀNG THẾ SINH
ĐC: 99 Ngô Quyền, P. Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn.
ĐT: 0962 681 668/0912 681 668/0984 197 888

LÀO CAI

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY ĐĂNG NGA
ĐC: 259 Khánh Yên, Phố Mới, Lào Cai.
ĐT: 0214 3835 602/0986 032 000 Fax: 0214 3835 602

NAM ĐỊNH

CỬA HÀNG KIM KHÍ ĐIỆN MÁY HƯƠNG VINH
ĐC: 78 Lê Hồng Phong, P. Nguyễn Du, Nam Định.
ĐT: 0912 283 254/0228 384 6583/0126 335 2083 Fax: 0228 386 3726

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY LÊ TUẤN ANH
ĐC: T. T. Xuân Trường, H. Xuân Trường, Nam Định.
ĐT: 0979 314 909/0228 388 5679

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SX&TM KHANH KHÁNH
ĐC: Khu A, Thị Trấn Lâm, Ý Yên, Nam Định.
ĐT: 0228 395 3813/0982 106 192 Fax: 0228 395 3813

CỬA HÀNG HÀ BÌNH
ĐC: Yên Tiến, Ý Yên, Nam Định.
ĐT: 0915 795 444/0914 436 193

TRUNG TÂM ĐIỆN MÁY ANH TUẤN
ĐC: Số 8, Đường Trường chinh, Phường Bà Triệu, TP Nam Định.
ĐT: 0986 663 284

NGHỆ AN

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY QUANG LÂM
ĐC: 51 Thái Phiên, P. Hồng Sơn, TP. Vinh, Nghệ An.
ĐT: 0238 3563 890/0913 312 394 Fax: 0238 3563 890

NINH BÌNH

CỬA HÀNG THỌ MINH
ĐC: 51 Thanh Sơn, Thanh Bình, TP. Ninh Bình.
ĐT: 0229 3873 149/0913 384 958

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY NGỌC ĐÔNG
ĐC: 131 Lê Đại Hành, P. Thanh Bình, TP. Ninh Bình.
ĐT: 0229 3881 281/0913 292 452

PHÚ THỌ

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY HẢI MỸ
ĐC: Số 30, Phú Bình, Thị xã Phú Thọ.
ĐT: 0166 831 2800/0210 382 0975

Trung tâm Bảo hành ủy nhiệm toàn quốc

Chúng tôi thường xuyên cập nhật thông tin các TTBH ủy nhiệm trên toàn quốc. Quý khách vui lòng xem thông tin mới nhất trên website: www.makita.com.vn

SƠN LA

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY NHI BIỀN
ĐC: Km 70, T.T. Nông Trường, Mộc Châu, Sơn La.
ĐT: 0912 324 731/0212 3869 760

CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY HUÂN LIÊN
ĐC: Km 19 T.T. Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Sơn La.
ĐT: 0988 553 899/0987 389 589/0212 844 311

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY NGÔ HÙNG
ĐC: 109 Tô Hiệu, Thành Phố Sơn La.
ĐT: 0982 557 007/0212 3858 890/0166 864 6872 Fax: 0212 3858 890

THÁI NGUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY GIANG NGA
ĐC: 18 P. Trung Thành, TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên.
ĐT: 0912 042 380/0208 3832 858 Fax: 0208 383 3870

CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY TRANG TRÚC MAI
ĐC: Tổ 3, P. Mỏ Chè, TP. Sông Công, Thái Nguyên.
ĐT: 0208 3709 185/0912 057 828

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY THIẾT BỊ PHỤ TÙNG HÙNG NGA
ĐC: Tổ 6, P Phan Đình Phùng, Tp Thái Nguyên, Thái Nguyên.
ĐT: 0913 972 888

THANH HÓA

CÔNG TY TNHH BẮC HẢI
ĐC: Số 2 Cửa Tả, P. Lam Sơn, TP. Thanh Hóa.
ĐT: 0904 287 478 Fax: 0237 3720 043

TUYÊN QUANG

CỬA HÀNG NGỌC HƯƠNG
ĐC: 165 Quang Trung, tổ 24, P. Tân Quang, TP. Tuyên Quang.
ĐT: 0917 361 464/0987 197 199 Fax: 0207 3827 015

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY HIỀN MINH
ĐC: Trung Tâm 1, T.T. Vĩnh Lộc, Chiêm Hóa, Tuyên Quang.
ĐT: 0207 3851 259 Fax: 0207 3851 259

VĨNH PHÚC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIM LỘC
ĐC: Tổ dân phố Công Bình, T.T. Thanh Lãng, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.
ĐT: 0211 386 6590/0168 390 1479 Fax: 0211 386 6590

YÊN BÁI

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY TRỌNG XUYẾN
ĐC: 106 Hoàng Hoa Thám, TP. Yên Bái.
ĐT: 0216 3862 809/0914 867 574 Fax: 0216 3862 809

CỬA HÀNG ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH ĐIỆN DÂN DỤNG THỦY CÔNG
ĐC: 230 Nguyễn Tất Thành, T.T .Yên Thế, Lục Yên, Yên Bái.
ĐT: 0216 3542 777/0912 003 456 Fax: 0216 3845 602

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CN HẢI PHÒNG
Số 15, Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
ĐT: 0225 8831 529

HẢI PHÒNG

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY TRẦN MẠNH
ĐC: Số 2, Phạm Hồng Thái, TP.Hải Phòng.
ĐT: 0225 3831 012/0912 446 033

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY TRƯỜNG TRUNG
ĐC: 443 Phạm Văn Đồng, Hải Thành, Dương Kinh, Tp. Hải Phòng.
ĐT: 0912 347 942 Fax: 0225 3632 681

CÔNG TY TNHH TM TỔNG HỢP BÔN PHÒNG
ĐC: 9A, Nguyễn Thái Học, Phạm Hồng Thái, Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.
ĐT: 0225 3838 605/0169 880 8888

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ PHÚ QUÝ
ĐC: Số 6, Phạm Hồng Thái, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.
ĐT: 0912 363 292/0919 258 500 Fax: 0225 3838 158

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY XUÂN THỤ
ĐC: 249 Trần Nhân Tông, Phường Nam Sơn, Kiến An, TP Hải Phòng
ĐT: 0904 149 437

QUẢNG NINH

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY HỒNG HIỀN
ĐC: Tổ 91, K. 6 Đường Mới, Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh.
ĐT: 0203 3714 999/0946 614 999 Fax: 0203 3714 999

CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN MÁY SƠN THỦY
ĐC: 82 Cao Thắng, TP. Hạ Long, Quảng Ninh.
ĐT: 0203 3626 224/0912 289 499 Fax: 0203 3629 290

CỬA HÀNG LÊ ĐÔN
ĐC: Phố thống nhất, TT Tiên Yên, Quảng Ninh
ĐT: 0203 3740 152/0915 563 225 Fax: 0203 3740 152

THÁI BÌNH

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY TUẤN HOA
ĐC: 170 Đường Lê Quý Đôn, TP. Thái Bình.
ĐT: 0904 535 533 Fax: 0227 3834 859

MIỀN TRUNG

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CN ĐÀ NẴNG
102 Triệu Nữ Vương, Phường Hải Châu 2,
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
ĐT: 0236 352 5079 - 0236 352 5179 Fax: 0236 352 5479

ĐÀ NẴNG

CN CÔNG TY TNHH TM DV TRẦN HÙNG PHÁT TẠI ĐÀ NẴNG
ĐC: 100B Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu, Đà Nẵng.
ĐT: 0236 3868 188/0905 851 720 Fax: 0236 3868 188

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÙNG SỸ
ĐC: 89 – 91 Triệu Nữ Vương,P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu,TP. Đà Nẵng.
ĐT: 0236 3962 629/0914 162 885

CÔNG TY TNHH HỮU TOÀN GROUP - CHI NHÁNH MIỀN TRUNG
ĐC: Thửa số 31 võ chí công, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.
ĐT: 0236 3619 666/0901 928 046 Fax: 0236 3720 922

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN TÚ
ĐC: 141 Nguyễn Văn Linh , P Nam Dương, Q Hải Châu, Tp Đà Nẵng
ĐT: 0236 3 868 218/0236 3 868 219/0979 024 030 Fax: 0236 3868 219

QUẢNG BÌNH

CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY BÌNH BƯƠI
ĐC: 136 Quang Trung, P. Phú Hải, TP. Đồng Hới, Quảng Bình.
ĐT: 0232 3823 588/0935 301 167

CỬA HÀNG XUÂN MINH (HỘ KD CÁ THỂ XUÂN MINH)
ĐC: 190 Lê Lợi, Xã Đức Ninh, TP. Đồng Hới, Quảng Bình.
ĐT: 0232 385 6651/0979 507 651

ĐIỆN MÁY CƯỜNG HUỆ (CT TNHH THƯƠNG MẠI CƯỜNG HUỆ)
ĐC: 386-388 Trần Hưng Đạo, TK 11, Nam Lý, Đồng Hới, Quảng Bình.
ĐT: 0232 3825 616/0913 376 573

QUẢNG NGÃI

CÔNG TY TNHH MTV TM DV - SONG THÀNH - HUY HOÀNG
ĐC: 235 Quang Trung, P. Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi.
ĐT: 0914 158 135/0977 609 899

CỬA HÀNG THUẬN KHOA (DNTN THUẬN KHOA)
ĐC: 108-110 Nguyễn Nghiêm, Nghĩa Chánh, Quảng Ngãi.
ĐT: 0255 3824 169/0914 091 095

QUẢNG NAM

CỬA HÀNG NGỌC PHƯỚC
ĐC: 94 Hùng Vương, T.T Ái Nghĩa, H. Đại Lộc, Quảng Nam.
ĐT: 0235 3865 655/0905 164 000 Fax: 0235 3865 666

ĐIỆN CƠ TIẾN
ĐC: 687 Phan Chu Trinh, P. Hòa Hương, TP. Tam Kỳ, Quảng Nam.
ĐT: 0935 464 890

QUẢNG TRỊ

ĐIỆN CƠ HỒNG LINH (NGUYỄN BÁ LINH)
ĐC: Số 199 Lê Duẩn, Phường 2, TP. Đông Hà, Quảng Trị.
ĐT: 0233 3853 902/0935 880778

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂM THƠ
ĐC: 113 Lê Duẩn, P. Đông Lễ, TP. Đông Hà, Quảng Trị.
ĐT: 0233 3852 777/0917 601 559

Trung tâm Bảo hành ủy nhiệm toàn quốc

Chúng tôi thường xuyên cập nhật thông tin các TTBH ủy nhiệm trên toàn quốc. Quý khách vui lòng xem thông tin mới nhất trên website: www.makita.com.vn

THỪA THIÊN HUẾ

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐIỆN CƠ LÊ QUANG
ĐC: 04 Trần Nhân Tông, TP. Huế, Thừa Thiên Huế.
ĐT: 0234 2851 243/0984 843 635

HỘ KINH DOANH CỬA HÀNG NHÂN THANH
ĐC: TL 10, Thôn Ngọc Anh, xã Phú Thượng, Phú Quang, Thừa Thiên Huế.
ĐT: 0914 481 183

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CN NHA TRANG
ĐC: 1053 Đường 2 tháng 4, P. Vạn Thạnh, Tp. Nha Trang, Khánh
ĐT: 0258 3823 338

KHÁNH HÒA

ĐIỆN CƠ THANH DŨNG (LƯƠNG THANH DŨNG)
ĐC: 53 Phạm Văn Đồng, P. Cam Thuận, TP. Cam Ranh, Khánh Hòa.
ĐT: 0258 6260 258/0914 019 779 Fax: 0258 6260 258

CỬA HÀNG TÂN QUỲNH
ĐC: 31B Đường 2/4, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.
ĐT: 0258 3813 856/0903 590 872 Fax: 0258 3827 793

CỬA HÀNG HỮU PHƯỚC
ĐC: Tổ Dân phố Hương Long, P. Ba Ngòi, TP.Cam Ranh, Khánh Hoà.
ĐT: 0258 3855 600/0905 230 844

DN TN TM - DV HÙNG HOA NHA TRANG
ĐC: 30 Sinh Trung, P. Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Khánh Hoà.
ĐT: 0258 3817 633/0989 976 095

PHÚ YÊN

CỬA HÀNG THANH TRÍ (HỘ KINH DOANH THANH TRÍ)
ĐC: 05 Nguyễn Thái Học, TP. Tuy Hòa, Phú Yên.
ĐT: 0257 3822 697/0905 397 137

CTY TNHH TM VÀ SỬA CHỮA ĐIỆN THÀNH NGHĨA
ĐC: 39 Lê Lợi, P. 2, TP. Tuy Hòa, Phú Yên.
ĐT: 0905 261 774 Fax: 0257 381 4962

BÌNH ĐỊNH

CỬA HÀNG PHÚC HUỆ (CÔNG TY TNHH TM & DV DIỄM PHÁT)
ĐC: 773 Trần Hưng Đạo, P. Lê Hồng Phong, T.P Quy Nhơn, Bình Định.
ĐT: 0256 3815 029/0983 815 029 Fax: 0256 3815 029

CÔNG TY TNHH TM & DV LÊ NGUYỄN (C.H MINH HIỀN)
ĐC: 1680 Hùng Vương, TP. Quy Nhơn, Bình Định.
ĐT: 0935 185 799/0914 28 29 28 Fax: 0256 3941 181

CỬA HÀNG NGHIỆP THÀNH 2
ĐC: 361-363 Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, Bình Định.
ĐT: 0256 3811 908/0938 38 38 43

BÌNH THUẬN

CỬA HÀNG ĐIỆN CƠ HÙNG
ĐC: 591 Trần Hưng Đạo, P. Lạc Đạo, TP. Phan Thiết, Bình Thuận.
ĐT: 0252 2460 077/0918 510 332 Fax: 0252 3720 906

NINH THUẬN

CỬA HÀNG ANH VŨ 3
ĐC: 166 Thống Nhất, P. Phủ Hà, Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận.
ĐT: 0259 3821 944/0913 899 170 Fax: 0259 3833 696

CÔNG TY TNHH HÙNG LỢI NINH THUẬN
ĐC: 350-352 Thống Nhất, Phủ Hà, Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận.
ĐT: 0259 3832 015/0913 839 260

TÂY NGUYÊN

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CN BUÔN MÊ THUỘT
60 Y Jút, P.Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
ĐT: 0262 355 4556 Fax: 0262 355 4557

ĐĂK LĂK

CỬA HÀNG VĂN ANH
ĐC: 88 Điện Biên Phủ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.
ĐT: 0262 3844 877/0943 749 777 Fax: 0262 3854 647

CỬA HÀNG CHÂU MAI - TÝ VY
ĐC: 120 Lê Hồng Phong, P.Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk.
ĐT: 0262 3853 820/0913 479 400

CỬA HÀNG THĂNG LONG
ĐC: 588 Giải Phóng, Ea D'răng, H. Ea H'leo, T. Đắk Lắk.
ĐT: 0262 2221 931 Fax: 0262 377 7722

CỬA HÀNG TÂN CHÂU (HỘ KD TÂN CHÂU DŨNG)
ĐC: 73 Nguyễn Tất Thành, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk.
ĐT: 0936 666 909

ĐẮK NÔNG

CỬA HÀNG LẮC NHỎ
ĐC: 14 Nguyễn Tất Thành, T.T Đắk Mil, H. Đắk Mil, Đắk Nông.
ĐT: 0261 628 3183/ 0943 342 020 Fax: 0261 374 1111

CỬA HÀNG MINH TỤ
ĐC: 160 Tôn Đức Thắng, P. Nghĩa Thành, TX. Gia Nghĩa, Đắk Nông.
ĐT: 0935 595 559

GIA LAI

CỬA HÀNG BẢO THẮNG (THÁI THỊ TÀI)
ĐC: 90 Trần Phú, P. Diên Hồng, TP. Pleiku, Gia Lai.
ĐT: 0269 3828 116/0983 723 292

CỬA HÀNG ĐỨC CHÍ (DNTN CHÍ THÀNH)
ĐC: 83 Nguyễn Tất Thành, Phường Hoa Lư, TP. Pleiku, Gia Lai.
ĐT: 0269 3823 028/0913 408 412 Fax: 0269 3823 582

KON TUM

ĐIỆN CƠ – ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VINH DUY
ĐC: 359 Bà Triệu, TP. Kon Tum, Kon Tum.
ĐT: 0260 2212 133/0905 303 366 Fax: 0260 2212 133

CỬA HÀNG DANH
ĐC: 146 Nguyễn Huệ, TP. Kon Tum, Kon Tum.
ĐT: 0913 446 446

LÂM ĐỒNG

ĐIỆN CƠ ÁNH SÁNG
ĐC: 32 Phan Đình Phùng, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng.
ĐT: 0913 65 88 51 Fax: 056 3794 625

CỬA HÀNG ĐIỆN CƠ VŨ (NGUYỄN THANH VŨ)
ĐC: 34 Lê Quý Đôn, P. 5, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng.
ĐT: 0263 3834 823/0913 188 569

CỬA HÀNG ĐẠT THÀNH (HỘ KINH DOANH VÒNG SI MÚI)
ĐC: 61 Hai Bà Trưng, TT. Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, Lâm Đồng.
ĐT: 0263 3841 618/0983 005 000

C.H MÁY NÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH (HKD NGUYỄN VĂN CẢNH)
ĐC: 1066 Hùng Vương, H. Di Linh, Lâm Đồng.
ĐT: 0263 3871 363/0918 785 335

CỬA HÀNG HẢI NAM (HỘ KINH DOANH NGUYỄN VĂN NAM)
ĐC: 128 Trần Phú, Phường Lộc Sơn, Tp. Bảo Lộc, Lâm Đồng
ĐT: 0903 362 562

Trung tâm Bảo hành ủy nhiệm toàn quốc

Chúng tôi thường xuyên cập nhật thông tin các TTBH ủy nhiệm trên toàn quốc. Quý khách vui lòng xem thông tin mới nhất trên website: www.makita.com.vn

MIỀN NAM

CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM
Kho 06, Block 16, 18L1-2 Đường số 3, KCN Vsip II, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương.
ĐT: 0274 362 8338 Fax: 0274 362 8339

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CN HỒ CHÍ MINH
12 Trịnh Văn Cấn, P. Cầu Ông Lãnh, Q.1, Tp. HCM
ĐT: 0283 821 5191

CÔNG TY TNHH TM - DV BÁCH KHOA POWER TOOLS
ĐC: 98 Bùi Hữu Nghĩa, P. 2, Q. Bình Thạnh, TP. HCM.
ĐT: 0907 992 357

CÔNG TY THHH TM - DV-SX LAN ANH
ĐC: 70 Quang Trung, P. 10, Quận Gò Vấp, TP HCM.
ĐT: 028 3984 3984/0903 390 350 Fax: 028 3894 3905

CÔNG TY TNHH KIM MINH C.L
ĐC: 95B Trịnh Hoài Đức, P. 13, Q. 5, TP. HCM.
ĐT: 028 3853 5323/0983 270 351 Fax: 028 3856 3809

CÔNG TY TNHH TM DV TRẦN HÙNG PHÁT
ĐC: 339 Bến Bình Đông, P. 11, Q. 8, TP. Hồ Chí Minh .
ĐT: 028 3951 6368 Fax: 028 3951 6378

CÔNG TY TNHH TRƯƠNG HUỲNH ANH
ĐC: 178 Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM.
ĐT: 028 3821 3324 Fax: 028 3914 4996

CÔNG TY TNHH ĐIỆN CƠ ANH HỘI
ĐC: 157 Đặng Thúc Vịnh, Ấp. 7, Đông Thạnh, Hóc Môn, TP. HCM.
ĐT: 028 3711 5812/0919 047 193 Fax: 028 3711 5812

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ANH PHÚ
ĐC: 1244 Lạc Long Quân, P. 8, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
ĐT: 028 3971 2412/0908 374 035 Fax: 028 3971 6899

CÔNG TY TNHH TM DV CƠ ĐIỆN NGỌC THUỶ
ĐC: 18/1B Huỳnh Tấn Phát, KP. 2, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM.
ĐT: 028 3773 1267 Fax: 028 3773 1267

CÔNG TY TNHH TM DV LQ
ĐC: 89 Đường 49, KP. 8, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP.HCM.
ĐT: 0903 318946/0903 023856/028 2253 5862 Fax: 028 2253 6862

CÔNG TY TNHH TM TUẤN GIA MINH
ĐC: 10-12 Đường 59, P.10, Q. 6, TP. HCM.
ĐT: 028 3859 1896

HỘ KINH DOANH ĐIỆN CƠ TOÀN CẦU
ĐC: Số 317, Tỉnh lộ 8, Tổ 1, KP 3,TT Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.HCM
ĐT: 0982 344 776

BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỬA HÀNG DIỄM DIỄM
ĐC: 210 Thống Nhất, P. 8, TP. Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu.
ĐT: 0254 3600 666/0907 410 345

ĐIỆN CƠ - ĐIỆN CÔNG NGHIỆP HUỲNH
ĐC: 99 Bạch Đằng, P. Phước Trung, TP. Bà Rịa, Bà Rịa - Vũng Tàu.
ĐT: 0943 698 317/0903 698 317 Fax: 0254 3827 787

CÔNG TY TNHH DV - TM QUỐC HƯNG
ĐC: 168 Trương Công Định, P. 3, TP. Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu.
ĐT: 0254 3513 478/0125 341 7479 Fax: 0254 3533 707

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TM - TH QUỲNH VŨ
ĐC: 52 Độc Lập, Khu Phố Ngọc Hà, Phường Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: 0254 3893 257/0913 665 022 Fax: 0254 3921 196

BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH TM - DV ĐIỆN CƠ HUY
ĐC: 1/18 Hòa Lân 1, Thuận Giao, TX. Thuận An, Bình Dương.
ĐT: 0274 3719 444 - 0913 933 695

CÔNG TY TNHH HỮU TOÀN VIỆT NAM
ĐC: 5/219 Tổ 4A, KP. Hòa Lân 1, Thuận Giao, Thuận An, Bình Dương.
ĐT: 0274 3746 590

CÔNG TY CP VẬT TƯ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP THIÊN PHÁT
ĐC: 184A, KP. 1, P. An Phú, TX. Thuận An, Bình Dương.
ĐT: 0274 3764 850/0908 388 043 Fax: 0274 3764 851

CÔNG TY TNHH MTV ĐẠI TRUNG HIẾU
ĐC: 1248, KP. 4, P. Mỹ Phước, TX Bến Cát, Bình Dương.
ĐT: 0274 3553 208 Fax: 0274 3557 208

BÌNH PHƯỚC

CỬA HÀNG KIM KHÍ ĐIỆN MÁY DŨNG SỸ
ĐC: 990 - 992 Phú Riềng Đỏ, P. Tân Thiện, TX. Đồng Xoài, Bình Phước.
ĐT: 0271 388 1266/0902 307 307 Fax: 0271 3881 266

ĐỒNG NAI

CỬA HÀNG NGỌC KHÁNH
ĐC: 62/7C, KP. 5A, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.
ĐT: 0836 122 355 / 0251 3881 417

CỬA HÀNG TÍN THÀNH (CÔNG TY TNHH ĐÀO PHẠM TÍN)
ĐC: 121B/4 QL. 1A, KP. 10, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.
ĐT: 0903 673 202

TÂY NINH

ĐIỆN CƠ XUÂN DUYÊN
ĐC: 837-839-841 CMT8, TP. Tây Ninh, T. Tây Ninh.
ĐT: 0276 3842 030/0982 842 030 Fax: 0276 3831 565

ĐIỆN CƠ CÔNG DANH
ĐC: Tổ 19, Ấp Suối Sâu, H. Trảng Bàng, T. Tây Ninh.
ĐT: 0276 3899 604/0908 711 919

CÔNG TY TNHH TM-DV-XNK DUY PHÁT
ĐC: 754 CMT8, KP. 1, P. 4, TP. Tây Ninh, T. Tây Ninh.
ĐT: 0276 3626 488/0913 798 379 Fax: 0276 3626 499

MIỀN TÂY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CN CẦN THƠ
226 Võ Văn Kiệt, Phường An Thới,
Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
ĐT: 0292 389 4358 Fax: 0292 389 4359

AN GIANG

CỬA HÀNG LÊ THANH
ĐC: 247A Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, An Giang.
ĐT: 0296 6250 020/0918 760 026 Fax: 0296 6253 051

BẠC LIÊU

CỬA HÀNG VĨNH KHIÊM (LÂM THỊ BẤU)
ĐC: 16A Phan Ngọc Hiển, Khóm. 2, P. 3, Bạc Liêu.
ĐT: 0291 382 1134/0939 667 979

BẾN TRE

ĐIỆN CƠ NGÀN
ĐC: 148 Nguyễn Huệ, P. 1, TP. Bến Tre, T. Bến Tre.
ĐT: 0275 3826 861/ 0918 228 738

CÀ MAU

CÔNG TY TNHH MTV VĨNH TÀI
ĐC: Số 2/2, Đường Lý Bôn, P. 2, TP. Cà Mau, Cà Mau.
ĐT: 0290 6542 889/0919 135 790 Fax: 0290 3835 599

CẦN THƠ

CÔNG TY TNHH MTV NGỌC MỸ
ĐC: 190 Nguyễn An Ninh, P. Tân An, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
ĐT: 0292 3814 763/0933 757 579 Fax: 0292 381 4763

CỬA HÀNG THANH HOÀNG
ĐC: 87 Phan Đình Phùng, P.Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
ĐT: 0292 381 5843/0937 174 561 Fax: 0292 381 5843

CÔNG TY TNHH TÂN TIẾN
ĐC: 140 đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
ĐT: 0292 3739 255/0908 631 070 Fax: 0292 3730 683

ĐỒNG THÁP

CỬA HÀNG BẢY KOHLER
ĐC: 73-74-75, Chợ Cao Lãnh, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp.
ĐT: 0977 268 679

HKD LONG HOÀNG DUY (HỘ KD NGUYỄN HOÀNG DUY)
ĐC: 124 Cách Mạng Tháng Tám, P. 2, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp.
ĐT: 0277 3870 808

HẬU GIANG

CỬA HÀNG TÍN HOÀ (LÂM VĂN HẮC)
ĐC: 405 Trần Hưng Đạo, KP. 2, P. 1, TP. Vị Thanh, Hậu Giang.
ĐT: 0939 835 835

KIÊN GIANG

CỬA HÀNG TM SÁU ĐIỆP (HỘ KD ĐÀO VĂN VINH)
ĐC: 81 Trần Phú, TP. Rạch Giá, Kiên Giang.
ĐT: 0297 3867 790/0918 323 423

Trung tâm Bảo hành ủy nhiệm toàn quốc

Chúng tôi thường xuyên cập nhật thông tin các TTBH ủy nhiệm trên toàn quốc. Quý khách vui lòng xem thông tin mới nhất trên website: www.makita.com.vn

CỬA HÀNG THÁI PHƯƠNG
ĐC: Đ. Hùng Vương, Tổ. 1, KP. 1, TT Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang.
ĐT: 0908 233 353 Fax: 0297 3836 757

CỬA HÀNG ĐỨC TOÀN (CÔNG TY TNHH GẤU VUA)
ĐC: 233 Nguyễn Trung Trực, KP 5, T.T Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang.
ĐT: 0936 148 900

LONG AN

CỬA HÀNG VIỆT TRUNG 2
ĐC: 51 QL. 62, P. 2, TX. Tân An, Long An.
ĐT: 0272 3836 757/0903 188 999

CÔNG TY TNHH MTV THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ KIM CHÂU
ĐC: 217 Quốc lộ N2, TT Hậu Nghĩa, Huyện Đức Hòa, Long An
ĐT: 0977 451 617

SÓC TRĂNG

CỬA HÀNG TRẦN LIÊN HƯNG (DNTN HỒNG PHÚ THÀNH)
ĐC: 95 Đường 3/2, Phường 1, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh. Sóc Trăng
ĐT: 0299 3855 666 / 0299 3600 996 Fax: 0299 3614 224

TIỀN GIANG

CỬA HÀNG VĨNH HƯNG (TIỆM VĨNH HƯNG)
ĐC: 123 Trưng Trắc, P. 1, TP. Mỹ Tho, T.Tiền Giang.
ĐT: 0273 3585 985 Fax: 0273 3882 200

CỬA HÀNG HÙNG VÂN (CÔNG TY TNHH PHÁT MINH)
ĐC: 11 Lý Công Uẩn, P. 1, TP. Mỹ Tho, T. Tiền Giang.
ĐT: 0273 3883 577/0977 374 333 Fax: 0273 3977 059

TRÀ VINH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGÔ THÀNH LỢI
ĐC: 7 Trần Phú, Khóm. 6, P. 6, TP. Trà Vinh, T. Trà Vinh.
ĐT: 0294 3856 569

CỬA HÀNG THÀNH TÂM
ĐC: 98 Bạch Đằng, Khóm. 5, P. 4, TP. Trà Vinh, T. Trà Vinh.
ĐT: 0913 790 891

VĨNH LONG

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYÊN DŨNG PHÁT
ĐC: 64A Lưu Văn Liệt, P. 2, TP. Vĩnh Long, T. Vĩnh Long.
ĐT: 0270 3820 137/0918 556 289 Fax: 0270 3863 066

Cảnh báo an toàn chung cho dụng cụ máy

CẢNH BÁO! Đọc tất cả các cảnh báo an toàn và hướng dẫn. Việc không tuân theo các cảnh báo và hướng dẫn có thể dẫn đến điện giật, hoả hoạn và/hoặc thương tích nghiêm trọng.
Lưu giữ tất cả cảnh báo và hướng dẫn để tham khảo sau này.
Thuật ngữ "dụng cụ máy" trong các cảnh báo đề cập đến dụng cụ máy (có dây) được vận hành bằng nguồn điện chính hoặc dụng cụ máy (không dây) được vận hành bằng pin của bạn.

An toàn tại nơi làm việc

1. Giữ nơi làm việc sạch sẽ và có đủ ánh sáng.
Nơi làm việc bừa bộn hoặc tối thường dễ gây ra tai nạn.

2. Không vận hành dụng cụ máy trong môi trường cháy nổ, ví dụ như môi trường có sự hiện diện của các chất lỏng, khí hoặc bụi dễ cháy. Các dụng cụ máy tạo tia lửa điện có thể làm bụi hoặc khí bốc cháy.

3. Giữ trẻ em và người ngoài tránh xa nơi làm việc khi đang vận hành dụng cụ máy. Sự xao lãng có thể khiến bạn mất khả năng kiểm soát.

An toàn về điện

4. Phích cắm của dụng cụ máy phải khớp với ổ cắm.
Không bao giờ được sửa đổi phích cắm theo bất kỳ cách nào. Không sử dụng bất kỳ phích chuyển đổi nào với các dụng cụ máy được nối đất (tiếp đất). Các phích cắm còn nguyên vẹn và ổ cắm phù hợp sẽ giảm nguy cơ điện giật.

5. Tránh để cơ thể tiếp xúc với các bề mặt nối đất hoặc tiếp đất như đường ống, bộ tản nhiệt, bếp ga và tủ lạnh. Nguy cơ bị điện giật sẽ tăng lên nếu cơ thể bạn được nối đất hoặc tiếp đất.

6. Không để dụng cụ máy tiếp xúc với mưa hoặc trong điều kiện ẩm ướt. Nước lọt vào dụng cụ máy sẽ làm tăng nguy cơ điện giật.

7. Không lạm dụng dây. Không bao giờ sử dụng dây để mang, kéo hoặc tháo phích cắm dụng cụ máy.
Giữ dây tránh xa nguồn nhiệt, dầu, các mép sắc hoặc các bộ phận chuyển động. Dây bị hỏng hoặc bị rối sẽ làm tăng nguy cơ điện giật.

8. Khi vận hành dụng cụ máy ngoài trời, hãy sử dụng dây kéo dài phù hợp cho việc sử dụng ngoài trời. Việc dùng dây phù hợp cho việc sử dụng ngoài trời sẽ giảm nguy cơ điện giật.

9. Nếu bắt buộc phải vận hành dụng cụ máy ở nơi ẩm ướt, hãy sử dụng nguồn cấp điện được bảo vệ bằng thiết bị ngắt dòng điện rò (RCD). Việc sử dụng RCD sẽ giảm nguy cơ điện giật.

10. Chúng tôi luôn khuyên bạn sử dụng nguồn cấp điện qua thiết bị RCD có thể ngắt dòng điện dư định mức 30 mA hoặc thấp hơn.

An toàn cá nhân

11. Luôn tỉnh táo, quan sát những việc bạn đang làm và sử dụng những phán đoán theo kinh nghiệm khi vận hành dụng cụ máy. Không sử dụng dụng cụ máy khi bạn đang mệt mỏi hoặc chịu ảnh hưởng của ma tuý, rượu hay thuốc. Chỉ một khoảnh khắc không tập trung khi đang vận hành dụng cụ máy cũng có thể dẫn đến thương tích cá nhân nghiêm trọng.

12. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân. Luôn đeo thiết bị bảo vệ mắt. Các thiết bị bảo hộ như mặt nạ chống bụi, giày an toàn chống trượt, mũ bảo hộ hay thiết bị bảo vệ thính giác được sử dụng trong các điều kiện thích hợp sẽ giúp giảm thương tích cá nhân.

13. Tránh vô tình khởi động dụng cụ máy. Đảm bảo công tắc ở vị trí off (tắt) trước khi nối nguồn điện và/hoặc bộ pin, cầm hoặc mang dụng cụ máy. Việc mang dụng cụ máy khi đang đặt ngón tay ở vị trí công tắc hoặc cấp điện cho dụng cụ máy đang bật thường dễ gây ra tai nạn.

14. Tháo mọi khoá hoặc chìa vặn điều chỉnh trước khi bật dụng cụ máy. Việc chìa vặn hoặc khoá vẫn còn gắn vào bộ phận quay của dụng cụ máy có thể dẫn đến thương tích cá nhân.

15. Không với quá cao. Luôn giữ thăng bằng tốt và có chỗ để chân phù hợp. Điều này cho phép điều khiển dụng cụ máy tốt hơn trong những tình huống bất ngờ.

16. Ăn mặc phù hợp. Không mặc quần áo rộng hay đeo đồ trang sức. Giữ tóc, quần áo và găng tay tránh xa các bộ phận chuyển động. Quần áo rộng, đồ trang sức hay tóc dài có thể mắc vào các bộ phận chuyển động.

17. Nếu các thiết bị được cung cấp để kết nối các thiết bị thu gom và hút bụi, hãy đảm bảo chúng được kết nối và sử dụng hợp lý. Việc sử dụng thiết bị thu gom bụi có thể làm giảm những mối nguy hiểm liên quan đến bụi.

Sử dụng và bảo quản dụng cụ máy

18. Không dùng lực đối với dụng cụ máy. Sử dụng đúng dụng cụ máy cho công việc của bạn. Sử dụng đúng dụng cụ máy sẽ giúp thực hiện công việc tốt hơn và an toàn hơn theo giá trị định mức được thiết kế của dụng cụ máy đó.

19. Không sử dụng dụng cụ máy nếu công tắc không bật và tắt được dụng cụ máy đó. Mọi dụng cụ máy không thể điều khiển được bằng công tắc đều rất nguy hiểm và cần được sửa chữa.

20. Rút phích cắm ra khỏi nguồn điện và/hoặc ngắt kết nối bộ pin khỏi dụng cụ máy trước khi thực hiện bất kỳ công việc điều chỉnh, thay đổi phụ tùng hay cất giữ dụng cụ máy nào. Những biện pháp an toàn phòng ngừa này sẽ giảm nguy cơ vô tình khởi động vô tình dụng cụ máy.

21. Cất giữ các dụng cụ máy không sử dụng ngoài tầm với của trẻ em và không cho bất kỳ người nào không có hiểu biết về dụng cụ máy hoặc các hướng dẫn này vận hành dụng cụ máy. Dụng cụ máy sẽ rất nguy hiểm nếu được sử dụng bởi những người dùng chưa qua đào tạo.

22. Bảo quản dụng cụ máy. Kiểm tra tình trạng lệch trục hoặc bó kẹp của các bộ phận chuyển động, hiện tượng nứt vỡ của các bộ phận và mọi tình trạng khác mà có thể ảnh hưởng đến hoạt động của dụng cụ máy. Nếu có hỏng hóc, hãy sửa chữa dụng cụ máy trước khi sử dụng. Nhiều tai nạn xảy ra là do không bảo quản tốt dụng cụ máy.

23. Luôn giữ cho dụng cụ cắt được sắc bén và sạch sẽ.
Những dụng cụ cắt được bảo quản tốt có mép cắt sắc sẽ ít bị kẹt hơn và dễ điều khiển hơn.

24. Sử dụng dụng cụ máy, phụ tùng và đầu dụng cụ cắt, v.v... theo các hướng dẫn này, có tính đến điều kiện làm việc và công việc được thực hiện. Việc sử dụng dụng cụ máy cho các công việc khác với công việc dự định có thể gây nguy hiểm.

Bảo dưỡng

25. Để nhân viên sửa chữa đủ trình độ bảo dưỡng dụng cụ máy của bạn và chỉ sử dụng các bộ phận thay thế đồng nhất. Việc này sẽ đảm bảo duy trì được độ an toàn của dụng cụ máy.

26. Tuân theo hướng dẫn dành cho việc bôi trơn và thay phụ tùng.

27. Giữ tay cầm khô, sạch, không dính dầu và mỡ.

Thương hiệu Makita/Maktec đã được đăng ký bản quyền tại Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới theo luật định quốc tế. Nghiêm cấm việc sử dụng trái phép dưới mọi hình thức.

CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM

Kho 06, Block 16, 18L1-2 Đường số 3, KCN VSIP II, Phường Hòa Phú,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại : 0274 3628 338 Fax : 0274 3628 339
Website : www.makita.com.vn / www.makitavn.com

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MAKITA VN TẠI MIỀN BẮC

Kho 5, số 1, Đường số 6, KCN - ĐT - DV VSIP Bắc Ninh,
Xã Phù Chẩn, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại : 0222 3765 942 Fax : 0222 3765 941

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Số 15, Phố Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại : 0225 8831 529

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

102 Triệu Nữ Vương, Phường Hải Châu 2, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : 0236 3525 079 – 0236 3525 179 Fax : 0236 3525 479

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH NHA TRANG

1053 Đường 2 tháng 4, Phường Vạn Thạnh, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại : 0258 3823 338

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH BUÔN MA THUỘT

60 Y Jút, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại : 0262 3554 556 Fax : 0262 3554 557

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Số 12 Trịnh Văn Cấn, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028 3821 5191

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

226 Võ Văn Kiệt, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại : 0292 3894 358 Fax : 0292 3894 359